DỊCH KINH ĐẠI TOÀN
易經大全

TẬP II

THƯỢNG KINH

ĐẠO NGƯỜI QUÂN TỬ

CÁCH GIẢI QUYẾT NHỮNG
KHÓ KHĂN TRONG ĐỜI SỐNG
ÁP DỤNG VÀO THỜI ĐẠI

BÁC SĨ NGUYỄN VĂN THỌ
HUYỀN LINH YẾN LÊ

THƯỢNG KINH

Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ & Huyền Linh Yến Lê

LỜI NÓI ĐẦU

Trước khi vào các quẻ Dịch, tôi có mấy lời trình bầy cùng quí vị độc giả. Tôi đã dùng nhiều năm để nghiên cứu về Dịch, và thấy nó mang lại cho tôi một đời sống tâm linh phong phú .

Tôi nghĩ rằng: **Dịch là biến thiên, linh động, tùy thời xử thế.** Dịch là đi theo đúng đường lối, đúng chiều hướng của Trời đất, nên tôi đã cố tìm hiểu mạch lạc các quẻ Dịch, đã cố dịch các quẻ chính kinh chữ Hán ra chữ Việt bằng văn vần (thơ), và bình giảng các quẻ bằng văn xuôi. Tôi đã nghiên cứu Dịch, viết Dịch, giảng dạy Kinh Dịch nhiều năm ở Đại Học Minh Đức, và đã mở nhiều khóa dạy Dịch cho nhiều lứa tuổi, ở trong nước, cũng như ở ngoại quốc (Hoa Kỳ). Tôi năm nay đã 76 tuổi, chẳng may bị tê bại từ tháng 9 năm 1989, nhưng nhờ Trời óc chất hãy còn sáng suốt, tinh thần hãy còn minh mẫn.

Tôi nhận thấy Kinh Dịch rất hữu ích cho nhân loại: Nó có thể **mở mang khối óc ta về nhiều vấn đề: Khoa học, Đạo Đức, Chính trị, Âm nhạc, Thiên văn, Y học, Bói toán v v** ... và nhiều **vấn đề liên quan đến đời sống hiện tại của ta, mà xưa nay các nhà bình giải Dịch kinh từ Á sang Âu không hề nói tới.**

Nhà tôi, sau khi đọc các quẻ, đã khám phá ra chỗ diệu dụng của nó. Nên nhất định khai thác nó, **theo khả năng của nhà tôi,** và nhất định xem xét, nghiên cứu, và tự mình đánh lại nó bằng computer. Tuy sức khoẻ không khả quan (vì bị bệnh mục xương sống), và đã 63 tuổi, nhưng nhà tôi nhất định làm, vì nghĩ rằng nếu biết **Áp dụng Kinh**

Dịch vào Thời đại, thì sẽ có nhiều ích lợi cho thế hệ sau, và hy vọng nhiều người sau này, sẽ tiếp tục nghiên cứu nó. **Và một ngày nào đó biết đâu, nó chẳng mang lại nhiều lợi ích cho quốc gia, dân tộc nói riêng, và nhân loại nói chung, vì theo đà tiến hóa, những người nghiên cứu nó sau này, sẽ thông minh hơn chúng ta gấp bội,** nhà tôi nói. **Nên dù gặp khó khăn về sức khỏe, khó khăn về vật chất, để hoàn thành nó, nhà tôi cũng**

phải cố gắng cho nó ra đời. Nếu có ích cho thế hệ sau, thì sự hy sinh nhỏ nhoi của nhà tôi, nào có đáng gì?

Cho nên, bộ Kinh Dịch này ra đời hoàn toàn theo ý nhà tôi, (tôi chỉ góp ý phụ). Nhà tôi bỏ bớt những gì không cần thiết, và giản dị hóa lời giảng (mà theo ý nhà tôi nó quá cao, sợ nhiều người không hiểu). Nhà tôi muốn phổ biến cho quần chúng, và nghĩ rằng chỉ cần trên 18 tuổi, **đọc và hiểu tiếng Việt**, **là hiểu được phần Bình giảng, và phần Áp dụng vào Thời đại.** Nhà tôi đã cho vài em nhỏ khoảng 18, 20 tuổi và ít sinh viên Đại học đọc, họ đọc xong mục **Áp dụng vào Thời đại**, họ rất hiểu, và rất thích thú, và họ ước ao nhà tôi đủ sức khoẻ, để cùng tôi hoàn tất xong bộ Dịch này. Các bạn hữu của chúng tôi cũng khuyến khích nhà tôi rất nhiều.

Sau nhiều ngày suy nghĩ, chúng tôi nhất định trình bầy Bộ Dịch như sau:

I. Quyển I bàn về các vấn đề liên quan đến Dịch Lý, đến **Vô Cực, Thái Cực, Hà Đồ, Lạc Thư, Âm Dương, Tứ Tượng, Ngũ Hành.**

Phần này rất cao siêu, nên tôi đã giảng giải bằng nhiều chú thích của những nhà bình giải danh tiếng, lại viện dẫn nhiều sách tham khảo, để tiện cho quí vị tìm ra những điều vi diệu của Dịch .

II. Quyển II nói về Thượng kinh (có phần **Dịch Kinh Giản Lược** ở trên, xin quí vị **đọc kỹ phần này,** để có những ý niệm, và hiểu từ ngữ để đi vào Hào, Quải cho dễ)**.**

Thượng Kinh: Dưới phần Hán Văn là phần **dịch đoạn Hán văn đó bằng văn vần,** tiếp đến là Bình giảng đoạn đó bằng văn xuôi. **Cuối mỗi quẻ là phần áp dụng quẻ đó vào Thời đại.**

III. Quyển III là Hạ kinh. Hạ kinh trình bầy như Thượng kinh. Trong phần **Bình giảng, thường hay dùng điển tích chứng minh** để độc giả dễ hiểu, và sẽ ngạc nhiên thấy khi đọc Dịch mà thích thú, dễ hiểu như khi đọc truyện Tầu, và cuối mỗi quẻ, đều có phần Áp dụng vào Thời đại của quẻ đó. Tôi và nhà tôi cố gắng soạn bộ Dịch này một cách công phu, dễ hiểu, để đi sâu vào quần chúng. Theo chúng tôi nó rất có ích cho nhân loại,.

Và sau khi đã hiểu Dịch, biết áp dụng Dịch, ta thấy ta trở nên thông thái, khôn ngoan hơn trước nhiều.

Phần Hệ Từ. Phần này có Hệ Từ Thượng, Hạ, Thuyết Quái, Tự Quái, Tạp Quái cùng Phụ Lục I, II, III gồm khoảng 200 trang, với những lời bình giảng, chú thích rành rẽ. Chúng tôi cố gắng làm cho đầy đủ, để quí vị tiện tra cứu mai sau. Bộ sách tưởng dày (khoảng 1500 trang), nhưng quyển I có 9 Chương, mỗi Chương dạy một đề tài khác nhau: dạy ta Hướng đi của Thánh Hiền, dạy Đông Y, Bói toán vv..., và quyển II, III là 64 quẻ, với 64 hoàn cảnh khác nhau, dạy về cách giải quyết những khó khăn trong cuộc sống hàng ngày, không liên lạc với nhau, do đó muốn xem trước, sau, đoạn nào cũng được, nên dễ như đọc tờ báo hàng ngày mà thôi.

Ước mong sao, bộ Dịch này đến tay không những quí vị thích đọc sách, mà còn làm cho quí vị nào xưa nay không thích đọc sách, cũng cảm thấy thích thú khi đọc nó.

Mong nó sẽ mang lại nhiều điều lợi ích cho quí vị.

Nhân tử Nguyễn văn Thọ & phu nhân H. L.Yến Lê cẩn chí.

VÀI LỜI TÂM THÀNH

CỦA BÀ HUYỀN LINH YẾN LÊ

Trước khi vào mục **Áp dụng Kinh Dịch vào Thời đại,** tôi có mấy lời tâm thành ngỏ cùng quí vị độc giả. Xin quí vị hãy coi tôi như người bạn thân của quí vị, và mấy lời tôi nói sau, là những lời thành khẩn, bộc lộ tất cả những suy tư, hiểu biết nhỏ nhoi của tôi, gửi đến quí vị - những người bạn thân ở khắp bốn phương trời.

Tôi, Huyền Linh, sinh năm 1934, quê quán Hà nội (Bắc Việt), là

một phụ nữ Việt Nam bình thường, xuất thân trong một gia đình công chức trung lưu, (nhờ có bà mẹ đảm đang, đức hạnh, nên cuộc sống của anh em chúng tôi lúc nào cũng có người giúp việc săn sóc chu đáo), có một nền học lực trung bình (học Đại học, mà chưa có một mảnh bằng nào của Đại học, vì nếu hỏng thi, là tôi ngưng ngay), biết làm thương mại qua loa (chủ cơ sở thầu thực phẩm & chủ tiệm bán về thực phẩm), biết nấu ăn, may vá, thêu thùa qua loa (Hiệu trưởng & giảng dạy & Chủ nhân trường Nữ công gia chánh Việt Tiến). Nghề tay trái, là buôn đá quí (hạt soàn). Năm 17 tuổi kết hôn với người mình yêu, đó là chồng tôi hiện tại (Bác sĩ Nguyễn văn Thọ).

Sau khi lập gia đình, và sinh đủ số con như ý muốn, tôi lại tiếp tục học thêm. Sở dĩ tôi viết qua về tiểu sử của tôi, là cốt để cho quí vị rõ, là tôi cũng như phần đông quí vị, không được hưởng một ân sủng nào hơn cả, mà trái lại phải phấn đấu rất nhiều (vì làm thương mại, là phải lo về quản trị sao cho tốt). Tôi, thuở nhỏ thích xem truyện Tàu, nhất là những chuyện viết về Lịch sử. Về già, thì lại ham mê nghiên cứu về các đạo (tôi theo đạo thờ ông bà).

Sau khi hiểu ít nhiều về các đạo (chỗ nào không hiểu thì tôi đàm luận với chồng tôi), tôi nhận thấy cuộc đời này chỉ là một sân khấu, trò đời là màn kịch, mà tôi cũng như mọi người chỉ là những diễn viên, nên khi đã đóng xong vai trò của mình, thì hãy trở về với con người thực của mình, chứ còn cứ mơ tưởng đến vai trò của mình trên sân khấu đời, rồi kiêu ngạo, hống hách, hoặc buồn khổ, thì sai lầm lắm vậy.

Hôm nay, tôi mạo muội viết ít lời ở nơi đây về Kinh Dịch, và tôi đọc, học, và hiểu Kinh Dịch như thế nào, để quí vị thưởng lãm.

I. Trước tiên, khi đọc 1 quẻ Dịch, thì ta hãy tìm hiểu **đại ý của nó** ở **phần Thoán,** và chớ suy tư quá nhiều về một vài câu khó hiểu trong quẻ, mình không hiểu mà cho là Thánh nhân nói sai, hoặc tìm được một vài ý kiến hay của người ở thời đại ngày nay, thì cho rằng Dịch ngày xưa không bằng.

Ta hãy trông trái bắp (ngô), nó có rất nhiều hạt, mỗi hạt là một công dụng của nó, râu có thể nấu nước uống lợi tiểu, lõi có thể thay củi đốt lửa, hạt có thể luộc, xay thành bột để làm biết bao thứ bánh, tùy theo người biết xử dụng nó, nhưng cuối cùng mục

đích của nó, là góp phần vào việc nuôi nhân loại mà thôi. Xưa, Thánh nhân tổn biết bao tâm cơ, suy tư biết bao năm tháng, mới viết ra bộ Kinh Dịch, (Dịch là biến dịch, bất biến, giản dị), để lại cho chúng ta. Nhưng các vị đó luôn luôn nói những câu khó hiểu, cốt ý là chỉ để cho những người nào có **Tuệ căn** mới lĩnh hội được mà thôi. Vì tâm trí ta còn kém cỏi, vật dục làm ta u mê., nên làm sao ta hiểu được những vi ý của cổ nhân. Khi đã hiểu nó, ta có thể khai triển nó theo muôn mặt, cũng như chồng tôi khai triển nó về phương diện đạo đức, tu thân, hoặc đạo lý, tâm linh, tôi thì khai triển nó về phương diện xã hội theo hiện đại, còn như 2 nhà Khoa học Trung Hoa (1957) Dương Chấn Ninh & Lý Chính Đạo đã dựa vào tỷ lệ Âm Dương (Tam thiên, Lưỡng địa) của Dịch mà làm một cuộc thí nghiệm tại Trung tâm thí nghiệm nguyên tử (National Bureau of Standards) ở Columbia, Hoa Kỳ, và đã được Ủy Ban Quốc Tế tặng giải Nobel năm 1957, và bây giờ Khoa Học, trong các công cuộc truyền tín hiệu, truyền hình ảnh từ vệ tinh xuống mặt đất, có thể nói là đã gián tiếp dùng 64 quẻ Dịch.

Tôi hy vọng sau này sẽ còn nhiều người nữa sẽ theo sau mà nghiên cứu những chỗ vi diệu của Dịch, mục đích là đóng góp phần nào trong muôn một, vào công cuộc tiến hóa của nhân loại về mọi mặt, đừng thấy người này áp dụng Dịch, không giống mình mà cho là sai, người kia giống mình thì cho là đúng, và nhất là đừng bao giờ coi mình hơn cổ nhân, vì như vậy, nếu giỏi hơn thì là kiêu ngạo, mà nếu là người chưa làm được gì cho xã hội, nhân loại, thì chỉ là hạng ếch ngồi đáy giếng, coi trời bằng vung mà thôi.

II -Ngoài ra, Dịch kinh còn muốn đề cập đến các định luật biến dịch của vũ trụ, cũng như của quần sinh. Dịch sở dĩ có, là cốt để mở mang trí tuệ cho con người, tác thành muôn việc cho con người, bao trùm tất cả đạo lý trong thiên hạ (Hệ Từ Thượng, Chương XI, tiết I).

III - Dịch dạy chúng ta xu cát, tị hung (theo hay, tránh dở), bằng sự hiểu biết, sự khéo léo, sự cố gắng của mình. Dịch Kinh nhận định rằng ta lệ thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh, cho nên biết hoàn cảnh là biết một phần lớn số phận cá nhân.

Nhận định được chân giá trị của Dịch, lại biết áp dụng thực thi được Dịch lý vào công cuộc tu luyện bản thân, nên Đức Khổng tha thiết khảo cứu Kinh Dịch. Ngài nói: Nếu Trời cho ta sống

thêm ít tuổi nữa, để học Dịch, ta có thể không phạm lỗi lầm lớn nữa (LN VII, 16).

Còn tôi, sự nghiên cứu, học hỏi về Dịch này là một công việc thích thú nhất trong đời tôi, nên tôi muốn san sẻ những thích thú đó với quí vị - *những người bạn thân của tôi ở khắp bốn phương trời*- cùng thưởng lãm. Mong rằng sự hiểu biết nhỏ bé của tôi, mang lại lợi ích cho quý vị. Mong thay.

Trước khi dứt lời, tôi xin nhắc nhở quí vị 1 lần nữa:

* Đọc Dịch: Xin đọc phần Áp dụng vào thời đại trước.

* Muốn hiểu Dịch & Các từ ngữ của Dịch: Xin đọc phần Dịch Kinh Giản Lược ngay đầu tập II.

* Muốn hiểu quẻ muốn nói gì: Xin đọc kỹ Thoán.

Trân trọng kính chào quí vị

Huyền Linh Yến Lê cẩn chí

DỊCH KINH GIẢN LƯỢC

Trước khi vào các quẻ, để cho dễ hiểu tôi xin nói về:

1) Ít nhiều nhận định về Quẻ, Thoán, Hào.

2) Áp dụng những nguyên tắc của Dịch Kinh vào cuộc đời.

I. ÍT NHIỀU NHẬN ĐỊNH VỀ QUẺ, THOÁN, HÀO

1) Nhận định về quẻ

Quẻ có quẻ đơn và quẻ kép.

Quẻ Đơn. Quẻ Đơn gồm 8 quẻ; mỗi quẻ có 3 vạch (Hào):

Kiền, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài

Quẻ Đơn tượng trưng cho **Vạn Vật, Vạn Hữu**

Quẻ Kép. Quẻ Kép gồm 64 quẻ, mỗi quẻ có 6 Hào.

Quẻ Kép tượng trưng cho hết **mọi biến hóa, mọi tình trạng, mọi hoàn cảnh** mà Vạn hữu và Nhân quần gây nên trong khi giao tiếp với nhau. Thượng Kinh và Hạ Kinh viết lại 64 quẻ , tức là đưa ra 64 hoàn cảnh tượng trưng, để dạy con người phương pháp xử sự cho khéo léo, tùy theo mỗi hoàn cảnh mình gặp.

Quẻ Kép gồm 2 quẻ đơn, ta gọi:

-Quẻ phía dưới là **Nội Quái**

-Quẻ phía trên là **Ngoại Quái**

Vì mỗi hoàn cảnh có nhiều khía cạnh, nhiều giai đoạn, nhiều nhân vật bị dính dấp ảnh hưởng, nên mỗi quẻ lại có 6 Hào. Sáu

Hào cốt là để nói lên cho rõ ràng:

*Mọi khía cạnh, mọi trạng thái biến thiên của hoàn cảnh.

*Mọi giai đọan của một công trình.

*Mọi tầng lớp trong xã hội, đang cùng chia xẻ một hoàn cảnh

*Những trường hợp khác nhau, có thể xảy ra cho từng hạng người sống cùng chung một hoàn cảnh..

Bàn về mỗi quẻ Kép có:

A) Tự Quái. B) Thoán Từ. C) Thoán Truyện. D) Tượng Truyện. E) Hào Từ và Tiểu Tượng Truyện.

Muốn hiểu rõ mỗi quẻ, phải nghiên cứu tận tường:

A) Tự Quái có mục đích dạy ta khi gặp mỗi quẻ, tức là mỗi hoàn cảnh, phải xét xem nó duyên do tự đâu

B) Thoán bàn luận tổng quát về sự hay dở của mỗi quẻ, tức là của mỗi hoàn cảnh.

Dịch Kinh dùng 11 chữ để xét đoán hay dở:

1) Nguyên = chí thiện,

= nguyên thủy (gốc gác vạn hữu)

= lớn, mạnh, hào hùng, cao đại.

2) Hanh = Thông suốt (hanh thông)

= Chí mỹ (Gia chi hội - Văn ngôn)

3) Lợi = Lợi, thuận nhân tâm, thích nghi, thích đáng.

4) Trinh = Chính, bền, thành đạt, bền vững, hằng cửu, chủ chốt, chủ đích của mọi việc.

5) Cát = Tốt, được, thành công.

6) Hung = Xấu, mất, thất bại.

7) Hối = Hối lận, ưu lự, băn khoăn.

8) Lận = Xấu hổ.

9) Lệ = Nguy hiểm.

10 & 11) Vô cữu là không có lỗi.

Tóm lại, một hoàn cảnh, một công tác hay, hay dở tùy ở chỗ thành hay bại, đắc hay thất, có làm cho mình phải hối hận, phàn nàn, xấu hổ hay không? Việc xấu mà không, hay chưa hối hận thời nguy hại, đã phàn nàn, cải quá thì không lỗi gì. Nhiều khi Dịch cũng dùng 2 chữ **Trinh hung** đi đôi với nhau. Chữ **Vô Cữu** nhiều khi phải giải là Không trách cứ ai được.

Thoán có **Thoán Từ, Thoán Truyện**

*__Thoán Từ là của Văn Vương.__ Thoán Từ rất vắn tắt, cô đọng, nói đại ý toàn quẻ & sự hay dở tổng quát của toàn quẻ

*__Thoán Truyện là lời của Khổng Tử,__ dùng để giải thích Thoán Từ. Thoán Truyện nhiều khi viết có âm vận, và thường theo phương pháp sau đây

1) Giải thích tên quẻ mỗi khi cần.

2) Phân tích quẻ thành 2 quẻ Đơn (Quái Thể), rồi lấy 2 quẻ đơn ấy mà phân tích Thoán Từ (Dĩ Quái Thể thích Quái Danh, Quái Nghĩa)

3) Lấy đức tính của 2 quẻ đơn ấy để cắt nghĩa Thoán Từ (Dĩ Quái Đức thích Quái Từ)

4) Dùng những hình ảnh do 2 quẻ đơn ấy gợi nên để cắt nghĩa Thoán Từ (Dĩ Quái Tượng thích Thoán Từ)

5) Xem quẻ đương cuộc đã do quẻ nào sinh ra, là **biến thể của quẻ nào**, rồi lấy đó mà giải thích Quái Từ (Dĩ Quái Biến thích Quái Từ)

6) Xem 2 quẻ đơn là Âm hay Dương, Cương hay Nhu, giao nhau hay không giao nhau để giải thích Quái Từ (Dĩ Quái Tài thích Quái Từ)

7) Tìm hào chủ chốt của quẻ (Chủ Hào), rồi nhân đó cắt nghĩa Quái Từ, Quái Nghĩa. Hào chủ chốt thường là hào 2 và 5, nhưng cũng có khi là hào 1 như ở quẻ Truân, là hào 3 như ở quẻ Khiêm, hào 4 như ở quẻ Dự.

Có nhiều khi **lời Thoán giống lời Hào chủ chốt.**

Ví dụ: Thoán quẻ Truân có chữ **Lợi kiến hầu,** thì hào Sơ Cửu cũng có chữ **Lợi kiến hầu.**

8) Thoán Truyện thường nhắc lại để giải thích từng câu trong Thoán Từ.

9) Ngoài công việc chú giải Thoán Từ, Thoán Truyện còn **đưa ra những nhận định tổng quát, những định luật của Trời Đất.** Ví dụ:

*Nơi quẻ Hàm, thì đề cập đến định luật **cảm thông** trong Trời đất

*Nơi quẻ Khuê, thời nói về **Âm Dương lưỡng dụng** để đi tới đại thành.

* Nơi quẻ Phong, thì bàn về lẽ **Doanh, Hư, Tiêu tức** của Trời đất.

* Nơi quẻ Hằng thì bàn về **sự bền vững** là điều kiện để tiến tới vĩnh cửu, bất biến...

Vì vậy, **hiểu được Thoán Từ là hiểu được quá 1/2 quẻ Dịch rồi (**Trí giả quan kỳ Thoán Từ tắc tư quá bán hỹ - Hệ Từ hạ, Chương 9)

C) Hào

Trong 1 hoàn cảnh có nhiều khía cạnh, nhiều nhân vật liên hệ, quẻ là một hoàn cảnh, nên cũng lấy **các Hào mà tượng trưng cho sự diễn biến của hoàn cảnh,** những khía cạnh khác nhau của hoàn cảnh, những nhân vật liên hệ đến hoàn cảnh. Hào có **Hào Tài & Hào Vị.**

*__Hào Tài__ là bản chất của từng Hào, tài đức của từng Hào. Hào Tài được diễn tả bằng Âm và Dương.

Âm Hào ⚋ tượng trưng cho những kẻ tiểu nhân, hoặc những người bất tài, nhu nhược.

Dương Hào ⚊ tượng trưng cho quân tử, người tài cán, cương nghị.

*__Hào Vị .__ Mỗi quẻ Kép có 6 vị ngôi, tức là 6 Hào

Mỗi một hào mang một số thứ tự tính từ dưới lên trên : 1, 2, 3, 4, 5, 6 có tên là Hào Sơ, Hào Nhị, Hào Tam, Hào Tứ, Hào Ngũ và Hào Thượng. Số lẻ **1, 3, 5 là vị Dương. Số chẵn 2, 4, 6 là vị Âm.** Tùy Hào tài là Dương hay Âm, ta dùng thêm chữ Cửu hay Lục. Từ dưới lên trên ta xưng danh như sau:

Nếu là Dương Hào ta có: Sơ Cửu, Cửu Nhị, Cửu Tam, Cửu Tứ, Cửu Ngũ, Thượng Cửu.

Nếu là Âm Hào ta có: Sơ Lục, Lục Nhị, Lục Tam, Lục Tứ, Lục Ngũ, Thượng Lục.

Hào Vị có nhiều công dụng:

a) Nó biểu dương không gian TRÊN, DƯỚI, GIỮA.

b) Thời gian: ĐẦU, GIỮA, CUỐI.

c) Các tầng lớp xã hội từ lê thứ, đến quan, vua, đến miếu mạo, triều ca.

d) Nó xác định ngôi vị của từng nhân vật.

e) Các giá trị tinh thần từ thấp đến cao.

f) Chiều hướng biến hóa từ trong ra ngoài, hoặc từ ngoài vào trong. **Từ dưới lên trên là biến chuyển từ trong ra ngoài.** Gặp trường hợp ấy nơi Thoán Truyện, dùng chữ **Vãng.** Biến chuyển **từ trên xuống dưới là biến từ ngoài vào trong.** Trường hợp này Thoán Truyện dùng chữ **Lai.**

Như trên đã nói, lối tính các Hào bao giờ cũng tính từ dưới lên trên, cho nên:

-Hào dưới là thấp, Hào trên là cao.

-Hào dưới thì là hạ tiện, là lê dân, Hào trên thời là tôn quí, là quan, là vua.

Đối với thân thể con người, thì dưới là chân, trên là mặt, là miệng, là đầu.

Đối với con vật, thì hào Sơ là đuôi, hào trên cùng là đầu, là sừngvv...

Đối với quá trình một công việc, thì dưới là khởi điểm công việc, khó biết, khó làm. Giữa là giai đoạn gian một vài qui ước đã được chấp thuận cho mỗi một Hào.

*__Hào Thượng:__ Thái miếu, Thái thượng hoàng, Thượng phu, ẩn sĩ thoát trần. Đó là hào hưu tức, ngoại vị, vô vị.

*__Hào Ngũ:__ Thiên tử, Quân vương.

*__Hào Tứ:__ Đại thần, cận thần, chư hầu.

*__Hào Tam:__ Công khanh, Tam công, là những người có thế lực trong nước.

*__Hào Nhị:__ Công thần, Đại phu.

*__Hào Sơ:__ Nguyên sĩ, là vạn dân, thứ dân. (Xem thêm nơi Hệ Từ hạ , Chương 9)

TRUNG CHÍNH & BẤT TRUNG BẤT CHÍNH

- __Hào 2 và 5__ là __Trung Hào,__ nên gọi là __Trung.__

__- Hào 3, 4__ chẳng hạn, không phải Hào giữa nên gọi là __Bất trung.__

__- Hào Dương cư Dương vị, hào Âm cư Âm vị__ gọi là __Chính.__

- Hào Dương cư Âm vị, hào Âm cư Dương vị gọi là **Bất chính.**

Trung chính & Bất trung chính cốt để chỉ 2 sự kiện:

1) Trung là những người thành khẩn, trung thực, có lương tâm chức nghiệp, tận tụy vì công vụ.

2) Chính là những người được dùng vào những ngôi vị, những công việc xứng với tài đức của mình.

Bất trung chỉ những người gian ngoan, không thành khẩn.

Bất chính chỉ những người sống trong những địa vị bất xứng, không thích hợp với tài đức của mình, ví như dốt nát, bất tài mà lại ở địa vị cao (Âm cư Dương vị); hoặc có tài, có đức mà không được trọng dụng, không được đặt vào những chức vị xứng đáng (Dương cư Âm vị) Nhân đó ta suy ra được tình trạng hay dở rất nhiều.

ỨNG & TỈ

Mỗi người trong xã hội lại có một số người hỗ trợ, hay không hỗ trợ, Dịch kinh diễn tả sự kiện này bằng ỨNG HÀO . ỨNG HÀO thì

1 ứng với 4

2 ứng với 5

3 ứng với 6

***Âm** ở **dưới ứng Dương** ở **trên** thì phải hiểu là tiểu nhân dựa thế quân tử, tiểu nhân dựa thế lực người có quyền thế ở trên, như vậy đâu có hay.

***Dương** ở **trên ứng với Âm** ở **dưới** thì phải hiểu là người trên hay, mà người dưới dở, không giúp ích được bao lâu.

***Âm lại gặp Âm, Dương lại gặp Dương** thì thường phải hiểu là một người hoạt động đơn độc, không người hỗ trợ.

***Nhưng** ở **Hào ngũ, Hào nhị,** nếu Cửu Ngũ mà lại gặp Cửu Nhị thì có thể hiểu là Minh quân lại gặp Hiền thần. (Xem Kiền)

TỈ : là thân cận, là sống kế cận nhau.

ỨNG là nói 2 Hào cách xa nhau**, TỈ** là nói 2 Hào kề cận nhau. Phàm gần nhau phải **giống tính, giống nết nhau mới tốt.** Vì thế Âm cận Hào Âm mới tốt, Dương cận Hào Dương mới hay. Còn như Âm bên Dương, Dương bên Âm, vì một đằng Cương, một đằng Nhu, một đằng quân tử, một đằng tiểu nhân, một đằng hữu tài, một đằng vô tài, nên thường khủng khiếng, kèn cựa.

Nếu Âm ở **dưới Dương,** tức là kẻ bất tài nhường nhịn người có tài.

Nếu Âm ở **trên Dương,** tức kẻ vô tài mà lại trèo đầu, cưỡi cổ người có tài thì sẽ sinh lắm chuyện.

- Trường hợp quị lụy, nhường nhịn, Dịch gọi là THỪA

-Trường hợp đè đầu, cưỡi cổ, Dịch cũng gọi là THỪA.

Như vậy, để đoán định **CÁT, HUNG,** Dịch theo những tiêu chuẩn sau đây:

1) Địa vị phải xứng kỳ đức mới hay.

2) Làm việc gì phải có người hỗ trợ, hưởng ứng, phụ bật mới hay.

3) Không hợp nhau, mà xa nhau thì còn khả trợ, vì không giao tiếp với nhau. Nhưng đã không hợp nhau mà phải sống bên nhau, thật là căn cớ mọi hung họa.

4) Thành khẩn mà đối đãi nhau mới hay. Giả dối mà đối đãi với nhau thật là điều tai hại.

5) Và như vậy, cả bộ Dịch khuyên ta phải ở những nơi, giữ những công việc thích hợp với tài đức mình, giao thiệp với những người đồng tâm, đồng chí với mình.vv...

ÍT NHIỀU VÍ DỤ ĐỂ HIỂU VỀ 6 HÀO

(Ta đi từ Hào Sơ cho tới Hào Thượng)

1) Ví dụ Quẻ Tỉnh: Sáu Hào ở đây mô tả các loại giếng, và các công dụng khác nhau của những giếng.

Hào 1) Đáy giếng bùn = Tiểu nhân không nên dùng.

Hào 2) Giếng có ngách ngang hông, để mất hết nước.= Người không lý tưởng, không ích lợi gì.

Hào 3) Giếng tốt bỏ hoang không ai dùng = Người tài đức không được trọng dụng.

Hào 4) Giếng được xây sửa lại, tạm thời không dùng được = Công bộc Quốc Gia nhiều khi phải ngưng phục vụ để tu nghiệp lại.

Hào 5) Giếng trong có người ăn = Vị quốc quân có tài đức, thực ích lợi cho quốc dân.

Hào 6) Giếng nước ngon, có nắp đậy, lại đầy nước = Ở trên càng làm ích cho đời, càng nhiều cái hay.

2. Quẻ Đỉnh. (Mô tả các phần và công dụng của cái đỉnh, cái vạc dùng để nấu thức ăn)

Hào 1) Đỉnh chổng chân (để rửa bụi bậm bên trong: bất kỳ hoàn cảnh nào, nhân vật nào mà ta biết lợi dụng vẫn hay)

Hào 2) Vạc đầy thức ăn (Không nên thân cận tiểu nhân)

Hào 3) Tai đỉnh (Vạc thay tai: Quân tử lúc đầu không được trọng dụng, sau sẽ được hòa hợp với vua)

Hào 4) Đỉnh gãy chân: (Dùng tiểu nhân vào chức trọng, sẽ hỏng việc.

Hào 6) Khoen đỉnh (Ở đời mà cương nhu hòa hợp, trên đưới một lòng, thì hay biết mấy)

3. Quẻ Hàm. (Dùng các phần mình trong người để diễn tả sự cảm xúc, cảm thông)

Hào 1) Cảm bằng ngón cái chân (Sức cảm hóa còn yếu ớt)

Hào 2) Cảm bằng bắp chân (Muốn cảm hóa người trên rất khó)

Hào 3) Cảm bằng vế đùi (Cảm hóa không phải là xu phụ quần chúng)

Hào 4) Cảm bằng tâm (Cảm hóa bằng cả tâm hồn mới tốt, không nên dùng thủ đoạn)

Hào 5) Cảm hóa bằng gáy vai (Cảm hóa mà hờn hợt sẽ không bền)

Hào 6) Cảm hóa bằng mép môi (Cảm hóa người bằng cửa miệng không hay)

4. Quẻ Tiệm. ䷴ (Dùng những cảnh trí thiên nhiên từ dưới bờ biển cho tới khung trời cao để mô tả sự tiệm tiến, tiệm thăng của chim Hồng hay của người Quân tử)

Hào 1) Chim Hồng đậu nơi bờ biển (Người quân tử mới vào đời, nếu chậm tiến chớ buồn)

Hào 2) Chim Hồng đậu nơi thạch bàn (Người Quân tử khi có địa vị vững chắc, đừng ăn không ngồi rồi, hãy làm điều gì ích quốc, lợi dân)

Hào 3) Chim Hồng đậu ở cao nguyên (Tiểu nhân muốn đốt giai đoạn mà tiến lên, vong ân bội nghĩa mà tiến lên thời đâu có hay. Quân tử sống kề cận với Tiểu nhân, nhưng nếu biết tự thủ, biết ngăn chặn tiểu nhân đừng bước vào đường tội lỗi, thời như ngăn được giặc vậy)

Hào 4) Chim Hồng đậu trên cây (Người ở địa vị cao mà biết nhu thuận, thì cao cũng không nguy)

Hào 5) Chim Hồng đậu núi cao. (Vua hay mà có hiền tài phụ bật, dầu gặp kẻ ly gián tạm thời hiểu lầm nhau, sau cũng sẽ hòa hợp)

Hào 6) Chim Hồng bay lên trên trời, lông rụng xuống vẫn có thể dùng (Thánh nhân siêu việt trần gian, nhưng vẫn làm ích cho đời)

5. Quẻ Sư. (Mô tả mọi khía cạnh trong công cuộc hưng binh, động chúng)

Hào 1) Xuất quân phải có phép tắc.

Hào 2) Cầm quân phải có tướng tài.

Hào 3) Tướng dở cầm quân là đem quân vào chỗ chết, là đem xe chở thây.

Hào 4) Dùng binh có lúc phải biết thoái.

Hào 5) Điều động binh mã, có lúc là để bảo vệ sơn hà. Dùng tướng tài cầm quân, không được dùng tướng dở.

Hào 6) Khi đã khải hoàn, phải khen thưởng quân tướng cho hẳn hoi, nhưng không được dùng kẻ bất tài, dùng tiểu nhân vào chính quyền.

Cứ theo đường lối ấy mà nghiên cứu các Hào, ta sẽ thấy thường Hào nào cũng có nghĩa đen, nghĩa bóng. Tìm ra được thâm ý mỗi Hào, ta sẽ học được những bài học **tiếp nhân xử kỷ** rất là thâm thúy và khôn ngoan.

Thường mỗi quẻ chỉ nói đến một vấn đề, nhưng đôi khi cũng nói đến 2, 3 vấn đề. Cho nên gặp quẻ nào cũng phải hiểu xem quẻ ấy muốn đề cập đến vấn đề gì, nhiên hậu mới khỏi lạc lõng, khi nghiên cứu Thoán, Tượng, Hào.

Nếu ta đọc một quẻ mà không biết nó muốn nói những gì, nếu ta không tìm ra được mạch lạc nối liền Thoán, Tượng, Hào, mà ta chỉ hiểu nổi đại khái vặt vãnh, thì chắc chắn là ta chưa hiểu nổi Kinh Dịch.

II. ÁP DỤNG NHỮNG NGUYÊN TẮC CỦA DỊCH KINH VÀO CUỘC ĐỜI

Áp dụng nguyên tắc Dịch kinh để đoán định công việc ta làm hay, hay dở

Phàm một công việc ta làm, muốn biết là dở, hay hay, ta sẽ phân

tách nó theo những tiêu chuẩn sau đây:

-Lý: Minh chính hay tà khuất.

-Tình: Thành khẩn hay giả dối, đắc ý hay không đắc ý. Ta thích làm hay làm miễn cưỡng.

-Tài: Ta là người có chân tài hay không?

-Đức: Ta là người có đức hay không?

-Thời: Công việc ta làm có hợp thời hay không?. Có hợp với tuổi ta không?.

-Vị: Địa vị và hoàn cảnh của ta chính đáng, hay không?, thích hợp với ta hay không?

-Sự hiểu biết của ta về công việc: Ta có am tường công việc này hay không?

-Sự chuẩn bị của ta: Làm công việc này ta có chuẩn bị chu đáo hay không?

-Ứng: Ta làm công việc này có người giúp hay không, có người hưởng ứng hay không? Có bị ai phá phách, gàng quải hay không?

-Cát Hung: Ta làm công việc này để thành công, hay là để thất bại?

-Hối lận: Ta làm công việc này có bị lương tâm phiền trách hay không? Có bị người đời đàm tiếu hay không. Ta sung sướng, hãnh diện mỗi khi nghĩ đến công việc ta làm, hay trái lại nó làm ta xấu hổ.

-Lệ, Vô Cữu: Khi làm công việc này, mỗi khi ta thấy ta sai đường, lạc lối, mỗi khi ta thấy ta lầm lẫn, ta sẽ có thực tình sửa đổi đường lối hay không?

Nếu xét từng tiêu chuẩn, mà ta thấy phải trả lời là **không**, thì việc của ta là không hay, đừng có làm. Như vậy, là ta theo đúng đường lối của Trời Đất, theo đúng Mệnh Trời.

MỖI KHI TA TÍNH TOÁN MỘT CÔNG VIỆC GÌ, MỖI KHI TA LÂM VÀO MỘT HOÀN CẢNH NÀO, ta phải:

1) Nghiên cứu, tìm hiểu công việc hay hoàn cảnh ta cho tận tường.

-Tìm xem những yếu tố nào đã gây nên hoàn cảnh này.

-Xem ai làm chủ chốt, ai làm chốt, làm nọc trong hoàn cảnh này.

- Ta có can dự nào đối với hoàn cảnh. Trực tiếp bị ảnh hưởng, gián tiếp bị ảnh hưởng, hay không bị ảnh hưởng?

2) Nghiên cứu các lực lượng bạn và thù.

3) Nghiên cứu các vấn đề cần phải giải quyết.

4) Nghiên cứu xem các khó khăn vấp phải.

-Vượt tầm giải quyết của ta.

-Vừa tầm giải quyết của ta.

-Ta có thể giải quyết dễ dàng với tài sức ta.

5) Hoàn cảnh ta gặp, công việc ta tìm đang ở vào thời kỳ nào: đầu hay đuôi.

6) Hoàn cảnh ta đang gặp, thuận lợi hay không thuận lợi đối với ta.

Tóm lại, Dịch Kinh muốn dạy ta những điều chính yếu sau đây trong cuộc sống hàng ngày:

- Muốn làm việc gì phải thông suốt vấn đề, nghiên cứu tỉ mỉ, phân tách công việc ra thành từng giai đoạn, phải biết tiên liệu những đường đi, nước bước của mình, tiên đoán những trường hợp mình sẽ gặp phải, chương trình hoạt động của mình phải có mục phiêu sáng suốt rõ ràng, những phương thế để đạt mục phiêu ấy phải được hoạch định, nghiên cứu tỉ mỉ. Phải chọn người cộng tác có tài đức, khả dĩ thi hành được công việc cho đến thành công.

-Muốn đối phó hoàn cảnh cho xuôi xắn, phải biết tùy thời xử thế.

Lúc cương, lúc nhu, khi mạnh thì cương, khi yếu thời nhu, phải luôn luôn theo đường lối tự nhiên, công chính và phổ quát.

-Trong khi hành sự, phải bình tĩnh, sáng suốt, bình dị, đừng có rối rắm, đừng có phức tạp cầu kỳ.

-Đừng làm gì để cho lương tâm, người đời chê trách. Đừng làm gì để di hại đến tinh thần, thể xác, hoàn cảnh, sự nghiệp, danh giá của mình.

-Gặp nguy biến, phải ẩn lánh để bảo toàn tấm thân.

-Gặp lúc thuận tiện, phải đem tài năng, đức độ ra giúp nước, giúp dân.

-Không cộng tác với bạo chúa, cường quyền.

-Chỉ cộng tác với người tài đức, vì dân, vì nước.

-Không thân cận với kẻ tiểu nhân, với người ác đức. Khi cần giao thiệp với họ, phải giữ gìn cho lắm.

-Phải tránh những sự giao thiệp giả dối.

-Đối với mọi người, cần sự thành khẩn.

-Không có tài, đừng ham địa vị cao.

-Không phải việc mình, đừng rây vào. Những nguy hiểm có thể tránh được thì nên tránh, đừng có dấn thân vào. Nếu chúng ta giữ được như vậy, thì công việc chúng ta thi hành thường được trôi chẩy, cuộc đời chúng ta luôn được vui tươi như ý.

Dịch Kinh đã dạy chúng ta những tôn chỉ chính xác, để hướng dẫn hành động chúng ta cho chúng ta trở nên hoàn bị. **Có những tư tưởng sáng suốt, những tôn chỉ chính xác, mục phiêu cao cả, những hành vi, cử chỉ, tác phong hợp lý hợp nghĩa, tức là có những phương tiện để tiến tới hoàn thiện, trở thành Thánh Hiền.**

VÀI LỜI NÓI VỀ HAI QUẺ KIỀN KHÔN

Dịch kinh gồm 64 quẻ, được chia ra làm hai phần: Thượng kinh có 30 quẻ, và Hạ kinh có 34 quẻ.

Trong Thượng Kinh, có 2 quẻ đầu là Bát Thuần Kiền và Bát thuần Khôn, thì đặc biệt khác các quẻ sau.

Từ xưa tới nay, Kiền, Khôn được xếp rất lộn xộn như sau:

A. Thoán Từ

B. Hào Từ của 7 Hào **(7 Hào thay vì 6 Hào) Hào 7 gọi là Dụng Cửu.**

C. Thoán Truyện.

D. Đại Tượng Truyện

E. Tiểu Tượng Truyện của 7 Hào .

F. Ngoài ra lại thêm phần Văn Ngôn, Bình giải lại Thoán Từ, Thoán Truyện và các Hào .

Phần Văn Ngôn nơi quẻ Kiền xếp lộn sộn hơn nữa. -Thoán a. - 6 Hào a -7 Hào b. -7 Hào c. -Thoán b. -6 Hào d. Do đó, người đọc hết sức là nản, và nhiều khi không hiểu quẻ định nói gì?

Tôi (Tác giả) phải sắp xếp lại, cho có thứ tự, mạch lạc, theo đúng thứ tự từ Truân về sau.

I. Thoán

*A. Thoán T*ừ. (Chính kinh của Văn vương)

*B. Thoán Truyện (*Lời giải thích của Khổng tử)

II. Đại Tượng Truyện (của Khổng tử)

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện (Các quẻ đều có 6 Hào, riêng quẻ Kiền Khôn có 7 Hào, (Hào 7 gọi là Hào Dụng Cửu)

IV. Văn Ngôn (Văn Ngôn chỉ riêng quẻ Kiền, Khôn có mà thôi)

Văn Ngôn tôi xếp lại như sau:

-Thoán cả 2 đoạn a & b.

-Hào 1a, 1b, 1c, 1d, -Hào 2a, 2b, 2c, 2d,

-Hào 3a, 3b, 3c, 3d, -Hào 4a, 4b, 4c, 4d,

-Hào 5a, 5b, 5c, 5d, -Hào 6a, 6b, 6c, 6d,

-Hào Dụng Cửu 7a, 7b.

Nơi Thượng kinh, sau phần Hán văn, tôi sẽ dịch quẻ **Kiền, Khôn** theo tuần tự Thoán, Đại Tượng v. v. . . bằng thơ **toàn quẻ trước**,(vì 2 quẻ Kiền Khôn quá dài), tiếp là phần Bình Giảng toàn quẻ. (Từ xưa tới nay, chưa có 1 Dịch giả nào dịch phần Hán văn ra Việt văn cả, mà chỉ Bình giảng không mà thôi) **Cuối quẻ, là phần Áp dụng theo Thời đại.**

Tôi để phần dịch sau phần Hán Văn, tiếp theo là phần **Bình Giảng,** đoạn nào xếp theo đoạn đó. Tôi nghĩ như vậy sẽ dễ hiểu, dễ nhớ hơn. Mỗi đoạn trong quẻ như: **Thoán, Tượng, Hào** đều xếp đặt theo thứ tự sau:

1/ Hán Văn.

2/ Phiên âm Hán văn.

3/ Dịch phiên âm đó bằng thơ.

4/ Bình giảng đoạn đó.

Cuối quẻ là phần Áp dụng quẻ vào Thời đại. Mong sự xắp xếp trên sẽ làm vừa lòng quí vị độc giả.

Nhân tử Nguyễn văn Thọ & phu nhân Huyền Linh Yến Lê cẩn chí.

---

1. 乾 為 天 KIỀN VI THIÊN

BÁT THUẦN KIỀN

I. Thoán

Thoán Từ.

乾 . 元 亨 利 貞 .

Kiền. Nguyên hanh lợi trinh.

Dịch:

Kiền là cội gốc muôn loài.

Làm cho vạn vật tốt tươi mọi đường.

Làm cho lợi ích hanh xương.

Lại cho thành tựu vô cương mới là.

Thoán Truyện.

彖 曰 . 大 哉 乾 元 . 萬 物 資 始 . 乃 統 天 . 云 行 雨 施 . 品 物 流 形 . 大 明 始 終 .六 位 時 成 . 時 乘 六 龍 以 御 天 . 乾 道 變化 . 各 正 性 命 . 保 合 大 和 . 乃 利 貞 . 首 出 庶物 . 萬 國 咸 寧 .

Thoán viết. **Đại tai Kiền nguyên. Vạn vật tư thủy. Nãi thống Thiên. Vân hành vũ thí. Phẩm vật lưu hình. Đại minh chung thủy. Lục vị thời thành. Thời thừa Lục long dĩ ngự thiên. Kiền Đạo biến hóa. Các chính tính mệnh. Bảo hợp Thái hoà. Nãi lợi trinh. Thủ xuất thứ vật. Vạn quốc hàm ninh.**

Thoán viết:

Lớn thay là cái gốc trời!

Làm cho vạn vật, vạn loài sinh sôi

Kiền nguyên tóm hết Đạo Trời.

Tóm thâu Thiên Đạo*, khúc nhôi sinh thành.*

Rồi ra vũ thí, vân hành,

Làm cho vạn vật hình thành đòi nơi.

Thánh Nhân thấu suốt đầu đuôi.

Biết sáu giai đoạn cơ trời biến thiên.

Thế là cưỡi sáu rồng thiêng,

Vượt muôn biến hóa, băng miền trời mây.

Cơ Trời biến hóa vần xoay,

Làm cho vạn vật thêm hay, thêm tình.

Kiện toàn tính mệnh của mình,

Giữ gìn toàn vẹn tính lành Trời cho.

Thế là lợi ích không bờ.

Thế là vĩnh cửu, thế là lợi trinh.

Thánh nhân vượt trổi chúng sinh.

Làm cho muôn nước an bình khắp nơi.

II. Đại Tượng Truyện

象 曰 . 天 行 健 . 君 子 以 自 疆 不 息 .

Tượng viết: Thiên hành kiện. Quân tử dĩ tự cường bất tức.

Tượng rằng:

Trời cao mạnh mẽ xoay vần.

Nên người quân tử quyết tâm tự cường.

Không hề ngưng nghỉ triển dương . . .

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 潛 龍 . 勿 用 .

象 曰 . 潛 龍 勿 用 . 陽 在 下 也 .

Sơ Cửu. Tiềm long vật dụng.

Tượng viết.

Tiềm long vật dụng. Dương tại hạ dã.

Dịch:

Rồng còn tiềm ẩn chớ dùng.

Tượng rằng: *Rồng ẩn chớ dùng.*

Là vì Dương hãy còn nằm dưới Sơ.

2. Hào Cửu nhị.

九 二 . 見 龍 在田 . 利 見 大 人 .

象 曰. 見 龍 在 田 . 德 施 普 也

Cửu nhị. Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân.

Tượng viết.

Hiện long tại điền. Đức thi phổ dã.

Dịch:

Rồng hiện trong đồng.

Nếu mà gặp đấng Cửu trùng thời hay

Tượng rằng: *Rồng hiện trong đồng*

Thi ân, bá đức, xa gần đã hay.

3. Hào Cửu tam.

九 三 .　君 子 終 日 乾 乾 . 夕 惕 若 . 厲 無 咎 .

象 曰 .　終 日 乾 乾 . 反 復 道 也 .

Cửu tam. Quân tử chung nhật kiền kiền. Tịch dịch nhược. Lệ. Vô cữu.

Tượng viết.

Chung nhật kiền kiền. Phản phục Đạo dã.

Dịch:

Suốt ngày quân tử lo toan,

Chiều buông, dạ vẫn bàng hoàng chửa yên.

Sự đời nguy hiểm tần phiền.

Nhưng ta trọn Đạo một niềm lỗi chi?

Tượng rằng: Suốt buổi lo toan,

Ấy là đắp đổi sớm hôm Đạo trời.

4. Hào Cửu tứ.

九 四 .　或 躍 在 淵 . 無 咎 .

象 曰 .　或 躍 在 淵 . 進 無 咎 也 .

Cửu tứ. Hoặc dược tại uyên. Vô cữu.

Tượng viết.

Hoặc dược tại uyên. Tiến vô cữu dã.

Dịch:

Vẫy vùng trong chốn vực sâu.

Vực sâu vùng vẫy, có đâu lỗi lầm.

Tượng rằng: *Vùng vẫy vực sâu.*

Tiến lên nào có lỗi đâu cho mình.

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 飛龍在天.利見大人.

象曰. 飛龍在天.大人造也.

Cửu ngũ. Phi long tại thiên. Lợi kiến đại nhân.

Tượng viết.

Phi long tại thiên. Đại nhân tạo dã.

Dịch:

Rồng bay, bay bổng trên trời,

Đại nhân gặp được nữa thời càng hay.

Tượng rằng:

Rồng bay, bay bổng khung trời,

Đại nhân đang độ trổ tài kinh luân.

6. Hào Thượng Cửu.

上九. 亢龍有悔.

象曰. 亢龍有悔.盈不可久也.

Thượng Cửu. Kháng long hữu hối.

Tượng viết.

Kháng long hữu hối. Doanh bất khả cửu dã.

Dịch:

Rồng bay quá trớn chẳng hay.

Rồng bay quá trớn, có ngày ăn năn.

Tượng rằng: *Rồng bay quá trớn ăn năn,*

Đầy rồi, sao có khả năng cửu trường?

7. Hào Dụng Cửu.

用 九 . 見 群 龍 無 首 . 吉 .

象 曰 . 用 九 . 天 德 不 可 為 首 也 .

Dụng Cửu. Kiến quần long vô thủ. Cát.

Tượng viết.

Dụng Cửu. Thiên đức bất khả vi thủ dã.

Dịch:

Đàn rồng chẳng có con đầu,

Sự tình đến thế, thời âu tốt lành.

Tượng rằng:

Rồng bay chẳng có con đầu,

Thế là thiên đức bằng nhau còn gì!

IV. VĂN NGÔN

I. VĂN NGÔN bình giải Thoán Từ, Thoán Truyện

A. Thoán Từ

文言曰.元者.善之長也.亨者.嘉之會也.利者.義 之和也.貞者.事之 榦 也.君子體仁.足以長人.嘉會足以合禮.利物足以和義.貞固.足以榦 事.君子行此四 德 者.故 曰：乾元亨利貞.

Văn Ngôn viết. Nguyên **giả. Thiện chi trưởng dã. Hanh giả. Gia chi mỹ dã. Lợi giả. Nghĩa chi hòa dã. Trinh giả. Sự chi cán dã. Quân tử thể nhân túc dĩ trưởng nhân. Gia hội túc dĩ hợp lễ. Lợi vật túc dĩ hòa nghĩa. Trinh cố túc dĩ cán sự. Quân tử hành thử tứ đức giả. Cố viết. Kiền. Nguyên. Hanh. Lợi. Trinh.**

Dịch:

1. Nguyên *là tốt nhất trần ai.*

Hanh *là muôn vẻ đẹp tươi hội về*

Lợi *là nghĩa lý đề huề*

Trinh *là gốc gác mọi bề ở ăn.*

2. *Mới hay quân tử thể nhân,*

Tinh tuyền đức hạnh, *xa gần phục theo.*

Hành vi đẹp đẽ mọi chiều,

Hợp theo nghi lễ, chẳng điều sai ngoa,

Làm cho lợi ích gần xa,

Theo đường nghĩa lý, hợp hòa dưới trên.

Một lòng cương quyết vững bền.

Việc gì cũng sẽ chu tuyền công lao.

3. Giữ tròn tứ đức *trước sau,*

Đã là quân tử gót đầu chẳng quên.

Thế là đức hạnh tinh tuyền.

Càn, Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh *đem thực hành.*

B. Thoán Truyện

乾始能以美利利天下，不言所利。大矣哉！大哉乾乎？剛健中正，純粹精也。六爻發揮，旁通情也。時乘六龍以御天也。雲行雨施，天下平也。

Kiền nguyên giả. Thủy nhi hanh giả dã. Lợi trinh giả. Tính tình dã. Kiền thủy năng dĩ mỹ lợi thiên hạ. Bất ngôn sở lợi. Đại hỹ tai. Đại tai kiền hồ. Cương kiện trung chính. Thuần túy tinh dã. Lục Hào phát huy. Bàng thông tình dã. Thời thừa Lục long dĩ ngự thiên dã. Vân hành vũ thí. Thiên hạ bình dã.

Dịch:

1. *Càn là cội rễ mối manh,*

Đã sinh rồi lại tác thành quần sinh.

Làm cho vạn vật xương vinh,

Làm cho vạn vật tính tình thoả thuê.

Được hay, được lợi mọi bề,

Lại cho Trường Cửu, chẳng hề đơn sai.

Sinh rồi cho đẹp, cho lời.

Làm lời thiên hạ, không nhời khoe khoang.

Thật là cao đại muôn vàn.

2. *Đạo trời trọng đại xiết bao!*

Cương cường, trung chính, bề nào cũng hay

Tinh toàn, hoàn thiện xưa nay,

Tinh hoa thuần túy, ai tầy ai đương.

3. Sáu Hào lần lượt hiển dương.

Nào tình, nào ý, tận tường vân vi.

4. Tùy thời biến ảo, suy di.

Sáu rồng lần cưỡi đi về trời mây.

Mưa rơi, thôi lại mây bay,

Làm cho vạn vật, đó đây thái bình.

II. Văn Ngôn bình giải các Hào

1. Hào Sơ Cửu.

a) 初九曰：「潛龍勿用。」何謂也？

子曰：「龍德而隱者也。不易乎世，不成乎名。

遯世無悶，不見是而無悶。樂則行之，

憂則違之。確乎其不可拔，乾龍也。」

Sơ Cửu viết. Tiềm long vật dụng hà vị dã?

Tử viết. **Long đức nhi ẩn giả dã. Bất dịch hồ thế. Bất thành hồ danh. Độn thế vô muộn. Bất kiến thị nhi vô muộn. Lạc tắc hành chi.** **Ưu tắc vi chi. Xác hồ kỳ bất khả bạt. Tiềm long dã.**

Dịch:

a)- Sơ rằng: Rồng ẩn chớ dùng,

Tại sao rồng ẩn, chẳng ưng thi tài?

Đức Khổng đáp:

Đức cao mà lại ẩn mình,

Đời thay, mình vẫn là mình chẳng thay.

Tiếng tăm chẳng bợn mảy may.

Đời không biết tiếng, mà nay chẳng buồn,

Chẳng cầu danh vọng trần hoàn,

Gặp thời, Đạo lý âu mang thi hành,

Thời cơ chẳng thuận cho mình,

Âu cùng Đạo lý mai danh ẩn tàng.

Luôn luôn khí phách đường hoàng;

Chẳng gì khuynh đảo tâm xoang của người.

Ấy là rồng ẩn trong đời.

b) 乾 龍 勿 用，下 也。

Tiềm long vật dụng hạ dã.

Dịch:

Rồng còn tiềm ẩn chớ dùng,

Rồng còn ở dưới, vẫy vùng chửa nên.

c) 乾 龍 勿 用，陽 氣 潛 藏。

Tiềm long vật dụng. Dương khí tiềm tàng.

Dịch:

Rồng còn tiềm ẩn chớ dùng,

Là vì Dương khí còn trong tiềm tàng.

d) 君 子 以 成 德 為 行，日 可 見 之 行 也。潛 之 為 言 也，隱 而 未 見，行 未 成，是 以 君 子 弗 用 也。

Quân tử dĩ thành đức vi hành. Nhật khả kiến chi hành dã. Tiềm chi vi ngôn dã. Ẩn nhi vị hiện. Hành nhi vị thành. Thị dĩ quân tử phất

dụng dã.

Dịch:

Thuận theo Thiên đức thi hành.

Hàng ngày quân tử đinh ninh chẳng rời.

Tiềm tàng là lánh truyện đời;

Khi mà công việc đang thời dở dang.

Vậy nên quân tử chưa làm.

Khi chưa gặp vận, tiềm tàng là hay.

2. Hào Cửu nhị.

a) 九二曰：「見龍在田，利見大人。」何謂也？

子曰：「龍德而正中者也。庸言之信，庸行之謹，

閑邪存其誠，善世而不伐，德博而化。

易曰：「見龍在田，利見大人。」君德也。」

Cửu nhị viết. Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân hà vị dã. Tử viết. **Long đức nhi chính trung giả dã. Dung ngôn chi tín. Dung hạnh chi cẩn. Nhàn tà tồn kỳ thành. Thiện thế nhi bất phạt. Đức bác nhi hóa.**

Dịch viết. **Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân. Quân đức dã.**

Dịch:

Hào hai rồng hiện trong đồng,

Nếu mà gặp đấng Cửu trùng thời hay.

Nghĩa là làm sao?

Đức Khổng đáp:

Thế là đức hạnh cao dầy

Lại thêm trung chính, thẳng ngay, hoàn toàn.

Nói ra lời đã đủ tin.

Việc làm thường nhật trang nghiêm, hẳn hòi.

Thấy điều tà khuất xa rời,

Cố công giữ vẹn tính Trời mới nghe.

Chỉnh trang thời thế, chẳng khoe,

Đức nhân cảm hóa mọi bề gần xa.

Dịch rằng: đồng ruộng rồng ra,

Đại nhân nếu gặp thật là mắn may.

Đại nhân nói tới nơi đây,

Chính là Thiên tử*, đấng thay quyền trời.*

b) 見 龍 在 田 , 時 舍 也。

Hiện long tại điền. Thời xả dã.

Dịch:

Hào hai rồng hiện trong đồng,

Ấy là thời thế chưa dùng người nhân.

c) 見 龍 在 田 , 天 下 文 明。

Hiện long tại điền. Thiên hạ văn minh.

Dịch:

Hào hai rồng hiện trong đồng,

Thế gian nhờ đó tưng bừng văn minh.

d) 君子學以聚之，問以辯之，寬以居之，仁以行之。

易曰：「見龍在田，利見大人。」君德也。

Quân tử học dĩ tụ chi. Vấn dĩ biện chi. Khoan dĩ cư chi. Nhân dĩ hành chi.

Dịch viết. **Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân. Quân đức dã.**

Dịch:

Học hành quân tử lo toan,

Học hành cốt để vẹn toàn kiến văn.

Hỏi han rành rẽ, biện phân.

Bao dung, khoáng đạt, đức nhân huy hoàng.

Dịch rằng: *rồng hiện trong đồng,*

Nếu mà gặp được Cửu trùng thời hay,

Đại nhân nói tới nơi đây,

Ấy là Thiên tử, đấng thay quyền Trời.

3. Hào Cửu tam.

a) 九三曰：「君子終日乾乾，夕惕，若厲，無咎。」何謂也？

子曰：「君子進德修業，忠信，所以進德也。修辭立其誠，

所以居業也。知至至之，可與幾也。知終終之，

可與存義也。是故，居上位而不驕，

在下位而不憂。故乾乾因其時而惕，

雖危而無咎矣。」

Cửu tam viết. Quân tử chung nhật kiền kiền. Tịch dịch nhược. Lệ vô cữu. Hà vị dã?

Tử viết. **Quân tử tiến đức tu nghiệp. Trung tín. Sở dĩ tiến đức dã. Tu từ lập kỳ thành. Sở dĩ cư nghiệp dã. Tri chí chí chi. Khả dữ cơ dã. Tri chung chung chi. Khả dữ tồn nghĩa dã. Thị cố cư thượng vị nhi bất kiêu. Tại hạ vị nhi bất ưu. Cố kiền kiền nhân kỳ thời nhi dịch. Tuy nguy vô cữu hĩ.**

Dịch:

Suốt ngày quân tử lo toan,

Chiều buông, dạ vẫn bàng hoàng chửa yên.

Sự đời nguy hiểm, tần phiền,

Nhưng ta trọn Đạo một niềm, lỗi chi?

Thế nghĩa là làm sao?

*Đ*ức Khổng đáp:

Đức mình, quân tử trau dồi,

Đồng thời sự nghiệp, chẳng ngơi kiện toàn,

Muốn cho đức cả huy hoàng,

Một niềm trung tín, sắt son ai tầy,

Sửa sang lời nói cho ngay,

Nói lời thành tín, nghiệp xây vững bền.

Biết nơi phải đến, đến liền,

Thế là biết được cơ duyên ở đời.

Biết tìm chung cuộc hẳn hoi,

Thấy rồi thực hiện, lẽ Trời đành hay.

Cho nên quân tử xưa rầy,

Cao không ngạo nghễ, thấp nay chẳng buồn.

Những là hoạt động, lo toan,

Tùy thời, xử thế, khôn ngoan đề phòng.

Lâm nguy, vẫn vẹn tác phong,

Không hề lầm lỗi, ai hòng cười chê.

b) 終 日 乾 乾 , 行 事 也 。

Chung nhật kiền kiền. Hành sự dã.

Dịch:

Suốt ngày lo lắng, tính toan,

Ấy là sốc vác, lam làm liên canh.

c) 終 日 乾 乾 , 與 時 偕 行。

Chung nhật kiền kiền. Dữ thời giai hành.

Dịch:

Suốt ngày lo lắng, tính toan,

Thế là theo nhịp thời gian tiến dần.

d) 九 三: 重 剛 而 不 中 , 上 不 在 天 , 下 不 在 田。

故 乾 乾 因 其 時 而 惕 , 雖 危 無 咎 矣。

Cửu tam. Trùng cương nhi bất trung. Thượng bất tại thiên. Hạ bất tại điền. Cố kiền kiền nhân kỳ thời nhi dịch. Tuy nguy vô cữu hĩ.

Dịch:

Cửu tam: *Cương cường, nhưng lại bất trung,*

Cao không tới, thấp không thông, mới rầy.

Biết lo, biết lắng, mới hay,

Lo làm công chuyện, suốt ngày quản bao.

Dẫu nguy, nào lỗi chi nào,

Tuy rằng nguy hiểm, ai nào trách ta.

4. Hào Cửu tứ.

a) 九四：「或躍在淵，無咎。」何謂也？

子曰：「上下無常，非為邪也。進退無恆，非離群也。

君子進德修業，欲及時也，故無咎。」

Cửu tứ. Hoặc dược tại uyên. Vô cữu. Hà vị dã.

Tử viết. **Thượng hạ vô thường. Phi vi tà dã. Tiến thoái vô hằng. Phi ly quần dã. Quân tử tiến đức tu nghiệp. Dục cập thời dã. Cố vô cữu.**

Dịch:

Vẫy vùng trong chốn vực sâu,

Vực sâu vùng vẫy, có đâu lỗi lầm?

Thế nghĩa là làm sao?

*Đ*ức Khổng đáp:

Sự đời lên, xuống bất kỳ,

Miễn sao tránh khỏi tà phi, được rồi.

Cũng khi tiến thoái, tùy thời,

Luôn luôn giữ vẹn tính Trời, mới hay.

Con người quân tử xưa nay,

Nghiệp tu, đức tiến, kịp ngay với đời.

Đã theo kịp được thời Trời,

Làm sao có thể lầm sai được nào?

b) 或 躍 在 淵，自 試 也。

Hoặc dược tại uyên. Tự thí dã.

Dịch:

Vẫy vùng ở chốn vực sâu,

Tự mình thử thách xem bao đức tài?

c) 或 躍 在 淵，乾 道 乃 革。

Hoặc dược tại uyên. Kiền Đạo nãi cách.

Dịch:

Vẫy vùng ở chốn vực sâu,

Ấy là Thiên Đạo *có mầu đổi thay.*

d) 九 四: 重 剛 而 不 中， 上 不 在 天，下 不 在 田，中 不 在 人，

故 或 之。或 之 者，疑 之 也，故 無 咎。

Cửu tứ. Trùng cương nhi bất trung. Thượng bắt tại thiên. Hạ bất tại điền. Trung bất tại nhân. Cố hoặc chi. Hoặc chi giả. Nghi chi dã. Cố vô cữu.

Dịch: Cửu tứ:

Trùng Cương mà lại bất trung,

Trên không thông, dưới không thông, mới rầy

Xa Trời, xa đất, xa người,

Cho nên trong dạ có bài nghi nan.

Đã nghi, thời sẽ khôn ngoan,

Khôn ngoan, nên thoát đa đoan, lỗi lầm.

5. Hào Cửu ngũ.

a) 九五曰：「飛龍在天，利見大人。」何謂也？

子曰：「同聲相應，同氣相求；水流濕，火就燥；雲從龍，

風從虎。聖人作，而萬物睹，本乎天者親上，

本乎地者親下，則各從其類也。

Cửu ngũ viết**. Phi long tại thiên. Lợi kiến đại nhân. Hà vị dã.**

Tử viết. **Đồng thanh tương ứng. Đồng khí tương cầu. Thủy lưu thấp. Hỏa tựu táo. Vân tòng long. Phong tòng hổ. Thánh Nhân tác nhi vạn vật đổ. Bản hồ thiên giả thân thượng. Bản hồ địa giả thân hạ. Tắc các tòng kỳ loại dã.**

Dịch:

Rồng bay, bay bổng lưng trời,

Đại nhân gặp được, nữa thời càng hay.

Thế nghĩa là làm sao?

Đức Khổng đáp:

Dạy rằng đồng khí tương cầu,

Đồng thanh tương ứng, trước sau lẽ Trời.

Nước tìm chỗ ướt chẩy xuôi,

Lửa thời cao ráo, là nơi hướng về.

Mây theo rồng, mới thỏa thuê,

Gió theo được hổ, đề huề mới nên.

Thánh Nhân hoạt động chính chuyên,

Để cho vạn vật nhìn xem bấy chầy.

Gốc Trời hướng thượng xưa nay,

Gốc Đất hướng hạ, chẳng thay, chẳng rời.

Thế là loài lại theo loài,

Loài nào, loài ấy có sai bao giờ.

b) 飛 龍 在 天，上 治 也。

Phi long tại thiên. Thượng trị dã.

Dịch:

Rồng bay, bay bổng khung trời,

Thế là chính cách trị đời cao siêu.

c) 飛 龍 在 天，乃 位 乎 天 德

Phi long tại thiên. Nãi vị hồ thiên đức.

Dịch:

Rồng bay, bay bổng khung trời,

Thế là theo đúng đức trời ở ăn.

d) 夫 大 人 者，與 天 地 合 其 德，與 日 月 合 其 明，與 四 時 合 其 序，與 鬼 神 合 其 吉 凶。先 天 而 天 弗 違，後 天 而 奉 天 時。天 且弗 違，而 況 於 人 乎？ 況 於 鬼 神 乎？

Phù đại nhân giả. Dữ thiên địa hợp kỳ đức. Dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh. Dữ tứ thời hợp kỳ tự. Dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung. Tiên thiên nhi thiên phất vi. Hậu thiên nhi phụng thiên thời. Thiên thả phất vi. Nhi huống ư nhân hồ. Huống ư quỉ thần hồ?

Dịch:

Đại nhân đức hạnh bao la,

Như Trời, như Đất cao xa muôn trùng.

Sáng như Nhật Nguyệt hai vừng,

Sống đời tiết tấu, hợp khung bốn mùa.

Những điều lành, dữ, ghét, ưa,

Quỷ thần đường lối đem so khác nào.

Trước Trời, Trời chẳng trách đâu,

Sau Trời, cho hợp cơ mầu thời gian.

Trời không trách cứ, phàn nàn,

Thời người còn dám than van, nỗi gì?

Trời, Người, chẳng trách, chẳng chê,

Quỷ thần âu cũng chẳng hề oán than.

6. Hào Thượng Cửu.

a) 上九曰：「亢龍有悔。」何謂也？

子曰：「貴而無位，高而無民，賢人在下而無輔，是以動而有悔也。」

Thượng Cửu viết**. Kháng long hữu hối. Hà vị dã?**

Tử viết. **Quí nhi vô vị. Cao nhi vô dân. Hiền nhân tại hạ vị nhi vô phụ. Thị dĩ động nhi hữu hối dã.**

Dịch:

Rồng bay quá trớn ăn năn,

Câu này phải hiểu nghĩa rằng thế nao?

Tử rằng: *Quí lại không ngôi,*

Tuy cao mà chẳng có người, có dân.

Thiếu người phù ủng, đỡ dần,

Hiền nhân ở dưới, chẳng nâng đỡ người

Người mà như vậy, thời thôi,

Làm chi âu cũng có hồi ăn năn.

b) 亢 龍 有 悔 , 窮 之 災 也。

Kháng long hữu hối. Cùng chi tai dã.

Dịch:

Rồng bay quá trớn ăn năn,

Đến cùng, đến cực, đành rằng nguy tai.

c) 亢 龍 有 悔 , 與 時 偕 極。

Kháng long hữu hối. Dữ thời giai cực.

Dịch:

Rồng bay quá trớn ăn năn,

Những là hao kiệt tâm thân theo thời.

d) 亢 之 為 言 也 , 知 進 而 不 知 退 , 知 存 而 不 知 亡 , 知 得 而 不 知 喪。其 唯 聖 人 乎 ? 知 進 退 存 亡 , 而 不 失 其 正 者 , 其 為 聖 人 乎 ?

Kháng chi vi ngôn dã. Tri tiến nhi bất tri thoái. Tri tồn nhi bất tri vong. Tri đắc nhi bất tri táng. Kỳ duy Thánh Nhân hồ! Tri tiến thoái tồn vong nhi bất thất kỳ chính giả. Kỳ duy Thánh Nhân hồ!

Dịch:

Rồng bay quá trớn hóa sui,

Ấy là biết tiến, mà lui chẳng tường

Chẳng hay sống, chết, đôi đường.

Sống thời biết sống, chết nhường chẳng hay.

*N*guyên là muốn được mãi đây,

Chẳng bao giờ muốn có ngày mất đi.

Thánh Nhân riêng hiểu cơ vi,

Tồn vong, tiến thoái, minh tri cơ Trời.

Tiến lui, luôn hợp lẽ Trời,

Tới lui hợp lý, ai ngoài Thánh nhân?

7. Hào Dụng Cửu

a) 乾 元 用 九，天 下 治 也。

Kiền nguyên dụng Cửu. Thiên hạ trị dã.

Dịch:

Kiền nguyên biến hoá xong rồi,

Bấy giờ thiên hạ nơi nơi trị bình.

b) 乾 元 用 九，乃 見 天 則。

Kiền nguyên dụng Cửu. Nãi kiến thiên tắc.

Dịch:

Kiền nguyên biến hóa xong rồi,

Bấy giờ mới thấy Luật Trời hiện ra.

BÌNH GIẢNG

Muốn hiểu quẻ Kiền cũng như các quẻ Dịch sau này, trước hết phải hiểu bốn chữ **Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh.**

A. Ở **các quẻ ngoài Kiền và Khôn,** thời **Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh** được bình giảng như sau:

-Nguyên là lớn mạnh, hào hùng, cao đại.

-**Hanh** là thông suốt, chôi chẩy, không bị bế tắc.

-Lợi là lợi ích, hay thích nghi, thích đáng.

-Trinh là chính, là bền (Trinh cố, chính trực, bền vững) Chúng dạy ta bài học thực tế sau đây:

Ở đời muốn thoát khỏi mọi bế tắc, muốn lướt thắng được mọi trở lực, chúng ta phải lớn, phải mạnh. Muốn được lợi ích lâu bền, và đích thực, phải theo chính Đạo, Chính Lý.

B. Nhưng ở **quẻ Kiền, và Khôn,** thời Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh lại có nghĩa khác:

- **Nguyên** là nguyên thủy, căn do, gốc gác.

- Hanh là biến hoá, trường thịnh, hanh thông.

- Lợi là thoải mái, ích lợi.

- Trinh là thành đạt, bền vững, vĩnh cửu.

Tiên Nho thường dùng bốn chữ này, để mô tả bốn giai đoạn của cuộc **Tiến Hoá quần sinh:**

-Căn nguyên Trời làm cho vạn vật trổ sinh. **(Nguyên)**

- Nhờ căn nguyên ấy, nhờ nguồn sống vô biên ấy, vạn vật trở nên lớn mạnh, phát huy được mọi tiềm năng, tiềm lực. **(Hanh)**

- Nhờ vậy sẽ có những ứng dụng vô biên, và sẽ được thoải mái, thảnh thơi, toại ý.**(Lợi)**

- Cuối cùng sẽ đi đến chỗ thành tựu, đến chỗ hoàn thiện. **(Trinh)**

Như vậy chỉ dùng bốn chữ Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh mà vẽ được tất cả vòng biến thiên, tiến hoá của Trời Đất, từ lúc manh nha (Nguyên) cho đến lúc kết quả (Trinh)

Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh ứng vào bốn mùa là **Xuân, Hạ, Thu, Đông**; ứng vào tiết tấu biến dịch là **Sinh, Trưởng, Liễm, Tàng.**

Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh nơi con người ứng vào tứ đức **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí.** Nói cách khác,**Nguyên** là **Tận thiện, Hanh** là **Tận Mỹ, Lợi** là **Thái Hòa, Trinh** là **Hoàn Thiện**

Nơi vũ trụ, thì vòng tiến hoá có chiều phóng xuất. Tiên Nho gọi là **Xuất cơ,** nó gồm Nguyên, Hanh. Và chiều **Nhập cơ**, nó gồm Lợi, Trinh.

Nơi con người, thì vòng Tiến Hoá bắt đầu từ căn bản con người, là **Thiên Tâm** (Nguyên), diễn biến dần dần qua các bình diện **Tâm, Trí, Xác, Gia đình, Quốc gia, Xã hội, Hoàn cảnh, Vật Chất,** để cuối cùng lại quay trở về các bình diện nội tâm, tình, tính, để cho con người **nhập thần,** đạt **Thiên Vị.** Vì thế Dịch nói: **Lợi trinh tính, tình dã (**Văn Ngôn)

Thánh nhân là người đã nhận chân được cái căn nguyên Trời nơi lòng mình, nên sẽ dùng không gian, thời gian, hoàn cảnh làm môi trường, để phát huy mọi khả năng biến hóa của mình, để đi tới tận thiện, chỉ dạy cho con người đi đến tận thiện, làm cho mọi người sống trong cảnh thái bình, hoan lạc. Cho nên **HỌC DỊCH ĐỂ BIẾT CĂN CỐT MÌNH, BIẾT MỤC PHIÊU MÌNH PHẢI ĐẠT TỚI, BIẾT NHỮNG PHƯƠNG TIỆN MÌNH CÓ THỂ CÓ, ĐỂ THỰC HIỆN MỤC PHIÊU ẤY.**

Căn cốt mình là **Kiền nguyên,** tức là **Tính Trời,** là **Căn Trời.** Mục phiêu mình phải liễu đạt là **THIÊN TÍNH, THIÊN VỊ.** Phương tiện mình có thể dùng là không gian, thời gian, hoàn cảnh, các khám phá của tiền nhân, sự cố gắng của chính mình, sức biến hóa của chính mình và của vũ trụ. Mạnh Tử nói:**Nhân giai khả dĩ vi Nghiêu. Thuấn (**Ta học Dịch phải có mục đích làm Đại nhân như Nghiêu, Thuấn) Thật là chí lý vậy.

Quẻ Kiền bàn về:

A- Trời, và Đạo Trời.

B- Thánh Nhân.

C- Quân tử.

D- Những nguyên tắc tổng quát để tu thân, xử thế.

A. - VẤN ĐỀ TRỜI

Trước tiên, ta phải nhận định rằng người xưa có nhiều thành ngữ để chỉ Trời, để chỉ Tuyệt Đối, hay Thực Thể của vũ trụ

-Khi muốn đề cập đến Trời một cách tổng quát thì gọi là Đạo.

-Khi nói đến tính tình của Trời, thì dùng chữ Kiền.

-Khi nói đến hình thể Trời thì dùng chữ Thiên.

-Khi dề cập đến Trời như vị chủ tể, thì dùng chữ Đế.

-Khi muốn về các hoạt động, các sự biến hóa của Trời thì dùng hai chữ Quỷ Thần.

-Khi nói về diệu dụng của Trời thì dùng chữ Thần.

-Khi xét về phương diện bản thể của vũ trụ, thì gọi là Dịch.

Dịch kinh muốn người bắt chước Trời, nên giống như Trời. Cho nên, nói về Trời, về tính Trời, thì dùng những chữ **Cương kiện, Trung chính, Thuần túy, Chí tinh.**

Dạy người, thì muốn cho người luôn luôn cương kiện, luôn luôn gắng gỏi công trình, thực hiện được trung chính, thực hiện thấu đáo được tinh hoa của Trời Đất, để rốt ráo trở nên thuần túy, chí thiện. Đó cũng là chủ trương của Đại Học và Trung Dung.

Cho nên, **Dịch không phải dạy nghề bói toán để ta có một kế mưu sinh đoạn tháng, qua ngày,** mà chính là trao cho con người một **phương pháp để trở về với Trời,** muốn cho con người trở nên **Khiết, Tinh, Tinh vi,** biến hóa theo thời gian, tuổi tác, hoàn cảnh, chứ không phải để cho thời gian, tuổi tác, hoàn cảnh lôi cuốn, mà ngược lại **dùng tuổi tác, hoàn cảnh, thời gian, lịch sử làm công cụ để siêu phàm, nhập thánh.**

Bàn về Đạo Trời, Văn Vương dùng có 5 chữ **Kiền, Nguyên, Hanh,**

Lợi, Trinh. Thực là vắn tắt hết sức, mà cũng hàm súc hết sức. Giải rộng ra, ta thấy Trời là nguồn gốc sinh ra muôn loài, làm cho muôn loài xương vinh, toại ý, để cuối cùng đạt được lý tưởng hoàn thiện, tinh hoa, và Trường Cửu vô biên.

Muốn thực hiện mục phiêu ấy, Trời dùng sự biến hóa, biến dịch tức là hiển lộ thần thông, phép tắc, để muôn loài theo đà thời gian, **theo trào lưu Tiến Hoá**, dần dần sẽ thực hiện được **trạng thái thái hoà lý tưởng cuối cùng,** theo ý Trời. Vì thế Thoán nói:

Kiện toàn Tính mệnh của mình.

Giữ gìn toàn vẹn tính lành Trời cho.

Mới hay:

Thóc gieo thành lúa, thành bông.

Tuần hoàn, thóc vẫn thủy chung là mình.

Trời dầu vạn trạng, thiên hình,

Nhưng mà chung thủy, sự tình chẳng hai. . .

B. ĐẠO THÁNH NHÂN

Dịch kinh và Chư Nho chủ trương:

1. Thánh Nhân là những người **đắc Thiên vị, hành Thiên Đạo.**

2. Nên Thánh Nhân hành động bao giờ cũng hợp thời, biết cơ Trời, biết nhẽ tiến hoá, tồn vong, đắc thất, nên không bao giờ phải hối hận. Thánh Nhân khi đạt Thiên vị, sẽ đem Thiên Đạo ra thi hành, sẽ dùng người tài đức dạy dỗ dân, sẽ treo gương hoàn thiện cho dân soi, và sẽ cố gắng mang thái bình, thinh trị về cho thiên hạ.

Tóm lại, Thánh Nhân, Thánh Vương sẽ bắt chước Trời mà hành động. Trời biến hóa để muôn loài được vui sống. **Thánh Vương, Thánh Nhân cũng sẽ làm chủ chốt, cũng sẽ hướng dẫn mọi biến thiên của nhân quần, để vạn quốc được an bình.**

C. ĐẠO QUÂN TỬ

Bàn về Đạo người quân tử, tức là bàn về phương pháp tu thân, để đi từ **Nhân vị** đến **Thiên vị,** quẻ Kiền dạy ở:

- Tượng Truyện: Người quân tử phải cố gắng không ngừng, y như Trời hoạt động không ngừng. Người quân tử phải luôn luôn cố gắng tiến đức, tu nghiệp, cốt làm sao vươn lên đến một đời sống lý tưởng, qui tụ vào nơi mình mọi vẻ đẹp đẽ, rồi ra làm cho mọi người cũng được Tiến Hoá, cũng được hoan lạc, sung sướng và cũng thực hiện được lý tưởng hoàn thiện như mình **(Thiên hành kiện. Quân tử dĩ tự cường bất tức)**

D. NHỮNG NGUYÊN TẮC TỔNG QUÁT TU THÂN, XỬ THẾ

Ngoài ra, quẻ Kiền còn dạy ta bài học nhân sinh, tu thân, xử thế ở nơi các Hào .

1. Hào Sơ Cửu. Theo Dịch Kinh, dẫu ta có chí cả, nhưng chưa đủ tài đức, chưa gặp được thời cơ, thì cũng không được khinh suất **(Tiềm long vật dụng)**

2. Hào Cửu nhị. Khi đã gặp thời cơ thuận tiện hơn, có địa vị khả quan hơn, khi tài đức mình đã bắt đầu hiển lộ, khi đã được mọi người đặt kỳ vọng vào mình, thời nên cộng tác với các bậc Minh vương, hoặc vị nguyên thủ có tài đức để mưu ích cho thiên hạ **(Hiện long tại điền. Lợi kiến đại nhân)**

3. Hào Cửu tam. Dẫu đã có địa vị hơn người, nhưng vẫn phải một lòng cầu tiến, luôn luôn gắng gỏi ra công tiến đức, tu nghiệp, luôn luôn biết phòng nguy, lự hiểm, có vậy mới vô sự **(Quân tử chung nhật kiền kiền. Tịch dịch nhược. Lệ. Vô cữu)**

4. Hào Cửu tứ. Hơn nữa càng lên cao, càng phải e dè, thận trọng, càng cần phải biết xét nét nhân tình, xét nét tâm lý người trên, kẻ dưới. Phải biết cơ vi tiến thoái; phải biết đợi thời cơ thuận tiện mới hành động, mới vẫy vùng; không bao giờ được quyết định, được hành động cẩu thả.

Tóm lại, sống ở đời cần phải biết nhẽ tiến thoái. Tiến thoái cho thích đáng, hành động cho hợp thời, mới tránh được mọi chuyện đáng tiếc, đáng phàn nàn **(Hoặc dược tại uyên. Vô cữu)**

5. Hào Cửu ngũ. Khi đã lên ngôi trời, thống trị muôn dân, thì phải thi hành thiên Đạo, chọn hiền tài phụ bật, để thực hiện một cuộc cai trị lý tưởng cho muôn dân **(Phi long tại thiên. Lợi kiến đại nhân)**

6. Hào Thượng Cửu. Khi đã lên tới tuyệt đỉnh, lại càng phải gia ý đề phòng, và cũng nên nghĩ đến chuyện **công thành thân thoái,** mới được vẹn toàn **(Kháng long hữu hối)**

VỀ PHƯƠNG DIỆN TU THÂN, ta có thể ghi nhận một vài bài học sau đây.

1. Khi mới giác ngộ, khi mới vừa nhận định ra rằng trong lòng mình có **CĂN TRỜI**, có THIÊN ĐỊA CHI TÂM, thời phải hết sức chắt chiu, ấp ủ, không được khinh xuất, phá tán.

2. Khi tài đức đã hiển lộ, thời nên cộng tác với các bậc Thánh Nhân hiền đức ở trên mình, để có thể mang tài đức giúp ích cho đời đến mức tối đa.

3. Lúc nào cũng phải cố gắng tu thân, tiến đức.

4. Ngoài ra, còn phải tỏ ra tri cơ, thức nhân tâm và thời vụ.

5. Mục đích của công cuộc tu thân là thực hiện Thiên Đức, đạt tới Thiên vị, trở nên hoàn thiện.

6. Khi quang huy đã lên tới cực điểm, lại càng phải hết sức khiêm cung, càng phải thông đạt lẽ tiến thoái, tồn vong. . .

Tóm lại: Quẻ Kiền cho rằng:

A. Về phương diện Triết học & Đạo giáo :

Trời là căn cốt cũng là cùng đích của muôn loài, hằng lồng trong vạn vật, để làm căn cơ, làm chủ chốt cho mọi công cuộc biến thiên, tiến hoá. Và tất cả sự biến chuyển, biến dịch của Trời chỉ cốt làm sao cho vạn vật phát huy được mọi tiềm năng, tiềm lực của mình; được thảnh thơi toại ý, và cuối cùng đạt được sự hoàn thiện, hoàn mỹ, trở về được với bản thể Thái Hòa nguyên thủy.

B. Về phương diện chính trị:

Kiền cho rằng Vương Đạo phải mô phỏng theo Thiên Đạo. Như vậy bậc quân vương phải là người hoàn thiện, thực lòng thương xót chúng dân, đem Đạo lý chân chính ra thi hành để đem an ninh lại cho thiên hạ.

C. Về phương diện tu thân và xử thế:

Quẻ Kiền cho rằng: Nếu chúng ta có căn cơ, có chí khí, có nghị lực, lúc nào cũng cương quyết, cũng hăng hái, thì dẫu làm gì cũng nên công. Tuy nhiên, hăng hái, mạnh mẽ cũng chưa đủ, mà **phải hăng hái, mạnh mẽ theo đúng đường Đạo lý**, **theo đúng gương Trời,** đúng đường lối Trời mà hành sự, mới có thể lập được đại công, đại nghiệp.

Ngoài ra, dẫu rằng mình là người tài cao, trí cả, cũng không bao giờ được vọng động, mà phải hành động cho hợp thời, hợp cảnh, hợp Đạo lý. **Khi chưa đạt tới mức hoàn thiện**, **hãy cố gắng vươn lên.** Khi đã đạt mức hoàn thiện, phải lo triển dương tài đức, giáo hóa chúng dân, thi ân bá trạch cho thiên hạ.

Phải luôn luôn gắng gỏi công trình và như con rồng thiêng, luôn luôn biến hóa. Phải noi gương Trời mà hành sự. Phải tiến lên Thiên đức, Thiên vị.

D. Quẻ Kiền như muốn tiên đoán về một thời hoàng kim mai hậu, mà mọi người đều như nhau, sống sung sướng, như một đàn rồng bay trên thinh không, mà chẳng cần có con đầu đàn dẫn lộ, sống một cuộc đời thuận Đạo lý vì nhìn tỏ thấy Luật trời ghi tạc nơi tâm (Kiền quần long vô thủ cát) Như vậy chẳng phải là những bài học quí báu hay sao?

ÁP DỤNG QUẺ KIỀN VÀO THỜI ĐẠI

Khi vào Kinh Dịch, ai cũng nói là đọc quẻ Kiền, quẻ Khôn là khó hiểu nhất, nhưng theo tôi (Huyền Linh, tác giả bài này), nó không có gì khó hiểu cả, khó hiểu chỉ vì người đọc Dịch cứ tìm tòi tiểu tiết, của từng câu chữ Hán, nên như bị vào mê hồn trận, không có lối ra , rồi sau đó đoán mò, hiểu bậy bạ, theo thiển kiến của họ.

Tôi cũng như phần đông độc giả, chỉ biết võ vẽ vài ba chữ Hán, hiểu lơ mơ mấy chữ đã phiên Âm, nhưng đã **hiểu ý nghĩa**

của toàn quẻ sau khi đọc lời Bình Giảng, mà nhà tôi đã soạn khi xưa, lúc dạy Dịch ở Đại Học Minh Đức Việt Nam, nên tôi đã nẩy ra ý định cộng tác với chồng tôi, về phần **Áp dụng vào thời đại,** để minh chứng với người xưa rằng: không phải là những người trên 50 tuổi mới hiểu được Dịch, mà ngay một người độ 18 tuổi (đọc và viết thông tiếng Việt), **sau khi đọc phầnBình Giảng, và phần Áp dụng vào Thời đại** của tôi soạn, (nếu thông hiểu tiếng Việt) thì cũng hiểu. Tôi muốn chứng minh rằng phụ nữ, không những cũng có thể học Dịch, mà còn có thể tham gia vào phần nghị luận về tư tưởng, cũng như về Đạo Lý, như các bậc tiền bối Thánh Hiền.

Sự thật, học Kinh Dịch chẳng có gì là quá khó khăn như người ta tưởng. Tôi xin trình bầy cách hiểu quẻ Kiền của tôi ra sao để quí độc giả thưởng lãm.

1- Khi bắt đầu vào quẻ nào, ta phải đọc kỹ Thoán, vì nó là tổng kết của toàn quẻ, và khi đã nắm được ý chính của nó muốn nói gì, thì ta sẽ hiểu rất dễ dàng các Hào sau này, vì Hào chỉ là khai triển từng giai đoạn, mà quẻ muốn nói mà thôi. Ví dụ: khi đọc Thoán Từ của quẻ Kiền, tôi đọc câu thơ:

Kiền nguyên tóm hết Đạo Trời.

Tóm thâu Thiên Đạo khúc nhôi sinh thành.

Và câu chót

Thánh Nhân vượt trổi chúng sinh,

Làm cho muôn nước an bình khắp nơi.

là tôi hiểu ngay quẻ Kiền muốn nói về Đạo Trời (Thiên Đạo) và về Chính Trị (muôn nước an bình) từ lúc mới manh nha, cho đến ngày Hoàn Thiện (Đạo Trời), và Hoàn Mỹ (Chính Trị)

Về Đạo Trời, thì tác giả đã nói quá rõ, trong phần Bình Giảng, ở đây tôi chỉ xin **góp ý** một chút trong phần Bình Luận nhỏ này về liên quan đến Chính trị trong quẻ Kiền. Ta thấy trong Hào 1, 2, 3, 4, luôn khuyên những người có chí lớn, nhưng chưa đủ kinh nghiệm và tài đức, phải cố gắng, cầu tiến; nhưng không được khinh xuất, phải e dè, thận trọng, phải biết đợi thời cơ thuận tiện

mới hành động, phải biết lẽ tiến thoái.

Ngày nay, đúng vậy, người muốn lập sự nghiệp lớn, mới có chí lớn chưa đủ, mà ngay từ thuở thiếu thời đã phải học luật, học về chính trị, và phải xuất thân ở 1 Đại Học danh tiếng, phải gia nhập vào đảng Chính trị có uy tín trong nước, để dựa vào thế lực của đảng, làm nấc thang cho mình leo lên ngành cai trị dân. Có thể lúc đầu từ cấp cai trị thấp, sau sẽ leo dần lên. Như vậy nếu mình là người thật lòng vì dân, vì nước, thì sự thành công sẽ dễ dàng hơn là một người không có tài đức, kinh nghiệm, mà cứ muốn nhờ gió bẻ măng. Nếu may mắn mà lên, thì đường hoạn lộ cũng không bền, còn không, sẽ thất bại dễ dàng.

Hào 5 nói đến bổn phận của một vì Thiên tử là phải chọn hiền tài phụ bật, phải thực hiện một cuộc cai trị lý tưởng cho muôn dân (chế độ Quân chủ xưa)

Hào 6 nói đến các vị vua sau này, thụ hưởng quá nhiều, đâm ra xa xỉ , phóng túng, hành vi quá trớn, do đó Hào 7 Dụng Cửu nói: **Kiến quần long vô thủ. Cát,** là khi nào nước do 1 nhóm người cai trị, mà không ai là người cầm đầu, **ý nói là những người trong nhóm này có thẩm quyền quyết định ngang nhau.** Khi mà tất cả thế giới đều được như vậy, lúc đó sẽ là lúc Hoàn Mỹ. An bình thịnh trị sẽ đến với mọi người trên trái đất này. Phải chăng đó là chế độ Tổng Thống và Lưỡng viện của Hoa Kỳ hiện nay? Vì sao tôi nói vậy? Vì đã nghiềm ngẫm lịch sử từ xưa tới nay, tôi chưa thấy ở nước nào mà người dân bới lỗi lầm, bôi nhọ nhà vua, qua báo chí mà không bị trừng trị. Hơn nữa, nếu người cầm đầu mà bất tài, thì đã bị lôi xuống rồi, chứ đừng nói là có thể hà khắc đối với dân chúng. Nhóm người cầm đầu lại do dân bầu: như vậy nếu họ làm hại dân, hay chỉ lo mưu đồ tư lợi cho cá nhân mình, nếu không bị chỉ trích hoặc truất phế ngay lúc đó, thì khoá sau, (chỉ cách khóa trước 4 năm), họ cũng không hy vọng gì được trở lại chức vị cũ.

Nếu ta áp dụng quẻ Kiền vào các sự nghiệp khác, thì cũng vậy mà thôi, nghĩa là ta phải hoạch định ngay từ thuở thiếu thời, đường lối mà ta đã dự định, và ta nhất định theo đuổi tới cùng, dù vất vả, gian lao mấy cũng không sờn, thì sớm muộn gì ta cũng sẽ thành công.

2. 坤為地 KHÔN VI ĐỊA

BÁT THUẦN KHÔN

I. Thoán

A. Thoán Từ.

坤：元，亨，利牝馬之貞。君子有攸往，先迷后得主，利西南得朋，東北喪朋。安貞，吉。

Khôn. Nguyên hanh. Lợi tẫn mã chi trinh. Quân tử hữu du vãng. Tiên mê hậu đắc. Chủ lợi Tây Nam đắc bằng. Đông Bắc táng bằng. An trinh cát.

Dịch:

Khôn là gốc gác quần sinh.

Làm cho vạn vật phỉ tình hanh thông,

Lại sinh lợi ích khôn cùng,

Như con ngựa cái thung dung, kiên trì,

Khi người quân tử vân vi,

Trước mê, sau gặp chủ thì mới hay,

Tây Nam gặp bạn đường đời,

Đến phương Đông Bắc bạn thời còn ai?

Bền lòng, vững chí hôm mai,

An lòng, vững chí, sẽ may, sẽ lành.

B. Thoán Truyện.

彖曰: 至哉坤元，萬物資生，乃順承天。坤厚載物，德合無疆。含弘光大，品物咸亨。牝馬地類，行地無疆，柔順利貞。君子攸行，先迷失道，后順得常。西南得朋，乃與類行;東北喪朋，乃終有慶。安貞之吉，應地無疆。

Thoán viết. **Chí tai Khôn nguyên. Vạn vật tư sinh. Nãi thuận thừa thiên. Khôn hậu tải vật. Đức hợp vô cương. Hàm hoằng quang đại. Phẩm vật hàm hanh. Tẫn mã địa loại. Hành địa vô cương. Nhu thuận lợi trinh. Quân tử du hành. Tiên mê thất Đạo. Hậu thuận đắc thường. Tây Nam đắc bằng. Nãi dữ loại hành. Đông bắc táng bằng. Nãi chung hữu khánh. An trinh chi cát.** Ứng **địa vô cương.**

Dịch:

Khôn nguyên cao trọng xiết bao,

Muôn loài đều phải nương vào cầu sinh.

Khôn nguyên cao trọng đã đành,

Vì luôn thuận ý cao xanh chẳng rời.

Đất dày nâng đỡ muôn loài,

Xét về đức cả, đành thời vô biên,

Ấp ôm vạn vật mọi miền,

Làm cho đâu đấy sáng lên huy hoàng.

Được nhờ ơn đất cưu mang,

Cho nên muôn vật rỡ ràng, đẹp tươi.

Ngựa cái với đất cùng loài,

Tung hoành khắp chốn, khắp nơi thỏa tình;

Luôn luôn nhu thuận, lợi trinh.

Cho người quân tử gương lành noi theo.

Mới đầu mê lạc đến điều,

Là vì bỏ mất chẳng theo Đạo Trời.

Sau rồi, nhu thuận, đòi noi,

Mới đâu ra đấy, cơ ngơi rõ ràng.

Tây Nam gặp được bạn đàng,

Cùng người đồng loại, thênh thang đăng trình.

Phía Đông Bắc mất bạn mình,

Cuối cùng vượt được quần sinh mới là.

Siêu quần, bạt tụy mình ta,

Mới là may mắn, mới là vinh xương.

Bền gan, rồi sẽ cát tường,

Y như trái đất, vô cương khác nào.

II. Đại Tượng Truyện

象 曰: 地 勢 坤 , 君 子 以 厚 德 載 物。

Tượng viết. **Địa thế Khôn. Quân tử dĩ hậu đức tải vật.**

Dịch:

Tượng rằng: *Khôn thế thuận thừa,*

Nên người quân tử lo cho đức dày.

Đức dày, tải vật mới hay,

Cưu mang vạn vật, chẳng ngày nào ngơi.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初六:　履霜，堅冰至。

象曰:　履霜堅冰，陰始凝也。馴致其道，至堅冰也。

Sơ Lục. Lý sương kiên băng chí.

Tượng viết. **Lý sương kiên băng. Âm thủy ngưng dã. Tuần trí kỳ Đạo. Chí kiên băng dã.**

Dịch:

Dưới chân, sương giá chớm dày,

Rồi ra băng cứng có ngày tới theo.

Tượng rằng:

Dưới chân sương giá chớm dày

Rồi ra băng cứng có ngày tới theo.

Âm vừa ngưng đọng ít nhiều.

Cứ đà ấy tiến, có chiều thành băng.

2. Hào Lục nhị.

六二:　直，方，大，不習無不利。

象曰:　六二之動，直以方也。不習無不利，地道光也。

Lục nhị. Trực phương đại. Bất tập vô bất lợi.

Tượng viết. **Lục nhị chi động. Trực dĩ phương dã. Bất tập vô bất lợi. Địa Đạo quang dã.**

Dịch:

Thẳng ngay, vuông vức, lớn lao.

Không cần tập luyện, việc nào cũng hay.

Tượng rằng:

Hào hai hoạt động thẳng ngay,

Lại luôn vuông vắn, chẳng hay vậy vò.

Không cầu, mà vẫn lợi to,

Bởi vì địa Đạo quang hoa sáng lòa.

3. Hào Lục tam.

六三: 含章可貞。或從王事，無成有終。

象曰： 含章可貞；以時發也。或從王事，知光大也。

Lục tam. Hàm chương khả trinh. Hoặc tòng vương sự. Vô thành hữu chung.

Tượng viết. **Hàm chương khả trinh. Dĩ thời phát dã. Hoặc tòng vương sự. Tri quang đại dã.**

Dịch:

Dấu che vẻ sáng của mình,

Có tài, mà chẳng lộ hình mới hay.

Việc vua khi gánh vác rồi,

Tuy không tranh việc, làm thời nên công.

Tượng rằng: *Giấu sáng mới bền,*

Tùy thời, đức độ lộ thêm dần dần.

Khi ra gánh việc vương quân,

Biết đường sáng suốt, cao thâm mới là.

4. Hào Lục tứ.

六四：括囊；無咎，無譽。

象曰： 括囊無咎，慎不害也。

Lục tứ. Quát nang. Vô cữu vô dự.

Tượng viết. **Quát nang vô cữu. Thận bất hại dã.**

Dịch:

Túi đem thắt lại, lỗi chi,

Lỗi tuy không lỗi, vinh thì không vinh.

Tượng rằng: *Thắt túi lỗi chi,*

Nếu mà thận trọng, chẳng nguy hại nào.

5. Hào Lục ngũ.

六五：黃裳，元吉。

象曰：黃裳元吉，文在中也。

Lục ngũ. Hoàng thường. Nguyên cát.

Tượng viết. **Hoàng thường nguyên cát. Văn tại trung dã.**

Dịch:

Váy vàng thật tốt, thật hay.

Tượng rằng:

Váy vàng thật tốt, thật hay,

Là vì vẻ đẹp ở ngay trong lòng.

6. Hào Thượng Lục.

上六: 龍戰於野，其血玄黃。

象曰: 龍戰於野，其道窮也。

Thượng Lục. Long chiến vu dã. Kỳ huyết huyền hoàng.

Tượng viết. **Long chiến vu dã. Kỳ Đạo cùng dã.**

Dịch:

Ngoài đồng, rồng đánh lộn nhau,

Máu phun chan chứa, pha mầu vàng đen.

Tượng rằng:

Ngoài đồng, rồng đánh lộn nhau,

Là vì vật chất tới cầu cực xương.

7. Hào Dụng Lục.

用 六: 利 永 貞。

象 曰: 用 六 永 貞，以 大 終 也。

Dụng Lục. Lợi vĩnh trinh.

Tượng viết. **Dụng Lục vĩnh trinh. Dĩ đại chung dã.**

Dịch:

Khí Âm biến hóa xong rồi,

Rồi ra lợi lộc tốt tươi, cửu trường.

Tượng rằng: Vĩnh viễn cửu trường,

Là vì kết cuộc phi thường cao siêu.

IV. VĂN NGÔN

A. VĂN NGÔN bình giải Thoán Từ, Thoán Truyện

文 言 曰：坤 至 柔，而 動 也 剛，至 靜 而 德 方，後 得 主 而 有 常，含 萬 物 而 化 光。坤 道 其 順 乎？承 天 而 時 行。

Văn Ngôn viết. Khôn Chí nhu, nhi động dã cương. Chí tĩnh nhi đức phương. Hậu đắc chủ nhi hữu thường. Hàm vạn vật nhi hóa quang. Khôn Đạo kỳ thuận hồ. Thừa Thiên nhi thời hành.

Dịch:

Khôn nhu khi động, lại cương

Đức thường chí tĩnh, vắn vuông, chẳng rời.

Theo sau, phụ họa với Trời,

Thế là có chủ, thế thời bền lâu.

Ấp ôm vạn vật trước sau,

Làm cho muôn vật một màu sáng choang.

Đạo Khôn nhu thuận, dịu dàng,

Tùy thời hành sự, chẳng ngang ý Trời.

B. Văn Ngôn bình giải các Hào

1. Hào Sơ Lục.

積善之家，必有餘慶；積不善之家，必有餘殃。臣弒其君，子弒其父，非一朝一夕之故，其所由來者漸矣，由辯之不早辯也。

易曰：「履霜堅冰至。」蓋言順也。

Tích thiện chi gia. Tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia. Tất hữu dư ương. Thần thí kỳ quân. Tử thí kỳ phụ. Phi nhất triêu nhất tịch chi cố. Kỳ sở do lai giả tiệm hỹ. Do biện chi bất tảo biện dã.

Dịch viết. **Lý sương kiên băng chí. Cái ngôn thuận dã.**

Dịch:

Nhà nào tích thiện sẽ hay,

Nhà nào tích ác sẽ đầy tai ương,

Tôi mà dám giết quân vương,

Con mà giết bố, dễ thường ngay sao?

Việc đâu một sớm, một chiều,

Duyên do tích lũy, bao nhiêu lâu rồi.

Duyên do lần dẫn tới nơi,

Tại mình chẳng sớm phanh phui tỏ tường.

Dịch rằng: *Khi bước trên sương,*

Hãy phòng băng cứng, thời thường đến sau,

Ý rằng chuyện sẽ nối nhau,

Nếu mình để mặc từ đầu, đến đuôi.

2. Hào Lục nhị.

直其正也，方其義也。君子敬以直內，義以方外，敬義立，

而德不孤。「直，方，大，不習無不利」，則不疑其所行也。

Trực kỳ chính dã. Phương kỳ nghĩa dã. Quân tử kính dĩ trực nội. Nghĩa dĩ phương ngoại. Kính nghĩa lập nhi đức bất cô. Trực phương đại. Bất tập vô bất lợi. Tắc bất nghi kỳ sở hành dã.

Dịch:

Trực là trung chính lẽ Trời,

Phương là lễ nghĩa cơ ngơi bên ngoài.

Đã là quân tử trên đời,

Trong thời kính cẩn, ngoài thời minh công.

Kính nên ngay ngắn được lòng,

Nghĩa nên vuông vức được công việc ngoài.

Kính rồi lại Nghĩa, vẹn hai,

Cho nên nhân đức, ắt thôi vẹn toàn.

Chính trung, lễ nghĩa, cao sang,

Chẳng cần vất vả, vẫn mang lợi nhiều.

Từ đây, lòng sẽ khinh phiêu,

Phóng tâm hoạt động, hết điều nghi nan.

3. Hào Lục tam.

陰 雖 有 美，含 之；以 從 王 事，弗 敢 成 也。地 道 也，妻 道 也，臣 道 也。地 道 無 成，而 代 有 終 也。

Âm tuy hữu mỹ hàm chi. Dĩ tòng vương sự. Phất cảm thành dã. Địa Đạo dã. Thê Đạo dã. Thần Đạo dã. Địa Đạo vô thành nhi đại hữu chung dã.

Dịch:

Âm tuy sẵn vẻ đẹp tươi,

Nhưng mà che dấu, chẳng phơi ra ngoài.

Việc vua khi gánh vác rồi,

Chẳng nên tự đắc, mà đòi thành công,

Thay Trời, hành sự tới cùng,

Giúp cho muôn vật, vĩnh chung thái hòa.

4. Hào Lục tứ.

天 地 變 化 , 草 木 蕃 ; 天 地 閉 , 賢 人 隱。

易 曰 : 「括 囊 , 無 咎 , 無 譽。」蓋 言 謹 也。

Thiên địa biến hoá. Thảo mộc phồn. Thiên địa bế. Hiền nhân ẩn.

Dịch viết. **Quát nang vô cữu vô dự. Cái ngôn cẩn dã.**

Dịch:

Đất trời biến hóa mới hay,

Làm cho vạn vật, cỏ cây xương phồn.

Đất trời tới vận bế tàng,

Hiền nhân, nên hãy tìm đàng ẩn đi.

Dịch rằng: *Thắt túi lỗi chi*

Lỗi tuy không lỗi, vinh thì không vinh,

Hãy nên thận trọng giữ mình,

Biết đường cẩn trọng, âu đành thoát nguy.

5. Hào Lục ngũ.

君 子 黃 中 通 理 , 正 位 居 體 , 美 在 其 中 , 而 暢 於 四 支 , 發 於 事 業 , 美 之 至 也。

Quân tử hoàng trung thông lý. Chính vị cư thể. Mỹ tại kỳ trung. Nhi sướng ư tứ chi. Phát ư sự nghiệp. Mỹ chi chí dã.

Dịch:

Hiền nhân thông lý Trung hoàng,

Vào nơi chính vị, mà an thân mình.

Đẹp từ tâm khảm, xuất sinh,

Làm cho cơ thể xương vinh, mỹ miều.

Phát ra sự nghiệp cao siêu,

Thực là đẹp đẽ đến điều, còn chi.

6. Hào Thượng Lục.

陰 疑 於 陽 , 必 戰。 為 其 嫌 於 無 陽 也 , 故 稱 龍 焉。猶 未 離 其 類 也 , 故 稱 血 焉。夫 玄 黃 者 , 天 地 之 雜 也 , 天 玄 而 地 黃。

Âm nghi ư Dương tất chiến. Vi kỳ hiềm ư vô Dương dã. Cố xưng long yên. Do vị ly kỳ loại dã. Cố xưng huyết yên. Phù huyền hoàng giả. Thiên địa chi tạp dã. Thiên huyền nhi địa hoàng.

Dịch:

Khi Âm bất tín nơi Dương,

Sẽ sinh chinh chiến, nhiễu nhương, khốn cùng.

Nhưng Dương không thể tuyệt tông,

Cho nên, mới nói rằng rồng giao chinh.

Âm kia biến chửa trọn mình,,

Nên dùng chữ huyết, tỏ rành còn Âm.

Đất trời lộn lạo, nhố nhăng,

Vàng, đen, xáo trộn, đất bằng chông gai.

BÌNH GIẢNG

Quẻ Khôn thực ra không đến nỗi khó hiểu, khó hiểu chăng là vì có nhiều đoạn đã bị các nhà bình giải làm cho rối lên như canh hẹ. Nguyên có cách phân câu, mà đã chia thành năm bè, bảy bối. Ví dụ, đối với câu:

Khôn. Nguyên Hanh. Lợi tẫn mã chi trinh.

Trình tử đọc là: Khôn. Nguyên. Hanh. Lợi. Tẫn mã chi trinh, vì cho rằng Khôn có đủ tứ đức như Kiền.

Chu Hi đọc là: Khôn. Nguyên. Hanh. Lợi tẫn mã chi trinh, vì cho rằng Khôn phải thua Kiền, không thể đủ tứ đức như Kiền.

Đến như câu: **Tiên mê hậu đắc. Chủ lợi Tây nam đắc bằng. Đông bắc táng bằng,** thì lại càng rắc rối hơn nữa. Trình tử hiểu như sau: Tiên mê hậu đắc. Chủ lợi**.** Tây nam đắc bằng. Đông bắc táng bằng.

Vương Bật đọc: Quân tử hữu du vãng tiên mê. Hậu đắc chủ lợi.

Lai Trí Đức đọc: Tiên mê hậu đắc chủ. Lợi.

Ngự Án của vua Khang Hi đọc rằng: Tiên mê hậu đắc chủ. Lợi Tây nam đắc bằng. Đông bắc táng bằng. Ngự Án cho rằng: chính Văn Ngôn cũng đọc là **Hậu đắc chủ.** Theo Ngự Án, chữ **Lợi** phải cho về câu sau, và phải hiểu đại khái rằng: Tây nam được bạn là lợi. Đông Bắc mất bạn là lợi. Nơi đây, chúng ta không đi sâu vào chi tiết các lời bình giải ấy, mà chỉ cố tìm cho ra những đại chỉ của Dịch Kinh nơi quẻ Khôn.

A. Nhận định đầu tiên của chúng ta như sau:

-Kiền và Khôn là hai chiều, hai mặt của một thực thể, tức là Thái cực. Để hiểu Kiền, Khôn chúng ta xem đồ bản sau:

Kiền
Âm
0
2
Vật
Vật chất
Ngoại giới (world of the senses)
Ngũ quan bán thể
Nhân Tâm
Thiên Đạo

Khôn
Dương
0
3
Thần
Vật chất
Ngoại giới (world of the senses)
Tâm quan bán thể
Nhân Tâm
Thiên Đạo

Thần Đạo
Phủ
Phụ
Khinh
Nghĩa
Hướng
Thương
Quân thần
Thời gian
Trường
Diệu

B. Về phương diện Triết học & Siêu hình

Quẻ Khôn chủ trương rằng:

-Đất Trời cộng tác chặt chẽ với nhau, để sinh ra muôn ngàn biến hóa.

-Đất Trời là cặp ngẫu lực Âm Dương, luôn luôn tác động, luôn luôn hỗ trợ nhau, để hoàn thành công trình sinh dục vạn vật.

Kiền là mầm mộng sinh hóa, là tinh thần, là nguồn sống, là sinh khí, là hạt, là nhân .

Khôn là vỏ, là môi trường hoạt động, là hình hài, sắc tướng, là vật chất hữu hình bên ngoài.

Đất Trời trường cửu ngang nhau, cùng nhau góp công trình sinh dục vạn vật, nhưng chính, tùy, đôi đường phân cách. **Trời là chủ chốt**. Tinh thần là chủ chốt. **Đất là tùy thuộc.** Xác thân là tùy thuộc. Hoàn cảnh vật chất là tùy thuộc.

Định được lẽ tôn ti như vậy, mới tránh được nhiều điều lầm lỗi, nhiều hung họa tai ương. **Dịch kinh bao giờ cũng chủ trương Dương tôn, Âm ti.**

Hiểu được lẽ Dương tôn, Âm ti; Dương hơn, Âm kém; tinh thần trọng, vật chất khinh; **Kiền Đạo hay Tinh thần làm chủ chốt, Khôn Đạo hay vật chất đóng vai tùy thuộc;** ta sẽ hiểu được đại

chỉ của Dịch kinh.

Dịch kinh, tuy biết lẽ biến hóa, tồn vong, tiêu tức chi phối cả Âm lẫn Dương, và cơ Trời biến hóa đó không sao tránh khỏi, nhưng bao giờ cũng chủ trương Âm khinh, Dương trọng, và luôn luôn **hỗ trợ Dương, kiềm chế Âm.**

Tiên Nho định lẽ khinh trọng ấy bằng hai con số 9 và 6. - **Số 9 chỉ Dương (đơn giản hóa còn 3). -Số 6 chỉ Âm đơn giản hóa còn 2.** Vậy Dương cũng còn là 3, mà Âm là 2. Đó là ý nghĩa của mấy chữ Tam Thiên, Lưỡng Địa trong chương I Thuyết Quái.

Trong vòng Dịch Tiên Thiên, Kiền đứng đầu 32 quẻ Dương bên trái, Khôn đứng đầu 32 quẻ Âm bên phải.

Dương ở phía tả, chủ sinh dục, trưởng dưỡng, chủ cương cường, trong sáng, chủ nhân nghĩa, đạo đức. **Đó là Đạo người quân tử.** Làm cho Đạo Dương, Đạo Kiền (Đạo Quân tử hay Đạo Thánh nhân), phát huy đến cùng cực, sẽ đem lại cho trần thế sự an bình, thịnh trị.

Âm ở phía hữu, chỉ sự di thương, thảm sát. Âm là Nhu, Tối, Tư tà, Lợi lộc, **là Đạo Kẻ Tiểu nhân.** Để nó triển dương đến kỳ cùng, nó sẽ phát **Sát cơ,** sinh ra chiến tranh, tang tóc và muôn vàn tai họa, như *Hào Thượng Lục của quẻ Khôn* đã ám chỉ. Vì thế Thánh nhân viết Kinh Dịch, lúc nào cũng lo lắng phù trì Dương Đạo, phù trì Đạo người Quân tử, những ước mong cho nó được trở nên cường thịnh, viên mãn.

Ngược lại, lúc nào cũng muốn kiềm chế, bức bách cho Âm Đạo, cho Đạo kẻ Tiểu nhân suy vi, mai một. Nếu chủ trương Âm trọng, Dương khinh sẽ đi đến chỗ chiến tranh, tai ương , tàn khốc.

Ngự Án nơi Hào Sơ Lục quẻ Khôn, cũng bình luận rất sâu sắc về lẽ Âm, Dương. Ngự Án cho rằng:

Nơi con người, thì **Dương là Tâm chi thần minh, Âm là ngũ quan bá thể.** Trong nhân luân, thì Dương là vua, là cha, là chồng. Âm là bầy tôi, là con, là vợ.

Tâm linh, nhờ có chân tay mới vận động được, vua nhờ có tôi,

chồng nhờ có vợ, cha nhờ có con, công việc mới chu toàn. Nơi con người, thì ngũ quan bá thể phải thuận phục tâm linh. Trong xã hội, thì thần tử, thê thiếp phải thuận phục quân phụ, hay phu quyền, như vậy xã hội mới có tôn ti, thể thống. **Nếu nơi con người, tứ chi, tai mắt tự do theo sở dục; nếu trong xã hội, thần tử, thê thiếp tự ý hành sự; nếu nơi nhân thân, mà lý với dục giao tranh; nếu nơi xã hội mà công tư va chạm, thì mầm loạn lạc sẽ phát sinh**. Như vậy Ngự Án đã cho ta biết cơ vi thiện ác, trị loạn và những phương cách phòng ngừa.

C. Quẻ Khôn là đường lối tu thân của một người chưa được minh giác, chưa phối hợp được với Thượng Đế.

Khi chưa được minh giác, tức là khi tâm hồn còn bơ vơ, vô chủ, sống mặc tình theo những phản ứng của tâm tư, những suy luận hẹp hòi của lý trí, nên dĩ nhiên là bị lầm than, mê lạc. Chỉ khi nào, nhận định ra được căn cơ, chủ chốt của lòng mình là Thiên Tính, là Đạo Tâm, thì bấy giờ mới mong được hưởng thụ phúc khánh!

Khi chưa giác ngộ, nên theo đa số mà xử sự, ở ăn; lúc đã nhận định được Thiên địa chi tâmtrong lòng mình, thời phải biết siêu quần bạt tụy, sống khinh phiêu, thung dung, tự tại. Được như vậy, mới thật là may mắn, hạnh phúc. (Xem lời Thoán).

Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

Hào Sơ **Lý Sương** mô tả lúc Âm khí vừa thoạt mới manh nha. Tuy nó vừa chớm nở, chớm phát, nhưng đó là điềm quốc phá gia vong sau này. Phải thận trọng, phải ngăn ngừa ngay mới kịp **(Lý sương. Kiên băng chí)**

2. Hào Lục nhị.

Người Quân tử, khi mới bước chân vào con đường Tu thân, Tu Đạo, hãy biết lấy chữ Kính làm đầu. Kính sợ Trời ẩn áo, huyền vi ngay trong tâm khảm mình, chỉnh trang lại tâm thần cho nên hẳn hoi, ngay ngắn. Cải thiện lại đời sống bên ngoài, cố sao cho hành vi, cử chỉ nhất thiết hợp Đạo, hợp nghĩa. Có như vậy mới đi đến chỗ cao đại được **(Trực phương đại. Bất tập vô bất lợi)**

3. Hào Lục tam.

Quẻ Khôn cũng dạy **Đạo làm thần tử.** Người thần tử lo thi hành phận vụ, không ỷ chức, ỷ quyền, không tâng công, không khoe tài, khoe trí, dẫu có tài cũng không phô trương, luôn khiêm cung, kín đáo, tùy thời, tùy thế mà thi thố tài năng để làm tròn phận vụ **(Hàm chương khả trinh. Hoặc tòng vương sự. Vô thành hữu chung.)**

4. Hào Lục tứ.

Gặp khi thời cuộc đảo điên, gặp khi người trên sinh lòng ngờ vực, thời lại càng phải biết im hơi lặng tiếng, minh triết bảo thân. Thế mới là **Quát nang vô cữu.**

5. Hào Lục ngũ.

Hơn nữa, mục đích tu thân của người quân tử, là đạt tới **Thiên vị**, tức **Trung Điểm**, hay **LýTrung Hoàng.** Nhận thức được bản tính cao sang của mình, thực hiện được định mệnh sang cả của mình, lồng được Trời vào trong Tâm mình, để cho vẻ đẹp đẽ của Trời chói rọi ra nơi châu thân mình, tỏa lan ra sự nghiệp của mình. Thế mới là đắc Đạo **(Hoàng thường. Nguyên cát).**

6. Hào Thượng Lục.

Ngoài ra, quẻ Khôn còn như muốn tiên tri, tiên đoán một thời đại mà vật chất hoàn toàn làm chủ, đa số làm chủ, phân ly, gián cách làm chủ. Khi ấy nhân loại sẽ sống một thời kỳ nhiễu nhương, máu lửa ngập trời. Dịch kinh đã đề cập đến thời đại ấy bằng mấy chữ **Long chiến vu dã. Kỳ huyết huyền hoàng.**

*Nếu thời Kiền là thời hoàng kim mai hậu, là thời thái bình lúc chung cuộc; thì thời Khôn là thời sắt thép, lúc muôn sự còn dở dang, nửa đời, nửa đoạn. Đó là thời mạt kiếp, mạt pháp, mà các Đạo giáo thường nhắc nhở tới. Nhưng đối với Dịch, tuy thời Khôn là thời nhiễu nhương máu lửa, nhưng không phải vì thế mà lịch sử nhân quần sẽ cáo chung, **Vật cùng tắc biến, biến tắc thông.** Sau thời kỳ đen tối ấy, nhân loại sẽ quay trở về với các giá trị tinh thần, mọi sự rồi ra sẽ trở nên tốt, nên hay. Cho nên Hào Dụng Lục nói thêm:

Khí Âm biến hóa xong rồi,

Rồi ra lợi lộc tốt tươi, Cửu trường.

Tượng rằng: Vĩnh viễn, Cửu trường,

Là vì kết cuộc phi thường cao siêu.

ÁP DỤNG QUẺ KIỀN VÀO THỜI ĐẠI

Quẻ Khôn dạy chúng ta phải luôn gia ý đề phòng, đừng để nước đến chân mới nhẩy, phải biết nhìn xa, trông rộng, biết lo lường, ngăn chặn ngay từ lúc hung họa mới manh nha. Nếu chúng ta biết đề phòng, biết ngăn ngừa căn cơ hung họa từ khi mới nứt nanh sơ khởi, thì làm sao chúng ta có thể lâm cảnh thân tàn, ma dại, nước mất, nhà tan. Một mặt khác, nếu chúng ta biết tích đức, tu thân,**gặp điều lành dẫu là nhỏ mấy, cũng tha thiết mà làm, mà gom, mà góp, cứ như thế thì lo chi không được phúc khánh miên trường.** Trong Thái Thượng Cảm ứng thiên có câu: **Hoạ phúc vô môn duy nhân tự chiêu** (Họa phúc không cửa ngõ, do người tự chiêu lai), cũng không ngoài ý đó. Tóm lại, quẻ Khôn dạy ta lẽ **Xướng tùy, hòa hợp:** nhân tâm phải biết tùy thuộc Đạo tâm, **Người phải biết tùy thuộc Trời;** người dưới tùy thuộc người trên; vợ tùy thuộc chồng. Tùy thuộc đây phải được hiểu theo lẽ xướng họa hô ứng, một bên khởi xướng, một bên thi hành, chung lưng góp sức, cùng nhau đắp xây đại cuộc.

3. 水 雷 屯　THỦY LÔI TRUÂN

屯序卦曰 Truân tự Quái
有天地 Hữu thiên địa.
然後萬物生焉 Nhiên hậu vạn vật sinh yên.
盈天地之 Doanh thiên địa chi
間者唯萬物 Gian giả duy vạn vật.
故受之以屯 Cố thụ chi dĩ Truân.
屯者盈也 Truân giả doanh dã.

Truân Tự Quái

Đất trời rồi mới quần sinh.

Quần sinh đầy dẫy, quán doanh đất trời.

Truân là sơ khởi pha phôi.

Truân là muôn vật sinh sôi tràn đầy.

Truân là vạn vật chào đời.

Truân có hai nghĩa: 1. Là đầy dẫy. 2. Truân chiên vất vả. Truân, nếu là thời kỳ đất trời vừa thoạt giao nhau, làm cho vạn vật nẩy sinh đầy dẫy khắp nơi, nhưng chính vì Âm Dương vừa thoạt giao nhau, nên sinh khí còn uất kết, chưa thông suốt.

Truân tượng trưng cho bước truân chiên (truân chuyên) thuở ban đầu, quẻ Truân là hoạt động trong nguy hiểm**.**

Truân đối với vũ trụ, là thời kỳ thiên địa sơ khai, vạn vật bắt đầu sinh. **Truân đối với cá nhân,**là lúc sơ sinh, ấu trĩ. **Truân đối với quốc gia** là thời kỳ khai quốc, sáng nghiệp . . .

Truân là thời kỳ gian nan, vất vả lúc ban đầu, khác với Kiển là gian nan lúc giữa cuộc, khác với Khốn là khốn khổ lúc chung cuộc, khác với Khảm là gian nan, hoạn nạn nói chung.

I. Thoán.

Thoán Từ:

屯：元，亨，利，貞，勿用，有攸往，利建侯。

Truân. Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh. Vật dụng hữu du vãng. Lợi kiến hầu

Dịch.

Truân chiên vất vả lúc ban đầu.

Nhưng sẽ hanh thông vận hội sau,

Phải biết bền gan đừng vọng động

Tìm người trợ giúp, ích bền lâu.

Tuy nhiên, dầu có gian nan, nhưng rồi ra các trở ngại sẽ như băng tan, tuyết tán, các rối ren sẽ được tháo gỡ, mọi chuyện éo le, trắc trở, nhờ tài kinh luân của **con người biết tạo thời thế** sẽ được giải quyết êm xuôi.

Thoán Truyện viết:

屯，剛柔始交而難生，動乎險中，大亨貞。雷雨之動滿盈，天造草昧，宜建侯而不寧。

Truân cương nhu thủy giao nhi nạn sinh. Động hồ hiểm chung. Đại hanh trinh. Lôi vũ chi động mãn doanh. Thiên tạo thảo muội. Nghi kiến hầu nhi bất ninh.

Dịch.

Thoán rằng:

Cương, nhu vừa mới giao nhau

Truân chuyên, trắc trở bắt đầu nẩy sinh.

Mưu đồ giữa buổi điêu linh,

Bền gan sẽ thấy tiền trình hanh thông.

Mưa rơi, sấm động trập trùng,

Muôn loài nhờ đó tưng bừng nẩy sinh.

Vận trời rối rắm, u minh,

Tìm người phụ bật, riêng mình chớ ngơi.

Cho nên, thấy khó khăn đừng vội thất vọng, mà phải biết một dạ sắt son, giữ cho tròn Đạo lý, phải lo tìm cách gỡ rối, lo tìm người đồng tâm, đồng chí chung sức tái tạo non sông. Phương châm hoạt động lúc này, là phải biết tìm ra nguyên nhân của rối ren, tao loạn, hoạch định những phương sách phò nguy, cứu khổ cho rõ ràng, tìm người phụ bật cho hay, lựa thời thế thuận tiện, mới ra tay lèo lái, chớ đừng nhắm mắt làm liều.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰: 云 , 雷 , 屯 . 君 子 以 經 綸。

Tượng viết:

Vân lôi. Truân. Quân tử dĩ kinh luân.

Dịch.

Tượng rằng: *Mây, Sấm là Truân,*

Hiền nhân phải biết kinh luân, mới tài.

Gặp buổi truân chiên, quân tử hãy ra tay gỡ rối, phải dùng hết trí lực, tài ba mà lo xoay chiều thế cuộc.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

1. Hào Sơ Cửu.

初九：磐桓，利居貞，利建侯。

象曰：雖磐桓，志行正也。以貴下賤，大得民也。

Sơ Cửu. Bàn hoàn. Lợi cư trinh. Lợi kiến hầu.

Tượng viết:

Tuy bàn hoàn. Chí hành chính dã. Dĩ quí hạ tiện. Đại đắc dân dã.

Dịch.

Hào Sơ, dùng dắng, ngỡ ngàng,

Hay thay, chính Đạo tâm xoang chẳng rời,

Hay thay, phụ bật gặp người.

Tượng rằng:

Dùng dắng, ngỡ ngàng,

Nhưng mà chính Đạo quyết mang thi hành.

Phẩm cao mà lại hạ mình,

Quí người bề dưới, dân tình vui theo.

Gặp buổi truân chiên, nếu mình có chân tài, lại khôn ngoan, cương quyết, biết chiêu hiền đãi sĩ, biết hạ mình phục vụ dân, cố chinh phục lòng dân, thì sẽ có ngày lãnh đạo được dân.

2. Hào Lục nhị.

六二: 屯如邅如，乘馬班如。匪寇婚媾，
女子貞不字，十年乃字。

象曰: 六二之難，乘剛也。十年乃字，反常也。

Lục nhị: Truân như chiên như. Thừa mã ban như.

Phỉ khấu hôn cấu. Nữ tử trinh bất tự. Thập niên nãi tự.

Tượng viết:

Lục nhị chi nạn. Thừa cương dã. Thập niên nãi tự. Phản thường dã.

Dịch.

Truân Lục nhị như quanh, như quẩn,

Ngựa cỡi rồi, dùng dắng chẳng đi,

Đó đành chẳng phải gian phi,

Cùng ta những muốn sính kỳ duyên may.

Nhưng trinh trắng, gái này đã quyết,

Quyết bền gan, tiết liệt chờ ai,

Mười năm ta vẫn chờ người.

Tượng rằng:

Hào nhị gặp gian nan,

Là vì lâm cảnh cưỡi Dương cương.

Mười năm nếu biết chờ phối ngẫu,

Rồi ra vận số sẽ như thường.

Nếu mình là người có tài đức, xứng đáng là bậc lương đống quốc gia sau này, hãy biết bền gan chờ minh chúa, chớ đừng nghe lời dụ dỗ, chào mời của những kẻ tá ơn.

3. Hào Lục tam.

六三:　既鹿無虞，惟入于林中，君子几不如舍，往吝。

象曰：　既鹿無虞，以縱禽也。君子舍之，往吝窮也。

Lục tam: Tức lộc vô ngu. Duy nhập vu lâm trung.

Quân tử cơ. Bất như xả. Vãng lận.

Tượng viết:

Tức lộc vô ngu. Dĩ tùng cầm dã. Quân tử xả chi. Vãng lận cùng dã.

Dịch.

Săn hươu thiếu kẻ thuộc đường rừng,

Xông xáo rừng sâu lạc ở trong,

Quân tử thấy thời chưa thuận tiện,

Cho nên dùng dắng, chửa ra công.

Nếu đi liều lĩnh lung tung,

Làm sao tránh khỏi uổng công, nhọc lòng.

Tượng rằng:

Săn hươu thiếu kẻ thuộc đường rừng,

Cũng bởi ham mồi ruổi tứ tung,

Quân tử biết thời, không ruổi bắt,

Ruổi rong âu chỉ tổ hoài công.

Những người bất tài, lại không người phụ bật, mà lại tham danh, tham lợi, không biết gì thời thế mà đòi nhảy ra khua môi, múa mỏ, vỗ ngực vì nước, vì dân, phò nguy, cứu khổ, chắc là đi đến chỗ thất bại. . .

4. Hào Lục tứ.

六四： 乘馬班如，求婚媾，無不利。

象 曰： 求 而 往，明 也。

Lục tứ. Thừa mã ban như. Cầu hôn cấu. Vãng cát. Vô bất lợi.

Tượng viết:

Cầu nhi vãng. Minh dã.

Dịch.

Cưỡi ngựa dùng dằng, chưa muốn bước,

Cố tìm cho được hảo hôn nhân,

Tế Truân lý hiểm, xoay vận nước,

Rồi ra mọi sự sẽ êm dầm.

Tượng rằng: Một dạ cầu hiền,

Rồi ra hóa giải truân chuyên cho đời.

Thế là sáng suốt mấy mươi.

Có những người giữ địa vị cao trong chính trường, nhưng bất tài. Nhưng nếu họ thực lòng vì dân, vì nước, biết hạ mình cầu hiền, cố tìm cho ra những người hay, người giỏi, để cùng mình cộng tác, như vậy cũng là một hành động khôn ngoan cho đất nước.

5. Hào Cửu ngũ.

九 五 : 屯 其 膏，小 貞 吉，大 貞 凶。

象 曰： 屯 其 膏，施 未 光 也。

Cửu ngũ. Truân kỳ cao. Tiểu trinh cát. Đại trinh hung.

Tượng viết:

Truân kỳ cao. Thi vị quang dã.

Dịch.

Truân muốn thi ân cũng khó lòng.

Từ từ chỉnh đốn, mới nên công,

Thế hiểm mà toan mưu đại sự.

Tránh sao cho khỏi những điều hung.

Tượng rằng: Thi ân mà cũng khó lòng,

Nghĩa là chưa được quảng thông xa gần.

Làm đầu một nước, nhiều khi cũng chẳng nắm trọn quyền, đôi khi cũng chẳng ảnh hưởng đến đời, đến dân được bao lăm. Đó là trường hợp na ná như vua Lê, chúa Trịnh nước ta: Vua ở ngôi, Chúa nắm quyền (Thiên hạ phân qui nhị chủ). Nhà vua có thể là người có tài đức, nhưng quần thần, thủ túc, không ai là kẻ có tài. Trong trường hợp này, nhà vua nên nhẫn nhục, làm những công việc nho nhỏ, mới có cơ bền vững. Còn muốn làm những chuyện to lớn sẽ chuốc lấy bại vong.

Gương lịch sử còn đó, Vua Lê Cảnh Hưng biết chịu đựng, có thể ngồi lặng ở ngôi 46 năm. Đó là Tiểu trinh cát. Vua Lê Chiêu Thống vì muốn thanh toán họ Trịnh và nhà Nguyễn Tây Sơn, nên đã mang hận táng thân nơi đất khách.. Đó là Đại trinh hung.

6. Hào Thượng Lục.

上六：乘馬班如，泣血漣如。象曰：泣血漣如，何可長也

Thượng Lục. Thừa mã ban như. Khấp huyết liên như.

Tượng viết:

Khấp huyết liên như. Hà khả trường dã.

Dịch.

Cưỡi ngựa dùng dằng, khôn tiến bước,

Huyết lệ đôi dòng chẩy chẳng thôi

Tượng rằng: Huyết lệ tuôn rơi.

Làm sao có thể lâu dài mà mong.

Như gặp thời vận quá suy, mà mình lại tài hèn, sức bạc, làm sao cứu vãn được cơ trời. Thế là rỏ huyết lệ ngồi nhìn cảnh suy vong. Thơ rằng:

Muốn nói nhưng mà nói với ai?

Muốn làm, ai kẻ bạn đường đời!

Gia vong, quốc phá, niềm thương hận,

Huyết lệ đôi dòng gửi khúc nhôi !

ÁP DỤNG QUẺ TRUÂN VÀO THỜI ĐẠI

Quẻ Truân nói lên tình trạng Truân chuyên (khó khăn) lúc ban đầu của những người muốn lập sự nghiệp.

I. Những người muốn dùng Chính trị làm sự nghiệp.

Khi nếp sống ở nơi định cư đã được yên ổn, thì con người bắt đầu nghĩ đến xây dựng lại sự nghiệp đã mất.

Có người vì muốn bảo vệ cho đồng bào ruột thịt của mình được hữu hiệu, nên họ đã nghĩ cách chen chân vào chính quyền của dân bản xứ, họ đầu đơn ứng cử nghị viên, dân biểu vv... Họ thành công hay thất bại không quan trọng, nhưng quan trọng nhất là họ đã đi đúng đường, vì họ có mục tiêu rõ rệt là nếu thành công họ có thể bảo vệ đồng bào của họ một cách đường hoàng, hữu hiệu nơi xứ người.

Nhưng lại có 1 số người khác, không có chính kiến, hay lập trường gì rõ rệt, nhưng lại thích làm chính trị, thích a dua theo bè phái, họ theo mà không rõ theo cái gì?

Họ sống trong mộng ảo là có thể nhờ tụ họp bè nọ, phái kia, may ra có thể tiến hơn. Những người này là những người rất dễ bị bọn Hoạt đầu chính trị, tham tâm, mưu lợi, lợi dụng họ. Họ chỉ theo vì a dua, chứ không bao giờ chịu suy nghĩ rằng: những người muốn cầm đầu mình, lơi dụng mình đó, thực ra họ có tài năng, đức độ, kinh nghiệm không? và họ có chính kiến gì không? Nơi đây có môi trường gì để họ hoạt động? Nếu có, thì chính kiến của họ đúng hay sai? Nếu không có, thì hoạt động sẽ đi đến đâu?

Thực ra, trên đời này Làm chính trị đâu có dễ. Người có tâm huyết làm Cách Mạng như cụ Phan Bội Châu, được dân kính mến, cũng đành thúc thủ, huống chi những người không có chút tiếng tăm, hoặc tài năng gì. Hơn nữa ở nơi xứ người đâu có môi trường làm chính trị? Cho nên, nếu ta nhẹ dạ, nghe theo lời họ, thì không biết sẽ còn đi đến đâu, nếu ta theo họ mà làm điều gì quá đáng. Sự thật, cầm đầu một gia đình còn khó, huống hồ làm việc đại sự.

II. Những người gây dựng sự nghiệp bằng thương mại.

A. Người có tài thực sự, nhưng lại thiếu người cộng tác. Những người này phải đi tìm người cộng tác, phải chịu trả lương cao để kéo người giỏi về mình. Nhưng nếu họ kiêu ngạo, coi rẻ, bóc lột tài năng người cộng tác, thì cũng chẳng đi tới đâu. Sự nghiệp của họ nếu thành công đi chăng nữa, thì sự thành công đó cũng không vững bền.

B. Người không có tài, nhưng lại có chí muốn gây dựng sự nghiệp. Những người này sẽ thành công, nếu họ biết tìm người tài năng hơn họ, biết cư xử khéo để lấy lòng người. Những người này, họ biết mình kém tài, thua kém người mà họ mời về cộng tác, nên họ không hợm hĩnh, kiêu ngạo, nếu họ lại tỏ ra rộng rãi với người cộng tác với họ, thì chắc chắn họ sẽ thành công. Tóm lại, Sự thành công ở đời không phải do tại số, hay do may mắn, mà phải nói thành công ở đời, ít nhất cũng phải tài giỏi về một phương diện nào đó vậy.

III. Người gây dựng sự nghiệp bằng sự chuyên cần học hành, nghiên cứu của mình.

Những người này là những người có óc thực tế, Họ biết lợi dụng sự giúp đỡ của chính quyền nước bạn, của sự thông minh, của sự

chuyên cần nơi chính bản thân họ, để đạt đến mục đích của họ. Họ đã rất vất vả lúc ban đầu (có khi kéo dài cả 10 năm), vừa đi làm, vừa đi học; và nay đã có nhiều người, đã chiếm được địa vị khả quan trong xã hội người bản xứ. Nhiều người, trong số những người này đang đi vào con đường phát minh, nghiên cứu, ngõ hầu có thể mang tài năng mình ra để phụng sự cho nhân loại, cho dân tộc. Họ là những người đáng cho ta kính trọng, và xứng đáng là người dẫn dắt cho con em chúng ta mai sau. Họ là người biết dùng thời gian, biết xử dụng tài năng, biết xây dựng sự nghiệp cho mình một cách đúng cách.

IV. Những người xây dựng bằng sự nghiệp văn chương.

Những người này như con tầm nhả tơ, mang hết óc chất của mình ra để tạo ra những áng thơ, văn hoặc những sưu tầm nghiên cứu của mình, lòng chỉ mong có thể mang lại lợi ích gì cho thế hệ mai sau, nhưng như 2 câu thơ sau:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ thùy nhân khấp Tố Như.

(Ba trăm năm sau còn ai khóc Tố Như (Nguyễn Du)

Nhưng, những áng thơ gợi hình, gợi cảnh của truyện Kiều, khó làm ta quên được. Vẫn biết Văn chương hạ giới rẻ như bèo, nhưng những người cầm bút chân chính, vẫn không sao bỏ nghề được. Phải chăng đó là cái Nghiệp?

Chúng ta, những người đã đi, đang đi, và sắp đi vào con đường xây dựng sự nghiệp ở trên, mong rằng hãy suy nghĩ kỹ càng, rồi mới hành sự, cũng chưa muộn vậy.

4. 山 水 蒙　SƠN THỦY MÔNG ䷃

蒙序卦
Mông Tự Quái
Truân giả vật chi thủy sinh dã.
Vật sinh ngã, Mông
Cố thụ chi dã Mông.
Mông giả mông dã.
Vật chi trĩ dã.

Mông Tự Quái

Truân là vạn vật chào đời ,

Hãy còn mông muội, chơi vơi, ngỡ ngàng.

Cho nên tiếp tới quẻ Mông,

Mông là dốt nát, mịt mùng, thơ ngây.

Mông là mông muội, tối tăm, là non nớt, ấu trĩ. Có nhà bình luận cho rằng: chữ Mông gợi ra hình ảnh một căn nhà tối tăm, lụp xụp, mái rủ xuống gần sát đất, tiêu biểu cho thời kỳ man dại xa xưa, khi mà dân chúng còn ở trong những mái nhà thô sơ, còn ngu si, dốt nát . . .

I. Thoán.

Thoán Từ.

蒙：亨。 匪 我 求 童 蒙，童 蒙 求 我。初 噬 告，再 三 瀆，瀆 則 不 告。 利 貞。

Mông. Hanh. Phỉ ngã cầu đồng mông. Đồng mông cầu ngã. Sơ phệ cốc. Tái tam độc. Độc tắc bất cốc. Lợi trinh.

Dịch.

Ngây thơ Mông muội có cơ hay,

Thầy không cầu trẻ, trẻ cầu thầy.

Nhất thứ cầu ta, ta chỉ giáo,

Tái tam sàm sỡ, chẳng phô bày.

Đại phàm dạy dỗ, vẽ bày,

Phải cho trinh chính, mới hay, mới lời.

Quẻ Mông muốn đề cập đến công trình giáo hóa, để khai phóng cho con người khỏi dốt nát, mông muội; hoặc là con người lịch sử khi còn man di, mông muội; hoặc là con người lê thứ còn dốt nát, u mê; hoặc là những trẻ thơ còn khờ khạo, vừa chập chững bước vào đời. Nếu xét về thời gian và tuổi tác, con người có thể ngu muội nhất thời, nhưng nếu xét về bản tính, về tính chất, thì con người vốn thông minh. Dẫu hồng trần, dẫu ngoại cảnh, có thể nhất thời như sa mù che mất cốt cách, mất tâm linh, con người vẫn có thể nhờ giáo hóa mà trở nên sáng láng. Vì vậy Thánh nhân đề cao sự giáo hóa, giáo dục.

Thoán Truyện viết:

彖曰. 蒙，山下有險，險而止，蒙。蒙亨，以亨行時 中也。匪我求童蒙，童蒙求我，志應也。初噬告，以剛中也。再三瀆，瀆則不告，瀆蒙也。蒙以養正，聖功也。

Mông. Sơn hạ hữu hiểm. Hiểm nhi chỉ. Mông. Mông hanh. Dĩ hanh hành thời trung dã. Phỉ ngã cầu đồng mông. Đồng mông cầu ngã. Chí ứng dã. Sơ phệ cốc. Dĩ cương trung dã. Tái tam độc. Độc tắc bất cốc. Độc mông dã. Mông dĩ dưỡng chính. Thánh công dã.

Dịch.

Thoán rằng:

Mông là dưới núi có nguy nan,

Nguy hiểm dừng chân, vẻ ngỡ ngàng.

Mông đấy, rồi ra hạnh vận đấy,

Hợp thời, hợp Đạo, sẽ thênh thang.

Ta đâu cầu trẻ, để khai quang,

Trẻ phải cầu ta, chỉ lối đàng.

Chí trẻ, chí ta cần ứng hợp,

Tương ứng rồi ra dễ bảo ban.

Nhất thứ cầu ta, ta chỉ giáo,

Mới là chính đáng, mới khôn ngoan.

Tái tam sàm sỡ, thôi dạy bảo,

Sàm sỡ âu đành tính trẻ con.

Ta đây dạy dỗ mầm non,

Cốt là nuôi dưỡng, bảo toàn tinh hoa.

Khải mông, dưỡng chính bôn ba,

Dưỡng nuôi chính khí, mới là Thánh công.

Giáo hóa, giáo dục, cốt là để phát huy phẩm cách con người, tinh hoa con người, để rốt ráo con người sẽ trở nên Thánh Hiền. **Phát Mông** có mục đích là **Dưỡng chính.**

Như vậy, đừng thấy con người còn ngu si, mà đã vội thất vọng. Đó là những viên ngọc quí, đang chờ sự dũa mài để trở nên giá trị. Vì thế, tuy Mông mà vẫn Hanh. Nhưng muốn giáo hóa cho kết quả, không phải thầy đi cầu trò, mà trò phải thành khẩn cầu thầy.

Con người có tha thiết đi tìm chân lý, con người có tha thiết muốn hoán cải mình, thì khi ấy minh sư mới dễ bề khai quang, điểm

hóa. Chân lý là cái gì quý báu, cần được truyền thụ trong một bầu không khí kính cẩn, chứ không phải ngọc để ngâu vầy. Đó là đại ý Thoán Từ, Thoán Truyện.

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết:

象曰. 山下出泉，蒙；君子以果行育德。

Sơn hạ xuất tuyền. Mông. Quân tử dĩ quả hạnh dục đức.

Dịch.

Tượng rằng: Dưới núi suối tuôn,

Lo sao đức hạnh vuông tròn, mới nên.

Nhìn Tượng quẻ Mông, ta liên tưởng tới một dòng suối từ lòng núi tuôn ra, còn ngỡ ngàng, e ấp, chưa biết chẩy về hướng nào, ngả nào. Đại Tượng Truyện nhân đó khuyên ta nên lập chí cho cương kiên, tu đức cho sung mãn, có như vậy ta sẽ như dòng suối vô tận ào ạt tuôn ra tràn ngập bốn biển, năm hồ.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào đều bàn về công cuộc giáo hóa.

1. Hào Sơ Lục.

初六.　發蒙，利用刑人，用說桎梏，以往吝。發蒙，

　　利用刑人，用說桎梏，以往吝。

　象曰.　利用刑人，以正法也。

Sơ Lục. **Phát Mông. Lợi dụng hình nhân.**

Dụng thoát chất cốc. Dĩ vãng lận.

Tượng viết:

Lợi dụng hình nhân. Dĩ chính pháp dã.

Dịch.

Dạy trẻ có khi phải vọt roi.

Gông cùm cố gắng gỡ cho người.

Gông cùm mông muội khi đã gỡ,

Đập đánh làm chi nữa, hỡi ai?

Tượng rằng*: Cũng lúc vọt roi,*

Vọt roi là cốt dạy người phép khuôn.

Hào Sơ Lục **Phát Mông** đề cập đến phương pháp giáo hóa, và cho rằng khi con người còn ngu si, dốt nát, khi mà tâm hồn còn đần độn, cứng cỏi, chưa biết rung động trước Chân, Thiện, Mỹ, thì cũng cần dùng hình phạt, thị uy.

Lập ra hình phạt, thị uy để con người biết sợ hãi, biết nép mình vào khuôn phép, để dần dần hấp thụ được lời giáo huấn, và sẽ sửa đổi được tâm tính. Hình phạt chỉ là phương tiện nhất thời; khi con người đã biết phục thiện, thời phải bỏ. Dùng hình phạt mãi đâu có hay.

Lai Tri Đức khi bình Hào này, cho rằng nếu không biết dùng hình phạt, mà chỉ dùng đường lối ngọt ngào để giáo hóa, thì thường sẽ đi đến thất bại. Xét cho cùng, hình phạt cần hay không cần, cũng tùy nơi, tùy thời, tùy người.

Quân tử ư hữ thì đau,

Tiểu nhân vác đá đánh đầu như không.

Tóm lại, trong công trình giáo hóa, phải phối hợp cả nghiêm, lẫn khoan.

2. Hào Cửu nhị.

九二. 包蒙吉；納婦吉；子克家。

象 曰.　　子 克 家 , 剛 柔 接 也。

Cửu nhị. **Bao mông cát. Nạp phụ cát. Tử khắc gia**

Tượng viết:

Tử khắc gia. Cương nhu tiếp dã

Dịch.

Mông Cửu nhị, bao dong mới tốt.

Dung trẻ thơ, thâu nạp nữ nhi.

Rộng dong, đẹp đẽ mọi bề,

Phận con, đã biết lo bề gia cang.

Tượng rằng*: Con biết lo lường,*

Dưới, trên, mềm, cứng, đôi đường hòa hai.

Hào hai là Dương cương, mà lại đắc trung, sẽ đóng vai chủ chốt trong công cuộc giáo hoá mọi người.

Cửu nhị **Bao mông** là một minh sư, có bổn phận khải mông cho tất cả đám người mông muội. Vì thế **Hào Cửu nhị là chủ Hào trong quẻ này.** Vì Cửu nhị đã cương, lại đắc trung, nên cảm thông, bao dung được mọi hạng người, lại biết linh động giáo hóa, khiến mọi hạng người đều được mang ơn giáo dục, cải hoá. Cửu nhị là Dương Hào, mà lại thống trị mọi Âm Hào, nên nói rằng **Nạp phụ,** nên nói rằng **Bao mông.** Cửu nhị ở bậc dưới, mà lại làm công việc trên, có khác nào như bầy tôi lương đống, được quân vương ủy thác công việc, như con cái được cha giao phó cho trách nhiệm lo lắng gia đình. Vì thế nên nói: **Tử khắc gia.** Cửu nhị mà làm nên công trình, chính là nhờ ở chỗ đồng tâm, nhất trí giữa nhị và ngũ, giữa đôi bên thầy trò.

3. Hào Lục tam.

六三： 勿用娶女；見金夫，不有躬，無攸利。

象曰： 勿用娶女，行不順也。

Lục tam. **Vật dụng thủ nữ. Kiến kim phu. Bất hữu cung. Vô du lợi.**

Tượng viết:

Vật dụng thủ nữ. Hành bất thuận dã.

Dịch.

Lục tam chớ dụng gái tham tài,

Tham vàng, cuống quít vội theo trai.

Ngốt của, quên mình, quên thể thống,

Hư thân, thôi thế cũng là thôi.

Tượng rằng*: Hạng gái ngược đời,*

Dùng chi cho uổng, thôi thôi chớ dùng.

Tuy nhiên, trong xã hội vẫn có những hạng người nan giáo. Đó là những hạng người tham vàng bỏ nghĩa, những hạng người ăn xổi, ở thì, không cần đếm xỉa gì đến lương tâm, đến Đạo lý, những hạng người giả dối, bôi bác, sống bừa phứa, gặp chăng hay chớ, chẳng cần gì đến danh dự, đến tình nghĩa. Dịch dùng Hào Lục tam bất trung, bất chính để đề cập đến hạng người ấy một cách bóng bẩy, coi họ như là những đàn bà con gái trắc nết, vong tình; chẳng kể gì đến người tình chính đáng của mình là Thượng Cửu, mà muốn hiến thân cho Cửu nhị gần kề, một người mà **đời đang lênhương,** vừa có tài, vừa có đức. Vì thế mà Hào Lục tam nói: **Vật dụng thú nữ.**

4. Hào Lục tứ.

六四. 困蒙，吝。

象曰. 困蒙之吝，獨遠實也。

Lục tứ. **Khốn mông. Lận**

Tượng viết:

Khốn mông chi lận. Độc viễn thực dã.

Dịch.

Lục tứ, thẹn thay kẻ tối tăm,

Tối tăm, khốn nạn, khổ cho thân.

Tượng rằng*: Khốn đốn, tối tăm,*

Lìa xa chân thực, cho thân thẹn thùng.

Lại còn một hạng người nan hóa nữa, là hạng người thà chịu dốt nát, chứ chẳng thà tìm thầy, chọn bạn. Họ như bóng tối, mà muốn trốn tránh ánh sáng mặt trời, thì hỏi sao mà chẳng **tối tăm, khốn nạn, hổ cho thân** mới được chứ. Vì thế Lục tứ nói **Khốn mông.**

5. Hào Lục ngũ.

六五. 童蒙，吉。

象曰. 童蒙之吉，順以巽也。

Lục ngũ. **Đồng mông. Cát.**

Tượng viết:

Đồng mông chi cát. Thuận dĩ tốn dã.

Dịch.

Lục ngũ thơ ngây, cũng vẫn hay,

Tượng rằng*: Thơ dại vẫn hay,*

Vừa ngoan, vừa nhũn, thơ ngây tốt lành.

Dịch đề cao những người ở ngôi cao, vị cả, mà vẫn giữ được tấm lòng thành khẩn như trẻ thơ, hạ mình cầu học. Đó là đường lối của các minh chúa xưa kia đã dùng để đi vào lịch sử như Thành Thang học Y Doãn, như Cao Tông học Phó Duyệt. Thế là **học bất xỉ hạ vấn.**

Lẽ đời, khi ở ngôi cao thì tự cao, tự đại không chịu khuất kỷ cầu nhân. Đây trái lại, Lục ngũ **nhu trung cư tôn vị,** mà vẫn vui lòng cầu ứng với minh sư là Cửu nhị. Đó là những hạng người, trong thì tri thức chưa tạp loạn, mà ngoài thì kiến văn chưa tập nhiễm, Thiên tính, Thiên chân còn y nguyên, chưa bị hao tán, Xích tử chi tâm còn toàn vẹn chưa pha phách mùi đời, vì thế không ỷ mình, vẫn để trống lòng, để thụ giáo cùng những bậc Thánh Hiền. Nuôi dưỡng mình bằng chính lý, chính Đạo, thế là thành công, thế là có cơ thành tựu. Vậy cho nên tốt, cho nên hay. Vì thế Lục ngũ nói: **Đồng mông. Cát.**

6. Hào Thượng Cửu.

上 九. 擊 蒙，不 利 為 寇，利 御 寇。

象 曰. 利 用 御 寇，上 下 順 也。

Thượng Cửu. **Kích mông. Bất lợi vi khấu. Lợi ngự khấu.**

Tượng viết:

Lợi dụng ngự khấu. Thượng hạ thuận dã.

Dịch.

Thượng Cửu những thẳng tay dạy trẻ,

Quá khắt khe, bắt bẻ ích chi.

Hay là, cố tránh vô nghì,

Hay là, ngăn chặn những gì nhố nhăng,

Tượng rằng*: Chặn được nhố nhăng,*

Dưới trên hoà thuận, êm dầm, mới hay.

Nơi Hào Thượng Cửu **Kích mông,** Dịch cho rằng dẫu sao trong công trình giáo hóa, cũng không nên quá nghiêm khắc. Khi mà người còn quá mông muội, mà chính mình lại quá nghiêm khắc, ép buộc người học hỏi, lam làm những điều quá tầm họ, thì rút cuộc làm hại họ; làm cho họ phát khùng, phát tặc, phản lại mình mà thôi. Có nghiêm minh, thì nên nghiêm minh, khi cần ngăn ngừa những chuyện phóng túng dục tình, thế là nghiêm minh **để ngăn chặn bọn thảo khấu ẩn trong lòng người.** Có nghiêm minh, chăng là **nghiêm minh với con sói đội lốt chiên, muốn đầu độc quần chúng,** muốn đưa quần chúng vào vòng sa đoạ mà thôi. Thế là **Lợi ngự khấu.**

Con người cũng như vũ trụ, có đầy tiềm năng, tiềm lực, và nếu biết hướng dẫn, biết khai thác, sẽ đem lại những lợi ích khôn lường, những kết quả đẹp đẽ vô cùng tận.

Hơn nữa, khi giáo hóa cũng cần phải biết rằng: nơi con người, thiên tư, phú bẩm có khác nhau:

-Người thì thiên về tinh thần (introverti)

-Người thì thiên về vật chất (extroverti)

-Người thì có cơ phát huệ.

-Người thì tâm có thể lập chí cương kiên.

-Người thì trí có thể phát triển lý sự.

-Người thì có sức lực, tài khéo tay chân.

Manou, một Luật gia Ấn Độ cho rằng:

1). Những hạng người có chân tay khỏe mạnh, tài khéo, sẽ phục vụ xã hội bằng việc lao động tay chân.(Sudras).

2). Những hạng người trí thức sẽ phục vụ xã hội bằng các nghề tự do, thương mại (Vaisyas).

3). Những hạng người có ý chí, tâm huyết, sẽ phục vụ xã hội trong phạm vi chính trị, quân sự (Kshatriyas)

4). Những hạng người yêu chuộng suy tư, yêu chuộng đời sống tâm linh, sẽ phục vụ xã hội trong lãnh vực tu trì (Brahmanes).

Như vậy, thầy phải biết hướng dẫn trò, trò phải biết tự lượng tài sức, khả năng, và khuynh hướng, có như vậy mới đưa đến những thành quả tốt đẹp cho cá nhân, và thế quân bình cho xã hội. **Dịch kinh vì muốn giáo hóa mọi người nên gồm đủ: Thiên Đạo, Nhân Đạo, Vật Đạo, để ai đọc Kinh Dịch cũng thâu được cái hay, cái lợi.**

ÁP DỤNG QUẺ MÔNG VÀO THỜI ĐẠI

Thời đại ngày nay, phương pháp dạy trẻ không còn dùng roi vọt như khi xưa nữa. Ở các lớp Mẫu giáo, giáo viên không được ưu đãi một trò nào một cách đặc biệt, và không được phép để một trò nào quyến luyến mình quá độ. Các giáo viên, không những dạy các em đọc, viết, mà phải nghĩ ra những trò chơi, để vui chung với các em trong giờ nghỉ.

Nếu có em nào quá ngỗ nghịch, ưa chọc phá bạn, không nghe lời cô hoặc thầy giáo, thì không được đánh, hoặc dùng roi vọt, mà chỉ trừng phạt bằng cách bắt quỳ một lúc, hoặc quá lắm thì nói lại với phụ huynh để dạy bảo em ở nhà họ.

Nơi Trung Học, thì lại quá lắm. Học trò có người còn nhạo báng lại thầy trong lúc giảng dạy, không còn tôn sư, trọng Đạo như khi xưa. Khi xưa, thầy dạy đóng cả vai cha hay mẹ, có trách nhiệm dạy bảo học trò cũng như dạy bảo chính con cái trong nhà vậy (**Quân, Sư, Phụ**). **Thầy dạy còn trọng hơn cha mẹ.** Do đó người trò kính trọng thầy, cô như cha mẹ họ vậy, và các bậc phụ huynh cũng đỡ một phần gánh nặng trong việc dạy dỗ con cái họ.

Ngày nay, cha mẹ thì tối ngày làm việc vì sinh kế, đâu có thời gian để dạy con cái nữa. Phương pháp giáo dục hiện tại lại không cho phép nghiêm phạt học trò, do đó Đạo đức ngày một suy giảm một cách rõ rệt. Sự nền nếp của lớp thanh thiếu niên không còn như xưa, và sự lễ phép, tôn kính đối với ông bà, cha mẹ, giáo sư, cùng đối với các bậc trưởng thượng suy giảm một cách rõ rệt. **Như vậy sự giáo dục đã hỏng từ gốc rồi.** Nhân loại ngày nay chỉ để ý về Khoa Học, mà quên đi sự giáo dục về Đạo Đức của con người. Đạo giáo dạy con người cũng nhiều, nhưng chỉ dạy con người đối với Thượng đế, mà không dạy cách trau dồi từ gốc, hỏi sao có thể giác ngộ ngay được, nếu gốc đã bị mối mọt, hư hỏng rồi.

Vậy phương pháp giáo dục nghiêm khắc, hay phương pháp giáo dục thả lỏng như ngày nay, phương pháp nào hơn, tùy ý quý vị phán xét. Theo thiển ý, nghiêm khắc quá thì không nên, nhưng như ngày nay, thì cần phải thay đổi lại, không thì không biết mai sau loài người có còn muốn có con nữa hay không? Đó là bài toán cần đáp số.

Nhưng bất kỳ dùng phương pháp gì chăng nữa, tôi cũng xin góp với quí vị giáo viên bài thơ sau, để dạy các em thuộc lòng :

Song tiền cần khổ học,

Mã thượng cẩm y hồi.

Bạch nhật mạc nhàn quá,

Thanh xuân bất tái lai.

Dịch

Bên song kinh sử dồi mài,

Ngựa hồng, áo gấm, một mai đi về.

Thiếu thời, nhàn hạ trôi đi,

Ngày xanh, hồ dễ hẹn kỳ trùng lai.

Cách đây không lâu, các vị học trò cũ của nhà tôi (có vị đã 68, 69 tuổi, là những người đã có những địa vị khả quan trong xã hội),

đến thăm chúng tôi. Nhà tôi đã không còn nhớ họ là ai, và tên gì. Và 1 người trong bọn họ, đã đọc thuộc lòng bài thơ trên, mà cách đây 53 năm, nhà tôi đã dạy họ. Thật là cảm động. Thầy trò nhắc lại chuyện xưa, với một cảm tình đằm thắm, và cuối cùng kết luận: Những điều Thày dạy chúng con thật không sai vậy.

5. 水 天 需 THỦY THIÊN NHU

需序卦 Quái
物稚不可不養也,
故受之以需.
需者飲食之道也.

Nhu Tự Quái
Vật trĩ bất khả bất dưỡng dã
Cố thụ chi dĩ Nhu
Nhu giả ẩm thực chi đạo dã.

Nhu Tự Quái

Mông là dốt nát, mịt mùng, thơ ngây.

Thơ ngây, nuôi dưỡng mới hay,

Cho nên kế tiếp quẻ này, là Nhu.

Nhu là ẩm thực, ấm no. . .

Nhu theo Từ nguyên, gồm hai chữ: **Vũ** là mưa, **Chuyên** là cây non. Nghĩa là cây non mới mọc, cần được mưa móc đượm nhuần, nuôi dưỡng.

Vì thế **Nhu** có nghĩa đầu tiên là **Ăn uống.** Nhu theo **Tượng quẻ** là mây kéo đầy trời, nhưng chưa mưa. Phải chờ một khoảng thời gian nữa mới mưa.

Nhu thành bởi **Kiền (**lão phụ = cha già), và **Khảm (**thứ nam), cũng gợi lên hình ảnh một người cha già đứng tựa cửa chờ con ở xa chưa về.

Nhu theo đức quẻ, thì là hiểm nguy (**Khảm)** ở trước mặt. Cho nên người quân tử phải sáng suốt (**Kiền),** phải biết khoan dãn, đợi thời, đừng có đâm vào vòng nguy hiểm.

Như vậy Nhu có 2 nghĩa:

1/ Tu dưỡng, ăn uống (nơi Tự Quái, Tượng, Hào 5)

2/ Chờ đợi thời cơ (nơi Hào 1, 2, 3, 4,và 6).

Thoán Từ, Thoán Truyện, bất kỳ ở một quẻ nào cũng bàn tổng quát quẻ đó. Nhu lấy **Hào Cửu ngũ làm chủ Hào**

I. Thoán.

Thoán Từ.

需：有孚，光亨，貞吉。利涉大川。

Nhu. Hữu phu. Quang hanh. Trinh cát. Lợi thiệp đại xuyên.

Dịch.

Nhu là khoan dãn, đợi thời cơ,

Vững tin, vận sẽ sáng sủa ra.

Trinh chính rồi ra may mắn tới.

Tuy phải vượt sông, vẫn lợi mà.

Thoán Truyện viết:

需, 須也; 險在前也。剛健而不陷，其義不困窮矣。需, 有孚，光亨，貞吉。位乎天位，以正中也。利涉大川，往有功也。

Nhu. Tu dã. Hiểm tại tiền dã. Cương kiện nhi bất hãm. Kỳ nghĩa bất khốn cùng hỹ. Nhu. Hữu phu quang hanh trinh cát. Vị hồ thiên vị. Dĩ chính trung dã. Lợi thiệp đại xuyên. Vãng hữu công dã.

Dịch.

Nhu là khoan dãn, đợi thời cơ.

Trước mặt hiểm nguy, phải biết chờ.

Cương kiện, nhưng không mua chuốc hiểm,

Nên không cùng khốn, với sa cơ.

Nhu vững niềm tin, sáng sủa ra,

Chính trinh, *may mắn sẽ chờ ta,*

Vị ở ngôi Trời, trung chính đủ,

Dẫu phải vượt sông, vẫn lợi mà !

Vượt sông, cũng vẫn hay ho,

Việc làm sau, trước đều là thành công.

Thoán Từ & Thoán Truyện bàn về quẻ Nhu một cách tổng quát: Trong trường hợp gặp nguy hiểm, nếu mình là người tài đức, minh chính, tự tín, tự cường, lại khôn ngoan biết lựa thời, lựa thế, không mua chuốc cho mình những nguy hiểm vô ích, thì đến khi hành sự chắc sẽ được hay.

Nhu lấy Hào Cửu ngũ làm chủ chốt. Cửu ngũ Dương cương, lại cư trung, đắc thiên vị, cho nên nơi Thoán Từ, ta thấy nói đến sự thành khẩn, phu tín, trinh chính v v... Thoán Từ với câu: **Lợi thiệp đại xuyên,** làm ta liên tưởng đến Võ Vương đang chuẩn bị mạo hiểm vượt sông Hoàng Hà (năm II trước Công nguyên), để đánh Trụ Vương.

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết:

象 曰: 雲 上 於 天 , 需;君 子 以 飲 食 宴 樂。

Vân thượng ư thiên. Nhu. Quân tử dĩ ẩm thực yến lạc.

Dịch.

Tượng rằng: *Mây ở trên trời,*

Uống ăn, quân tử thảnh thơi vui vầy.

Tượng Truyện khuyên ta rằng: Phàm làm công chuyện gì, mà mình đã làm hết sức, thời không nên nóng nẩy muốn gặt hái ngay thành quả...Trái lại, hãy nên bình tĩnh, hãy dưỡng thân, dưỡng tâm, dưỡng trí, dưỡng thần, đợi chờ ngày thành công tới. Như thế, có khác gì Khương Tử Nha, ngồi câu nơi sông Vị, chờ ngày Văn Vương tới rước về làm Thượng Phụ đâu?.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

Sáu Hào quẻ Nhu chủ trương rằng: Dở, hay, không phải là chỗ ở xa, hay gần nguy hiểm, mà là ở chỗ biết chờ thời, hay không biết chờ thời. Gặp Hào Dương cương, thì khuyên nên nén lòng chờ đợi. Gặp Hào Âm nhu, thời dạy phải mềm dẻo để thoát nguy.

1. Hào Sơ Cửu.

初九.　需于郊。利用恆，無咎。

象曰：　需于郊，不犯難行也。利用恆，無咎；未失常也。

Sơ Cửu.

Nhu vu giao. Lợi dụng hằng. Vô cữu.

Tượng viết:

Nhu vu giao. Bất phạm nạn hành dã. Lợi dụng hằng vô cữu.

Vị thất thường dã.

Dịch. *Sơ Cửu:*

Chờ trông ở cánh đồng,

Bền gan mọi sự sẽ nên công.

Bền bỉ chờ trông, không đáng trách,

(Trách sao được kẻ biết chờ mong).

Tượng rằng: *Đợi ở ngoài đồng,*

Khó khăn, trắc trở, ta không lao vào.

Bền gan, lợi ích biết bao,

An thường, thủ phận, trách sao được mình !

Gặp thời buổi hiểm nguy, ly loạn, nhưng mà mình được cái may mắn còn ở xa nguy hiểm. Tưởng nên bắt chước Khổng Minh, khi còn ở Ngọa Long Cương, giữ tròn Đạo lý, khí tiết, đừng có dại dấn thân một cách vô lý vào nguy hiểm, phong trần, để mắc họa thất cơ, lỡ vận. Thế mới là hay.

2. Hào Cửu nhị.

九二. 需于沙。小有言，終吉。

象曰： 需于沙，衍在中也。雖小有言，以終吉也。

Cửu nhị. **Nhu vu sa. Tiểu hữu ngôn. Chung cát.**

Tượng viết.

Nhu vu sa. Diễn tại trung dã. Tuy tiểu hữu ngôn. Dĩ cát trung dã.

Dịch.

Hào Cửu nhị: đợi ngoài bãi cát,

Mặc xì xào, sau rốt sẽ hay.

Tượng rằng: *Trên cát chờ trông,*

Ngôi trung thanh thản, thung dung đợi chờ.

Mặc người đàm tiếu, nhỏ to,

Nhưng mà chung cuộc, bao giờ cũng hay.

Mình tuy đã gần hiểm nguy, mà vẫn giữ được bình tĩnh, trung chính, kiên nhẫn. Dẫu người không hiểu mình, mà nhỏ to, đàm tiếu, thời có hại chi đâu. Thế tức là:

Anh hùng chưa được cao nhân phục,

Khuất tiết, sui nên kẻ sĩ lờn!

3. Hào Cửu tam.

九 三.　 需 于 泥 , 致 寇 至。

象 曰 :　 需 于 泥 , 災 在 外 也。 自 我 致 寇 , 敬 慎 不 敗 也。

Cửu tam. **Nhu vu nê. Trí khấu chí.**

Tượng viết.

Nhu vu nê. Tai tại ngoại dã. Tự ngã trí khấu. Kính thận bất bại dã.

Dịch.

Hào Cửu tam: trong bùn đứng đợi,

Có khác gì mời gọi giặc đâu?

Tượng rằng*: Đợi ở trong bùn,*

Hiểm nguy đã thấy nấp nom phía ngoài.

Tự ta gọi giặc tới nơi,

Hết lòng thận trọng, thoát thời bại vong.

Ở gần nguy hiểm, nếu không biết tự kiềm chế, mà cứ xông xáo tiến lên, thì có khác nào chiêu tai hoạ vào mình, mời giặc cướp tới hại mình đâu. Nhược bằng biết sợ sệt, biết thận trọng, sẽ thoát hiểm.

Đọc Hào này ta liên tưởng đến Tào Tháo, lúc sắp mắc trận hỏa công nơi sông Xích Bích, mà vẫn còn ngạo nghễ, không coi đối phương ra gì, vẫn uống rượu, thưởng trăng, ca ngâm, hớn hở. Tào tháo có biết đâu rằng mấy câu thơ của mình

Đêm nay, sao sáng, trăng thanh,

Về Nam, con quạ lao mình trên không,

Lượn quanh cây lớn ba vòng,

Tìm không chỗ đậu, lại vùng bay mau . . .

ít ngày nữa sẽ ứng vào mình, một tướng thảm bại, lạc lõng nơi Hoa Dung tiểu lộ, khuất kỷ cầu sinh. . .

4. Hào Lục tứ.

六四.　需于血，出自穴。

象曰：　需于血，順以聽也。

Lục tứ. **Nhu vu huyết. Xuất tự huyệt.**

Tượng viết.

Nhu vu huyết. Thuận dĩ thính dã.

Dịch.

Hào Lục tứ: đợi chờ trong huyết,

Dẫu lọt vào hãm huyệt vẫn ra.

Tượng rằng*: Trong máu đợi chờ.*

Tùy thời xử sự, có cơ thoát nàn.

Mình dẫu đã lâm vào vòng nguy hiểm, nhưng nếu biết nhu thuận, tùy thời xử sự, thì cuối cùng cũng sẽ thoát hiểm. Hào này làm ta liên tưởng tới Văn Vương, lúc bị giam nơi Dũ Lý. Trong vòng 7

năm, hằng ngày Trụ Vương sai người dò thám, bắt lỗi Văn Vương để mà trừ khử đi, nhưng vì Văn Vương khéo xử sự, nên Trụ Vương không làm gì được, cuối cùng đành phải phong tặng, và cho về nước.

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 需于酒食，貞吉。

象曰： 酒食貞吉，以中正也。

Cửu ngũ. **Nhu vu tửu thực. Trinh cát.**

Tượng viết.

Tửu thực trinh cát. Dĩ trung chính dã.

Dịch.

Hào Cửu ngũ: đợi nơi ăn uống,

Cứ chính trinh, sẽ hưởng tốt lành.

Tượng rằng*: Ăn uống, trông chờ,*

Bền gan, trinh chính, rồi ra cát tường.

Chính trung, giữ vẹn lẽ thường.

Khi mình đã mài miệt học hành, một dạ tu thân, hoặc khi mình đã thi triển hết tài năng để trị dân, trị nước, mà chưa thâu lượm được những thành quả hiển nhiên, thì đừng vội sốt ruột. Hãy biết vững bụng chờ thời. Hào này làm ta nhớ mấy câu thơ của Chu Du:

Trượng phu phải lập công danh,

Công danh đã thỏa bình sinh trên đời.

Bình sinh, chí đã thỏa rồi,

Uống say, ta hát mấy lời ca ngông !

6. Hào Thượng Lục.

九五.　需于酒食，貞吉。

象曰：　酒食貞吉，以中正也。

Thượng Lục. **Nhập vu huyệt. Hữu bất tốc chi khách tam nhân lai.**

Kính chi trung cát.

Tượng viết.

Bất tốc chi khách lai. Kính chi chung cát. Tuy bất đáng vị. Vị đại thất dã.

Dịch.

Hào Thượng Lục: sa vào địa huyệt,

Khách ba người chẳng biết tự đâu,

Đãi đằng, kính cẩn trước sau,

Rồi ra, muôn sự một mầu an vui.

Tượng rằng: *Không cầu, khách vẫn đến nơi,*

Đãi đằng, kính cẩn, chuyện rồi sẽ êm.

Vị ngôi chẳng xứng, chẳng nên,

Rồi ra cũng bớt tần phiền, dở dang.

Cũng có người mắc phải hiểm nguy ghê gớm, nhưng vì có bạn bè đông đúc, hết lòng phù ủng, nên đã thoát hiểm. Đó là trường hợp Tiết Nhân Quí bị Lý Đạo Tông hãm hại, đến nỗi lâm đại nạn, may nhờ bè bạn bên ngoài như Uất Trì Cung, Từ Mậu Công, Trình Giảo Kim, hết lòng giúp đỡ, nên cuối cùng đã thoát được tai ương . . .

ÁP DỤNG QUẺ NHU VÀO THỜI ĐẠI

Gặp thời Nhu, vị nguyên thủ quốc gia phải **nuôi dưỡng** thiên hạ, cả về mặt tinh thần lẫn vật chất, chứ chẳng phải du ngoạn, yến ẩm, hoan lạc một mình.

Mây lơ lửng trên trời, rồi sau trước sẽ thành mưa, để nuôi dưỡng vạn vật, thì một nền hành chính đứng đắn, sau trước cũng phải đặt nặng vấn đề nuôi nấng vạn dân, vì vậy Chính Phủ phải lập các ngân khoản trợ cấp, học bổng, cho vay dài hạn, để giáo dưỡng hàng sĩ phu trong thiên hạ, và đào tạo những anh tài, những nhà bác học cho đất nước; xem xét việc trồng tỉa, khai khẩn, để nuôi dưỡng chúng dân, cung cấp quân lương đầy đủ để nuôi dưỡng binh lính, thu thập thuế má cho đầy đủ để nuôi nấng công chức của quốc gia, để mọi người đều được tự tại, thoải mái, thảnh thơi. Muốn được vậy, đâu phải công chuyện một sớm, một chiều.

Trên, ta mới bàn qua về mặt **vật chất**, mà một vị Nguyên thủ quốc gia, và Lưỡng viện của chính phủ phải lo cho dân. **Còn về mặt tinh thần, cũng phải lo giáo hóa dân,** từ lớp Mẫu giáo cho đến tuổi thành niên. Phải nâng đỡ những nhà Văn, nhà Báo, những nhà Tư tưởng, để họ có đủ khả năng về vật chất để ấn loát, mà truyền bá tư tưởng, truyền bá những cái hay, cái đẹp cho thế hệ sau này (Mục này tôi nghĩ các quốc gia trên thế giới quả là quá khiếm khuyết),

Quẻ Nhu còn khuyên ta: **Phải biết chờ đợi. Phàm công chuyện gì mà mình đã làm hết sức, thời không nên nóng nẩy muốn gặt hái ngay thành quả. . .**

Trái lại, hãy nên bình tĩnh, hãy dưỡng tâm, dưỡng trí, dưỡng thần, mà đợi ngày thành công tới.

Áp dụng vào ngày nay, có nhiều người ra trường mà không sao xin được việc làm. Ta phải bình tâm, suy xét xem ta đã khiếm khuyết cái gì. Sau khi biết, ta sẽ dễ dàng sửa chữa nó, và sau ta sẽ thấy ta xin việc dễ hơn trước nhiều. Ta đừng vội nản, và cho rằng Trời chẳng thương ta, hoặc sao số ta xui quá. Ta hãy phân tích xem ta đã làm theo những giai đoạn này chưa?

1. Môn ta đang học, ta có thật thích nó không? Hay chỉ theo học vì nó có cái bề ngoài sang trọng, hoặc là học theo sở thích của cha mẹ muốn nó. Nếu không thật thích, sao ta có thể hết sức cố gắng,

chuyên cần, để hiểu nó một cách tường tận được.

2. Trong thời gian học, ta **nên lợi dụng thời kỳ nghỉ hè,** để xin vào làm công việc, giống như môn học của ta, để ta lấy kinh nghiệm, sau này khi tốt nghiệp ra ta dễ xin việc. Nếu có thể, hàng năm ta nên tập sự cùng một chỗ hay hơn, như vậy những nhân viên có kinh nghiệm trong sở, họ sẽ chỉ dẫn kinh nghiệm của họ cho ta một cách tường tận hơn.

3. Sau khi đã áp dụng 1, 2 ở trên mà ta cũng không xin được việc, thì là vì khả năng hấp thụ sự hiểu biết của ta hơi yếu. Nhưng đừng vội thất vọng, hãy tiếp tục học những lớp huấn luyện thêm về môn đó, nếu ta còn có đủ điều kiện vật chất để tiếp tục, **nếu thiếu điều kiện,** ta hãy xin một công việc thấp hơn (dù nó ít lương hơn nhiều), nhưng phải cùng giống môn học của ta, và ta vẫn phải tiếp tục học lớp huấn luyện. Ta đừng bao giờ nản chí, như vậy sự thành công chắc chắn sẽ đến với ta.

6. 天 水 訟 THIÊN THỦY TỤNG

訟序卦曰 Tụng tự Quái
需者飲食之道也 Nhu giả ẩm thực chi đạo dã.
飲食必有訟 Ẩm thực tất hữu tụng.
故受之以訟 Cố thụ chi dĩ tụng

Tụng Tự Quái

Nhu là ẩm thực ấm no,

Uống ăn tất sẽ đôi co, tụng đình.

Cho nên quẻ Tụng tiếp sinh. . .

Quẻ Tụng tiếp theo quẻ Mông, và quẻ Nhu. Ý nói con người vì dốt nát (Mông), thường vì tranh nhau miếng ăn (Nhu), nên mới sinh kiện tụng. Thánh Nhân xưa nay, cốt dạy người hòa thuận cùng nhau, nên nói về Tụng, cốt để ngăn ngừa kiện tụng, nghiên cứu nguyên nhân của kiện tụng chia rẽ, cốt là để mọi người trừ diệt những nguyên nhân ấy, để vui sống cùng nhau trên cõi trần hoàn; phân tách tâm lý đủ mọi hạng người muốn kiện thưa rắc rối, để mọi người thấy rằng dẫu sang, hay hèn, dẫu mạnh, hay yếu, dẫu được, hay thua; **kiện tụng cũng không ích lợi gì.**

Chữ Tụng theo tự dạng gồm 2 chữ: **Ngôn = ngôn từ, Công = Công chính.** Vậy kiện thưa cốt là để biện minh cho sự công chính còn đang bị khuất lấp, chứ không phải để dở dói mưu mô xảo quyệt, thủ đoạn đê hèn, hãm hại, vu khống. Nói về Tượng quẻ, ta thấy quẻ Tụng, trên thời có **Kiền = Trời,** dưới thì có **Khảm = Nước.** Trời thì cao, nước thì thấp. Trời như là thanh khí, bay lên chín tầng không; Nước như là vũ trạch, đổ xuống muôn sông biển. Đó là biểu hiệu sự gàng quải, chia phôi, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược. . . Vì thế mới tạo nên sự đôi co, kiện tụng.

Xét về Đức quẻ, thì Kiền biểu dương cho sự cường dũng, nóng nẩy, táo bạo. Khảm biểu dương cho sự hiểm độc, mưu mô.

I. Thoán.

Thoán Từ.

訟：有孚，窒。惕中吉。終凶。利見大人，不利涉大川。

Tụng. Hữu phu trất. Dịch trung cát. Chung hung. Lợi kiến đại nhân. Bất lợi thiệp đại xuyên.

Dịch.

Sự thế có khi cũng kiện thưa,

Ngay tình, oan ức, mới âu lo.

Lo lường, cẩn trọng, rồi ra tốt,

Theo mãi kiện thưa, sẽ xác sơ.

Tìm người minh chính, xử cho.

Minh quan xét xử, cơ hồ mới hay.

Kiện mà dai dẳng, dắt dây,

Như qua sông lớn, nào hay nỗi gì.

Thoán Truyện: Thoán viết:

訟，上剛下險，險而健訟。訟有孚窒，惕中吉，剛來而得中也。終凶;訟不可成也。利見大人;尚中正也。不利涉大川;入于淵也。

Tụng. Thượng cương hạ hiểm. Hiểm nhi kiện. Tụng. Tụng. Hữu phu trất. Dịch trung cát. Cương lai nhi đắc trung dã. Chung hung. Tụng bất khả thành dã. Lợi kiến đại nhân. Thượng trung chính dã. Bất lợi thiệp đại xuyên. Nhập vu uyên dã.

Dịch.

Tụng trên cứng, dưới thời nham hiểm.

Hiểm lại cương, nên kiện tụng sinh.

Mình ngay, oan ức sao đành,

Trong lo, vẫn có mối manh cát tường.

Đắc trung, vả lại Dương cương,

Đã ngay, lại mạnh, tai ương, nhẽ nào!

Kiện thưa, đeo đẳng hại sao.

Kiện thưa, chớ mãi đâm lao vào tròng.

Gặp người quân tử chí công,

Gặp người công chính, mới mong được lời.

Kiện liều, kiện lĩnh thời thôi,

Như giông sóng cả, như vùi vực sâu.

Kiện tụng là sự vạn bất đắc dĩ. Cho nên chỉ kiện khi mình có lý chính, có tình ngay **(Hữu phu),** mà bị oan ức, đè nén, khuất lấp **(Trất).** Đã lâm vào vòng kiện tụng, nên biết lo, cùng sợ **(Dịch).** Nếu có thể hoà giải được, thì nên hoà giải mới hay **(Trung cát).** Cần phải tìm được minh quan xét xử **(Lợi kiến đại nhân).** Nếu mà kiện thưa liều lĩnh, để cho bọn tham quan, ô lại, thầy cò, thầy kiện có cơ bóc lột, thì thật là hiểm nguy, có khác nào vượt sông cả sóng, sa xuống vực sâu đâu? **(Bất lợi thiệp đại xuyên).**

Không nên theo đuổi kiện tụng đến kỳ cùng, đến nỗi đôi bên đều thân tàn, ma dại **(Chung hung).**

Được kiện, mười bốn quan năm,

Thua kiện, mười lăm quan chẵn.

Đó là đại ý Thoán Từ, Thoán Truyện.

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết:

天與水違行，訟;君子以作事謀始。

Thiên dữ thủy vi hành. Tụng. Quân tử dĩ tác sự mưu thủy.

Dịch. Tượng rằng:

Trời với nước, đôi đường, đôi ngả.

Có quải gàng, nên có kiện thưa.

Đường đường, quân tử phải lo,

Việc gì , cũng phải đắn đo từ đầu.

Tượng Truyện dạy người quân tử phải tránh những mầm mống chia rẽ, những căn do sinh kiện tụng cho dân. Muốn tránh kiện tụng, tránh chia rẽ, ta cần phải có độ lượng bao dung, thông cảm lẫn nhau; ôn hoà trong khi giao tiếp, thận trọng trong lời ăn tiếng nói, trong khi soạn thảo khế ước, văn tự.

Tống Mẫn Công thời Chiến quốc, chỉ vì những lời nhạo báng, nói đùa, mà bị Nam Cung Trường Vạn giết.

Sở dĩ có kiện tụng, là vì có sự tranh chấp, quải gàng, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược, vì mọi người không chịu thi hành bổn phận cho đứng đắn, hẳn hoi. Vì vậy, muốn tránh dân chúng kiện thưa nhau, người quân tử trước hết phải lo giáo hóa cho dân. Cha từ, con hiếu, em kính, anh nhường, bạn bè tín nghĩa, trên xử ra trên, dưới xử ra dưới; đôi đàng kính nhượng lẫn nhau; được như vậy thiên hạ mới mong an bình. Ngoài ra, phải khiến dân tuân phục mệnh vua, phép nước, và trật tự chung. Khi lập văn tự, khế ước phải làm sao cho hết sức minh bạch.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào lại càng nêu rõ ý nghĩa không nên thưa kiện.

1. Hào Sơ Lục.

初六. 不永所事，小有言，終吉。

象曰： 不永所事，訟不可長也。雖有小言，其辯明也。

Sơ Lục. **Bất vĩnh sở sự. Tiểu hữu ngôn. Chung cát.**

Tượng viết:

Bất vĩnh sở sự. Tụng bất khả trường dã. Tuy tiểu hữu ngôn.

Kỳ biện minh dã.

Dịch.

Kiện thưa cũng chẳng đến đâu,

Đôi co chút đỉnh, rồi sau cũng lành.

Tượng rằng:

Kiện thưa cũng chẳng đến đâu,

Sức mình mấy nả, mà cầu kiện dai?

Chẳng thà cãi vã đôi nhời,

Cốt là minh biện phải, sai rõ rành.

Hào Sơ Lục, Âm nhu, tức là những người tài thô, trí thiển, lại ở địa vị hèn kém, nếu có bị người trên đè nén (Hào tứ), thì bất quá nên phản đối, nên tranh biện cho vỡ lẽ trái phải, cho hả lòng, hả dạ, còn hơn là bầy ra kiện tụng lôi thôi.

2. Hào Cửu nhị.

九二. 不克訟，歸而逋，其邑人三百戶，無眚。

象曰： 不克訟，歸而逋也。自下訟上，患至掇也。

Cửu nhị. **Bất khắc tụng. Qui nhi bô. Kỳ ấp nhân tam bách bộ. Vô sảnh.**

Tượng viết:

Bất khắc tụng qui bô thoán dã. Tự hạ tụng thượng. Hoạn chí truyết dã.

Dịch.

Cửu nhị kiện, liệu bề chẳng thắng,

Thời nên về qui ẩn là hơn.

Ấp ba trăm nóc lui chân,

Tránh điều hoạ hại, sớm hôm an lành.

Tượng rằng:

Kiện không nổi, lui về ẩn lánh,

Dưới dễ đâu ngang ngạnh với trên.

Nhỏ mà kiện lớn, thua liền,

Nạn tai rõ thật tự nhiên chiêu vời.

Hào Cửu nhị, là người có tài đức, có địa vị, nhưng lại phải đối đầu với những đối thủ uy tín, quyền thế hơn mình nhiều. Như vậy chỉ còn có cách tránh xa thù địch của mình. **Tránh voi chẳng xấu mặt nào.** Y thức như Thừa Tướng Thương Dung, đã qui ẩn để tránh vua Trụ, hoặc Bái Công đã nhẫn nhục, chịu đầy ải mình vào Hán Trung để tránh hoạ Sở Vương.

3. Hào Lục tam.

六三. 食舊德，貞厲，終吉，或從王事，無成。

象曰： 食舊德，從上吉也。

Lục tam. **Thực cựu đức. Trinh. Lệ chung cát.**

Hoặc tòng vương sự. Vô thành.

Tượng viết:

Thực cựu đức. Tòng thượng cát dã.

Dịch.

Lục tam: phải sống nhờ phúc ấm,

Phải e dè, cẩn thận, trước sau.

Thủ thường, mới khỏi cơ cầu,

Việc vua gánh vác, chớ cầu công lênh.

Tượng rằng:

Phúc nhà dựa dẫm qua ngày,

Người trên đừng cưỡng, mới hay, mới toàn.

Hào Lục tam, là những người kém tài, và địa vị cũng chẳng ra chi, ngó lên, ngó xuống đều chỉ thấy những người có bản tính như Cửu nhị, Cửu tứ, Thượng Cửu. Như vậy, tốt hơn hết là phải biết lượng sức mình, lại cũng phải hết sức gia ý đề phòng, an phận thủ thường, đừng có dở dói chi cho thêm mệt. Hãy tỏ ra biết phục tòng, biết hòa hoãn với người trên, như vậy mới hay. Nếu có cùng người thi hành công vụ gì, thì cũng đừng nên tranh công với người, kẻo mang họa. Đó là đường lối của Bái Công đã theo để khỏi bị Hạng Vương hãm hại. Tuy Bái Công đã chiếm được Hàm Dương, đã cầm tù được vua nhà Tần là Tần Tam Thế, Tử Anh, lại cũng lấy được cả ngọc tỉ. Hơn thế nữa, theo đúng như lời giao ước lúc xuất quân, thì hễ ai vào đất Quang Trung trước, thì làm vua; thế mà lúc Hạng Võ kéo đại binh tới, Bái Công tự xét thấy mình chưa đủ sức cầm cự, nên đã mở cửa dâng thành, nộp Tần Vương, nộp ngọc tỉ cho Hạng Võ, coi mình như bầy tôi dưới trướng Hạng Võ, rồi bằng lòng để cho Hạng võ đầy ải vào Hán Trung. Nhìn vào

quẻ Tụng, thì Bái Công chính là Hào Lục tam, mà Hạng Võ tức là Hào Thượng Cửu. Thế mới hay, khôn cũng chết, dại cũng chết, mà chỉ có **biết là sống.** Biết là biết khi đáng tiến, thời tiến; khi đáng thoái, thời thoái; khi đáng cương, thời cương; khi đáng nhu, thời nhu, **Biết thời Tồn, không biết thời Vong,** là như vậy.

4. Hào Cửu tứ.

九四.　不克訟，復自命，渝安貞，吉。

象曰：　復即命，渝安貞;不失也。

Cửu tứ. **Bất khắc tụng. Phục tức mệnh. Du an trinh. Cát.**

Tượng viết:

Phục tức mệnh. Du an trinh. Bất thất dã.

Dịch.

Cửu tứ: rồi ra kiện chẳng xong,

Quay về nghĩa lý đổi thay lòng,

Thay lòng, quyết sống theo đường chính,

Đường chính giữ bền, có tốt không?

Tượng rằng:

Đã đổi được lòng theo chính lý,

Rồi ra nào có mất chi đâu?

Hào Cửu tứ tuy là người cương táo, giỏi giang, nhưng lại bất trung, bất chính, nên chính là hạng người ưa sinh sự. Nhưng muốn sinh sự, mà không sinh sự được với ai. Ngũ ở trên, thời là người quá quyền thế. Lục tam ở cạnh, thì lại là người khéo cư xử. Sơ Lục ở dưới, ứng với mình, cũng như là những người bề dưới mình, và

cũng không dám tranh tụng với mình. Nếu Tứ mà kiện Sơ, sinh sự với Sơ, thời tức là **mạnh hiếp yếu,** người trên cậy quyền hà hiếp kẻ dưới, có gì là hay đâu? Vì vậy Tứ bỏ ý định kiện tụng, mà vui lòng ăn ở theo đúng nghĩa lý. Như vậy mới hay.

5. Hào Cửu ngũ.

九 五. 訟 元 吉。

象 曰： 訟 元 吉，以 中 正 也。

Cửu ngũ. **Tụng nguyên cát.**

Tượng viết:

Tụng nguyên cát. Dĩ trung chính dã.

Dịch.

Cửu ngũ: kiện thưa xuôi xắn tốt.

Tượng rằng: *Thưa kiện êm xuôi.*

Vì người phân xử là người chính trung.

Cửu ngũ là chủ Hào, là vị phán quan công minh, xét xử cho đời, chẳng khác gì như Bao Công, hay Thi Công thuở trước. Tụng đình thì có muôn ngàn chuyện. Nhưng nguyên tắc chi phối công việc xét xử của một vị minh quan, thì chỉ nằm vẻn vẹn trong hai chữ **Trung, Chính.** Trung để không thiên vị ai. Chính để lấy công lý mà phân xử để mọi người khỏi oan ức, khỏi bị hà hiếp, bóc lột, vu xử để mọi người khỏi oan ức, khỏi bị hà hiếp, bóc lột, vu khống. Được như vậy, còn gì là hay hơn.

6. Hào Thượng Cửu.

上 九. 或 錫 之 鞶 帶，終 朝 三 褫 之。

象曰：　以訟受服，亦不足敬也。

Thượng Cửu. **Hoặc tích chi bàn đới. Chung triêu tam trị chi.**

Tượng viết:

Dĩ tụng thụ phục. Diệc bất túc kính dã

Dịch.

Thượng Cửu: Dẫu rằng được thưởng đai,

Thưởng rồi một sáng, lột ba hồi.

Tượng rằng: Nhờ kiện được đai,

Thì đâu có đủ cho người kính tôn.

Thượng Cửu, Dương cương nhưng lại bất trung, bất chính, tức là một người ngông nghênh, cậy quyền, cậy thế, thích kiện tụng. Nhưng giả sử họ có được kiện đi chăng nữa, có được lợi lộc vì những vụ kiện thưa đi chăng nữa, rút cuộc họ có giữ được cái hư danh, cái hoạnh tài ấy được mãi không? Hay được hôm nay, thì mất ngày mai. Danh lợi đến như mây, thì lại bay đi như khói.

Tóm lại, đọc quẻ Tụng, mới thấy rõ vi ý của cổ nhân là không muốn cho tham quan, ô lại, lợi dụng, đục khoét dân**, là muốn cho mọi người thương yêu nhau,** không đè nén nhau, lập kế hãm hại nhau, rồi đưa nhau đến cửa quan, để cho tham quan, ô lại lợi dụng, bóc lột..

Người xưa nói:

Tiền vào cửa quan, như than vào lò.

Hay:

Tới huyện nha, là nhà anh cháy.

Thật là chí lý vậy.

ÁP DỤNG QUẺ TỤNG VÀO THỜI ĐẠI

Trong xã hội loài người, phát sinh ra kiện tụng, là do nhiều nguyên nhân:

1. Người trên nóng nẩy, cậy quyền, cậy thế, hiếp đáp người dưới. Hoặc người dưới tìm mưu mô quỉ quyệt, lừa bịp, hãm hại người trên, thì sẽ đem lại bất hòa, và có ngày sẽ kiện tụng nhau.

2. Hai người ngang nhau, nhưng một người nóng nẩy, táo tợn; một người hống hách, hiểm độc, gian ngoan, hay vu khống bừa bãi, gặp nhau, ắt sẽ sinh kiện tụng.

3. Còn ở nơi những người lòng thì không hiền, tính thời nóng nẩy, táo bạo, thích gây gổ, sinh sự, sẽ hay đưa đến tụng đình.

4. Kiện tụng nẩy sinh là vì một trong hai bên tham tâm chiếm đoạt, lừa đảo bên kia, là vì lúc cộng tác nể nang, tin nhau, không làm khế ước chặt chẽ, minh bạch.

Ở **thời đại ngày nay,** hôn nhân không bền vững, vì vợ chồng không còn nhường nhịn, chịu đựng nhau như ngày xưa, nên họ rất dễ dàng ly dị nhau, và đưa nhau ra tụng đình về vấn đề chia nhau gia sản. Vì người đàn bà ngày nay, phần lớn là đi làm, kiếm tiền ngang với chồng, khi ly dị lại lãnh phần nuôi con, nên họ đòi chia gia sản đồng đều còn đúng, nhưng còn có những người đàn bà, chỉ sống ỷ lại vào người chồng, không chịu đi làm, họ lợi dụng được luật pháp bảo vệ, đòi phân chia tài sản đồng đều, hoặc xin toà bắt người chồng phải nuôi họ suốt đời. Những sự vô lý đó, người chồng đâu có chịu, do đó vụ kiện cứ kéo dài, và hai vợ chồng cứ è cổ ra mà trả tiền Luật sư, rốt cuộc cả 2 đều thân tàn, ma dại. Có nhiều người chồng không chịu nổi sự tham lam của vợ mình, đã xin thôi sở làm và trốn sang tiểu bang khác, vì không chịu nổi cảnh đã bị vợ bỏ, mà còn bị vợ và Luật sư bóc lột tận xương tủy. Nhưng cũng có cặp khôn ngoan hơn, vì được người vợ hiểu biết hơn, họ điều đình trong sự thuận thảo, do đó mọi sự êm đẹp hơn, khỏi hao tốn tiền bạc, và cả hai được thoải mái hơn.

Nói cho cùng, thì dẫu có được kiện. cũng chẳng có ra gì. **Được kiện thì mất nhân tâm, mất nhân nghĩa, chuốc lấy oán thù, tự trói buộc mình vào trăm ngàn dây oan nghiệt.**

Tóm lại, dù ở thời đại nào, cũng không nên kiện tụng. Muốn được vậy, mọi người phải bao dung, hòa mục, nhường nhịn nhau, tôn trọng quyền lợi. của nhau, tôn trọng trật tự chung. Đừng nên khinh xuất khi ăn nói, thận trọng khi thảo văn từ, để tránh cảnh **Bút sa gà chết.**

Ca dao, tục ngữ có những câu khuyên dân không nên bước vào vòng kiện tụng. Ví dụ:

Được kiện, mười bốn quan năm,

Thua kiện mười lăm quan chẵn.

hoặc

Nghe lời ông đề, ruộng bề bề bán hết v v . . .

Cụ Nguyễn Du cũng có câu:

Lạ gì những thói sai nha,

Làm cho khốc hại, chẳng qua vì tiền.

7. 地 水 師 ĐỊA THỦY SƯ

師序卦：Sư Quái
訟必有衆起，Tụng tất hữu chúng khởi,
故受之以師。Cố thụ chi dĩ Sư

Sư Tự Quái

Tranh dành, quần chúng âu đành nổi lên.

Quẻ Sư vì vậy tiếp liền.

Cá nhân bất hòa sẽ sinh kiện tụng. Quốc gia bất hòa cùng nhau, sẽ sinh chinh chiến. Cho nên sau quẻ Tụng, bàn đến quẻ Sư. Quẻ Sư, trên là Khôn = Đất = Nhu thuận, dưới là Khảm = Nước = Nguy hiểm, lại có 1 Hào Dương ở Cửu nhị, thống lãnh 5 Hào Âm. Nó gợi lên những ý nghĩa sau :

1. Chinh chiến là một công chuyện hết sức hiểm nghèo, cần phải được thuận tình, thuận lý, tức là phải có chính nghĩa, có lý do xác đáng, và được quốc dân tán thành mới nên.

2. Đời xưa cho rằng: quân ẩn trong lòng dân, như nước ẩn trong đất, quân và dân không thể rời nhau. Thời bình thì quân là dân, thời chiến thì dân là quân. Vì thế Chu Hi mới bàn rằng: Người xưa cho rằng quân nhân vốn đã tiềm ẩn ngay trong tầng lớp nông dân, cái chí hiểm đã tàng phục ngay trong cái chí thuận, và cái bất trắc đã tàng ẩn ngay trong cái tĩnh lãng.

Quân và dân liên lạc hết sức mật thiết với nhau, nên tổ chức hành chánh (Quẻ Tỉ), và tổ chức quân sự (Quẻ Sư) là hai tổ chức song hành và tương ứng.

3. Quẻ Sư có một Hào Dương (Hào Cửu nhị), thống lãnh quần Âm,

đó là tượng trưng cho một vị tướng soái, thừa ủy nhiệm vua, thống lĩnh ba quân xông pha gian hiểm, để chinh thảo địch quân.

Trước khi khảo sát quẻ Sư, ta nên biết Hiền thánh đời xưa rất ghét binh bị, vì binh bị **độc nhân, hại chúng. Hồng phạm Cửu trù**, xếp Binh bị vào hàng cuối cùng trong Bát chính (tám phương sách trị dân).

Gần đây, Thánh Gandhi cũng nhất định đề xướng lên cùng thế giới chủ trương **Bất hại** (Ahimsa), và chủ trương **Bất bạo động.** Ông viết: Nếu trong một cuộc chiến tranh vì chính nghĩa, cần phải hại tới sinh mạng con người, thì người ta nên bắt chước chúa Jésus sẵn sàng đổ máu mình, thay vì đổ máu kẻ khác, như vậy máu bớt chẩy trong hoàn vũ (Autobiographie d'un Yogi p, 440).

Tự Quái đề cập tới duyên cớ chiến tranh, và cho rằng vì người ta chia rẽ, tranh dành nhau nên mới có chiến tranh.

I. Thoán.

Thoán Từ.

師： 貞，丈 人，吉. 無 咎。

Sư. Trinh. Trượng nhân, cát. Vô cữu.

Dịch.

Xuất sư, chính nghĩa phải theo,

Tướng gồm tài đức, hết điều dở dang.

*Thoán T*ừ chủ trương: Mỗi khi hưng sư, động chúng phải có một duyên cớ xác đáng. Người xưa hưng binh để trừ bạo chúa, như Thành Thang hưng binh diệt Kiệt, Võ Vương hưng binh diệt Trụ. Vì vậy, không có động chạm đến dân chúng.

Thoán Truyện.

師，眾 也，貞 正 也，能 以 眾 正，可 以 王 矣。剛 中 而 應，行 險 而 順，以 此 毒 天 下，而 民 從 之，吉 又 何 咎 矣。

Thoán viết: **Sư. Chúng dã. Trinh. Chính dã. Năng dĩ chúng chính. Khả dĩ vương hĩ. Cương trung nhi ứng. Hành hiểm nhi thuận. Dữ thử độc thiên hạ nhi dân tòng chi. Cát. Hựu hà cữu hĩ.**

Dịch.

Thoán rằng: Sư ấy quân đông.

Trinh là chính nghĩa, phục tòng, mới hay.

Bắt quân theo được đường ngay,

Đáng làm vương tướng, làm thầy thế gian.

Cương cường, thừa lệnh quân vương,

Đi vào nguy hiểm, biết đường xở xoay,

Quân binh độc địa xưa nay,

Biết dùng, thiên hạ vẫn quay theo mình.

Khéo dùng, quân sự cũng lành,

Lỗi lầm, hồ dễ nẩy sinh được nào.

Một khi đã có lý do chính đáng để hưng binh, động chúng, nhà vua có nhiệm vụ lựa một tướng có tài đức cầm quân. Quyết định này sẽ có ảnh hưởng lớn đến sự thắng lợi của toàn quân. Lịch sử đã chứng minh điều đó:

Bái Công thắng trận nhờ Hàn Tín.

Nước Pháp thắng trận liên miên ở Ý (1796), nhờ Carnot biết bổ dụng Bonaparte v v . . .

Vị nguyên soái ấy phải giữ được chính nghĩa, thuận quân và thuận dân, đem chiến thắng vinh quang về cho đất nước, mới có thể gọi được là xuất quân tuyệt hảo.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰. 地 中 有 水 , 師; 君 子 以 容 民 畜 眾。

Tượng viết:

Địa trung hữu thủy. Sư. Quân tử dĩ dung dân súc chúng.

Dịch.

Nước trong lòng đất, gọi là Sư,

Nuôi dưỡng nhân dân, hãy lắng lo.

Quân tử dung dân, và xuất chúng,

Quân dân đất nước, hãy nên so.

Tượng Truyện đề cập đến một vấn đề hết sức quan hệ, và cho rằng **quân là dân, dân là quân.** Nuôi dân, dạy dân tức là nuôi quân, dạy quân. Vấn đề này từ năm 1789 trở đi đã trở thành một vấn đề quốc tế. Thực vậy, sau cuộc Cách Mạng Pháp, chính phủ Pháp đã thực hiện một cuộc động viên toàn diện, và bắt toàn dân tham chiến. Từ chủ nghĩa Karl Marx ra đời, các lãnh tụ Cộng Sản đều lấy đó làm vấn đề then chốt. Và Cộng Sản đã thực hiện triệt để khẩu hiệu **Quân dân cá nước,** cho quân lẩn vào dân, sống nhờ dân, phối hợp với dân (du kích chiến), phối hợp dân với quân (Vận động chiến, Trận địa chiến), để đi đến thắng lợi cuối cùng.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初 六. 師 出 以 律 , 否 臧 凶。

象 曰： 師 出 以 律 , 失 律 凶 也。

Sơ Lục. **Sư xuất dĩ luật. Phủ tang hung.**

Tượng viết:

Sư xuất dĩ luật. Thất luật hung dã.

Dịch. Sơ Lục:

Xuất quân cần có phép.

Nếu không hung họa sẽ tới nơi.

Tượng rằng:

Ra quân phép tắc đàng hoàng.

Nếu không phép tắc, tan hoang đã đành.

Hào Sơ cho rằng ra quân cần phải có kỷ luật. Điều này cả Đông lẫn Tây đều cho là then chốt. Quân tướng mà không nhất trí, tiến thoái mà không đồng nhất, hiệu lệnh mà không nghiêm chỉnh, thì cũng chỉ là loạn quân, là quân ô hợp, không làm nên chuyện gì.

2. Hào Cửu nhị.

九二.　在師中，吉無咎，王三錫命。

象曰：　在師中吉，承天寵也。王三錫命，懷萬邦也。

Cửu nhị. **Tại sư trung. Cát. Vô cửu. Vương tam tích mệnh.**

Tượng viết:

Tại sư trung cát. Thừa thiên sủng dã. Vương tam tích mệnh.

Hoài vạn bang dã.

Dịch.

Nếu gặp anh tài cầm quân lữ,

Rồi ra mọi sự sẽ hoá hay.

Vua đã ba lần ban tưởng thưởng,

Nghĩ đến dân gian khắp đó đây.

Tượng rằng:

Ở chốn ba quân, vẫn được hay,

Ơn trời mưa móc, hưởng tràn đầy.

Ba lần vua đã ban ân thưởng,

Vì luyến dân tình khắp đó đây.

Hào Cửu nhị cho rằng tướng soái cầm quân cần có tài đức và có đủ uy quyền. Đánh giặc cũng như đánh cờ, giỏi sẽ thắng, dốt sẽ bại. Tôn Võ cầm quân đánh giúp vua Ngô, nên Nam thì phá được Sở, Bắc thì phục được Tề, được Tấn. Hưng Đạo cầm quân đã ba lần cả phá quân Nguyên. Tướng soái ra quân cần có đủ uy quyền, như vậy binh sĩ mới phục. Trong quẻ Sư, Tướng soái là một Hào Dương chói sáng, còn vị quân vương lại là một Hào Âm lu mờ, nghĩa là ở **nơi chiến địa, Tướng soái mới là Vua**. Xưa kia, Vua tiễn Tướng ra quân, thời nói: Từ cổng thành trở ra, là do Tướng quân quyết đoán. Sở dĩ Vua trao quyền định đoạt cho Tướng soái, là vì nếu Tướng không có quyền, thì không điều khiển được sĩ tốt. Hơn nữa, nhà vua ở xa trận địa, không hiểu rõ được diễn biến của tình thế một cách thấu đáo, nên không thể nào quyết đoán được sự tiến, thoái, công, thủ được

3. Hào Lục tam.

六 三.　師 或 輿 尸 , 凶。

象 曰 :　師 或 輿 尸 , 大 無 功也。

Lục tam. **Sư hoặc dư thi. Hung.**

Tượng viết:

Sư hoặc dư thi. Đại vô công dã.

Dịch.

Ra quân, mà đến chở thây,

Thì thôi, hung họa, đắng cay, còn gì?

Tượng rằng:

Ra quân mà đến chở thây,

Công trình mây khói, khói mây còn gì?

Hào Lục tam cho ta thấy tướng dở mà cầm quân là đưa quân vào cõi chết. Năm 1954, ở Việt Nam, tướng Navarre đã cho quân Pháp đóng vào lòng chảo của Diện Biên Phủ, một nơi tử địa, chung quanh là núi non, lại thường có sương mù, nên đã làm mồi cho các ổ trọng pháo của Việt Cộng, và đã phải đầu hàng ngày 7 tháng 5 năm 1954 sau 55 ngày ác chiến. Sau cuộc chiến này, sự đô hộ của người Pháp trên lãnh thổ Việt Nam đã cáo chung.

4. Hào Lục tứ.

六四.　師左次，無咎。

象曰：　左次無咎，未失常也。

Lục tứ. **Sư tả thứ. Vô cữu.**

Tượng viết:

Tả thứ vô cữu. Vị thất thường dã.

Dịch.

Lục tứ, lui quân lại phía sau,

Lui quân, nào đáng trách chi đâu.

Tượng rằng:

Lui quân có lỗi chi đâu,

Quân cơ, tiến thoái, trước sau, là thường.

Hào Lục tứ bàn về một vấn đề binh pháp, người làm tướng phải biết tiến, biết lui, như vậy mới có thể bảo toàn được lực lượng. Chỉ biết tiến, mà không biết lui, nguy hiểm vô cùng. Lỗi lầm của Hitler trong trận Stalingrad là bắt tướng Paulus phải cố thủ, không được rút lui, mặc dầu đã ở trong tình thế tuyệt vọng. Vì thế, nên ngày 31 tháng 1 năm 1942, hết lương thảo và quân nhu, binh sĩ lại đau ốm, Von Paulus phải ra hàng với 22 tướng và 200.000 quân sĩ.

Kutosof đã dùng chiến thuật rút lui, vườn không, nhà trống, nhử đại binh của Napoléon vào trọng địa, để rồi ra nhờ đói khổ, rét mướt, bệnh tật, và du kích, chiến thuật tiêu hao, truy kích, mà làm cho 500 ngàn quân thiện chiến của Napoléon hoàn toàn bị tiêu diệt, chỉ còn được vài chục ngàn người đi không vững.

5. Hào Lục ngũ.

六 四.　師 左 次，無 咎。

象 曰：　左 次 無 咎，未 失 常 也。

Lục ngũ. **Điền hữu cầm. Lợi chấp ngôn. Vô cữu.**

Trưởng tử soái sư. Đệ tử dư thi. Trinh hung.

Tượng viết:

Trưởng tử soái sư. Dĩ trung hành dã. Đệ tử dư thi. Xử bất đáng dã.

Dịch.

Lục ngũ: thú rừng về đồng nội,

Đi lùng, đi bắt, vẫn là hay.

Dùng được tướng tài, thời khỏi lỗi,

Dùng kẻ vô năng, sẽ chở thây

Tướng tài dùng được, mới hay,

Dùng người bất lực, chở thây vong tàn.

Tượng rằng:

Tướng giỏi ra quân, quân mới vẹn,

Người ngu khiển chúng, chúng phơi thây.

Dùng người, có dở, có hay.

Hào Lục ngũ cho rằng chỉ khi nào có quân xâm lăng vi phạm cõi bờ, thì mới nên xuất quân chinh thảo. Vì dầu sao, binh cách cũng là chuyện bất tường. Người xưa có câu: Binh đi tới đâu, chông gai nẩy tới đó.

Khi đã có lý do chính đáng để hưng binh rồi, cần phải biết dùng tướng tài, bỏ tướng dở. Tôn Tử viết: Binh là việc lớn của nước, là vấn đề sống chết, là con đường còn mất, không thể không xét biết.

Tướng chịu trách nhiệm về sự tồn vong của ba quân. Vua chịu trách nhiệm tìm ra tướng tài.

6. Hào Thượng Lục.

上六. 大君有命,開國承家,小人勿用。

象曰: 大君有命,以正功也;小人勿用,必亂邦也。

Thượng Lục.

Đại quân hữu mệnh. Khai quốc thừa gia. Tiểu nhân vật dụng.

Tượng viết:

Đại quân hữu mệnh. Dĩ chính công dã. Tiểu nhân vật dụng.

Tất loạn bang dã.

Dịch.

Thượng Lục: quân vương truyền mệnh lệnh,

Khai quốc công hầu, cấp đất đai.

Tiểu nhân thôi chớ có xài.

Tượng rằng:

Nhà vua lúc thưởng công lao,

Tiểu nhân thôi chớ có trao chức quyền,

Tiểu nhân, ăn chốc, ngồi trên.

Loạn nhà, loạn nước, đến liền chẳng sai.

Thượng Lục thì bàn rằng, khi đã chiến thắng, khi chiến tranh đã kết liễu, thời nên tưởng thưởng chiến sĩ cho trọng hậu, nhưng không được dùng kẻ tiểu nhân để trị nước, vì đó là mầm họa hoạn. Thế mới hay, **trị quân khác trị dân,** chống ngoại xâm khác với đem hưng thịnh về cho đất nước.

Những ý niệm đại cương trên đây cũng làm ta suy nghĩ rất nhiều. Nếu đã mang danh tướng soái, cầm quân diệt giặc, thì phải là người học rộng, biết nhiều, học các chiến tích danh nhân kim cổ, đọc hết các binh thư, biết dùng thời tiết, biết dùng người, dùng quân, dùng dân, biết khuyến binh, khích tướng, biết dùng địa hình, địa thế, biết khai thác và lợi dụng triệt để các loại vũ khí, các phát minh của khoa học để thủ thắng. Tóm lại, binh là biến, người cầm binh phải biết biến. Nơi trang giấy nhỏ này, ta không thể bàn cãi cho xiết mọi khía cạnh của chiến tranh, của binh thư, binh pháp, của chiến thuật, chiến lược. Và ta cũng bắt chước Kinh Dịch, nói đến Tụng, là ước mong không còn kiện tụng, nói đến Sư là chỉ ước mong không còn chiến tranh trên mặt đất này nữa.

ÁP DỤNG QUẺ SƯ VÀO THỜI ĐẠI

Trước khi nói về quẻ Sư, áp dụng vào thời đại này, ta hãy đọc qua cách bầy binh, bố trận của người đời xưa, và của người đời nay, để tìm ra sự khác biệt của chúng.

Tôn Võ Tử, một binh gia nổi tiếng thời Xuân Thu, tác giả bộ **Binh Pháp Tôn Tử (** sách dùng binh sớm nhất của Trung quốc**)** viết: Binh là việc lớn của nước, là vấn đề sống chết, là con đường còn mất, không thể không xét biết.

*Binh thư Tôn Võ cho rằng: Trong phép dùng binh:

-Ta gấp 10 địch, ta bao vây.

-Ta gấp 5 địch, ta tấn công.

-Ta gấp 2 địch, ta chia quân đánh 2 mặt.

-Ta ngang với địch, ta phải biết quyết đánh.

-Ta kém hơn địch về quân số, ta phải hết sức tránh né giao phong.

***Fabius,** nhờ chiến thuật tránh né và rút lui, đã cầm chân Annibal được mấy năm trời, không cho tiến tới được La Mã. Nhờ vậy, sau này Scipion mới đánh tan được quân Annibal ở Zania (202 BC).

***Trương Lương,** đã dùng Tâm lý chiến đánh tan quân của Hạng Võ.

***Kutosof** đã dùng chiến thuật rút lui, vườn không, nhà trống, đánh quân của Napoléon, như trên đã nói.

* **Mao Trạch Đông,** dùng chiến thuật du kích, và cho khẩu lệnh là: Địch tiến, ta lui; địch nghỉ, ta quấy; địch mệt, ta đánh; địch lui, ta đuổi.

***Napoléon, Clausewitz, Hồng quân** đã dùng chiến thuật công kỳ vô bị, xuất kỳ bất ý (của Tôn võ Tử), là *đánh khi địch chưa đề phòng, ta thình lình ra quân.*

a -Điều động binh mã sao cho âm thầm, ngày nghỉ, đêm đi, nấp trong rừng, nấp trong dân, để địch quân không biết mình ở đâu, muốn gì, có bao nhiêu quân, cơ giới gì.

b -Trước khi đánh, phải chuẩn bị cho kỹ lưỡng, nghiên cứu tình hình địch quân cho cặn kẽ, bằng tình báo, bằng dân, bằng quân. Kế hoạch xuất quân, phải soạn thảo kỹ càng, tản binh để di chuyển,

tập binh để xung kích.

c -Lúc đánh, phải có mục tiêu rõ rệt, đường hướng rõ rệt, và *đánh cho thần tốc, dũng mãnh, sấm sét, ào ạt, lấy mười đánh một, đánh vào chỗ sơ hở, đánh vào lúc bất kỳ.* Xong xuôi phải khai thác thắng lợi, tiêu diệt địch quân.

***Binh pháp của Thống Tướng Foch** là lúc nào cũng phải bảo tồn lực lượng, có tiền phong, tả dực, hữu dực, có trung quân, hậu quân, có chính, có kỳ**. Chính** thường ở giữa để thủ**, kỳ** thường ở hai cánh để công vào sườn, vào hông, vào lưng địch.

Hơn nữa, binh pháp, chiến pháp thường thay đổi luôn luôn, cho hợp với tình thế, hợp với đà phát triển của khoa học, của vũ khí. Dần dà, các chiến thuật gia, lấy dân và quân kết thành thế liên hoàn, nên vừa có Du kích chiến, vừa có Chính qui chiến, Trận địa chiến. Xử dụng được cả quân lẫn dân, biết động, tĩnh khôn lường; biết tụ, tán; biết quyền, biến; biết chính, kỳ; biết triển dương, thu xúc, tức là **áp dụng được lẽ Dịch trong vũ trụ vào Binh bị.**

Khi xưa, trong chiến trận, chỉ 2 tướng đánh nhau, tướng nào thua, là quân hàng, coi như trận đó thắng bại đã rõ rệt,(như vậy đỡ chết quân).

Sau đó, du kích chiến, trận địa chiến v v... nên quân chết nhiều. Chiến tranh dần dà biến thành một thứ chiến tranh toàn diện, có mục đích là tiêu diệt, thành thử có một bộ mặt hết sức là ghê gớm. Người ta chế tạo ra bom nguyên tử, khinh khí, hơi ngạt, và còn bom vi trùng để tiêu diệt nhau khi có chiến tranh.

Khi xưa, hưng binh để trừ bạo chúa thôi, ngày nay chiến tranh để thực hiện mộng xâm lăng; xâm chiếm đất đai; gây hiềm khích giữa các nước người để tạo chiến tranh, để bán võ khí; hoặc chiến tranh để thực hiện chủ nghĩa của 2 khối Tư Bản & Cộng Sản. Nay khối Cộng Sản đã cáo chung, mong rằng Hòa Bình sẽ tới, và sẽ ngự trị mãi mãi trên trái đất này, đó là điều chúng ta & Kinh Dịch mong mỏi vậy.

8. 水 地 比 THỦY ĐỊA TỈ

比 序 卦
師 者 眾 也
眾 必 有 所 比
故 受 之 以 比
比 者 比 也

Tỉ Tự Quái
Sư giả chúng dã
Chúng tất hữu sở Tỉ.
Cố thụ chi dĩ Tỉ.
Tỉ giả tỉ dã.

Tỉ Tự Quái

Sư là quần chúng đua chen xa gần

Người đông, cần phải hợp quần.

Cho nên quẻ Tỉ theo chân tiếp liền,

Tỉ là tương hợp, tương liên.

Xưa nay, thường cắt nghĩa Tỉ là: Thân tỉ, Thân phụ (thân cận, phụ giúp), nhưng những chữ này xưa này không còn âm hưởng đến ta nữa; cần phải dùng những danhtừ mới như tương liên, hợp quần, quy dân tụ chúng, mới nói lên được hêt ý nghĩa.

Hào Cửu ngũ ở đây là một vị lãnh đạo anh minh, thống xuất toàn dân thiên hạ.

Quẻ Tỉ đề cập đến sự **hợp quần, tương liên, tương trợ, lập nhà, lập nước.** Phàm con người sinh ra đều có khuynh hướng hợp quần, sống cùng nhau, chung lưng góp sức, đỡ đần nhau, để xây dựng cuộc đời, chống lại mọi nguy nan hiểm họa, để mưu cầu hạnh phúc. Vì vậy chữ Tỉ là hai chữ Nhân lộn trái lại.

I. Thoán.

Thoán từ

比 . 吉 . 原 筮 元 永 貞 . 無 咎 . 不 寧 方 來 . 後 夫 凶 .

Tỉ. Cát. Nguyên phệ nguyên vĩnh trinh. Vô cữu. Bất ninh phương lai. Hậu phu hung.

Dịch.

Tỉ là quần tụ mới hay,

Suy đi nghĩ lại xem nay thế nào?

Cầm đầu, được đấng anh hào,

Sắt son, chính trực trách sao bây giờ?

Xa, gần nô nức theo hùa,

Kẻ nào lấp lửng, chần chờ, ra chi.

Quẻ Tỉ lấy đề tài chính là quy dân, tụ chúng để dựng nước, lập nhà. Quy dân tụ chúng, mà thựC thi được 3 chữ: **Nguyên, Vĩnh, Trinh** mới là hay.

- **Nguyên** là vị quân vương có đức độ, tài ba.

- **Vĩnh** là mưu đồ được những công trình trường cửu.

- **Trinh** là thực thi được chính đạo.

Người dưới thấy người trên thực thi được ba điều ấy, sẽ quy tụ về. Những ai sống lẻ loi, sẽ tự nhiên chiêu tai họa cho mình.

Thoán Truyện. Thoán viết:

比 . 吉 也 . 比 . 輔 也 . 下 順 從 也 . 原 筮 元 永 貞 無 咎 . 以 剛 中 也 . 不 寧 方 來 . 上 下 應 也 . 後 夫 凶 . 其 道 窮 也 .

Tỉ. Cát dã. Tỉ phụ dã. Hạ thuận tòng dã.

Nguyên phệ nguyên vĩnh trinh vô cữu. Dĩ cương trung dã. Bất ninh phương lai. Thượng hạ ứng dã. Kỳ đạo cùng dã.

Dịch:

Thoán rằng: *Hiệp nhất mới hay,*

Tương liên, tương trợ, xưa nay lẽ thường,

Dưới thời trung thuận, mới đang,

Người trên thời phải đàng hoàng, thanh cao,

Bền gan, chính trực, mới hào,

Hỏi lòng được thế, ai nào trách chi.

Quang minh, chính trực, uy nghi,

Ở ngôi trung chính, ai bì được đâu.

Gần, xa, quy tụ trước sau,

Dưới trên ứng đối, gót đầu tương thân.

Lần khân, chẳng muốn hợp quần,

Những người như thế dần dần bại vong.

Người ta không thể tự mưu lấy an ninh, nên muốn hợp quần, chung lưng, đấu sức để bảo vệ lẫn nhau. Cho nên lúc hiểm nghèo, bất an thì vội vàng liên đới, hợp quần. Nếu sống riêng rẽ, lừng chừng, không chịu đoàn kết với nhau, ắt sẽ gặp họa hung.

Kiến An Khâu Thị bình rằng:

Tiên vương xưa chia dân thành từng chòm xóm năm mười nhà; canh tác trong cùng mộ cánh đồng, uống nước trong cùng một giếng nước, ra vào bè bạn với nhau, giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống thường nhật, phù trì nhau những lúc tật nguyền, thế cho nên được yên vui. Còn như để dân tan đàn, sẻ nghé, mỗi người bạt lạc một ngã, thì hung họa biết chừng nào.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 地 上 有 水 . 比 . 先 王 以 建 萬 國 . 親 諸 侯 .

Tượng viết:

Địa thương hữu thủy. Tỉ. Tiên vương dĩ khuyến vạn quốc, thân chư hầu.

Dịch. *Tượng rằng:*

Nước trên mặt đất mênh mang,

Tiên vương lập quốc, an bang theo đời.

Thân tình gieo rắc khắp nơi,

Chư hầu coi thể như người tình thân.

Tượng Truyện cho rằng xưa kia vua chúa trông thấy cảnh tượng đất, nước quấn quít lấy nhau, không hề rời nhau, xa nhau, bèn áp dụng ý niệm đó vào công việc tổ chức chính trị, xã hội, chia đất đai thành nhiều nước nhỏ, ủy nhiệm cho chư hầu cai trị, còn nhà vua thì cầm cân, nẩy mực ở trên, coi chư hầu như tay chân, coi dân chúng như mình mẩy, lúc nào cũng lo lắng, thương yêu dân. Thế là chia dân nước mình thành từng quốc gia, từng khu vực nhỏ, để dễ bề chăm sóc. Thật là chí tình vậy.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

Các Hào bàn về những nguyên tắc chi phối sự hợp quần, tương thân, tương trợ:

1. Hào Sơ Lục.

初 六 . 有 孚 比 之 . 無 咎 . 有 孚 盈 缶 . 終 來 有 他 . 吉 .

象 曰 . 比 之 初 六 . 有 他 吉 也 .

Sơ Lục. **Hữu phu tỉ chi. Vô cữu. Hũu phu doanh phẫu.**

Chung lai hữu tha cát.

Tượng viết:

Tỉ chi sơ lục. Hữu tha cát dã.

Dịch.

Thành tâm tụ chúng mới hay,

Tâm thành như bát nước đầy tốt sao,

Rồi ra tốt tự ngoài vào,

Tượng rằng:

Thành tâm, tụ chúng tự ban đầu,

Tốt đẹp rồi ra sẽ đến sau.

Hào Sơ cho rằng muốn quy dân, tụ chúng, cần phải có lòng thành khẩn, trung thực. Đó là đều kiện tiên quyết. Nếu mà mình xử sự với mọi người như bát nước đầy, thì mọi sự tốt đẹp sẽ do đó sinh ra.

2. Hào Lục Nhị.

六 二 .　　比 之 自 內 . 貞 吉 .

象 曰 .　　比 之 自 內 . 不 自 失也 .

Lục nhị. **Tỉ chi tự nội. Trinh cát.**

Tượng viết:

Tỉ chi tự nội. Bất tự thất dã.

Dịch:

Đáp lời triệu thỉnh với tâm thành,

Chính đáng rồi ra sẽ tốt lành.

Tượng rằng:

Đáp lời triệu thỉnh với tâm thành,

Sẽ giữ chu toàn được tiết danh.

Hào Lục nhị. Nếu gặp được vị quốc quân cao minh tài đức, thì dĩ nhiên mình nên hưởng ứng, nên cộng tác. Nhưng hưởng ứng, cộng tác không phải là ca6`u cạnh, là tự hạ phẩm giá mình; **ăn có mời, làm có khiến mới hay.** Phải như Y Doãn, Khổng Minh, chờ cho có sự triệu thỉnh chân thành, rồi mới hưởng ứng.

3. Hào Lục tam.

六 三 . 比 之 匪 人 .

象 曰 . 比 之 匪 人 . 不 亦 傷 乎 .

Lục Tam. **Tỉ chi phi nhân**

Tượng viết:

Tỉ chi phi nhân. Bất diệc thương hồ.

Dịch.

Kết liên với kẻ chẳng hay.

Tượng rằng:

Kết liên với kẻ chẳng hay,

Kết liên như thế, thương thay cho người.

Hào Lục tam cho rằng: Khi hợp quần hay kết liên, ca6`n phải liên kết với người hay, người tốt mới có lợi, có ích. Nhược bằng liên kết với phường vô lại, lưu manh, thì chỉ có tổ họa hại mà thôi. Thật vậy, hợp quần, liên kết với những hạng vô luân, vô lại, nhỏ thì thành côn quãng, du đãng, lớn thì thành cướp, thành giặc, còn gì đáng sợ hơn.

4. Hào Lục Tứ

六 四 . 外 比 之. 貞 吉 .

象 曰 . 外 比 於 賢 . 以 從 上 也 .

Lục tứ. **Ngoại tỉ chi. Trinh cát**

Tượng viết:

Ngoại tỉ ư hiền. Dĩ tòng thượng dã.

Dịch.

Kết liên với bậc hiền minh,

Thế thời chính đáng, tốt lành biết bao.

Tượng rằng:

Bên ngoài, liên kết hiền minh,

Tức là theo bậc trên mình đó thôi.

Hào Lục tứ cho rằng: Đã ở ngôi vị cận thần, mà biết quên những lợi lộc, những tư tình nhỏ nhen, để hoàn toàn phục vụ minh chúa, thì còn gì hay hơn nữa. Đó là hiền thần mà gặp minh quân, chung lưng, góp sức mà xây dựng quốc gia.

5. Hào Cửu ngũ.

九 五 . 顯 比 . 王 用 三 驅 . 失 前 禽 . 邑 人 不 誡 . 吉 .

象 曰 . 顯 比 之 吉 . 位 正 中 也 . 舍 逆 取 順 . 失 前 禽 也 .

邑 人 不 誡 . 上 使 中 也 .

Cửu ngũ. **Hiền tỉ. Vương dụng tam khu. Thất tiền cầm.**

Ấp nhân bất giới. Cát.

Tượng viết:

Hiền tỉ chi cát. Vị chính trung dã.Xả ngịch thủ thuận.

Thất tiền cầm dã. Ấp nhân bất giới. Thượng sử trung dã.

Dịch.

Tụ chúng, quy dân, phép rõ ràng.

Vua vây ba mặt, bắt chim muông,

Phía trước chim bay, đành bỏ mất.

Dân không thắc mắc, mới là ngoan.

Tượng rằng:

Chiêu dân, phép đã rõ ràng,

Là nhờ trung chính, đành hoàng, mới hay.

Chẳng ưng, ta chẳng ép người,

Người nào ưng chịu, ta vời về ta,

Chim bay trước mặt bỏ qua,

Người không thuần phục, vét vơ làm gì.

Dân không thắc mắc điều chi,

Vì ta trung chính, không vì, không thiên.

Hào Cửu Ngũ là một vị minh quân, minh chính, lỗi lạc như Bắc Thần, để muôn sao hướng về. Vị minh quân đó lấy tài sức, chính nghĩa của mình làm chiêu bài để quy tụ dân, chứ không dùng sự khủng bố áp bức, ai muốn theo thì theo, không cưỡng ép.

Thế tức là:

Tiễn đưa người muốn ruỗi rong,

Sẵn sàng đón rước kẻ mong về mình.

Người có đức, tâm thành khen ngợi,

Người vô năng, cảm nỗi xót thương.

Dĩ nhiên hiền đức tu phương,

Mến ta, họ sẽ tìm đường về ta.

(Trung Dung Cửu Kinh)

Người xưa gọi thế là: Lai giả bất cự, khứ giả bất truy. (Tới không ngăn, đi không bắt).

6. Hào Thượng Lục.

上六．　比之無首.凶.

象曰.　比之無首.無所終也.

Thượng lục. **Tỉ chi vô thủ. Hung.**

Tượng viết:

Tỉ chi vô thủ. Vô sở chung dã.

Dịch:

Tụ dân chẳng có mối manh,

Không manh, không mối, tốt lành làm sao.

Tượng rằng:

Tụ dân, mà hỏng từ đầu

Lúc đầu đà hỏng, thời sau còn gì?

Hào Thượng Lục kết thúc vấn đề quy dân, tụ chúng bằng một nhận xét tinh tế: nếu quy dân, tụ chúng lúc ban đầu thiếu chính nghĩa, không ra gì, thì chung cuộc cũng chẳng ra chi.

ÁP DỤNG QUẺ TỈ VÀO THỜI ĐẠI

Quẻ Tỉ áp dụng một định luật tự nhiên vào đời sống xã hội: đó là **định luật vạn vật hấp dẫn**. Định luật vô hình ấy được thể hiện

nơi đất và nước. Đất và nước bao giờ cũng tương thân, tương trợ. Suy ra con người phải tương thân, tương trợ, phải thành khẩn để chung lưng, góp sức cùng nhau, mới có thể xây dựng cho mình một tương lai hạnh phúc và lý tưởng.

Để trình bầy lại những nguyên tắc chi phối sự quy dân, tụ chúng theo từ ngữ hiện thời, chúng ta có thể nói như sau:

1. Người được ủy nhiệm có sứ mệnh tổ chức chính trị, hành chánh trong nước phải là người tài ba lỗi lạc, chứ không phải là những hạng chính trị gian ngoan, giảo quyệt.

a) Làm rồi, xin lỗi, rồi giải thích

b) Làm rồi chối, rồi đổ lỗi cho người.

c) Chia rẽ để mà trị (Tức là gây rối loạn trong hàng ngũ người, trong dân nước người, để đứng ngoài thủ lợi).

2. Quy dân, tụ chúng, dựng nước, dựng nhà, tổ chức xã hội phải có mục đích cao đại lâu dài, đó là đem lại tự do, hạnh phúc cho dận chúng, và giúp cho mọi người có điều kiện thuận tiện để thực hiện nhân vị, nhân cách mình. Quẻ Tỉ có mục đích đề cao tình tương thân, tương trợ giữa vua tôi, sự đoàn két nhất trí giữa các phần tử nắm chánh quyền để phục vụ chúng dân, sự thành khẩn trong khi giao tiếp, đối đãi, và sự đồng tâm, nhất trí của mọi người trong thiên hạ, để tiến tới thái bình thịnh trị, tiến tới lý tưởng.

Thánh nhân xưa đã có ý niệm: bốn bể là một nhà, muôn nước là một nhà. Nếu sau này mọi người đều chủ trương tương thân tương ái, đoàn kết, trọng nhân, trọng nghĩa, coi biên cương bờ cõi quốc gia nhỏ hẹp như là một cách tổ chức để mọi người được săn sóc một các chu đáo hơn, cẩn thận hơn, nếu mọi người sau này thực tình lấy đạo nghĩa mà đối xử vói nhau, thực tình đoàn kết với nhau, thì chiến tranh sẽ hết và một thời đại **thân ái, hoà mục** sẽ có trên hoàn võ này.

9. 風天小畜 PHONG THIÊN TIỂU SÚC

Tiểu Súc Tự Quái
Tỉ tốt hữu sở súc dã
故受之以小畜
Cố thụ chi dĩ Tiểu Súc

Tiểu Súc Tự Quái

Tỉ là tương hợp, tương liên.

Người đông, phải biết chế kiềm, mới hay,

Thế nên, Tiểu Súc theo ngay.

Tiểu Súc là một quẻ khó giải của Dịch Kinh. Tiểu Súc có nhiều ý nghĩa: 1) Cản trở ít. 2) Nuôi dưỡng ít. 3) Hàm súc ít 4) Ảnh hưởng ít.

Tiên nho thường cho rằng quẻ Tiểu Súc mô tả nỗi niềm của Văn Vương, khi bị giam ở ngục Dũ Lý, tưởng về cổ quốc là Tây Kỳ, thương dân tình đang bị điêu đứng, mà mình còn bị vướng trở, chưa thi thố được đại công, đại nghiệp để cứu trợ chúng dân, ví mình như áng mây, còn vương trên khung trời, chưa sa thành mưa, để chúng dân thấm nhuần ơn vũ lộ.

Phân tác Quẻ ta thấy: Tiểu Súc, trên là Tốn là quẻ Âm Nhu, dưới là Kiền, là quẻ Dương Cương, có nghĩa là Âm ngăn chặn bước đường tiến của Dương.

Xét về Hào, ta thấy một Hào Âm nằm ở Hào Lục tứ, ngạn cản đà tiến của Hào Dương. Tuy nhiên, sự ngăn cản ấy không mạnh mẽ, mà chỉ tồn tại được nhất thời. Hào Tứ cùng là tượng trưng cho một hiền thần. Hiền thần mà muốn can gián vua, thời phải khéo léo, mềm dẻo.

Phân tách tượng quẻ, ta thấy Tiểu Súc là gió thổi trên khung trời cao, như vậ tức là ảnh hưởng tới vạn vật rất ít. Lời bình luận hay nhất về quẻ Tiểu Súc là lời bình luận của Tào Thăng, tác giả tập **Chu Dịch Tân Giải.**

Tào thăng viết: Súc là nuôi dưỡng. Tiểu Súc là nuôi dưỡng chưa được nhiều. Quẻ này một **Âm** ở **Hào bốn là chủ của quẻ.** Quẻ trên là Tốn, từ tốn ta công nuôi dưỡng sức lực của Kiền. Đại Súc là theo đúng thiên nhiên, Tiểu Súc là cố làm hết phận sự con người.

Tận phận sự con người, tức là súc tích lực lượng để chờ thời cơ. Nói theo cá nhân, tức là tiến đức tu nghiệp, nói theo quốc gia tức là quốc kế dân sinh, giáo huấn, tích tiểu thành đại, tích từng giọt nước để thành sông biển, tích từng đồng tiền để thành cự phú, đều là **Tích tiểu thành đại**. Cái bí quyết của sự tiến hóa là ở đó. Làm được như vậy, sẽ chuyển yếu thành mạnh, chuyện bại thành thắng. Cứ xem quẻ Tiểu Súc là biết đường lối để phục hưng vậy.

I. Thoán.

Thoán Từ.

畜 . 亨 . 密 雲 不 雨 . 自 我 西 郊 .

Tiểu Súc. Hanh. Mật vân bất vũ. Tự ngã tây giao.

Dịch.

Tiểu Súc hanh thông, quẻ rõ rồi,

Trời Tây, mây phủ, chửa mưa rơi.

Thoán Từ nói: Mây dầy mà chưa mưa, địa khí bốc lên, nhưng thiên khí chưa ứng hợp. Mây còn tích tụ trên phía trời Tây, có nghĩa là Âm xướng, nhưng Dương chưa họa. Bởii vì cứ theo trên, dưới mà phân Âm, Dương, thì địa khí là Âm, mà thiên khí là Dương. Lấy phương hướng mà phân Âm Dương, Tây là Âm, Đông là Dương. Âm cảm mà Dương chưa ứng**,** thế nên quẻ gọi là Tiểu Súc**.**

Thoán Từ đại khái nói rằng: Dẫu tiểu nhân có thể ngăn cản bước tiến của người quân tử, nhưng khi sự cản trở ấy không mạnh, thì người quân tử vẫn tiến bước được, đó là vì người quân tử, trong

thì tinh thần vững mạnh, ngoài thì có sự nhún nhường khéo léo.

Suy rộng ra, thì đó là khi thời cơ chưa thuận tiện, lòng người dưới trên chưa ứng, chưa hòa, nên chưa thể làm nên được đại công, đại sự.

Thoán Truyện. Thoán viết:

彖曰.小畜.柔得位.而上下應之.曰小畜.健而巽.剛中而志行.乃亨.密雲不雨.尚往也.自我西郊.施未行也.

Tiểu Súc. Nhu đắc vị nhi thượng hạ ứng chi. Viết Tiểu Súc. Kiện nhi tốn. Cương trung nhi chi hành. Nãi hanh. Mật vân bất vũ. Thượng vãng dã. Tự ngã tây giao. Thi vị hành dã.

Dịch. *Thoán rằng:*

Quẻ Tiểu Súc, Hào nhu đắc vị,

Dưới lẫn trên, nhất trí ứng theo,

Nên rằng cản ít, không nhiều,

Cương cường hoạt động, có chiều hanh thông.

Bền lòng, vững chí, ra công,

Mây dầy, còn chuyển nên không mưa rào.

Trời Tây mây phủ ngất cao,

Việc làm ảnh hưởng chưa bao lăm gì.

Thoán truyện nói: **Thượng vãng**, nghĩa là Âm khí còn bốc lên. **Thi vị hành,** nghĩa là âm khí chưa thành mưa để rơi xuống. Nếu đem áp dụng vào nhân sự thì có nghĩa là bậc thần tử muốn đem tâm xây dựng nước non, mà bậc quân phụ chưa hưởng ứng...

II. Đại Tượng Truyện.

象曰.風行天上.小畜.君子以懿文德.

Tượng viết: **Phong hành thiên thượng. Tiểu Súc. Quân tử dĩ ý**

văn đức.

Dịch.

Tượng rằng: *Gió thổi trên trời,*

Nên rằng Tiểu Súc, chưa nuôi được nhiều.

Nên rằng quân tử y chiều,

Trau dồi phong thái mỹ miều, tài hoa.

Tượng truyện nối tiếp ý Thoán Truyện mà bảo rằng; hiện nay người quân tủ chưa thể nào gây được ảnh hưởng lớn khắp nơi chúng dân, có khác nào như gió còn thoảng bay trên khắp vòm trời cao, không có ảnh hưởng trực tiếp đến vạn vật, như vậy việc đáng làm hơn hết lúc này là trau dồi tài năng, đạo đức.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 復 自 道 . 何 其 咎 . 吉 .

象 曰 . 復 自 道 . 其 義 吉 也 .

Sơ Cửu. **Phục tự đạo. Hà kỳ cữu. Cát.**

Tượng viết:

Phục tự đạo. Kỳ nghĩa cát dã.

Dịch.

Sơ Cửu quay về đường nẽo cũ,

Một lòng hướng thượng, lỗi chi đâu.

Tượng rằng: *Đường cũ quay về,*

Là hay là phải ai chê được nào?

Hào Sơ bàn rằng: Khi người quân tử bị tiểu nhân kiềm chế, không

cho thi hành đại đạo, thì hãy quay về tu luyện bản thân. Y như đường lối của Mạnh Tử: Lúc đắc chí (làm quan, làm tướng), thì chung sức với dân, mà thi hành những đức **Nhân, Lễ, Nghĩa**. Khi chẳng đắc chí, thì ẩn dật mà tu thân hành đạo.

2. Hào Cửu Nhị.

九二. 牽復.吉.

象曰. 牽復在中.亦不自失也.

Cửu nhị. **Khiên phục. Cát.**

Tượng viết:

Khiên phục tại trung. Diệc bất tự thất dã.

Dịch.

Cửu nhị dắt nhau theo đạo lý,

Biết lam như vậy, vẫn là hay.

Tượng rằng: *đạo lý quay v*ề

Dắt nhau trở lại, chẳng hề hấn chi.

Hào Cửu nhị là trường hợp một người quân tử, ở gần thế lực khống chế của tiểu nhân hơn. tuy nhiên cửu nhị cương kiên, và đã quyết theo đạo lý, sẽ không e ngại sự cản trở của tiểu nhân, vẫn có thể tìm những người đồng tâm, đồng chí, tiến bước trên đường đạo lý.

3. Hào Cửu tam.

九三. 輿說輻.夫妻反目.

象曰. 夫妻反目.不能正室也.

Cửu tam. **Dư thoát bức. Phu thê phản mục.**

Tượng viết:

Phu thê phản mục. Bất năng chính thất dã.

Dịch.

Cửu tam: căm thoát trục xe,

Vợ chồng lườm nguýt, chẳng huề cùng nhau,

Tượng rằng: *chồng vợ lườm nhau,*

Làm sao gia đạo gót đầu êm xuôi.

Hào Cửu tam là trường hợp người quân tử vụng xử hơn, ít thức thời hơn, lại ở kề cận tiểu nhân, nên rất dễ bị nó khống chế hãm hại. Nhất là người quân tử đó lại tỏ ra thất thố, sơ hở. Quân tử mà ở kề cận tiểu nhân, thời sẽ sinh đủ điều hung họa, phiền toái cho mình, có khác gì đi xe mà long bánh, ở trong gia đình, vợ chồng lườm nguýt, bất hòa với nhau đâu.

4. Hào Lục tứ.

六四. 有孚.血去惕出.無咎.

象曰. 有孚惕出,上合志也.

Lục tứ. **Hữu phu. Huyết khứ dịch xuất. Vô cữu.**

Tượng viết.

Hữu phu dịch xuất. Thượng hợp chi dã.

Dịch. Lục tứ.

Nếu mình mà thành khẩn

Sẽ không lưu huyết, khỏi lo âu.

Thế thời đáng trách chi đâu.

Tượng rằng: thành khẩn, khỏi lo âu,

Bởi tại người trên cũng tâm đầu.

Hào Lục tứ. Dịch kinh đổi đề tài. Ở đây, lại đề cập đến một vị hiền thần, một lòng vì nhà, vì nước, muốn gián nghị bậc quân vương. Dịch kinh cho đó là một công trình nguy hiểm, cần phải khéo léo, và thành khẩn lắm mới khỏi bị máu rơi thịt nát. Đọc lịch sử, ta thấy biết bao nhiêu công thần chỉ vì can gián hôn quân, bạo chúa, mà phải chết oan.

- Mai Bá vì can Trụ Vương mà bị hình bào lạc,

- Hàng Sanh can Hạng Vương mà bị bỏ vào vạc dầu...

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 有孚攣如.富以其鄰.

象曰. 有孚攣如.不獨富也.

Cửu ngũ. **Hữu phu luyến như. Phú dĩ kỳ lân.**

Tượng viết:

Hữu phu luyến như. Bất độc phú dã.

Dịch.

Chân thành thân thiết với hương lân,

Thế là giầu có gấp mấy lần.

Tượng rằng:

Xóm giềng, mà thực lòng thân,

Mình giầu, mà vẫn chung phần với ai.

Hào Cửu ngũ, theo Ngự Án (vua Khang Hy), chính là một vị quốc quân, biết nghe lời gián nghị. Thấy bề tôi thực tình can gián mình,

thì cũng đem tình thực mà đáp ứng lại. Thế là biết lấy ý người làm ý mình, hiểu rằng mình ở cao ngôi, chính là để phục vụ dân nước, chứ không phải để riêng hưởng giầu sang.

Làm vua mà giầu cùng dân, vui cùng dân, mới được trường cửu.
Làm vua mà giầu một mình, vui một mình, sẽ sớm bại vong.
Đường lối của vua Văn, võ và Kiệt, trụ khác nhau ở chỗ đó.

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 . 既 雨 既 處 . 尚 德 載 . 婦 貞 厲 . 月 幾 望 . 君 子 征 凶 .

象 曰 . 既 雨 既 處 . 德 積 載 也 . 君 子 征 凶 . 有 所 疑 也 .

Thượng Cửu. **Ký vũ ký xử. Thượng đức tải. Phụ trinh lệ.**

Nguyệt cơ vọng. Quân tử chính hung.

Tượng viết:

Ký vũ ký xử. Đức tích tải dã. Quân tử chính hung. Hữu sở nghi dã.

Dịch.

Thượng Cửu. Mưa rơi, thời nên nghỉ

Được vậy là nhờ tốn công phu.

Phụ nữ thắng rồi, còn chưa phỉ,

Rồi ra, chắc sẽ gặp nguy cơ.

Khuôn trăng sắp sửa tròn vo,

Được đà, quân tử phải lo nguy nàn.

Tượng rằng: *Mưa xuống, thời ngơi,*

Công phu tích tải lâu rồi mới nên.

Quá đà, quân tử nguy liền,

Là vì sẽ khiến người trên nghi ngờ.

Hào Thượng lục cho rằng khi mà can ngăn đã đạt, thì kẻ bầy tôi nên biết chiều ngưng lại mới hay. Muốn người trên ứng hợp với mình, mà người trên đã ứng hợp rồi, cũng như muốn mưa, đã mưa rồi, còn muốn gì hơn nữa? Đi quá trớn rồi, có khác gì phụ nhân đắc trí đâu? Trăng trước rằm mới là trăng đẹp, trăng quá rằm sẽ là trăng khuya, trăng khuyết, và sẽ hao mòn, mờ mịt dần với thòi gian.

ÁP DỤNG QUẺ TIỂU SÚC VÀO THỜI ĐẠI

Trên bước đường đời của chúng ta hiện nay, nhất là với người **l**ữ **th**ứ gặp biết bao nhiêu là cản trở, về đủ mọi phương diện: tiền tài, học vấn, nghề nghiệp, hôn nhân...

Khi bắt tay vào việc gì, nếu ta thấy bị cản trở, thì ta phải biết dừng chân lại. Phải soát xét lại tài đức mình, xem có khiếm khuyết sơ hở chỗ nào chăng, nên khiến bị người cản ngăn, phá phách. Người xưa cho rằng nếu có người chê trách mình, tì phải xét lại hành động, tác phong của chính mình chính là vì vậy. Ví dụ: khi ta ra trường, đi xin việc làm không đâu nhận, thì đừng đổ tại số xui, mà phải đi học tu nghiệp lại, vì ta xin việc không được là do khả năng nghề nghiệp của ta còn kém quá mà thôi. Hoặc hôn nhân của ta cứ lủng củng, thì ta phải xét lại ta, xem tính tình của ta có khó khăn không? cách xử sự của ta có lễ độ không? Sự đòi hỏi của ta có cao quá không?

Nếu xét thấy ta có đủ điều kiện mà vẫn bị cản trở, thì đó chỉ là những trở ngại bên ngoài, là tạm bợ nhất thời mà thôi, không nên quá bận tâm. Ta đừng bao giờ ngã lòng trước những trở ngại đó, ta cứ từ từ suy tính, từ từ giải quyết thì trước sau, ta cùng giải quyết được hết. Cái nút dù thắt khó đến đâu, nếu từ từ tháo gỡ, thì cũng tháo gỡ được.

Còn như muốn can ngăn người khác làm việc gì, thì cũng phải cẩn trọng. Can ngăn người phải biết lựa lời, lựa cơ hội, phải phân tích sự lợi hại của vẩn đề cho họ hiểu, cần nhất phải thành khẩn với họ, nếu không dễ làm mất lòng nhau.

10. 天 澤 履 THIÊN TRẠCH LÝ

履 序 卦
物 畜 然 后 有 禮
故 受 之 以 履

Lý Tự Quái

Chế kiềm, rồi mới có ngày lễ nghi.

Cho nên, Lý hiện đoan nghê,

Lý là lễ phép, (dễ bề thái khang).

Lý theo Từ nguyên là đôi giầy, theo nghĩa thông thường là bước, là đi. Quẻ Lý trên có Kiền là Trời, là quang minh, cương kiện, bao la, thuần túy, chí thiện; dưới có Đoài là vực, vui, hòa duyệt, Âm nhu. Quẻ Lý có phảng phất âm hưởng như chữ Lễ, nên Lý cũng là Lễ.

Quẻ Lý đứng đầu trong 9 quẻ bàn về cách tu nhàn, tích đức trong Hệ Từ.

I. Thoán.

Thoán Từ.

履 : 履 虎 尾 . 不 咥 人 . 亨 .

Lý: Lý hổ vĩ. Bất khiết nhân. Hanh.

Dịch.

Lý dẫm đuôi hùm, hùm chẳng cắn.

Hùm chẳng cắn người, mới hanh thông.

Các nhà bình giảng thường chú trọng đến mấy chữ: Lý hổ vĩ bất khiết nhân = Lý dẫm đuôi hùm, hùm chẳng cắn.

Người thời cho rằng; Kiền là hùm, Đoài theo sau là đuôi, người thời cắt nghĩa theo lối bàng thông, mà cho rằng Khôn là hùm (Kiền bàng thông Khôn). Người thời cho rằng Hào Cửu Ngũ nơi quẻ Kiền mới đúng là hùm. Còn như: dẫm đuôi hùm, mà hùm chẳng cắn, thì giải rằng: nếu mình hiền lành, tử tế mà gặp người hung hãn, thì họ cũng chẳng làm hại được mình. Ngạn như có câu: Hung quyền bất đả tiếu diện (Tay hung chẳng đánh mặt cười).

Nhưng theo tôi (tác giả), Dịch đã tóm quẻ Lý bằng một chữ Lễ. Như vậy, quẻ Lý tóm tắt lại cả Lễ và bộ Lễ Ký.

Trong Kinh Thư, thiên Quân Nha, Mục Vương than thở với Thừa Tướng Quân Nha rằng: Trị muôn dân thiệt là khó, làm cho ta lo lắng như dẫm trên duôi hổ, như bước trên băng xuân.

Thoán Truyện. Thoán viết:

履 . 柔 履 剛 也 . 說 而 應 乎 乾 . 是 以 履 虎 尾 . 不 咥 人 . 亨 . 剛 中 正 . 履 帝 位 而 不 疚 . 光 明 也 .

Lý. Nhu lý cương dã. Duyệt nhi ứng hồ Kiền. Thị dĩ lý hổ vĩ.

Bất khiết nhân hanh. Cương trung chính. Lý đế vị nhi bất cứu.

Quang minh dã.

Dịch. Thoán rằng:

Lý là mềm dẫm cứng,

Vui thuận theo dễ ứng với trời.

Thế là tuy dẫm trúng đuôi,

Mà hùm chẳng có cắn ngươi, mới may.

Cương cường, trung chính, thẳng ngay,

Bước lên đế vị, lòng này tuyết băng.

Quang minh, băng tuyết, một lòng.

Quẻ Lý dạy ta phải tìm ra những định tắc thiên nhiên chi phối công cuộc thần thánh hóa bản thân. Ta sinh ra ở đời , có mục tiêu chính yếu và tối hậu là bước lên con Đường Trời đó. Muốn như vậy, phải vui thuận theo ý Trời.

Trời muốn ta trở thành Thần minh, mà Thần minh thời trí tuệ sáng suốt, thông minh. Muốn trở nên thông tuệ, ta quyế tâm học hỏi, triền miên suy tư, biết tập trung tinh thần, hồi quang phản chiếu. Người bước vào con đường Hiền thánh, phải nhân từ, khoan quảng, phải rộng lượng, bao dung. Tóm lại, Lý là thần thánh hóa bản thân, vui theo những định luật thiên nhiên của tam tài (Trời, Đất, Người), để thực hiện định mệnh cao sang của con người là Phản bản, Hoàn Nguyên, là phối Thiên, phối Mệnh. Thế tức là:

Nghĩa nhân làm hán, làm hài,

Uy nghi, trang trọng, đường trời bước lên.

Lễ là những quy tắc, đường lối, phương pháp, giúp ta cải thiện tâm thần, để trở thành thần thánh.

Tào Thăng bình giải quẻ Lý như sau: Luật chi phối nơi tâm gọi là Lễ, thực thi áp dụng vào đời sống thường nhật của mình gọi là Lý. Muốn tổ chức quốc gia, muốn quy định hành vi nhân sự, không gì hay hơn Lễ...

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết:

象 曰 . 上 天 下 澤 . 履 . 君 子 以 辨 上 下 . 安 民 志 .

Thượng thiên hạ trạch. Lý. Quân tử dĩ biện thượng hạ. Định nhân chí.

Dịch.

Tượng rằng:

Lý là hồ ở dưới trời,

Hiền nhân, trên, dưới, rạch ròi biện phân.

Thấp, cao, quý, tiện, định phần.

Để cho dân chúng xa, gần, tin theo.

Nơi quẻ Lý, lễ tôn, ti (Kiền = tôn, Đoài = ti), đã trình hiện. Người quân tử phải nhận định được rằng trong trời đất, cũng như trong nhân gian, cần phải minh định lễ tôn ti, trật tự. Cho nên, khi trị dân, trị nước, phải tùy tài, tùy sức, tùy lực của mỗi người mà định tôn ti, cao hạ, để trên ra trên, dưới ra dưới, có như vậy dân chí sẽ được ổn định.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào dạy như Mạnh Tử rằng: lúc đắc chí (làm quan, tướng, vua), thời cùng chung súc với dân, mà thi hành những đức (Nhân, Lễ, Nghĩa). Khi chẳng đắc, ẩn dật mà tu thân, hành đạo.

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 素 履 . 往 無 咎 .

象 曰 . 素 履 之 往 . 獨 行 愿 也 .

Sơ Cửu. Tố lý vãng. Vô cữu.

Tượng viết:

Tố lý chi vãng. Độc hành nguyện dã.

Dịch.

Tố Lý đơn sơ, sống ở đời,

Chẳng ai phiền lụy, chẳng ai cười,

Tượng rằng: vui sống đơn sơ,

Âm thầm thực hiện ước mơ của mình.

Hào Sơ dạy phải Tố Lý, đó là phải theo đúng lương tâm mà hành sự, giữ lòng lúc nào cũng tuyết băng. Chữ Tố ở đâu có thể hiểu 2 cách:

a) Tố là nguyên tố hay nguyên tính, tức là Bản Nhiên Chi Tính = Thiên Tính.

b) Tố là Tố kỳ vi nhị hành, bất nguyện hồ kỳ ngoại, như Thuấn, khi còn ăn rau nơi Lịch Sơn, như Nhan Hồi, bầu nước, giỏ cơm trong ngõ hẹp, mà vẫn vui cùng đạo lý.

Dịch để 2 chữ Tố Lý trong Hào Sơ, có ý muốn nói rằng: Lễ trọng ở chỗ tinh thần cao khiết, không phải ở những hành ngơi bên ngoài.

Luận Ngữ cũng viết: Tử Hạ hỏi Đức Khổng: Xin ngài giải nghĩa cho rõ những câu trong Kinh Thi:

Nụ cười hoa nở trên môi,

Long lanh đôi mắt, đẹp tươi yêu kiều.

Trên khung vải trắng mỹ miều,

Vẽ nên cảnh sắc khinh phiêu tuyệt vời.

Đức Khổng đáp: Trước khi vẽ phải có một khung vải trắng đã. Tủ Hạ xin tiếp lời: thế là làm người, trước phải trung tín, rồi sau mới giữ Lễ phải không? Đức Khổng đáp: trò Thương (tên Tử Hạ) này phát khởi được ý ta.

Nói thế nghĩa là Lễ là đường lối để tu thân, để cải thiện, đẻ thần thánh hóa con người. Lễ là đồ trang sức của tâm hồn, chứ không phải là lụa là, vàng ngọc bên ngoài.

2. Hào Cửu nhị.

九二. 履道坦坦.幽人貞吉.

象曰. 幽人貞吉.中不自亂也.

Cửu nhị. Lý đạo thản thản. U nhân trinh cát.

Tượng viết:

U nhân trinh cát. Trung bất tự loạn dã.

Dịch.

Cửu nhị. Thênh thang trên đường đạo,

Âm thầm vui sống thế mà hay,

Tượng rằng: Thầm lặng mà hay,

Là vì phiền loạn, lòng này chẳng vương.

Hào Cửu nhị tiếp ý Hào Sơ, dạy con người đi trên con đường phẳng phiu, thảng đãng của Đạo trời.

3. Hào Lục tam.

六三. 眇能視.跛能履.履虎尾.咥人.凶.武人為于大君.

象曰. 眇能視.不足以有明也.跛能履.不足以與行也.

跌人之凶.

Lục tam. Diểu năng thị. Bí năng lý. Lý hổ vĩ. Khiết nhân hung.

Vũ nhân vi vu đại quân.

Tượng viết:

Diểu năng thị. Bất túc dĩ hữu minh dã. Bí năng lý. Bất túc dữ hành dã.

Khiết nhân chi hung. Vị bất đáng dã. Vũ nhân vi vu đại quân. Chí cương dã.

Dịch.

Lục tam: chột thấy, què đi,

Vận sui, hổ cắn, chỉ vì dẫm đuôi.

Võ biền mà muốn trị đời.

Tượng rằng: Chột thấy, thấy ra chi,

Què đi thất thểu, phải đâu đi.

Ngất ngưỡng ngồi cao, không tài đức,

Như hổ cắn người, thế mới nguy.

Võ biền mà muốn trị vì,

Tính tình hung hãn, còn gì nguy hơn.

Trị đân là sửa dân, làm cho dân theo được chính đạo, chính nghĩa. Đó là công việc của những hiền nhân,quân tử, của những con người có khối óc tinh tế, hiểu biết sâu xa về tâm lý con người, chứ không phải là phạm vi của những kẻ vũ phu bạo hổ bằng hà. Những kẻ vũ phu làm chính trị. có khác nào chột thấy què đi đâu, chỉ tổ hại dân, hại nước.

4. Hào Cửu Tứ.

九四. 履虎尾. 愬愬. 終吉.

象曰. 愬愬終吉. 志行也.

Cửu Tứ. Lý hổ vĩ. Tố tố chung cát.

Tượng viết:

Tố tố chung cát. Chí hành dã.

Dịch. Cửu tứ.

Đuôi hùm đà chót dẫm,

Cố sức lo lường, rút cuộc hay.

Tượng rằng: Lo lắng, sau hay,

Hay vì thực hiện được ngay chí mình.

Hào Cửu tứ đề cập đến nỗi lo âu của một hiền tài như Y Doãn, Phó Duyệt khi phải trị dân, giáo hóa dân. Người xưa cho rằng muốn trị người, trước tiên mình phải ngay chính. Cho nên trị dân là dạy dân đường nhân, nẻo đức, rồi lại phải lấy chính lề lối sống của mình mà làm gương cho dân. Vì thế, nên trị dân tuy khó, tuy nguy, nhưng đem lại cho mình niềm vui, vì chính là cơ hội để thực thi lý tưởng bình sinh chi chí của mình.

5. Hào Cửu ngũ.

九 五 . 夬 履 . 貞 厲 .

象 曰 . 夬 履 貞 厲 . 位 正 當 也 .

Cửu ngũ. Quyết lý. trinh lệ.

Tượng viết:

Quyết lý trinh lệ. vi, chính đáng dã.

Dịch.

Cửu ngũ phải sao cho cương quyết,

Vừa bền gan, vùa biết nguy cơ,

Tượng rằng: cương quyết, bền gan,

Nguy cơ, vả biết lo toan đề phòng,

Xứng ngôi, xứng vị, thung dung.

Quý Khương Tử đại phu nước Lỗ, hỏi đức Khổng Tử về chính sự (tức là về cách cai trị). Đức Khổn tử đáp: Chữ Chính là do chính trực mà ra. Cai trị tức là săn sóc cho dân trở nên ngay chính. Nay Đại Phu là bậc cầm đầu trong dân chúng, mà tự mình chính đính, thì cò ai dám ăn ở bất chính. Nếu quan Đại Phu là bậc thừa hành, mà đã phải băn khoăn lo lắng như vậy, thì vị quân vương ở trên cầm trịch, phải quyết đoán các hành động, các các cư xử, phản ứng của muôn dân, thời lại càng phải lo lắng biết chừng nào. Vì vậy Mục Vương mới nói: Lòngười trẫm ưu tư như dẫm trên đuôi hổ, như bước trên băng xuân.

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 .　 視 履 考 祥 . 其 旋 元 吉 .

象 曰 .　 元 吉 在 上 , 大 有 慶 也 .

Thượng Cửu. Thị lý khảo tường. Kỳ tuyền nguyên cát.

Tượng viết:

Nguyên cát tại thượng. Đại hữu khánh dã.

Dịch.

Hào Thượng Cửu, hành vi xét lại,

Xem thế nào là phải, là hay ,

Hay là toàn vẹn trong, ngoài,

Hay là vạn sự ở đời thành công.

Tượng rằng: Hay đến kỳ cùng,

Mới là trọn vẹn đáng mừng, đáng vui.

Hào Thượng Cửu cho rằng phải luôn luôn kiểm điểm lại đường lối, hành vi, sao cho mọi sự toàn vẹn từ đầu đến đuôi, như vậy mới là thực hay, thực tốt. Bước trên đường nhân nẻo đức, mà không bước đến cùng, đến cực, không đi đến đầu, đến đuôi, thì làm sao mà thành đại công đại nghiệp, làm sao mà phúc khánh, cửu trường.

ÁP DỤNG QUẺ LÝ VÀO THỜI ĐẠI

Lễ khác với pháp luật. Lễ là định luật thiên nhiên, là luật của Trời, là ý Trời. Pháp luật là luật Nhân tạo, mà các đạo giáo, chính thể, các quốc gia lập ra để bắt người dưới quyền mình tuân giữ. Lễ quy định những gì hay, người gì phải cho con người, làm cho con người trở nên có nhân cách, nhân vị, trở nên hoàn hảo. Căn bản chính là do nơi thân và tâm mình. Nếu mình không hoàn hảo trước, mà lại đòi hỏi người dưới phải hoàn hảo, thiệt là khó vậy. Vi người trên đối với người dưới như cây đối với bóng, như là nguồn đối với các nhánh sông. Cây cong mà lại đòi bóng thẳng, nguồn đục mà lại đòi nhánh trong, thì không thể có được vậy.

Nếu bậc phụ huynh có nhân cách đủ để cảm hóa người, thì con em mình sẽ dễ dạy hơn, dễ trở nên ngay chính hơn. Lễ đem lại cho mình một đời sống chính đáng, mang lại cho quốc gia, xã hội một quang cảnh hạnh phúc, đầm ấm, hòa hợp. Đem áp dụng định tắc thiên nhiên này vào đời sống xã hội, Khổng Giáo đã quy định bổn phận cho mọi hạng người, trong mọi tầng cấp xã hội như sau:

1. Vua phải nhân từ (Quân nhân): người cầm đầu nước phải thương dân như con, phải lo cho dân được cơm no, áo ấm, phải lo dạy dỗ dân.

2. Tôi phải trung (thần trung): Các quan hay các viên chức trong chính quyền phải hết sức cộng tác với vị quốc quân để lo việc cho nước nhà.

3. Cha phải khoan từ (phụ từ): Cha dạy cho con nên từ tốn khuyên bảo, chớ lấy quyền mà đè nén con.

4. Con phải hiếu thảo (tử hiếu). Con phải vâng lời cha mẹ, chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già.

5. Anh phải hẳn hoi (huynh lương). Anh phải ngay thẳng, thật thà, để các em noi gương.

6. Em phải kính thuận (đệ đễ). Em phải nhường nhịn anh, không được ăn nói hỗn hào với anh.

7. Chồng phải đường hoàng (phu nghĩa); Chồng không nên rượu chè, cò bạc, trai gái, nghiện hút.

8. Vợ phải nhu thuận (phụ thính): vợ phải ăn nói dịu dàng, và nghe theo chồng.

9. Người lớn phải thi ân (trưởng huệ). Người trên phải tỏ ra rộng rãi, sẵn lòng giúp đỡ người dưới.

10. Kẻ nhỏ phải vâng phục (Ấu thuận). Người dưới phải vâng theo lời người trên.

Đó là Thập Nghĩa.

- Lễ chi phối mọi hành vi, cử chỉ, những cách giao tiếp của con người. Lễ không cho phép ta đi quá trớn, quá giới hạn, mực thước đã quy định; không cho phép xâm phạm quyền lợi người khác; vũ nhục, khinh, khi, sàm sỡ với người khác.

- Lễ là những định luật tự nhiên, giúp con người sống xứng đáng với danh nghĩa con người, sống hòa hợp, đoàn kết với mọi người.

- Lễ quy định những gì hay, những gì phải lo cho con người. Có Lễ, thì gia đình, xã hội, thế giới chúng ta sẽ cải thiện, và sự thanh bình, hoan lạc tự nhiên sẽ đến với chúng ta.

11. 地 天 泰 ĐỊA THIÊN THÁI

泰序卦 Thái tự Quái
履而泰 Lý nhi Thái.
然后安 Nhiên hậu an.
故受之以泰 Cố thụ chi dĩ Thái.
泰者通也 Thái giả thông dã.

Thái Tự Quái

Lý là lễ phép, dễ bề thái khang.

Thái khang, âu sẽ bình an.

Cho nên quẻ Thái đường hoàng theo sau.

Thái là thông suốt, thông lầu...

Quẻ Thái là một trong 20 quẻ Tam Âm, Tam Dương. Xét về Từ nguyên, Thái như một người đang nhởn nhơ bơi lội trên giòng nước. Thái là thông, mà thông là thông thương, đâm chòi, nẩy lộc. Âm Dương có góp sức nhau, thì cây cối mới đâm chồi, nẩy lộc. Trong xã hội, trên dưới có góp súc nhau, thì tài năng, đức độ mới triển dương được.

Xét về vị trí Âm Dương của quẻ, ta thấy 3 Dương làm chủ chốt bên trong, 3 Âm phụ bật bên ngoài, cái gì quý được hàm súc bên trong, cái gì tiện được xếp ra bên ngoài để đóng vai bao bọc, hỗ trợ. Vả lại, ở vị trí này thì Dương khí thượng thăng, địa khí hạ giáng, sẽ tiếp sức nhau, cộng tác nhau, để làm nên đại công, đại nghiệp.

Quẻ Thái Tượng trưng cho tháng Giêng, lúc mà dương khí trong

lòng đất đang hưng thịnh, ngùn ngụt bốc lên, làm cho muôn loài bừng tỉnh, vạn vật hồi xuân, cây cối nẩy mầm, nẩy mộng, đem xuân sắc về cho nhân quần, hoàn võ.

I. Thoán.

Thoán Từ.

泰 . 小 往 大 來 . 吉 亨 .

Thái. Tiểu vãng đại lai. Cát hanh.

Dịch.

Thái là nhỏ nhặt ra đi,

Lớn lao trở lại, muôn bề cát hanh.

Thoán Truyện. Thoán viết.

泰 小 往 大 來 吉 亨 . 則 是 天 地 交 而 萬 物 通 也 . 上 下 交 而 其 志 同 也 . 內 陽 而 外 陰 . 內 健 而 外 順 . 內 君 子 而 外 小 人 . 君 子 道 長 . 小 人 道 消 也 .

Thái. Tiểu vãng đại lai cát hanh. Tắc thị thiên địa giao nhi vạn vật thông dã. Thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng dã. Nội Dương nhi ngoại Âm. Nội kiện nhi ngoại thuận. Nội quân tử nhi ngoại tiểu nhân. Quân tử đạo trưởng. Tiểu nhân đạo tiêu dã.

Dịch.

Thoán rằng: Nhỏ nhặt ra đi,

Lớn lao trở lại, muôn bề cát hanh.

Đất trời gom góp công trình,

Làm cho vạn vật, quần sinh vui vầy.

Dưới trên cộng tác hòa hài,

Một lòng, một dạ, hết bài phân chia.

Dương trong, Âm ở ngoài lề,

trong cương ngoài thuận, hai bề vẹn hai.

Quân tử trong, tiểu nhân ngoài,

Thịnh đời quân tử, suy đời tiểu nhân.

Thoán Từ, Thoán Truyện chủ trương:

1/ Trời đất có hài hòa, có cộng tác, vạn vật mới được vinh xương, thái thịnh.

2/ Các tầng lớp nhân dân trong xã hội có hòa hài, có đồng tâm, đồng chí, quốc gia mới đi đến chỗ thái thịnh.

3/ Trong mà đã hay, thì dẫu ngoài có dở, sau trước sau cũng sẽ hay. Nói cách khác, tinh thần quốc dân mà cao, thì những khuyết điểm vật chất ngoại cảnh bên ngoài, sau trước cũng sẽ được giải quyết.

4/ Quân tử cầm quyền, tiểu nhân phục mệnh, nước nhà mới thái thịnh.

5/ Suy rộng ra, ở nơi con người, nếu tinh thần làm chủ vật chất làm tôi, thì mới có thể có sự quân bình, thái thịnh chân chính.

6/ Nói theo đạo lý, chỉ khi nào Trời làm chủ chốt trong tâm, chỉ khi nào **Thiên tại nội, nhân tại ngoại**, như lời Trang Tử, thì con người mới được thái thịnh.

Lễ nghĩa là đường lối người quân tử. Tranh đoạt, tàn sát là đường lối tiểu nhân. Lối đường quân tử mà được theo sẽ đem đến thái thịnh. Lối đường tiểu nhân mà được theo, sẽ đưa đến suy bĩ. Hiểu được lẽ đó, sẽ hiểu được lý do của sự thịnh suy, trị loạn, rõ như thấy ngọn đèn vậy.

II. Đại Tượng Truyện.

象曰. 天地交.泰.后以財成天地之道.輔相天地之宜.

以左右民.

Tượng viết. Thiên địa giao. Thái. Hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo. Phụ tướng thiên địa chi nghi. Dĩ tả hữu dân.

Dịch.

Tượng rằng: Trời đất hòa hài,

Gây nên thái thịnh, khắp nơi, khắp miền.

Nhà vua thấy thế, triền miên,

Công trình trời đất giúp nên thành toàn.

Tiện nghi trời đất đã ban,

Giúp thêm hoàn mỹ, nhân gian ơn nhờ.

Tượng truyện dạy rằng: Muốn đi đến thái thịnh, bậc nguyên thủ trong nước phải biết lợi dụng, biết khai thác: Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa.

- Khai thác Thiên thời, bằng cách lập ra lịch số, để biết tuần tiết nào phải làm gì cho hay, cho lợi.

- Khai thác Địa Lợi, là phải biết tùy địa thế mà canh tác, ruộng cao cấy lúa mùa, ruộng thấp cấy lúa chiêm...

- Khai thác Nhân hòa, là khai thác khả năng, tâm tình của mọi người, đem lý tưởng, đem nhân luân răn dạy người, để ai cũng được xử dụng đúng mức, đúng chỗ, ai cũng sung sướng vì biết mình thực sự đóng góp vào đại công, đại nghiệp, để ai cũng vui theo đường đạo lý, biết Nhân, Kính, Hiếu, Từ.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 拔 茅 茹 . 以 其 彙 . 征 吉 .

象 曰 . 拔 茅 征 吉 . 志 在 外 也 .

Sơ Cửu. **Bạt mao như. Dĩ kỳ vị. Chinh cát.**

Tượng viết:

Bạt mao chinh cát. Chí tại ngoại dã.

Dịch.

Hào Sơ Cửu, cỏ gianh muốn nhổ,

Nhổ một cây, cụm bửa lên theo,

Giúp đời, đã đúng lúc chiều.

Tượng rằng; *Như nhổ cỏ gianh,*

Cây bưng, cụm bửa, công trình đành hay.

Tâm tình dồn cả ra ngoài,

Tâm tình, trí lự, vì đời hiển dương.

Hào Sơ Củu cho rằng: Khi gặp thời cơ thuận tiện, người quân tử phải hô hào, đắt díu nhau ra giúp nước.

Người quân tử về phương diện chính trị, là người phò vua, giúp nước cho hay. Còn tiểu nhân, đừng nên để họ cầm quyền. Khi đã định tâm giúp nước, người quân tử phải dốc hết tinh thần vào công cuộc kiến thiết quốc gia.

2. Hào Cửu nhị.

九 二 . 包 荒 . 用 馮 河 . 不 選 遺 . 朋 亡 . 得 尚 于 中 行 .

象 曰 . 包 荒 . 得 尚 于 中 行 . 以 光 大 也 .

Cửu nhị. **Bao hoang. Dụng bằng hà. Bất hà di. Bằng vong.**

Đắc Thượng vu trung hành.

Tượng viết:

Bao hoang. Đắc Thượng vu trung hành. Dĩ quang đại dã.

Dịch.

Hào Cửu nhị: Bao dung kẻ dở,

Cần lội sông, há sợ qua sông?

Việc xa, vẫn để mắt trông,

Bạn bè nào dám mơ mòng riêng tây.

Thế là theo được đường ngay.

Tượng rằng: *Kẻ dở bao dung,*

Ở ăn đúng mực, một lòng quang minh.

Hào Cửu nhị nói: Khi người quân tử cầm quyền:

a) Phải biết bao dung kẻ dưới, không được hất hủi kẻ kém tài, kém trí, mà phải biết **dụng nhân như mộc**, tùy tài của mỗi người mà dùng họ cho thích đáng (**Bao hoang**).

b) Phải biết lãnh trách nhiệm đứng mũi chịu sào, phải biết liều khi cần liều, vì đại công đại nghiệp (**bằng hà**).

c) Phải biết nhìn xa, trông rộng, phòng nguy, lự hiểm (**bất hà di**).

d) Phải biết vì đại nghĩa mà quên tư tình, gột bỏ óc chất bè phái. (**bằng vong**)

e) Phải biết xử sự cho luôn trung chính, quang minh, cao đại (**đắc thượng vu trung hành**).

3. Hào Cửu tam.

九 三 .　無 平 不 陂 . 無 往 不 復 . 艱 貞 無 咎 . 勿 恤 其 孚 . 于 食 有 福 .

象 曰 .　無 往 不 復 . 天 地 際 也 .

Cửu tam. **Vô hình bất bí. Vô vãng bất phục. Gian trinh vô cữu.**

Vật tuất kỳ phu. Vu thực hữu phúc.

Tượng viết:

Vô vãng bất phục. Thiên địa tế dã.

Dịch.

Cửu tam dạy: Phẳng rồi sẽ dốc,

Có lúc đi, có lúc lại về,

đường đời dẫu gặp gian nguy,

Bền gan, chính trực, lo gì mà lo.

Đừng rằng, thực tại cam go,

Phúc mình, mình hưởng, hồ đồ mà chi.

Tượng rằng: *Đi ắt có về,*

Ấy là định luật chỉ huy đất trời.

Hào Cửu tam luận về đầy vơi, tăng giảm của Trời đất. sự thịnh suy của dân tộc, chính thể, đất nước. người quân tử đùng lấy thế mà buồn, mà nản. Trái lại khi gặp thái thịnh, phải biết hân hoan, đón nhận ân sủng của Trời đất.

4. Hào Lục tứ.

六四. 翩翩.不富.以其鄰.不戒以孚.

象曰. 翩翩不富.皆失實也.不戒以孚.中心願也.

Lục tứ. **Phiên phiên. Bất phú dĩ kỳ lân. Bất giới dĩ phu.**

Tượng viết.

Phiên phiên bất phú. Giai thất thực dã. Bất giới dĩ phu.

Trung tâm nguyện dã.

Dịch.

Lục tứ sống an nhiên thư thái,

Chẳng khoe khoang của cải với người,

Sống cùng lân lý trong ngoài,

Chân thành chẳng chút đãi bôi, màu mè.

Tượng rằng*: Thư thái, chẳng khoe giàu,*

Giàu sang: giả cảnh, thực chi đâu,

Đối đãi với nhau, bằng tình thực,

Đó là tâm nguyện sống chung nhau.

Hào Lục tứ cho rằng: Muốn được thái thịnh, kẻ giàu có phải biết thành khẩn đóng góp vào đại công, đại nghiệp khi cần, chứ không phải giầu để mà ỷ của, ỷ tiền, khoe giầu, khoe có với người. Cũng có người giải Hào này một cách bi quan, và cho rằng cả bây Âm đang kéo nhau xà xuống đẩy phe quân tử ra khỏi chính quyền.

5. Hào Lục ngũ.

六五．　帝乙歸妹．以祉元吉．

象曰．　以祉元吉．中以行愿也．

Lục ngũ. **Đế Ất quy muội. Dĩ chỉ nguyên cát.**

Tượng viết.

Dĩ chỉ nguyên cát. trung dĩ hành nguyện dã.

Dịch.

Vua Đế Ất đem em gái gả,

Thật vẹn hay, vẹn cả mọi bề.

Tượng rằng: Hạnh phúc mọi bề,

Là vì trung chính, thoả thuê ước nguyền.

Hào Lục ngũ cho rằng muốn được thái thịnh, người giầu sang không được cậy quyền, cậy chức, mà phải biết sống hòa mình với mọi người. Nên theo đường lối của vua Đế Ất. Vua Đế Ất đã ra một đạo sắc chỉ và truyền dạy các vị công chúa, khi về nhà chồng, phải biết tùng phục chồng, mặc dù chồng không phải là vương tướng.

6. Hào Thượng lục.

上六．　城復于隍．勿用師．自邑告命．貞吝．

象曰．　城復于隍．其命亂也．

Thượng lục. **Thành phục vu hoàng. Vật dụng sư.**

Tự ấp cáo mệnh. Trinh lận.

Tượng viết:

Thành phục vu hoàng. Kỳ mệnh loạn dã.

Dịch.

Hào Thượng lục: lũy thành đổ nát,

Hãy dụ dân, đừng phát đao binh.

Dụ dân, ngay tự thành mình,

Nếu mà giết chóc sẽ thành công toi.

Tượng rằng: thành hoang, lũy đã hỏng rồi,

Là vì mệnh lệnh rối bời, còn đâu.

Hào Thượng lục cho rằng: Thái mà không biết giữ sẽ suy vi. Khi ma` người ta đã bớt cố gắng, giữ gìn, săn sóc, bớt tình đoàn kết, sáng suốt, thì mọi sự bên ngoài sẽ dần dần suy sụp. Thành lũy mà đã long, đã lõm, đã biến thành hào rãnh, thì lòng con người chắc đã thờ ơ, nguội lạnh, ươn hèn lắm mất còn gì. Bấy giờ, dù có dùng những phương pháp cưỡng chế mạnh mẽ, cũng chẳng đi đến đâu, chỉ càng làm cho thêm tan hoang, đổ nát. Muốn cứu vãn tình thế lúc ấy, cần phải khéo léo, tinh tế, nhẹ nhàng, phải biết thu hẹp tầm hoạt động, chứ đừng mơ ước những công tác đại quy mô nữa.

ÁP DỤNG QUẺ THÁI VÀO THỜI ĐẠI

Quẻ Thái tượng trưng cho sự quân bình, hòa hợp giữa Âm và Dương, giữa người có tài và kẻ vô tài. Người có tài đóng vai chủ chốt, kẻ vô tài đóng vai phụ dịch, trên dưới một lòng, mọi người đều xứng ngôi, xứng vị, mọi người đều đồng tâm, đồng chí, cộng tác để xây dựng nước non.

Hơn nữa, muốn cho quốc gia được hưởng thái bình, thịnh trị, không phải là chuyện dễ, nó đòi hỏi tất cả mọi người phải đồng lao, cộng tác, phải cố gắng.

Muốn được thái thịnh, phải chuẩn bị lâu dài, có những phương châm, những chương trình hoạt động rõ ràng, những giai đoạn sơ

khởi cần phải được thực hiện. Dịch kinh đã đề cập đến những điều kiện tiên quyết ấy ở trong 10 quẻ đầu:

1) Căn nguyên và cùng đích con người là ở Trời, vì thế con người phải bắt chước Trời mà hành sự, cố gắng cải thiện không ngừng, để thần thành hóa mình, trở về được với Trời (Kiền).

2) Sống trong muôn vàn biến hóa, phải biết tùy thời, tùy thế, phòng nguy, lự hiểm, để tìm về được Hoàng Trung Chính Vị (Hằng Cửu), trung tâm chủ chốt của biến thiên **(Khôn)**.

3) Cần phải có bậc anh tài, ra kinh luân dựng nhà, lập nước (**Truân**).

4) Phải đặt nặng vấn đề giáo hóa dân chúng (**Mông**).

5) Phải lo cho cơm áo của chúng dân cho chu đáo (**Nhu**)

6) Những bất đồng, những tranh chấp về tư lợi, tư dục, giữa cá nhân, cần phải giải quyết cho thỏa đáng (**Tụng**).

7) Phải có binh hùng, tướng giỏi để phòng bị xâm lăng (**Sư**).

8) Phải đề cao tình tương thân, tương trợ, giữa các tầng lớp dân chúng, để xây dựng tương lai cho đất nước (**Tỉ**).

9) Phải biết trau dồi tác phong, đức độ, và không nên sợ hãi khi gặp trở lực, khó khăn trên bước đường tiến thủ (**Tiểu Súc**).

10) Mọi người trên dưới phải biết vui thuận theo đạo lý (Lý).

Nói thế, tức là bất kỳ phương diện nào: **Đạo giáo, Tâm lý, Luân lý, Xã hội, Chính trị, Kinh tế, Binh bị** đều phải được tổ chức, sắp xếp cho chu đáo, mới có thể thực hiện được sự thái thịnh cho đất nước.

Con người có lý và có dục. Theo nghĩa lý mà xử sự, thương giúp lẫn nhau, mình hết lòng vì người, thì người cũng hết lòng vì mình. Kinh tế do đó mà trở nên thái thịnh, trật tự do đó mà trở nên vững vàng. Cảnh thái bình, hòa hợp, chính là do sự đồng lao, cộng tác mà sinh ra. Nhược bằng theo Tính Dục mà xử sự, sẽ ghen ghét, tranh cướp lẫn nhau. Càng tranh đoạt, càng tàn sát lẫn nhau, thờ

sự sinh sản cũng sẽ suy giảm, trật tự sẽ bị xáo trộn, hỗn loạn. Cảnh sẻ nghé, tan đàn, lao lung, khốn khổ, chính là do sự tranh đoạt mà phát sinh. Hai bộ mặt Trị và Loạn đều do những nguyên cớ đó mà ra.

Thế vận bĩ thái, xã hội thịnh suy, đều do phong khí của lòng người. Nhân tâm mà phấn khởi, chính nghĩa mà phát dương, thời xã hội sẽ đượm nhuần không khí đầm ấm, vui vầy, văn hò sẽ tiến bộ, và cảnh thái thịnh sẽ hiện ra. **Nhân tâm mà đồi trụy**, con người mà khí trá lần nhau, thời xã hội sẽ chìm đắm trong bầu không khí dối trá, văn hóa sẽ suy đồi. Đó là cảnh tượng của thời suy bĩ vậy.

Nếu con người biết dùng tâm thần mình để chi phối ngoại cảnh, thì vật chất sẽ làm tôi tớ, sẽ phụ bật cho con người. Nhược bằng, **đem tâm thần chạy theo ngoại cảnh**, đem tâm thần làm tôi tớ cho vật chất, vật dục, thì sẽ bị ngoại vật bưng bít cho mờ ám; trí tuệ vì thế không thể phát sinh, cuộc sống vì thế mà phản bội với lễ nghĩa, như vậy xã hội chắc chắn sẽ thoái hóa.

12. 天 地 否 THIÊN ĐỊA BĨ

否序卦Quái
泰者通也thông dã.
物不可以終通
故受之以否Bĩ.

Bĩ Tự Quái

Thái là thông suốt, thông lầu,

Muôn loài hồ dễ gót đầu hanh thông.

Cho nên Bĩ khởi lao lung...

Bĩ là Âm Dương cách trở, trời đất cách trùng, cho nên vạn vật lâm cảnh bế tắc.

Bĩ là thời kỳ tiểu nhân lũng loạn chính quyền, mặc tình làm mưa, làm gió; còn người quân tử thì lại bất đắc dụng, bất phùng thời. Cái gì xui nên sự bế tắc, sự chia ly ấy? Chính là sự thái thịnh. Tại sao? Vì khi thịnh, con người dần dần bớt cố gắng, bớt đề phòng, bớt giữ ý, và bắt đầu đi vào con đường xa hoa hưởng thụ.

Nói rằng: Bĩ tự Thái sinh, cũng y như Dostoievski đã viết: **Căn nguyên của sự chiến tranh chính là cảnh thái bình** (Max Scheller, L'Idée de la Paix et le Pacifisme, p. 71).

Quẻ Bĩ ứng vào thời kỳ mà con người lấy vật chất làm trọng tâm, lấy sự đấu tranh làm phương châm hàng động, lấy sự thỏa mãn thị hiếu, thị dục làm cứu cánh, lấy sự thành công bên ngoài làm tiêu chuẩn mà đánh giá con người. Thời ấy tất cả cái đẹp đẽ đều phô ra ngoài, con người trở nên phù phiếm, phiến diện. Đạo đức, nhân nghĩa cũng hời hợt nơi đầu môi, cửa miệng, và được lồng vào

những lễ nghi bên ngoài, được giăng mắc nơi đâu đường, xó chợ, dưới hình thức bích chương và biểu ngữ... nhưng trên thực tế, đạo đức, nhân nghĩa đã rời khỏi lòng con người.

Người quân tử khi thái bình, thì phải biết đề phòng họa hoạn; lúc gặp cơn đen, vận túng, thời phải biết ẩn dật, chờ thời, cố giữ lấy lề xưa, cách cũ, cố tài bồi cho văn hóa khỏi suy vong, chờ cho đến khi thời cơ xoay chuyển đem đại vận, đem hanh thông trở lại.

Thái, Bĩ là hai quẻ tương phản nhau. Nhân tâm tốt hay xấu, thiên vận sẽ xoay theo. **Tích thiện thời cho gặp may, tích ác thời cho gặp dở**. Nếu muốn biết thời vận Bĩ, Thái ra sao, thì chỉ xem lòng người tốt hay xấu là rõ. Ta thấy, trong Thái có Bĩ, trong Bĩ có Thái, đó là lẻ Ỷ Phục của Trời đất.

I. Thoán.

Thoán Từ.

否 . 否 之 匪 人 . 不 利 君 子 貞 . 大 往 小 來 .

Bĩ: Bỉ chi phỉ nhân. Bất lợi quân tử trinh. Đại vãng tiểu lai.

Dịch.

Thoán Từ.

Bĩ là lúc con người chia rẽ,

quân tử trinh bền, sẽ chẳng may.

Lớn đi, nhỏ lại từ đây...

Thoán Truyện.

Thoán viết.

否 之 匪 人 . 不 利 君 子 貞 . 大 往 小 來 . 則 是 天 地 不 交 . 而 萬 物 不 通 也. 上 下 不 交 . 而 天 下 無 邦 也 . 內 陰 而 外 陽 . 內 柔 而

外剛.內小人而外君子.小人道長.君子道消也.

Bĩ chi phỉ nhân. Bất lợi quân tử trinh. Đại vãng tiểu lai. Tắc thiên địa bất giao nhi vạn vật bất thông dã. Thượng hạ bất giao nhi thiên hạ vô bang dã. Nội Âm nhi ngoại Dương. Nội nhu nhi ngoại cương. Nội tiểu nhân nhi ngoại quân tử. Tiểu nhân đạo trưởng. Quân tử đạo tiêu dã.

Dịch.

Thoán rằng*: Bĩ, vì người chia rẽ,*

Quân tử trinh bền, sẽ chẳng may,

Lớn đi, nhỏ lại từ đây,

Là vì Trời đất, đôi nơi quải gàng.

Quần sinh bế tắc trăm đàng,

Dưới trên ly cách, suy tàn quốc gia.

Âm trong, Dương bị đẩy xa.

Trong mềm, ngoài cứng, phô ra mẽ ngoài.

Tiểu nhân lên mặt thầy đời,

Lòng thời ti tiện, mặt thời cao sang.

Tiểu nhân thi triển lối đường,

Còn người quân tử, mối giường ai hay.

Thoán Từ & Thoán Truyện cho rằng Bĩ là thời kỳ đảo điên, chia rẽ, thời kỳ mà nhân nghĩa, đạo lý của người quân tử trở nên lỗi thời, lạc hậu, thời kỳ mà tiểu nhân làm chủ chốt, quân tử đứng chầu rìa; thời kỳ mà tiểu nhân lên hương, quân tử xuống dốc; thời kỳ mà giang sơn, gấm vóc mất ý nghĩa cao đẹp của nó, trở thành những chiêu bài cho tiểu nhân mưu cầu danh lợi. Dịch nói: **Thiên hạ vô bang**, cũng như Á Nam Trần Tuấn Khải than:

Giang san này vẫn giang san,

Mà nay sẻ nghé, tan đành vì ai?

Tóm lại, Bĩ là thời kỳ mà con người không còn thực thi nhân đạo nữa (**Bĩ phi nhân**).

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 天 地 不 交 . 否 . 君 子 以 儉 德 辟 難 . 不 可 榮 以 祿 .

Tượng viết: **Thiên địa bất giao. Bĩ. Quân tử dĩ kiệm đức tị nạn.**

Bất khả vinh dĩ lộc.

Dịch.

Tượng rằng*: Trời đất quải gàng,*

Mỗi bên, mỗi ngã, đôi đàng chẳng giao.

Hiền nhân đức cả, tài cao,

Liệu bề che dấu, cốt sao thoát nàn.

Đừng mong lợi lộc, vinh quang.

Tiểu nhân đắc thế, ẩn tàng là hơn.

Gặp thời kỳ đảo điên, lòng người đổi trắng, thay đen như vậy, người quân tử hãy nên **quy ẩn**, đừng để cho bả lợi danh làm hoen ố lý tưởng và đạo nghĩa của mình.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

1. Hào Sơ lục.

初 六 . 拔 茅 茹 . 以 其 彙 . 貞 吉 亨 .

象 曰 . 拔 茅 貞 吉 . 志 在 君 也 .

Sơ lục. Bạt mao như. Dĩ kỳ vị. Trinh cát hanh.

Tượng viết.

Bạt mao trinh cát. Chí tại quân dã.

Dịch.

Hào Sơ lục, cỏ gianh khi nhổ,

Nhổ một cây, cụm bủa lên theo.

Chính mình sẽ được may nhiều.

Tượng rằng*: Cỏ gianh nhổ được tốt lành,*

Là vì tâm trí vẫn dành thờ vua.

Theo đà tư tưởng ấy, Trình tử khi bình giải Hào Sơ đã cho rằng khi đã cần phải rút lui, người quân tử phải rút lui toàn bộ, với tất cả mọi đồng chí mình, như vậy mới hay.

Chu Hi thì giải ngược lại, mà cho rằng: Kẻ tiểu nhân mới ra cầm quyền, cũng chưa có dịp làm gì ác lộ liễu, nên Thánh nhân mới khuyên họ hãy theo chính đạo mà trị dân, trị nước, nếu được như thế sẽ hay, vì như vậy tiểu nhân sẽ trở nên quân tử, mà giang san, đất nước sẽ có phần nhờ.

2. Hào Lục nhị.

六二. 包承.小人吉.大人否亨.

象曰. 大人否亨.不亂群也.

Lục nhị. **Bao thừa. Tiểu nhân cát. Đại nhân bĩ hanh.**

Tượng viết:

Đại nhân bĩ hanh. Bất loạn quần dã.

Dịch.

Hào hai: bao bọc, nghe theo,

Tiểu nhân như vậy, có chiều hay ho.

Khi người quân tử sa cơ,

Cố cùng, nhưng vẫn chẳng lo khốn cùng.

Rồi ra sẽ được hanh thông.

Tượng rằng:

Đại nhân khi bĩ, vẫn hanh,

Không hề cẩu thả, liên minh cùng người.

Hào hai cho rằng tiểu nhân cầm quyền, nếu còn biết nể nang, nghe theo, đỡ đầu người quân tử thời cũng hay, cũng tốt. Tuy nhiên, người quân tử không nên làm gì để đến nỗi tổn thương đến thanh danh, giá trị, lý tưởng của mình, và cũng không thể như p**hượng hoàng thất thế phải theo đàn gà được.**

3. Hào Lục tam.

六 三 . 包 羞 .

象 曰 . 包 羞 . 位 不 當 也 .

Lục tam. **Bao tu.**

Tượng viết.

Bao tu. Vị bất đáng dã.

Dịch.

Lục tam: mang lấy nhuốc nhơ.

Tượng rằng*: mang lấy nhuốc nhơ,*

Là vì ngôi vị đang là dở dang.

Hào ba cho rằng tiểu nhân cầm quyền, tuy bên ngoài thì cao kiêu, ngất ngưỡng như vậy, nhưng thực ra họ vẫn tự thẹn với lòng, vì biết mình không xứng đáng với chức vị.

4. Hào Cửu tứ.

九四. 有命無咎.疇離祉.

象曰. 有命無咎.志行也.

Cửu tứ. **Hữu mệnh. Vô cữu. Trù ly chỉ.**

Tượng viết:

Hữu mệnh. Vô cữu. Chí hành dã.

Dịch.

Mệnh Trời đã có trong thân,

Nên không vấp vướng, lỗi lầm, đơn sai.

Đến Hào bốn, ta thấy cơ Trời đã bắt đầu xoay chuyển. Người anh hùng trị Bĩ đã bắt đầu lộ diện. Đó là bậc cương minh chi tài, có sứ mệnh phục hưng lại thời cuộc, và có đông bè bạn vui lòng phụ bật, để làm nên đại cuộc.

5. Hào Cửu ngũ.

九五. 休否,大人吉.其亡其亡.繫于苞桑.

象曰. 大人之吉.位正當也.

Cửu ngũ. **Hưu bĩ. Đại nhân cát. Kỳ vong kỳ vong. Hệ vu bao tang.**

Tượng viết:

Đại nhân chi cát. Vị chính đáng dã.

Dịch.

Cơn đen, vận bĩ đã lui,

Đại nhân đã gặp được hồi hay ho.

rằng nguy, rằng hỏng mới là,

Khóm dâu vững chãi, thiết tha buộc ràng.

Tượng rằng:

Đại nhân được tốt, được lành.

Là vì địa vị phân minh, đàng hoàng.

Đối với người hùng có tài kinh bang, tế thế, có tài đem lại an bình, khang thái và đạo đức lại cho nhân quần đó, Dịch kinh khuyến cáo hãy biết lo lường, biết thận trọng, thì mới tạo nên được những thành quả vững bền.

Hệ Từ quảng luận hào này như sau:

Nguy thay, kẻ tưởng vững ngôi,

Táng vong, kẽ ngỡ thảnh thơi, trường tồn.

Loạn là, kẻ tưởng trị an,

(Tưởng an, khinh thị, ly loàn mới sinh)

Cho nên quân tử giữ mình,

Đương yên, mà vẫn nhớ dành cơn nguy.

Đương còn, vẫn sợ mất đi,

Nước yên, mà vẫn phòng khi ly loàn.

Biết lo, thân mới được an,

Biết lo, nên mới bảo toàn quốc gia.

Dịch rằng:

Rằng nguy, rằng hỏng mới là,

Khóm dâu vững chãi, thiết tha buộc ràng.

6. Hào Thượng Cửu.

上九. 傾否.先否後喜.

象曰. 否終則傾.何可長也.

Thượng cửu. **Khuynh bĩ. Tiên bĩ hậu hỉ.**

Tượng viết:

Bĩ chung tắc khuynh. Hà khả trường dã.

Dịch.

Cơn đen, vận bĩ hết rồi.

Trước thời bế tắc, sau vui mới là.

Tượng rằng*: Bĩ cực, Thái lai,*

Có gì trường cửu ở đời này đâu?

Thánh nhân kết thúc quẻ Bĩ bằng một niềm vui, bằng chữ Hỉ, và cho rằng cơn đen, vận bĩ cũng có lúc phải cùng. Đó là một bài học dạy cách xử thế hết sức là thâm thúy, nó là phản ánh đường lối chung của Dịch Kinh., mà ta có thể tóm tắt như sau: Lúc thái thịnh, thì chớ nên kiêu sa, buông thả, lúc nguy bĩ thì chớ nên thất vọng, chớ nên nạn lòng. Thế mới là:

Khi hay phải biết lo toan,

Khi cùng phải biết thi gan với đời.

ÁP DỤNG QUẺ BĨ VÀO THỜI ĐẠI

Bĩ vào thời kỳ tiểu nhân lên cầm quyền. Tiểu nhân cầm quyền thì chỉ có lớp người thống trị là sung sướng, còn dân con sẽ điêu linh. Đi vào lòng con người lúc ấy, ta chỉ thấy dâm bôn, uế tạp, thấy ác độc, đố kỵ. Lòng con người trở nên đêm trường tăm tối, vì đã vắngười bóng mặt trời nhân nghĩa, lòng con người đã trở nên sa mạc khô khan, vì đã làm khô cạn hết nước suối thương yêu.

Lúc ấy, xã hội cũng như cá nhân ưa lấy thiên lý, thiên đạo làm phấn sáp tô điểm cho vẻ bên ngoài thêm lộng lẫy, mà bên trong là cả một bãi tha ma nhân dục, là cả một hang ổ trộm cướp.

Cái xã hội, cái cảnh đời mà quẻ Bĩ muốn nói ra ấy, đã được tác giả (**Nhân T**ử **Nguyễn Văn Th**ọ) tả ra bằng những vần thơ sau đây:

Đời là chi, đời là một hý trường,

Lấy áo mão, đem thay chân giá trị.

Mới thoạt nhìn, tưởng ngọc ngà thanh quý,

Để tâm dò mới thấy rặt bùn đen,

Vỏ nhân nghĩa, mà ruột chặt kim tiền,

Mặt đạo đức , nhưng lòng đầy gươm giáo.

Đời là chi, mà sao đầy giả tạo,

Bán tài tình, bán cả đến phấn son,

Bán khoé mắt, bán cả trái tim non,

Đem cao thượng mà tô lòng đen bạc.

Chén rượu đời, pha phách bao chua chát,

Tấm kịch đời, chan chứa cảnh đoạn trường,

Phiên chợ đời, tan, hợp, mấy tang thương,

Đường lối đời, rắc reo đầy cạm bẫy,

Đời nói đẹp, nhưng đời chuyên làm bậy,

Hứa trăm voi, không được bát sáo suông.

Mặt thần thánh, mà lòng dạ chim muông,

Khéo luồn cúi, huênh hoang, thôi cũng khéo.

Lý tưởng ngầm là khéo vơ, khéo đẽo,

Đem văn minh, khoác lốt sống kiêu sa,

Lòng con người nhem nhọ bụi phù hoa,

Thích phù phiếm, thích lợi danh và tàn bạo.

Ôi giả tạo, biết bao là giả tạo,

Sau bức tranh, thế sự đẫm vàng son.

13. 天 火 同 人 THIÊN HỎA ĐỒNG NHÂN

同人序卦 Đồng Nhân Tự Quái
物不可以終否 Vật bất khả dĩ chung Bĩ.
故受之以同人 Cố thụ chi dĩ Đồng Nhân.

Quẻ Đồng Nhân cũng như quẻ Tỉ, quẻ Thái, bàn về sự đoàn kết, sự thân ái. Nhưng Thái và Tỉ bàn về đoàn kết để dựng nhà, lập nước, đem thái thịnh lại cho một quốc gia, còn Đồng Nhân lại bàn đến tình yêu nhân loại, đến sự đồng tâm, nhất trí, để đem thái hòa, đem tình thân hữu lại cho thiên hạ, đó là Đại Đồng. Muốn thực hiện Đại Đồng, nó đòi hỏi một sự chuẩn bị lâu dài, một trình độ văn minh tiến hóa vượt mức của nhân loại. Dịch kinh cho rằng muốn Đại Đồng cần phải chấp nhận các giá trị tinh thần, các tinh hoa vĩnh cửu của con người, tượng trưng bằng quẻ Kiền và chỉ thực hiện khi mà lòng con người đã trở nên quang minh chính đại. Thời kỳ Đại Đồng là thời kỳ hoàng kim của nhân loại, nhưng rất khó thực hiện. Nó mới ló dạng, khi con người bỡ ngỡ bước chân vào bình minh của cuộc đời nhân loại, và có lẽ chỉ được thực hiện sau này, khi con người đã quá đắng cay, sầu khổ vì chia ly, chiến tranh, căm thù, trá ngụy. Vì thế quẻ Đồng Nhân xế sau quẻ Bĩ.

Con người chỉ khi nào gặp đại nạn, vì những hành động, những quan niệm, những lý thuyết ngu xuẩn của mình gây ra, nới có thể đoạn tuyệt với đường xưa lối cũ, với tệ đoan, tệ tục, tư dục, tư tình mà thực thi sự tương thân, tương ái. Muốn hiểu quẻ Đồng Nhân cho thấu đáo, ta hãy lần lượt nghiên cứu ít nhiều vấn đề tiên quyết.

1. Đại đồng là gì?

Là một chủ trương Triết học và Chính trị cho rằng con người có thể đại đoàn kết được vơi nhau, sống trong cảnh an bình thái thịnh, bốn bể một nhà.

2. Nhân loại có thể đi đến Đại đồng được không?

Thưa: Có thể. Theo Dịch lý, nếu ta chấp nhận sự biến thiên, thì sự biến thiên ấy phải có đầu, có đuôi, có căn nguyên, mục đích, thì dĩ nhiên lúc chung cuộc sẽ được hưởng thời kỳ hoàng kim. Đó là lẽ biến dịch tuần hoàn **chung nhi phục thủy** của Trời đất.

Nhiều môn phái Triết học, nhiều Học thuyết đã chủ trương thời Đại đồng hoàng kim mai hậu.

1) Các tiên tri Isaie và Jérémie. (Isaie: 65, 21, 25 - Jérémie: 31, 31-34).

2) Sách Khải Huyền. (Apocalypse 23, 3).

3) Môn phái triết học Alexandrins & Hégel (Le Christianism et les philosophes).

4) Karl Marx.

5) Kant.

6) Radakhrishnan.

7) Chiêm tinh hoa.

8) Max Scheler...

3) Làm thế nào để thực hiện Đại đồng?

Muốn thực hiện Đại Đồng, thời trên phương diện tinh thần, con người phải dẹp bỏ lòng ích kỷ, phải theo công lý, chính đạo, chính nghĩa. Còn theo phương diện chính trị và tổ chức thì: **Nhân sinh, nhân vị, nhân quyền phải tuyệt đối được bảo đảm và tôn trọng.**

Sau khi đã bàn qua về chủ nghĩa Đại Đồng, ta trở về nghiên cứu quẻ Đồng Nhân.

I. Thoán.

Thoán Từ.

同 人 . 同 人 于 野 . 亨 . 利 涉 大 川 . 利 君 子 貞 .

Đồng Nhân: Đồng Nhân vu dã. Hanh. Lợi thiệp đại xuyên. Lợi quân tử trinh.

Dịch.

Đồng Nhân hòa với mọi người,

Thênh thang lòng dạ, như ngoài đồng không.

Hay thay khoan quảng, hòa đồng,

Một lòng, thì dẫu lội sông, quản gì.

Đồng tâm, sẽ vượt gian nguy,

Theo đường quân tử, quy về chính trung.

Thoán Từ cho rằng: muốn hòa mình với người, cần phải mở lòng mình cho rộng rãi (**Đồng Nhân vu dã).**

Hòa đồng, hợp nhất với người sẽ đem lại hanh thông, thái thịnh, và lướt thắng được mọi trở lực, làm nên được những đại công, đại nghiệp (**Hanh. Lợi thiệp đại xuyên**). Quân tử sẽ lấy sự minh chính, chính nghĩa để làm mối giây liên lạc, thắt chặt tình thân ái giữa mọi người (**Lợi quân tử trinh**).

Thoán Truyện.

同 人 . 柔 得 位 得 中 . 而 應 乎 乾 . 曰 同 人 . 同 人 曰 . 同 人 于 野 . 亨 . 利 涉 大 川 . 乾 行 也 . 文 明 以 健 . 中 正 而 應 . 君 子 正 也 . 唯 君 子 為 能 通 天 下 之 志 .

Thoán viết. **Đồng Nhân. Nhu đắc vị đắc trung nhi ứng hồ Kiền. Viết Đồng Nhân. Đồng Nhân viết, Đồng Nhân vu dã hanh. Lợi thiệp đại xuyên. Kiền hành dã. Văn minh dĩ kiện. Trung chính nhi ứng. Quân tử chính dã. Duy quân tử vi năng thông thiên hạ chi chí.**

Dịch.

Thoán rằng*: Mềm được ngôi trung,*

Lại còn tương ứng, tương thông với Kiền,

Hòa đồng, khoan quảng, mới nên,

Đồng không man mác, nối liền gần xa,

Dầu rằng sông lớn cũng qua,

Sức trời hùng dũng, ai mà cản ngăn,

Cương cường, vẫn vẻ, vẫn văn,

Văn minh, tế nhị, êm đềm, mới nghe.

Thấy điều trung chính, ứng về,

Duy người quân tử, muôn bề thẳng ngay.

Nhân loại chỉ có thể tiến tới Đồng Nhân khi thực hiện được nhân cách, khi ứng hợp được với lương tâm, với Trời, với Đạo. Đã thân ái với nhau, đã coi nhau như anh em ruột thịt, bốn biển một nhà, lại biết đoàn kết, biết cố gắng, thì hỏi còn có điều gì khó khăn mà con người không thể thực hiện được (**Đồng Nhân vu dã. Kiền Hành dã**)...

Điều kiện nội tại để xây đắp hòa đồng mai hậu, là có một tâm hồn sáng láng, vô tư, vô tà, quyết lòng cư xử với nhau theo chính đạo, chính nghĩa (**Văn minh dĩ kiện. Quân tử chính dã**). Hòa đồng với nhau, dắt dìu nhau trên đường tiến bộ, làm cho mọi người thỏa lòng, thỏa nguyện, đó là một công việc mà chỉ có người quân tử mới thực hiện nổi (**Duy quân tử ... thiên hạ chi chí**). *Thoán truyện* làm ta nhớ lại hoài bão của Đức Khổng, ghi chép trong Thiên Lễ Vận: Đại đạo khi được thực thi, thời thiên hạ là của chung. Người hiền tài sẽ được tuyển lựa, cất nhắc lên lãnh đạo, thiên hạ sẽ được dạy dỗ cho biết tín nghĩa, hòa mục, vì thế nên người ta không cứ người nào thân mình mới thân, không cứ là con mình mới coi là con, người già sẽ có nơi an dưỡng, người trẻ sẽ được sử dụng. Trẻ thơ sẽ được dưỡng dục, những người tàn tật,

côi cút, góa bụa, cô độc sẽ được nuôi nấng, trông nom... Trai có phận, gái có chồng, người ta không phí phạm, vung vãi của cải, không ngại gắng công, gắng sức, nhưng cũng không lao tác vì mình. Vì thế, người có cơ mưu cũng không dám thi thố, trộm cướp, giặc giã không có, cửa ngõ cũng chẳng cần khóa then. Thế là Đại Đồng (Lễ vận 9). Nhu thế Đại Đồng tức là Đại Đoàn kết, bốn bể một nhà.

II. Đại Tượng Truyện.

天 與 火 . 同 人 . 君 子 以 類 族 辨 物 .

Tượng viết. **Thiên dữ hỏa. Đồng Nhân. Quân tử dĩ loại tộc biện vật.**

Dịch. *Tượng rằng*:

Trời cùng với lửa Đồng Nhân,

Đã là quân tử, phải phân hay, hèn.

Người năm, bảy đấng dĩ nhiên,

Của muôn vạn loại, phải xem cho rành.

Tượng Truyện cho rằng trong cái đồng vẫn có cái dị, như trời với lửa, tuy cùng là thanh khí, nhưng vẫn khác biệt nhau, vì thế người quân tử phải biết biện phân những nét đặc thù, dị biệt để mà phân loại người và vật.

Tìm được những lý do, khiến cho người và vật trở nên dị biệt, ta sẽ làm cho ta cảm thông được người, hiểu thấu được vật. Chẳng hạn, nếu ta phân biệt được rằng **Đạo có nhiều hình thức, có nhiều thứ bậc:**

a) Huyền đồng, hoàn thiện.

b) Nghệ thuật, duyên dáng, thơ mộng.

c) Luân lý, tu trì,

d) Giáo lý, suy luận

e) Hình thức, lễ nghi.

ta nhận thức ngay được mức độ cao thấp của người hành đạo. Hoặc là ta phân biệt Đạo giáo làm hai loại:

1) **Tu thân = Nội giáo** (chú trọng đếm sự tu luyện tâm thần)

2) **Thờ phụng = Ngoại giáo** (chú trọng đến sự van vái, thờ phụng và cầu phúc)

Lại nữa, nếu ta **phân chiến tranh làm nhiều loại**: Chiến tranh vì:

1) Tôn giáo

2) Chủ nghĩa

3) Chủng tộc

4) quốc gia

5) Giai cấp

6) Xâm lược

7) Phòng ngự

8) Phục thù

ta sẽ thấy không phải chỉ có nguyên do vật chất, kinh tế chi phối sự diễn biến của lịch sử.

Phân biệt con người có: Thần, Hồn, Xác, ta sẽ phân loại được văn hóa có ba chiều hướng chính:

- **Văn hóa thiên bản** (vụ thần)

- **Văn hóa nhân văn** (vụ nhân)

- **Văn hóa vật bản** (vụ vật chất)

và nhờ đó có cái nhìn trong sáng về sự vật...

Biết cái dị, tức là biết cái biến, gây nên bởi hoàn cảnh, lịch sử,

huyết thống, giáo dục, sẽ giúp ta đi đến cái đồng, cái bất biến, nơi giao hội của mọi cái dị biệt. Những cái biến thiên dị biệt, không thể lấy làm căn bản cho sự hòa đồng nhân loại được.

Hòa đồng nhân loại, chỉ có thể xẩy ra trên một nền tảng duy nhất bất biến, ấy là bản tính con người, lương tâm, lương tri con người, trên những định luật tự nhiên của Trời đất.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 同 人 于 門 . 無 咎 .

象 曰 . 出 門 同 人 . 又 誰 咎也。

Sơ Cửu. **Đồng Nhân vu môn. Vô cữu.**

Tượng viết.

Xuất môn Đồng Nhân. Hựu thùy cữu dã.

Dịch.

(Quang minh chính đại rạng ngời).

Cùng người hòa hợp cửa ngoài mới hay,

Tượng rằng:

Bước ra cửa, hợp với người.

Mình, người một dạ, ai cười, ai chê.

Khi đã đặt ra những tôn chỉ để đi đến Đại đồng rồi. Hào Sơ cho rằng muốn Đại đồng phải ra khỏi cửa nhà, tức là phải thoát ra khỏi những quyền lợi, những tư tình của cá nhân, của gia đình.

2. Hào Lục nhị.

六 二 . 同 人 于 宗 . 吝 .

象 曰 . 同 人 于 宗 . 吝 道 也 .

Lục nhị. **Đồng Nhân vu tông. Lận.**

Tượng viết.

Đồng Nhân vu tông. Lận đạo dã.

Dịch.

Hòa đồng vì họ, vì phe.

Hòa đồng như thế, đáng chê, đáng cười,

Tượng rằng:

Hòa đồng vì họ, vì phe.

Thế là đường lối đáng chê, đáng cười.

Hòa đồng với người không phải là với người thân mình, bạn bè mình, họ mình, đảng mình, nước mình, mà phải mở tầm kích tâm hồn mình cho tới muôn nước, muốn phương.

3. Hào Cửu tam.

九 三 . 伏 戎 于 莽 . 升 其 高 陵 . 三 歲 不 興 .

象 曰 . 伏 戎 于 莽 . 敵 剛 也 . 三 歲 不 興 . 安 行 也 .

Cửu tam. **Phục nhung vu mãng. Thăng kỳ cao lăng. Tam tuế bất hưng.**

Tượng viết:

Phục nhung vu mãng. Địch cương dã. tam tuế bất hưng, An hành dã.

Dịch.

Cửu tam: rừng rậm phục quân.

Gò cao ngấp nghé, ba năm chẳng vùng.

Tượng rằng: Rừng rậm phục quân,

Muốn cùng (Cửu ngũ) qua phân tranh hùng.

Ba năm chẳng dám vẫy vùng.

Vì rằng chẳng thể tấn công được nào.

Hào ba cho rằng: không nên lấy vũ lực để bắt người hòa đồng với mình. Cho nên phải tổ chức quốc tế hùng mạnh thế nào, để cho mỗi mọi nước dẫu có muốn hưng binh làm loạn cũng không đủ sức.

4. Hào Cửu tứ.

九 四 . 乘 其 墉 . 弗 克 攻 . 吉 .

象 曰 . 乘 其 墉 . 義 弗 克 也 . 其 吉 . 則 困 而 反 則 也 .

Cửu tứ. **Thừa kỳ dung. Phất khắc công. Cát.**

Tượng viết:

Thừa kỳ dung. Nghĩa phất khắc dã. Kỳ cát. Tắc khốn nhi phản tắc dã.

Dịch.

Trèo tường mà chẳng tấn công,

Biết không nên đánh, mới mong tốt lành.

Tượng rằng:

Trèo tường không đánh, mới hay,

Biết điều phi nghì, nên đây chẳng làm.

Hay vì trong lúc khốn nàn,

Biết đàng hồi hướng, biết đàng trở trăn.

Hào tư cho rằng dẫu mình có uy thế, cũng đừng nên vì thế mà bắt người phụ họa theo mình. Nếu thấy không có chính nghĩa, chính đạo, thì chớ nên múa may, gây rối làm gì. Nếu dở dói lắm, chỉ tổ đâm vào họa hoạn, rồi ra sẽ sáng mắt, mà trở lại với chính nghĩa.

5. Hào Cửu ngũ.

九五．　同人，先號咷而後笑．大師克相遇．

象曰．　同人之先．以中直也．大師相遇．言相克也．

Cửu ngũ. **Đồng Nhân tiên hào đào nhu hậu tiếu. Đại sư khắc tương ngộ.**

Tượng viết.

Đồng Nhân chi tiên. Dĩ trung trực dã. Đại sư tương ngộ.

Ngôn tương khắc dã.

Dịch.

Đồng Nhân, trước khóc, sau cười,

Vi rằng trung trực, nên rồi ra hay.

Cử binh đánh bọn bài bây,

Sau cùng sẽ gặp được người đồng tâm.

Hào năm cho rằng con người sinh ra cốt để hòa đồng với nhau, nhưng trong thực tế, muốn đi tới cuộc vui đoàn tụ, con người phải trải qua nhiều đoạn khóc vì chia ly.

Người đứng chủ chốt cuộc hòa đồng, cần phải có chính nghĩa, chính đạo, nhưng cũng cần phải có võ lực, nếu không có binh bị trong tay, vạn quốc sẽ không sợ.

Có nhà đạo đức bình giải chữ Đại su＋ trong Hào Cửu ngũ này là

bằng sức mạnh tinh thần, bằng sức mạnh đạo đức, và cho rằng con người Đại đồng phải hết sức sáng suốt, hết sức bền chí, dẻo dai, nói thành công trong những việc lớn lao, cao cả. Đó là lối giải thích của những bậc cao minh, nhìn đời bằng cặp mắt lý tưởng.

6. Hào Thượng cửu.

上 九 . 同 人 于 郊 . 無 悔 .

象 曰 . 同 人 于 郊 . 志 未 得 也 .

Thượng Cửu. **Đồng Nhân vu giao. Vô hối.**

Tượng viết:

Đồng Nhân vu giao. Chí vị đắc dã.

Dịch.

Đồng Nhân mới tới đến giao

Đồng Nhân (chưa khắp), phải nào lỗi ta.

Tượng rằng:

Đồng Nhân mới tới đến giao,

Bình sinh chí nguyện, đã nào thỏa thuê.

ÁP DỤNG QUẺ ĐỒNG NHÂN VÀO THỜI ĐẠI

Ngày nay, ta tự hỏi: Muốn xây dựng Đại đồng, lấy gì làm nền tảng? Mầu da, sắc áo, học thuyết, hay các giá trị ngoại tại như các điều kiện kinh tế hay sự chuyển dịch giao thông? Và đây là ít nhiều đường lối đưa đến Đại đồng, của ít nhiều đạo giáo và triết học, triết gia.

1) **Phật giáo, Ấn giáo cho rằng phải từ bi, hỉ xả**, tuyệt đối không hại người, không dùng võ lực, không sát sinh. Đó cũng là chủ trương Kiêm Ái của Mặc Tử, bất bạo động của Gandhi, chủ trương phản chiến, phản binh của các giáo phái Quakers, Mennomites, của

Tolstoi... (Le Pacifisme héroique).

2) **Công giáo** cho rằng muốn có Đại đồng, nhân loại cần phải thấm nhuần tôn chỉ Phúc Âm, cần có một tôn giáo duy nhất (Le Pacifisme Chrétien).

3) **Nhiều nhà Kinh tế học** thuộc học phái Manchester, và nhiều triết gia Anh như Bentham, Stuart Mill, herbert Spencer cho rằng: nhân loại cần phải được tự do giao dịch, doanh thương mới có thể đi đến Đại đồng (Le Pacifisme du Libéralisme Économique).

4) **Nhiều triết gia Tây phương** cho rằng cần phải minh định tôn trọng nhân quyền, công pháp, công quyền, quốc tế công quyền, và cần phải có những tổ chức quốc tế có nhiệm vụ thực thi công quyền và bảo vệ công pháp (Le pacifisme Juridique ou pacifisme de droit). Đó là chủ trương của: Hugo Frotius, Suarez Victoria, Pufendorf, Emmanuel Kant, và những cố gắng của Tòa án Hòa Giải La Haye, Hội Quốc Liên (Société des Nations, 1920-1946), Liên Hiệp Quốc (O.N.U. 1946), Hội Đồng bảo an ở Liên Hiệp Quốc hiện nay v.v...

5) **Cộng Sản** chủ trương con người chỉ tiến tới Đại đồng được bằng xã hội chủ nghĩa, khi mà trong thiên hạ không còn ai bóc lột ai (Le Pacifisme Maxiste Socialiste et Communiste).

6) **Jean Jacques Rousseau** cho rằng phải dùng võ lực mới đem lại Đại Đồng được.

7) **Chủ trương rằng muốn được Đại Đồng, phải đặt muôn nước dưới quyền cai trị của một nước.** Đó là chủ trương của Alexandre, của đế quốc la Mã (Pax Romana), của Napoléon, vv... (Le Pacifisme d'Hégémonie Impérialiste).

8) **Chủ trương dùng văn hóa đi tới Đại Đồng**, cho rằng những học giả, vác học, thức giả trong nhân quần phải liên kết với nhau (Le Pacifisme Culturel).

9) **Nho gia** cho rằng muốn đi tới Đại Đồng, thì điều kiện tiên quyết là mọi người phải **cải thiện tâm hồn mình trước đã**.

Nhưng theo nhận định chúng tôi, thì dân tộc Hoa Kỳ hiện nay đang

trên đà tiến tới Đại Đồng. thực vậy dân tộc này là gồm người của mọi chủng tộc khác nhau hợp lại, họ không cùng màu da, sắc áo, nhưng nay họ đã liên hợp với nhau thành một nước giàu có, hùng mạnh, đứng hàng bá chủ trên thế giới. Họ đã mở vòng tay thân ái, mà đón nhận hàng triệu người từ tứ phương kéo đến, đã săn sóc, nuôi nấng, giúp đỡ họ. Chính phủ đã giúp những người dân tỵ nạn y như giúp dân nước mình, khi những người này cần đến sự giúp đỡ của chính phủ, mà không để họ phải chịu một sự hổ thẹn nào. Hơn nữa là dù trong tình trạng kinh tế nước nhà đang gặp khó khăn, nhưng khi nước bạn cầu xin giúp đỡ, chính phủ vẫn sẵn sàng giúp họ.

Ra đường, trông ai cũng bằng ai; khi phạm tội thì dù là ông lớn, hay dân thường nào cũng bị đền tội như nhau, không phân biệt.

Tôi ở xứ này đã lâu năm, nhưng chưa hề trông thấy người lính Hoa Kỳ nào, nên trên khắp lãnh thổ, thấy vắng bóng chiến tranh, mà chỉ thấy cảnh thanh bình vui tươi trên mặt đất. Cảnh thanh bình này còn lan xuống vạn vật. Chim chóc, cỏ cây không ai có quyền tự ý hủy hoại, nên chim tự do bay, đậu, không còn lo sợ loài người bủa lưới, bắn tên. Ngoài công viên, trong đồng nội, trăm hoa đua nở, khoe sắc thắm, nhưng con người chỉ đứng ngắm, chứ không ai dám, hoặc nỡ ngắt hoa, vì hủy hoại nó sẽ bị phạt, hoặc bị người khác bắt gặp sẽ khinh khi mình.

Đi ra đường, nhiều khi gặp người không quen biết, họ cũng chào mình. Mua bán đồ vật, nếu về không ưng thì có quyền trả lại. Thử hỏi, trong chúng ta, nếu ai có một chút kiến thức, thì dù vô tình đến đâu cũng nhận thấy xứ này có những đặc điểm hơn quê hương mình, và hơn nhiều nơi mình đã đi qua.

Ngày nay, các nước Bắc Âu (Na Uy, Thụy Điển, Phần lan) và các nước khác như Thụy Sĩ vv... đều có một đời sống rất cao và một nền an sinh xã hội rất chu đáo. Các nước này cũng như Hoa Kỳ đang tiến tới Thế Giới Đại Đồng vậy.

14. 火 天 大 有 HỎA THIÊN ĐẠI HỮU

大有序卦曰 Đại Hữu Tự Quái
與人同者 Dữ nhân đồng giả.
物必歸焉 Vật tất quy yên.
故受之以大有 Cố thụ chi dĩ Đại Hữu.

Đại Hữu Tự Quái

Được người, vật cũng theo chân về mình.

Cho nên Đại Hữu mới sinh.

Đại Hữu là giàu to, có lớn. Khi đã đồng tâm, hiệp ý với người rồi, tự nhiên của cải sẽ theo về. Vì thế, được lòng người sẽ giàu to, có lớn. Do đó quẻ Đại Hữu tiếp sau quẻ Đồng Nhân. Đại Hữu quan niệm rằng cầm đầu dân nước mà được lòng lê thứ, được lòng các bậc hiền minh, anh kiệt trong nước sẽ trở nên giàu có vô ngần. Đó cũng là chủ trương của Đại Học. Quẻ Đại Hữu còn dạy cách đem lại phú cường cho đất nước.

Đại Hữu trên có **Ly** là tâm, dưới có **Kiền** là Trời. Cái giầu có lớn lao nhất mà con người có thể có được nơi trần gian này là làm sao **trong tâm khảm có Trời**.

Chúng ta sẽ dùng quẻ Đại Hữu làm chiếc chìa khóa thần, chẳng những là để mở khóa then các đạo giáo, để tìm cho ra kho tàng châu báu, đã bị chìm ngập dưới nhiều tầng lợp bóng hình, ngôn ngữ, mà cũng còn là để mở cừa kho tàng tâm hồn ta, để tìm cho thấy tinh hoa của trời đất, ngọc châu vũ trụ, khuất lấp sau những bức tường nhân dục, và những khóa then của u mê.

A. Tân Ước **cho rằng: Nước Trời** ở **trong ta** (Luc 17, 20).

B. Đạo Phật cho rằng: Ngọc châu viên giác nằm tại liên hoa tâm. Mà liên hoa tâm đây không phai là những bông hoa sen nghìn cánh nở trong ao, trong hồ trần thế, mà chính là não, là tâm con người.

Vì thế, trong khi mà Thiền tông cho rằng phải Trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật, thì kinh Diệu Pháp Liên Hoa Kinh lại nói bóng bảy đến một người cùng tử, bó kho tàng châu báu muôn dật của nhà cha, mà đi làm tôi tớ ở phương xa. Người cha phải tốn công lắm mới tìm về được, du, dỗ lắm cuối cùng mới trao lại được cho hắn gia tài châu báu đó. Khi đã nhận được kho tàng rồi, người cùng tử đó mớ reo lên: ta vốn không lòng mong cầu, nay kho tàng châu báu này tự nhiên mà có.

Chúng ta chẳng hẹn mà gặp nhau nơi này, trên muôn vạn nẻo đường đời, truyền cho nhau những bí quyết của tiên nhân, rồi lại chia tay nhau, bước đi trên những con đường muôn vạn ngã, há chẳng phải *vốn không có lòng cầu, mà nay kho tàng châu báu này tự nhiên mà đến hay sao.*

C. Dở Áo Nghĩa Thư, Ấn Độ **giáo mà suy, mà đọc, ta lại thấy bí quyết: Tâm nội hữu thiên = Hỏa Thiên Đại Hư** hiện ra sáng quắc như vừng nhật giữa trong thanh.

Áo Nghĩa thư viết:

Dung quang Ngài khó mà cầu,

Mắt trần sau trước thấy sao được Ngài.

Biết Ngài trong dạ, ấy ai,

Tâm thần biết thế, muôn đời trường sinh.

Maitri Upanishad viết:

Tâm thường có 2 chiều, 2 vẻ,

Vẻ phàm phu và vẻ thanh cao.

Phàm phu, dục vọng rạt rào,

Lòng cố giữ thập phần tĩnh lãng,

Đứng ù lì, phá tán lòng ai.

Hòa đồng, hiệp nhất với Trời,

Ấy là tuyệt diệu, trên đời mấy ai.

Lòng chớ để pha phôi lạc lõng,

Tội tình chi, lóng ngóng Đông Tây,

Đáy lòng, giải thoát là đây,

Giác minh vô tận, cũng ngay đáy lòng.

Hãy cố gắng tập trung thần trí,

Thời oan khiên, phiền lụy tiêu tan,

Hòa đồng, phối hợp Atman,

Ấy là hạnh phúc muôn ngàn tả sao?

Diễm tuyệt ấy, lời nào tả xiết,

Chỉ tâm thần mới biết, mới hay.

Nước kia, nước nọ hòa hài,

Lửa phừng trong lừa, ai tài biện phân.

Khí pha khí, ai lần manh mối,

Đã hiệp rồi, khó nỗi hia ly,

Tâm thần mà nhập huyền vi,

Thời thôi trần cấu, còn chi bận lòng.

Lẽ giải kết ở trong hoàn võ,

Đều do tâm, dây nhợ mối manh,

Lụy là, bám víu sự tình,

Tâm không lụy vật, âu đành thần tiên.

Và còn nhiều sách như; Đạo Đức Kinh, Đại Thừa Chân Giáo (Cao Đài), đều có chủ trương **Tâm nội hữu thiên = Thiên nhân hợp nhất.**

Sau khi đã nói qua về những bậc thánh hiền đắc Thiên, đắc đạo, ta trở về quẻ Đại Hữu, với những lời bàn giải thực dụng, thực tế là làm thế nào trở nên giàu có, hùng mạnh.

I. Thoán.

Thoán Từ.

大 有 . 元 亨 .

Đại Hữu. Nguyên Hanh.

Dịch:

Quẻ Đại Hữu vì hay nên tốt.

Thoán Từ cho rằng vị quốc quân phải hoàn thiện, rồi ra công việc mới trôi chảy được (Nguyên hanh).

Thoán Truyện.

彖 曰 . 大 有 . 柔 得 尊 位 . 大 中 而 上 下 應 之 . 曰 大 有 . 其 德 剛 健 而 文 明 . 應 乎 天 而 時 行 . 是 以 元 亨 .

Thoán viết: **Đại Hữu. Nhu đắc tôn vị đại trung. Nhi thượng hạ ứng chi. Viết Đại Hữu. Kỳ đức cương kiện nhi văn minh.** Ứng hồ **thiên nhi thời hành. Thị dĩ nguyên hanh.**

Dịch. *Thoán rằng:*

Quẻ Đại Hữu: nhu cư tôn vị,

Ngôi đại trung muôn vẻ gồm thâu.

Dưới, trên, ứng hợp hồi đầu,

Trong lòng mạnh mẽ, ngoài mầu văn minh.

Thuận Trời, lại thi hành đúng lúc,

Thế cho nên hạnh phúc, hay ho.

Thoán Từ cho rằng vị quốc quân muốn trở nên hùng cường, phú hữu thực sự, cần phải được dân thương, dân tin và trọng, nghĩa là cần phải có uy tín đối vơi dân, từ như Hào Âm ở ngôi tôn cho chúng Dương, tức là chúng dân chầu về (**Nhu cư tôn vị đại trung. Nhi thượng hạ ứng chi. Viết Đại Hữu**). Ngự Án đề cao quan niệm cần phải đắc hiền tài, mới đi đến Đại Hữu. Như vậy cần phải có một vị nhân quân hư tâm há hiền, như vậy là lợi dụng được cái thông minh, kiến thức của thiên hạ, đó là đường đi tới Đại Hữu.

Chính quyền phải cương quyết và sáng suốt, phải viết thuận lòng dân, lòng Trời, phải biết cải biến theo Trời, luôn luôn theo được đà tiến hóa của thời gian và Lịch sử, để lèo lái con thuyền quốc gia cho hẳn hoi, cho vạn hảo, như vậy mới đi đến phú cường, mới được hanh thông mọi mặt **(Kỳ đức cương kiện nhi văn minh. Ứng hồ thiên nhi thời hành).**

Muốn cho nước phú cường, quân dân phải thực hiện được chữ Đại Hòa, Đại thuận; vua quan thì như tim óc, dân gian thời như tay chân, tuyệt đối tin cậy lẫn nhau, mới có thể thực hiện Đại Hữu, thực hiện phong doanh, cường thịnh.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 . 火 在 天 上 . 大 有 . 君 子 以 遏 惡 揚 善 . 順 天 休 命 .

Tượng viết. **Hỏa tại Thiên thượng. Đại Hữu. Quân tử dĩ át ác dương thiện. Thuận thiên hưu mệnh.**

Dịch. *Tượng rằng:*

Đại Hữu là lừ trên Trời,

Hiền nhân xấu dấu, lành thời tán dương.

(Cho đời thêm đẹp, thêm hương).

Đúng theo đường lối, chủ trương của Trời.

Đại Học viết: **Đức bản, tài mạt**. Cái đức hạnh mới là cái chí quý trong một nước, cho nên bậc Nhân quân phải biết cổ xúy thiện, đức nơi con người, và phải biết kiềm chế, ức chế tính xấu trong dân. Dân có tinh thần mạnh mẽ, nước mới phú cường, dân có tinh thần bệnh hoạn, nước sẽ suy bĩ.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 無 交 害 . 匪 咎 . 艱 則 無 咎 .

象 曰 . 大 有 初 九 . 無 交 害 也 .

Sơ Cửu. **Vô giao hại. Phỉ cữu. Gian tắc vô cữu.**

Tượng viết:

Đại hữu sơ cửu. Vô giao hại dã.

Dịch. Sơ Cửu:

Không sa đọa vào vòng tệ hại,

Thế là hay, là phải, lỗi chi.

Sống mà chẳng quản gian nguy,

Rồi ra sẽ khỏi điều chê, tiếng cười.

Tượng rằng;

Thuở Đại Hữu còn thời Sơ Cửu,

Không lâm vòng tệ hại nhiễu nhương.

Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách, nên nước chỉ phú cường khi mỗi người dân biết nhất quyết không bao giờ làm điều gì di hại cho kẻ khác, và không ngại gian khổ.

2. Hào Cửu Nhị.

九二. 大車以載. 有攸往. 無咎.

象曰. 大車以載. 積中不敗也.

Cửu nhị. **Đại xa dĩ tải. Hữu du vãng. Vô cữu.**

Tượng viết:

Đại xa dĩ tải. Tích trung bất bại dã.

Dịch.

Xe lớn sinh ra là để chở,

Phải làm gì, khỏi hổ với ai.

Tượng rằng: *Xe lớn chở chuyên,*

Chở đầy đức hạnh, há gì rủi ro.

Nước chỉ phú cường, nếu mỗi người có tài, có đức, đều sẵn sàng phục vụ quốc gia, cố lo nho mình trở nên người có thực tài, thực đức, gánh vác nổi được những nhiệm vụ giao phó, chứ không đến nỗi đức bất xứng kỳ vị, mà nếm mùi thất bại chua cay.

Thân hệ bang gia chung hữu dụng,

Thiên sinh hào kiệt mạc ưng hư.

(Nguyễn Công Trứ)

3. Hào Cửu tam.

九三. 公用亨于天子. 小人弗克.

象曰. 公用亨于天子. 小人害也.

Cửu tam. **Công dụng hưởng vu Thiên tử. Tiểu nhân phất khắc.**

Tượng viết:

Công dụng hưởng vu Thiên tử. Tiểu nhân hại dã.

Dịch.

Hào Cửu tam; Công hầu chức trọng

Vì quân vương triều cống, chẳng sai,

(Một lòng trung nghĩ, chẳng ngơi)

Tiểu nhân noi nổi gương người được sao.

Tượng rằng*: Công tước tuy cao,*

Vẫn vì Thiên tử, há nào riêng tây.

Tiểu nhân ở dịa vị này,

Âu đành họa hại, tự tay chuốc vời.

Nước chỉ phú cường, khi chư hầu, hay những người có một phương, một cõi, không có đầu óc sứ quân, mà chỉ dốc lòng tận trung, báo quốc, luôn luôn tâm nệm rằng mọi sự mình dùng, mình hưởng, đều là ơn vua, lộc nước.

4. Hào Cửu tứ.

九 四 . 匪 其 彭 . 無 咎 .

象 曰 . 匪 其 彭 . 無 咎 . 明 辨 晰 也 .

Cửu tứ. **Phỉ kỳ bành. Vô cữu.**

Tượng viết:

Phỉ kỳ bành vô cữu. Minh biện triết dã.

Dịch.

Hào Cửu tứ: giầu có mà không ỷ,

Không ỷ mình, ai kẻ kêu ca,

Tượng rằng*: giầu chẳng ỷ mình,*

Mới là thông suốt, liễu minh chuyện đời.

Nước chỉ hùng mạnh khi mà các bậc đại thần không có ỷ sang, ỷ thế; ở ngôi cao không lấy làm vinh, mà chỉ lo phục vụ dân, lo sao thực hiện được phú cường, thái thịnh cho đất nước. Thế mới là sáng suốt.

5. Hào Lục ngũ.

六五. 厥孚交如.威如;吉.

象曰. 厥孚交如.信以發志也.威如之吉.易而無備也.

Lục ngũ. **Quyết phu giao như. Uy như cát.**

Tượng viết:

Quyết phu giao như. Tín dĩ phát chí dã. Uy như chi cát. Dị nhi vô bị dã.

Dịch.

Hào Lục ngữ: thành tâm đối xử.

Lại uy nghi, muôn sự sẽ hay.

Tượng rằng*: Đối xử thành tâm,*

Phát huy được chí chúng nhân xa gần,

Uy nghi hay, mới vẹn phần

Khiến người chẳng dám lần khân, khinh thường.

Nước chỉ phú cường khi mà con người trên có đủ tài năng, đức độ, có đủ lòng thành tín, gây được sự tin tưởng cho dân, và có đủ uy nghi để dân kính phục. Có uy tín, bậc lãnh đạo dân mới thực thi

thái thịnh cho dân, cho nước được.

6. Hào Thượng cửu.

上 九 . 自 天 佑 之 . 吉 無 不 利 .

象 曰 . 大 有 上 吉 . 自 天 佑 也 .

Thượng Cửu. **Tự nhiên hựu chi. Cát. Vô bất lợi.**

Tượng viết:

Đại Hữu thượng cát. tự nhiên hựu dã.

Dịch.

Hào Thượng Củu: Trời cao phù hộ

Nên lợi, hanh, vẹn cả mọi bề.

Tượng rằng*: Đại Hữu trên hay,*

Là vì được sự tiếp tay của Trời.

Khi mà trong nước có đạo nghĩa hẳn hoi, dân chúng đua nhau theo điều hay, lẽ phải. Trên dưới một lòng cải tiến nhân sinh, cải tiến quốc gia, xã hội, để cho đời sống cộng đồng ngày thêm hoàn hảo, thêm thái thịnh, thì dĩ nhiên là thêm hoàn hảo, thêm thái thịnh, thì dĩ nhiên là theo đúng ý Trời. Đã thuận lòng Trời, dĩ nhiên là được Trời thương, Trời giúp, như vậy mà không hay sao được.

ÁP DỤNG QUẺ ĐẠI HỮU VÀO THỜI ĐẠI

Ngày nay, muốn tiến tới Đại Hữu, tức là tới phú cường, là phong thịnh, tới sự đồng tâm nhất trí của mọi người, là muốn chi đất nước giầu có, ta cần phải có một lành tụ anh minh, làm được cho mọi người nô nức, phấn khởi.

Lại nữa, mọi người cần phải có một khối óc sáng suốt, một tấm

thân mạnh mẽ, biết tổ chức, biết chịu đựng, biết các định luật của Trời đất, của vạn vật, ngõ hầu có thể chế ngự, khai thác được ngoại cảnh, phải đồng tâm, hiệp lực, tùy thời, tùy thế mà hành động, dưới sự dìu dắt khôn ngoan của vị Nguyên thủ. Khi mà mọi tổ chức đã tinh tế, đã hoàn hảo, thì còn lo gì mà mọi sự chẳng xuôi. vả lại, một nước giầu có không phải nguyên vì tài vật bên ngoài phong doanh, phú thịnh, mà chính vì dân trong nước có một tâm hồn khang kiện, theo đúng được định luật Trời đất, đi theo được đường ngay, nẽo chính.

Cho nên muốn đánh giá mức giàu có của một dân nước, chẳng những phải bắc cân gia; trị các tài nguyên, các kỹ nghệ, các vấn đề kinh tế bên ngoài, mà cần phải dựa vào tiêu chuẩn tinh thần, đức độ nữa.

Hơn nữa, mọi người dân cũng đều phải giỏi giang, tháo vát, phải cố gắng lao tác, thì nước nhà mới đi tới phúc cường được. Ta hãy nhìn xem nước Hoa Kỳ, nước Nhật bản hiện nay, mọi người dân làm việc hết sức chịu khó, siêng năng. Họ hợp tác chặt chẽ với Chính Phủ, và tuân theo mệnh lệnh của Chính phủ, đồng thời Chính phủ cũng giúp đỡ, khuyến khích con dân phát triển tài năng đến mức tối đa: Cấp học bổng, cho vay dài hạn tiền cho những sinh viên ưu tú để ăn học cho tới lúc thành tài, để có thể mang tài năng của mình mà đóngười góp cho quốc gia, xã hội. giúp đỡ các nhà bác học để họ có đủ phương tiện mà theo đuổi nghiên cứu, phát minh ra những sáng kiến, ngõ hầu có thể giúp ích cho nhân loại mai sau.

Tổ chức được một xã hội văn minh, tinh tiến, đoàn kết, phú cường như vậy, thực là một điều quý báu nơi trần gian, vì thế gọi là Đại Hữu.

15. 地 山 謙 ĐỊA SƠN KHIÊM

謙序卦Khiêm Tự Quái
有大者Hữu đại giả.
不可以盈,Bất khả dĩ doanh.
故受之以謙Cố thụ chi dĩ Khiêm.

Khiêm Tự Quái

Có nhiều, chớ có ỷ mình tự kiêu.

Quẻ Khiêm vì vậy tiếp theo.

Quẻ Khiêm là một quẻ tốt nhất trong kinh Dịch. Toàn thể quẻ từ Thoán đến Hào, toàn thấy Hanh, thấy Cát, thấy Lợi. Mới hay Thánh Hiền trọng nhất sự khiêm cung.

Quẻ Khiêm thủ nghĩa ở Hào Cửu tam và ở hình dung của quẻ: một Hào Dương tức là Dương Cương chi tài, mà chịu khuất lấp dưới Hào Âm, siêu việt như núi non mà chịu ẩn mình trong lòng đất, quán thế hiền tài mà sống thầm lặng trong lòng dân, giúp ích cho đời mà không khoe khoang nửa lời, nửa tiếng.

Quẻ Khiêm cũng còn nói lên một định luật hằng cửu của trời đất:

- Cái gì thấp (Khôn = Đất) sẽ được đưa lên cao.

- Cái gì cao (Cấn = Núi) sẽ bị hạ xuống thấp.

Ta thấy nơi quẻ Khiêm: Khôn là đất lại ở trên, Cấn là núi lại ở dưới. Tất cả quẻ Khiêm đều đề cao sự cần thiết và ích lợi của sự khiêm cung.

I. Thoán.

Thoán Từ.

謙：亨，君子有終。

Khiêm. Hanh. Quân tử hữu chung.

Dịch.

Khiêm là khiêm tốn, mới hay.

Việc người quân tử có ngày thành công.

Thoán Từ chủ trương Khiêm tốn rồi ra sẽ đem lại sự thành công mỹ mãn.

Thoán Truyện.

謙，亨，天道下濟而光明，地道卑而上行。天道虧盈而益謙，地道變盈而流謙，鬼神害盈而福謙，人道惡盈而好謙。謙尊而光，卑而不可踰，君子之終也。

Thoán viết. **Khiêm hanh. Thiên đạo hạ tế nhi quang minh. Địa đạo ti nhi thượng hành. Thiên đạo khuy doanh nhi ích Khiêm. Địa đạo biến doanh nhi lưu Khiêm. Quỷ thần hại doanh nhi phúc Khiêm. Nhân đạo ố doanh nhi hiếu Khiêm. Khiêm tôn nhi quang. Ti nhi bất khả du. Quân tử chi chung dã.**

Dịch. Thoán Truyện

Thoán rằng: Khiêm tốn mới hay.

Trời kia giúp dưới, nên đầy quang minh,

Đất kia chốn thấp, phận đành,

Thấp nên mới có công trình vươn cao.

Trời làm vơi chốn rồi rào,

Mà thêm vào những chỗ nào khiêm cung.

Đất soi mòn, bớt cao phong,

Để cho lòng biển, lòng sông thêm dày,

Quỷ thần hại kẻ no đầy,

Mà đem phúc lại cho người khiêm cung.

Người thường ghét kẻ thừa dùng,

Còn người khiêm tốn thật lòng, thời ưa.

Trên khiêm, thì sáng mãi ra,

Dưới khiêm, ai kẻ hơn ta được nào,

Khiêm cung, giữ vẹn trước sau,

Rồi ra, quân tử gót đầu hanh thông.

-Trên trời, thời mặt trời lên tới đỉnh đầu sẽ phải xế bóng, có lặn xuống lòng trời, thì mới có cơ tiến thăng. Mặt trăng tròn rồi lại khuyết, có vơi rồi lại đầy.

-Dưới đất, núi non thường bị soi mòn, mà lòng biển, lòng sông thời được bồi đắp thêm mãi.

-Trên đời ta thấy thịnh rồi lại suy, suy rồi lại thịnh, các tầng lớp người thay nhau hưởng phú quý, hoặc nếm phong trần, Nhung lụa thường cũng có lúc sa cơ, áo vải vẫn làm nên sự nghiệp. Y thức như Trời, Đất ghen ghét kẻ tài danh, kiêu ngạo, mà phù trợ những kẻ khiêm cung, tự lực, tự cường. Ca vịnh Magnificat cũng có đoạn đại khái như sau:

Xô kẻ quyền uy xuống khỏi ngôi,

Đem người khiêm tốn tới Quỳnh đài.

Hồng ân, đói khổ ban rào rạt,

Bạc mệnh, giàu sang phận khiến xui...

Nhân tình cũng thường ghét kẻ kiêu căng, mà thương người khiêm tốn. Có khiêm cung, đường đời mới được hanh thông, và cuối cùng mới được giàu có.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰.　地 中 有 山，謙；君 子 以 裒 多 益 寡，稱 物 平 施。

Tượng viết:

Địa trung hữu sơn. Khiêm. Quân tử dĩ biều đa ích quả. Xứng vật bình thi.

Dịch. Tượng rằng:

Núi trong lòng đất là Khiêm,

Hiền nhân, nhiều bớt, ít thêm, mới là,

Những gì chênh lệch, quá đà,

Sửa sang, thêm bớt, cho vừa, cho cân.

Tượng Truyện cho rằng: Người quân tử khi trị dân cũng phải biết hạn chế quyền uy, giảm bớt tài sản của những kẻ sang giầu, đồng thời cũng phải biết nâng đỡ, khuyến khích những kẻ khó nghèo, ngu muội, như vậy mới giữ được thế quân bình cho xã hội.

III. Hào từ & Tiểu tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初 六.　謙 謙 君 子，用 涉 大 川，吉。

象 曰：　謙 謙 君 子，卑 以 自 牧 也。

Sơ Lục. **Khiêm Khiêm quân tử. Dụng thiệp đại xuyên. Cát.**

Tượng viết:

Khiêm Khiêm quân tử. Ti dĩ tự mục dã.

Dịch.

Quân tử khiêm cung, thế tốt rồi.

Vượt qua sông lớn dễ như chơi.

Tượng rằng: *Quân tử khiêm nhường,*

Nhún mình cốt để lo lường tu thân.

Các Hào bàn đến sự lợi ích của sự khiêm cung, cũng như phải khiêm cung thế nào cho hay, cho phải.

Hào Sơ bàn đến sự khiêm cung, nhũn nhặn của người quân tử, khi còn ở địa vị thấp; và cho rằng, nhờ sự khiêm cung ấy, sẽ lướt thắng được mọi sự khó khăn, sẽ dễ dàng tu thân, tu đạo.

2. Hào Lục nhị.

六二.　　鳴謙，貞吉。

象曰：　鳴謙貞吉，中心得也。

Lục nhị. **Minh Khiêm. Trinh cát.**

Tượng viết:

Minh Khiêm trinh cát. Trung tâm đắc dã.

Dịch.

Lục nhị khiêm cung hiện ra ngoài,

Ôn tồn ăn nói, tốt mấy mươi.

Tượng rằng: *Khiêm hiện ra ngoài,*

Là vì trong đã đầy rồi, phát ra.

Hào hai dạy rằng: Khiêm cung phải làm sao cho thành khẩn, trung thực để sự khiêm cung ấy được thể hiện một cách tự nhiên vào lời ăn, tiếng nói.

3. Hào Cửu tam.

九三.　勞謙，君子有終，吉。

象曰：　勞謙君子，萬民服也。

Cửu tam. **Lao Khiêm quân tử. Hữu chung. Cát.**

Tượng viết:

Lao Khiêm quân tử. Vạn dân phục dã.

Dịch.

Công lao chất ngất, lại khiêm cung,

Quân tử làm nên việc đến cùng.

Lao Khiêm như vậy, có hay không.

Tượng rằng: *Công lớn, lại Khiêm,*

Làm cho dân chúng mọi miền, phục tuân.

Hào ba là Hào Dương duy nhất, lại cũng là chủ Hào, tượng trưng người quân tử công đức cao dầy với dân, với nước, mà vẫn khiêm cung một dạ, khiến cho mọi người phải khâm phục. Các nhà bình giải đã mang Hào này để tượng trưng cho vua Hạ Võ, hay Chu Công.

Hạ Võ ra tài trị thủy, đem thái thịnh lại cho chúng dân, mà vẫn không khoe công, cậy tài, cậy giỏi.

Chu Công trong thì phò ấu chúa, ngoài thì trị bình thiên hạ, mà vẫn một mực khiêm cung, một lòng vì vua, vì nước, không bao giờ để cho huyễn tượng công danh, lợi lộc lay chuyển được lòng trung nghĩa, sắt son. Lời lẽ này chẳng khác lời lẽ Thoán Từ bao nhiêu.

4. Hào Lục tứ.

六四.　無不利，撝謙。

象 曰： 無 不 利，撝 謙；不 違 則 也。

Lục tứ. **Vô bất lợi. Vi Khiêm.**

Tượng viết:

Vô bất lợi vi Khiêm. Bất vi tắc dã.

Dịch. Lục tứ:

Đức Khiêm hãy phát huy.

Rồi ra ích lợi chẳng thiếu gì.

Tượng rằng: *Khiêm tốn cho hay,*

Đừng Khiêm thái quá, phải tày phép khuôn.

Hào tứ dạy rằng: Khi ở vào bậc trọng thần, phải khiêm cung, thành khẩn, nhất là khi trên mình còn có một vì vua khiêm cung đức độ, dưới mình có một công thần quán chúng mà không kiêu ngạo, cậy mình. Khiêm cung nhưng đúng mực, không a dua, nịnh hót.

5. Hào Lục ngũ.

六 五. 不 富 以 其 鄰，利 用 侵 伐，無 不 利。

象 曰： 利 用 侵 伐，征 不 服 也。

Lục ngũ. **Bất phú dĩ kỳ lân. Lợi dụng xâm phạt. Vô bất lợi.**

Tượng viết:

Lợi dụng xâm phạt. Chinh bất phục dã.

Dịch.

Chẳng ỷ giầu sang, được láng giềng,

Có khi chinh phạt, vẫn là nên.

Tượng rằng: *Chinh phạt cũng nên,*

Để ai chưa phục. phục quyền mới hay.

Hào năm dạy rằng: Khiêm cung không phải là Nhu nhược, như ở ngôi vị quân vương mà có những dân man, di, Nhung, địch không chịu qui phục mình, thì cũng nên dùng đến uy vũ mà chinh thảo, như vua Thuấn đánh Miêu, vua Võ dẹp Hung Nô vậy.

6. Hào Thượng Lục.

上六.　鳴謙，利用行師，征邑國。

象曰：　鳴謙，志未得也。可用行師，征邑國也。

Thượng Lục. **Minh Khiêm. Lợi dụng hành sư. Chinh ấp quốc.**

Tượng viết:

Minh Khiêm. Chí vị đắc dã. Khả dụng hành sư. Chinh ấp quốc dã.

Dịch.

Thượng Lục: Khiêm cung hiện ra ngoài.

Dẹp loạn khi cần, lợi hẳn thôi.

Tượng rằng: *Khiêm hiện ra ngoài,*

Ước nguyền chưa được vẹn mười thỏa thuê,

Tảo thanh trong xứ, ngoài quê,

Xuất sư chinh phạt, cũng khi phải dùng.

Hào Thượng Lục dạy thêm rằng: Khiêm cung nhưng phải khiêm cung cho lý sự, chứ không phải khiêm cung đến mức độ yếu mềm, hèn hạ. Khiêm cung nhưng lúc cần ra uy vũ, dẹp loạn, thì vẫn **xuống Đông, Đông tĩnh, lên Đoài, Đoài yên.**

ÁP DỤNG QUẺ KHIÊM VÀO THỜI ĐẠI

Bất cứ ở vào Thời đại nào, sự Khiêm cung cũng là một đức tính, mà mỗi người trong chúng ta đều nên có. Khiêm cung là cơ vi của sự tồn vong, suy thịnh.

Ở đời có cố gắng mới thành công, có thận trọng mới tránh được họa, có chịu thu phục lòng người, mới có nhân tài cộng tác. Cho nên tương lai chỉ để dành cho những người có lý tưởng để vươn lên, có mục phiêu để đạt tới, tức là cho những người còn thấy mình khuyết điểm chưa hoàn bị. Còn những người tự hào, tự mãn, sống kiêu sa, cao ngạo, tự thị, khinh người, thì thế nào cũng đi vào con đường suy bại.

Các Thánh Hiền xưa nay, không phân Đạo giáo, đều tôn trọng đức Khiêm cung.

Nếu chúng ta có đức Khiêm cung:

-Trong gia đình, thì cha mẹ vui lòng, anh em hòa thuận, vợ chồng êm ấm.

-Ngoài xã hội, thì được lòng người, dễ làm ăn hơn.

-Về phương diện Quốc gia, nếu người lãnh đạo mà có đức Khiêm cung, thì dễ thu phục lòng người, và sẽ có nhiều nhân tài tới cộng tác với mình hơn.

16. 雷 地 豫　LÔI ĐỊA DỰ

豫序卦Quái
有大而能謙Hữu đại nhi năng Khiêm.
必豫Tất Dự.
故受之以豫Cố thụ chi dĩ Dự.

Dự Tự Quái

Có, mà khiêm tốn, mới nhiều hân hoan.

Cho nên quẻ Dự tiếp luôn.

Quẻ Dự bao quát nhiều vấn đề:

1-Tự Quái đề cập đến sự hòa lạc của dân nước, khi đã đạt tới phong doanh, thái thịnh.

2- Ca tụng công lao của vị trọng thần làm cho dân được thái hòa, an lạc.

3- Hướng ta về công chuyện khảo cứu nhạc lý để áp dụng vào chính trị, dạy người cầm quyền biết cách xử sự, hoạt động đúng theo luật Trời, theo đúng ý dân, để dân được vui thỏa, dạy cho ta biết ý nghĩa sâu xa của chính trị, là đưa dân lên đến tinh hoa, là chau chuốt tâm hồn dân con trở nên thanh lịch, để cùng nhau tấu lên một khúc nhạc thái hòa.

Theo quái đức, ta thấy Dự trên là Lôi, là Động, dưới là Khôn là Thuận. Người xưa đọc thành**Thuận dĩ động.** Do đó, phát sinh ra hai nguyên tắc chính:

a) Người cầm quyền bất kỳ làm gì, cũng phải thuận tình, thuận lý, như thế mới làm cho dân được vui thuận.

b) Phải làm sao cho dân tự nguyện đóng góp vào công cuộc kiến thiết quốc gia.

Theo quái tượng, Dự trên có Lôi là Sấm, dưới có Khôn là Đất, như Sấm đầu xuân, kích thích lòng muôn vật để cho sinh khí rạt rào, sống một cuộc sống mới, đẹp như ánh xuân. Thánh Vương cai trị cũng muốn làm rung động lòng người, làm sinh khí rào rạt trong tâm hồn mọi người. Vì thế nên chế ra vũ, nhạc, để hướng nghệ thuật cai trị lên tới tuyệt luân, tuyệt đỉnh. Nhạc chính là sự hỗn hợp của trời đất, sự đồng điệu của Âm Dương, và sự vui chung của quân thần, phụ tử và dân chúng nơi nơi.

Chữ Nhạc đây không phải là ca nhạc không, mà gồm cả ca nhạc và nhạc vũ. Nhạc ký viết: Chuông, trống, sáo, khánh, vũ thược, can, qua là những nhạc khí. Co, ruỗi, ưỡn, khom, chụm, tỏa, nhanh, chậm, là nhạc văn.

Nói cách khác, nhạc gồm: Thi, ca, nhạc, vũ. Nhạc là sự phối hợp của thanh âm, mầu sắc, tiết tấu, chuyển động để mà kích thích, di dưỡng tâm thần con người.

-Thời cổ Trung Hoa: Về **Nhạc khí,** người ta dùng 8 nguyên liệu mà chế ra:

1) Cách = Da súc vật như trâu, bò v v...làm trống.

2) Bầu = Quả bầu để khô làm Sênh, Hoàng, Vu.

3) Trúc, gồm những loại Quản, Sáo như: Trì, Địch, Thược, Tiêu, Quản.

4) Mộc = Gỗ, gồm các loại: Chúc, Ngữ.

5) Ti = Sợi tơ, gồm các loại đàn: Cầm, Sắt, Không hầu, Tỳ bà, Trúc.

5) Thổ = Đất, gồm các loại: Huân, Phữu.

6) Kim = Kim khí, gồm các loại Chuông, Trống, Não bạt.

7) Thạch = Đá, gồm các loại Khánh: Ngọc, Thạch, Đại, Biên, Sanh, Tụng.

Về **Vũ khí,** có Mao, Vũ, Can, Thích, Múa Văn dùng Mao. Múa Võ dùng Can, Thích.

Như vậy, trong trời đất bất kỳ thứ gì nếu được tinh luyện, chế hoá cũng có thể trở nên thanh kỳ, và góp phần vào khúc đại hòa tấu của vũ trụ.

I. Thoán.

Thoán Từ

豫：利建侯行師。

Dự. Lợi kiến hầu hành sư.

Dịch.

Dự là hứng chí, hứng tâm.

Lập hầu cũng tốt, ra quân cũng lời.

Thoán Truyện.

豫，剛應而志行，順以動，豫。豫，順以動，故天地如之，而況建侯行師乎？天地以順動，故日月不過，而四時不忒；聖人以順動，則刑罰清而民服。豫之時義大矣哉！

Thoán viết: Dự. Cương ứng nhi chí hành. Thuận dĩ động. Dự thuận dĩ động. Cố thiên địa như chi. Nhi huống kiến hầu hành sư hồ. Thiên địa dĩ thuận động. Cố nhật nguyệt bất quá. Nhi tứ thời bất thắc. Thánh nhân dĩ thuận động. Tắc hình phạt thanh nhi dân phục. Dự chi thời nghĩa đại hĩ tai.

Dịch.

Dự là hứng chí, hứng tâm,

Cương, Nhu ứng hợp, muôn lòng hòa vui.

Thuận tình, hành động êm xuôi,

Thuận tình hành động, đất trời cũng ưa.

Đất trời còn chẳng phôi pha,

Thời chi dựng nước, với là ra quân.

Đất trời thuận lý xoay vần,

Cho nên nhật nguyệt, hai vầng vững y.

Tứ thời cũng chẳng sai đi,

Thánh nhân hành động, hợp nghì mới nên.

Thuận theo đạo lý, một niềm.

Chẳng cần ráo riết, dưới trên phục tòng.

Dân vui, dân phục thong dong.

Làm dân thuận phục, nên công cao vời.

Thoán cho rằng: Người trên mỗi khi thi hành phận sự phải thuận lý, thuận thiên, thuận thời, thuận nhân tâm, và thuận cảnh **(Thuận dĩ động)**. Hơn nữa, muốn cho dân thi hành công tác gì cũng phải làm sao cho họ vui thuận mà làm, chứ không phải miễn cưỡng mà làm**(Thuận dĩ động).**

Người trên muốn dân phục, phải có một đời sống thanh cao, đạo đức, một dạ vì dân, vì nước, xót thương lê thứ, tránh mọi sự hà khắc, nhũng nhiễu dân, mà chỉ muốn dân giàu có, vui sướng, an hòa. Được vậy, dân sẽ phục. **Dịch** nói vắn tắt: **Thiên địa dĩ thuận động... dân phục.** Thánh nhân cho rằng: khi dân đã có đủ ăn, đủ mặc , mà nghĩ đến sự giáo hóa, sự tinh luyện tâm thần dân, để đem lạc thú, hạnh phúc cho dân, thì cao siêu biết bao**(Dự chi thời nghĩa đại hỹ tai).**

II. Đại Tượng Truyện.

象曰. 雷出地奮，豫。先王以作樂崇德，殷荐之上帝，以配祖考。

Tượng viết: Lôi xuất địa phấn. Dự. Tiên vương dĩ tác nhạc sùng đức. Ân hiến chi Thượng Đế. Dĩ phối tổ khảo.

Dịch. Tượng rằng:

Dự là đất chuyển, sấm rung,

Tiên vương tác nhạc, tôn sùng đức cao.

Ơn trời, tấu khúc tiêu tao,

Tình thâm tổ khảo, gửi vào nhã ca.

Tượng cho rằng: Trị dân là phải biết cổ võ lòng dân, kích động lòng dân theo chính nghĩa, chính đạo, biết sống một đời sống linh hoạt, vui tươi, dào dạt sinh khí như vạn vật đầu xuân, nhờ sấm động mà bừng tỉnh giấc đông miên.

Trời lấy sấm động, làm rung lòng đất, và rung lòng vạn vật, đem sinh khí lại cho muôn vật, thì Thánh nhân cũng chế nhạc để ca tụng đạo đức, làm rung động lòng thần minh, tiên tổ và lòng muôn dân, để sinh khí rạt rào khắp vũ trụ, hòa khí lan tỏa khắp muôn phương.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初六.　鳴豫，凶。

象曰：　初六鳴豫，志窮凶也。

Sơ Lục. Minh Dự. Hung.

Dịch.

Vui mà để lộ ra ngoài,

Khoe vui, khoe sướng với đời hay chi.

Tượng rằng:

Hào Sơ vui lộ ra ngoài,

Vênh vang tự đắc với đời hay chi?

Hào Sơ cho rằng: mới vui, mới sướng, mà đã cuống cuồng, không tự chủ được, toe toét, huyênh hoang, thì thế nào cũng hỏng, vì thế nào cũng nghĩ đến hưởng thụ, cho nên sa đọa.

2. Hào Lục nhị.

六二.　介于石，不終日，貞吉。

象曰：　不終日，貞吉；以中正也。

Lục nhị. Giới vu thạch. Bất chung nhật. Trinh cát.

Tượng viết:

Bất chung nhật trinh cát. Dĩ trung chính dã.

Dịch.

Vững vàng như đá, há đâu thay,

Chẳng cần suy tính đến trọn ngày,

Cương kiên, thiết thạch thêm sung mãn,

Minh mẫn, Cương kiên, thế mới hay.

Tượng rằng: Chẳng cứ cả ngày,

Chính trung nên tốt, nên hay lâu dài.

Hào hai dạy rằng: Khi đã được thoải mái, không được buông thả tâm thần, phải biết trì chí luyện tâm, theo đường đạo lý, lòng dạ sắt son, không để cho dục tình lôi cuốn, đã định làm điều hay, phải làm cho ngay, cho gấp. Tức là trong hoàn cảnh sung mãn, mà vẫn giữ được chính lý, chính đạo, vẫn Cương kiên, thiết thạch, không ủy mị, kiêu sa. Như vậy mới là hay.

3. Hào Lục tam.

六三.　盱豫，悔。遲有悔。

象 曰： 盱 豫 有 悔，位 不 當 也。

Lục tam. Hu dự hối. Trì hữu hối.

Tượng viết:

Hu Dự hữu hối. Vị bất đáng dã.

Dịch.

Hay chi ngửa mặt, cầu vui,

Ỷ thần, ỷ thế của người hay chi.

Hào ba cho rằng: những kẻ vô tài, vô đức, bất trung, bất chính dựa vào địa vị, cậy quyền, cậy thế người mà dương dương tự đắc, vênh váo, hân hoan, thì cái vui ấy có ra gì. Biết mình sống trong những thú vui giả tạo, trong dật lạc sa đọa, mà lần lữa sống đoạn tháng, qua ngày, không chịu thay đổi nếp sống, như vậy hỏi có ra chi?

4. Hào Cửu tứ.

九 四. 由 豫，大 有 得。勿 疑。 朋 盍 簪。

象 曰： 由 豫，大 有 得；志 大 行 也。

Cửu tứ. Do Dự. Đại hữu đắc. Vật nghi. Bằng hạp trâm.

Tượng viết:

Do Dự đại hữu đắc. Chí đại hành dã.

Dịch.

Do mình thiên hạ được vui,

Khá đem chí lớn, giúp đời, giúp dân.

Đừng nghi chẳng có tay chân,

Bạn bè như tóc, theo trâm hội về.

Tượng rằng:

Nhờ ta thiên hạ được vui,

Càng cao trí cả, vì đời thi vi.

Hào tứ chủ trương như Thoán Từ rằng: nếu mình là trọng thần, mà ngày đêm lo đem lại an vui cho quốc dân, thì thực là một điều đại hạnh, đại bảo, còn gì mà phải nghi nan, phải sợ sệt. Chúng dân sẽ theo về mình, như tóc theo trâm, đó là trường hợp Chu Công, Y Doãn, Phó Duyệt, Đại Vũ, những bậc đại nhân như vậy, sẽ vì sự an lạc cho dân, mà lập những đại công, đại nghiệp, như ta thấy: Vũ trị Hồng Thủy, Y Doãn phạt Kiệt, Chu Công đông chinh.

5. Hào Lục ngũ.

六五. 貞疾，恆不死。

象曰： 六五貞疾，乘剛也。恆不死，中未亡也。

Lục ngũ. Trinh tật. Hằng bất tử.

Tượng viết:

Lục ngũ trinh tật. Thừa Cương dã. Hằng bất tử. Trung vị vong dã.

Dịch:

Lục ngũ giống như người có tật,

Ốm lắt leo, mà chẳng chết cho.

Tượng rằng: Lục ngũ ốm lâu,

Vì là đã cưỡi lên đầu Dương Cương,

Dằng dai, vẫn sống vất vương,

Dằng dai, vì vẫn thời thường ngôi trung.

Hào ngũ cho rằng: khi nước đã thái bình, mà vua chuyên hưởng lạc, thì có khác nào một người mắc bệnh kinh niên, nan trị, sống lay, sống lắt đâu. Lúc ấy, còn hay mất, sống hay chết, không còn do vua quyết định. Quyền thần mà trung, thì ngôi vua còn, quyền thần mà phản, thì ngôi vua mất.

6. Hào Thượng Lục.

上六. 冥豫，成有渝，無咎。

象曰：冥豫在上，何可長也。

Thượng Lục. Minh Dự. Thành. Hữu du. Vô cữu.

Tượng viết:

Minh Dự tại thượng. Hà khả trường dã.

Dịch.

Vùi đầu mê hưởng cuộc vui,

Nếu như biết sửa, vậy thời lỗi chi.

Tượng rằng: Mê mải cuộc vui.

Chênh vênh, ngất ngưởng, lâu dài làm sao?

Hào Thượng cho rằng: Một con người đang say đắm trong hoan lạc, mà biết hồi đầu, tu chính, trở về với đạo lý, sống một cuộc đời thanh cao, thì có gì đáng trách đâu. Nhược bằng cứ vùi đầu trong hoan lạc. thì làm sao mà trường cửu được?

ÁP DỤNG QUẺ DỰ VÀO THỜI ĐẠI

Trong Kinh dịch, thì quẻ Lý nói về Lễ, quẻ Dự nói về nhạc. Ta nên biết, Nhạc hết sức quan trọng đối với vua chúa xưa, vì nó kích động và thanh lịch hóa tâm thần, nên các trường đều phải học nhạc. Mỗi triều đại, lại có một khúc nhạc tiêu biểu cho chí hướng, hoài bão và công trình của triều đại.

1.) Thời Hoàng Đế, có nhạc khúc **Hàm Trì**, ý muốn nói vua *đã làm cho đạo đức phát huy*, phát triển được khắp nơi.

2.) Nghiêu có nhạc **Đại Chương**, ý nói lên l*òng mong muốn cho nhân nghĩa đại hành*, phát độ chương minh.

3.) Đế Khốc có nhạc **Lục Anh**. Chuyên Húc có nhạc **Ngũ Hành**.

4.) Thuấn có nhạc T**iêu thiều**. Thiều là kế tục, ý nói vua Thuấn muốn tiếp tục con đường của vua Nghiêu.

5.) Đại Võ có nhạc **Đại Hạ**, ý nói vua Đại Võ nối tiếp về đường lối của hai vua Nghiêu, Thuấn, muốn cho thiên hạ được thái bình.

6.) Nhà Ân có nhạc **Đại Hội**, ý nói nhà Ân sẽ cố phục hưng, bảo hộ nền đạo đức của các Thánh Vương xưa.

7.) Nhà Chu có nhạc **Đại Chước**, cũng gọi là Đại Vũ, ý nói sẽ châm chước để luôn theo đường lối của hai vua Văn, Võ. Thế mới hiểu rằng: Người xưa mượn lời thơ, để nói lên chí hướng và hoài bão của mình, rồi phổ vào ca, nhạc, vũ, để lời thơ trở nên bất diệt, hoài bão mình trở nên quảng thi, quảng diễn, nhờ đó ảnh hưởng sâu xa đến quần chúng. Người xưa cho rằng: xét Thanh thì biết Âm, xét Âm thì biết Nhạc, xét Nhạc thì biết cách trị dân, trị nước.

Nay, trở về với dân tộc ta, ta sẽ nhận thấy tinh thần, ý chí của dân tộc đều có thể nhận thấy trong lời nhạc, ý thơ..

Hồi tiền chiến (trước năm 1939), dân tộc ta còn sống trong vòng nô lệ của Thực Dân Pháp, lòng người dân, một phần ngơ ngác như con nai vàng lạc trong rừng hoang, một phần tìm được lối đi, nhưng không hẹn ngày trở lại, để vợ con mong mỏi ngày đêm. Tình trạng này, được nhạc sĩ Lưu Trọng Lư diễn tả trong tập thơ **Tiếng Thu** của ông, và năm 1939 đã phổ thành nhạc, và đã nổi tiếng một thời.

Em không nghe mùa thu,

Dưới trăng mờ thổn thức.

Em không nghe rạo rực,

Hình ảnh kẻ chinh phu,

Trong lòng người cô phụ.

Em không nghe rừng thu,

Lá thu kêu xào sạc.

Con nai vàng ngơ ngác,

Đạp trên lá vàng khô.

Cuối năm 1945, sau khi Việt Minh cướp chính quyền, lòng dân vùng dậy, khí thế hăng say, được thể hiện trong bài Anh hùng ca của nhạc sĩ Phạm Duy:

Ngày bao hùng binh tiến lên,

Bờ cõi vang lừng câu Quyết chiến. . .

Tóm lại, ta có thể nói: Thơ & Nhạc là linh hồn dân tộc vậy. Ngày nay, ta thấy Thơ & Nhạc đi vào chỗ ủy mị. Thật là không nên vậy!

17. 澤 雷 隨 TRẠCH LÔI TÙY

隨序卦：Quái
豫必有隨，Tùy.
故受之以隨Tùy.

Trạch Lôi Tùy

Hân hoan hòa dự, thì thường người theo,

Quẻ Tùy vì thế nối điêu...

I. Tùy với chữ Thời.

Quẻ Tùy là một trong 12 quẻ Dịch bàn về chữ Thời. Vì thế nơi quẻ Tùy, ta hãy duyệt lại vấn đề chữ Thời, vấn đề thời gian trong Kinh Dịch, cũng như trong cuộc đời...

Có thể nói được rằng thời gian sinh ra là do sự biến dịch, chuyển dịch của vạn hữu.

-Trước tiên, tinh cầu và địa cầu chuyển dịch trên vòm trời, tạo nên tháng năm và tuần tiết: đó là Thời gian thiên văn.

-Các tế bào trong người ta sinh sinh, hóa hóa, lúc thịnh, lúc suy, lúc tụ, lúc tán, cũng tạo nên một thứ thời gian: đó là Thời gian tuổi tác.

-Tâm hồn ta chuyển dịch, biến thiên, vui vui, buồn buồn, lúc thì bừng sáng như bình minh, lúc thì ảm đạm như bóng tối. Sự chuyển dịch ấy cũng tạo nên một thứ thời gian: đó là Thời gian tâm lý. Thời gian đó co giãn không chừng, vì nếu vui thì: *ngày vui ngắn chẳng tầy gang.* Nếu mà buồn bã, hoặc nhớ Nhung, hay mong đợi, khắc khoải thì *một ngày đằng đẵng xem bằng ba thu.*

-Tâm tư, chí hướng, dân tình của mỗi dân, mỗi nước cũng biến thiên, tạo nên một thứ thời gian mới, là Thời gian lịch sử. Thời gian như là động cơ, mà không gian như là môi trường chuyển dịch. Thời gian, không gian cũng có thể nói chung là *hoàn cảnh,* mà tâm hồn ta sẽ băng qua trên lộ trình đi tìm chân lý, hay nói cách khác, trên *lộ trình thực hiện con người chân thực của ta.*

II. Tùy với hai chữ: Tùy thời.

Bây giờ, ta trở về quẻ Tùy để giảng rộng 2 chữ Tùy thời. Như trên đã nói, thời gian chỉ là những giai đoạn, những công cụ, những điều kiện cần thiết để chúng ta đào luyện xác thân, trí não, tâm thần, để con người chúng ta trở nên hoàn hảo, toàn chân, toàn mỹ. Như vậy, ta cần phải xác định mục tiêu, và chí hướng của ta, sau đó phải biết quyền biến, tùy thời, xử thế, tùy nghi tiến thoái, để thực hiện mục tiêu ấy.

III. Tùy áp dụng vào nghệ thuật trị dân

Xã hội chẳng qua chỉ là một tập thể của con người. Cái tập thể ấy, không nên dùng những luật pháp vô nhân, những biện pháp hà khắc để cai trị. Trái lại, phải tổ chức sao cho mọi người đều nhận định ra được thiên chân, thiên lý, nhận định ra rằng mỗi người sinh ra, kẻ nhanh, người chậm, đều cốt là tạo cho mình một đời sống lý tưởng, gồm đủ Chân, Thiện, Mỹ.

I. Thoán.

Thoán Từ.

隨：元 亨 利 貞，無 咎。

Tùy. Nguyên hanh. Lợi trinh. Vô cữu.

Dịch.

Tùy kia cao trọng biết bao,

Hanh thông, lợi ích, bề nào cũng hay.

Nếu mà theo trọn đường ngay,

Thời Tùy mới khỏi mỉa mai miệng đời.

Phương châm thứ nhất: Phải lấy Chân, Thiện, Mỹ, làm mục tiêu để vươn lên, phải lấy sự công chính làm cùng đích để đạt tới, rồi ra cuộc đời của mọi người cũng được hanh thông, cũng được lợi ích thật sự.

Thoán Truyện.

隨，剛來而下柔，動而說，隨。大亨貞，無咎，而天下隨時，隨之時義大矣哉！

Thoán viết:

Tùy. Cương lai nhi há Nhu. Động nhi duyệt tùy. Đại hanh trinh vô cữu. Nhi thiên hạ tùy thời. Tùy thời chi nghĩa đại hỹ tai.

Dịch. Thoán rằng:

Cứng xuống dưới mềm,

Đây vừa tác động, kia liền vui theo,

Dưới trên, hòa xướng, thương chiều.

Thời hay mãi mãi, khỏi điều chê bai,

Nếu mà thiên hạ tùy thời,

Tùy thời *mà hiểu, lớn thôi không chừng.*

Tùy thời dẫu sao cũng vô cùng quan trọng, vì nhờ thời gian và hoàn cảnh, với tất cả sự thách đố cam go của chúng, mà cốt cách của mỗi người, theo đà thời gian, dần dà sẽ được minh định bằng tầm hiểu biết, bằng cái yêu, cái ghét, cái thích thú đặc biệt của mỗi người; niềm tin tưởng, chí hướng, và sự quyết tâm thực hiện chí hướng ấy của mỗi người **(Tùy thời chi nghĩa đại hỹ tai).**

II. Đại Tượng Truyện.

象曰. 澤中有雷，隨；君子以嚮晦入宴息。

Tượng rằng:

Trạch trung hữu lôi. Tùy. Quân tử dĩ hướng hối nhập yến tức.

Dịch. Tượng rằng:

Trong hồ, sấm lặng là Tùy,

Hiền nhân tối đến, lo về nghỉ ngơi.

Như vậy, nhà vua cai trị dân không phải bằng ý riêng mình, mà chính là bằng ý Trời. Đem luật Trời hằng cửu mà ban cho dân, đem lý tưởng toàn thiện mà làm mục tiêu để cùng nhau tiến tới. Được như vậy là **Tùy Thiên, Thuận Thiên.**

Phương châm thứ hai: Bậc lãnh đạo dân là phải biết tùy theo ý muốn của toàn dân, vì dân đã muốn tức là Trời muốn, dân đã muốn tức là Trời sẽ theo, nhẽ nào nhà lãnh đạo dân đi ngược lại. Đó cũng là chủ trương của Đại Học. Đại Học viết: Vui sướng thay bậc quân tử, cha mẹ dân, dân ưa thích điều gì, nhà cầm quyền cũng ưa thích theo; dân chán ghét điều gì, nhà cầm quyền cũng chán ghét theo, vì biết thuận theo dân tâm, đó mới gọi là cha mẹ dân vậy.

Sướng thay là bậc trị dân,

Cùng dân yêu ghét, muôn phần chẳng sai,

Đáng làm cha mẹ muôn người. (Đại Học, X)

Mà ước muốn của dân thật là giản dị, làm sao có được một đời sống bình an, sung túc, đầm ấm, thuận hòa, không bị quấy nhiễu, bóc lột, tóm lại sống một cuộc đời đáng sống, không phải thở than, phải xót xa, phải cay đắng, cơ cực. Trị dân mà thuận lòng dân như vậy, thì bất kỳ đề xướng chuyện gì dân cũng vui theo, vì họ biết đó là vì họ, vì quyền lợi của con cháu họ sau này.

Phương châm thứ ba: Trị dân phải biết bắt chước Trời mà hành sự, lúc cần động thì động, cần tĩnh thì tĩnh, không bắt dân làm gì trái thời tiết, để cho dân luôn sống hòa mình cùng đại khối vũ trụ.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初九.　官有渝，貞吉。出門交有功。

象曰：　官有渝，從正吉也。出門交有功，不失也。

Sơ Cửu. **Quan hữu du. Trinh cát. Xuất môn giao hữu công.**

Tượng viết:

Quan hữu du. Tòng chính cát dã. Xuất môn giao hữu công. Bất thất dã.

Dịch. Sơ Cửu:

Người trên đổi cảnh ở ăn,

Luôn theo lẽ chính, mới rằng là hay

Ra đời xử thuận với đời,

Chiều lòng đại chúng, ắt thời công lao.

Tượng rằng: *Trên có đổi thay,*

Để theo lẽ chính, nên hay đã đành.

Hào Sơ cho rằng: Trị dân phải có phương châm cao cả, là luôn luôn theo lẽ chính, theo chính đạo, theo lý tưởng. Trị dân mà lâng lâng vẹn sạch niềm tây, treo gương chính nghĩa, tùy thuận nhân tâm, thì còn gì hay hơn.

2. Hào Lục nhị.

六二.　系小子，失丈夫。

象曰：　系小子，弗兼與也。

Lục nhị. **Hệ tiểu tử. Thất trượng phu.**

Tượng viết:

Hệ tiểu tử. Phất kiêm dữ dã.

Dịch.

Nếu mà vương lấy kẻ hèn,

Thế nào cũng mất ngưởi hiền, người hay.

Tượng rằng: *Vương lấy kẻ hèn,*

Được đây , mất đó hai bên chẳng cùng.

Hào hai cho rằng: người trị dân có hai con đường thuận nhân tâm. Một là theo bầy bọn tiểu nhân, theo thị dục, thị hiếu của chúng, thì sẽ mất lòng những người quang minh, chính đại, những người hiền lương. Hai là theo đường lối người quân tử, như vậy sẽ mất lòng tiểu nhân. Không thể nào được lòng cả đôi bên được.

3. Hào Lục tam.

六三. 系丈夫,失小子。隨有求得,利居貞。

象曰: 系丈夫,志舍下也。

Lục tam. **Hệ trượng phu. Thất tiểu tử. Tùy hữu cầu đắc. Lợi cư trinh.**

Tượng viết:

Hệ trượng phu. Chí xả hạ dã.

Dịch.

Bậc trượng phu, nếu mình giữ lấy,

Kẻ tiểu nhân thấy vậy sẽ xa.

Theo người, muốn sẽ được mà,

Ở ăn chính đáng, mới là lợi lâu

Tượng rằng: *Giữ lấy trượng phu,*

Rắp lòng bỏ kẻ hạ ngu đã đành.

Còn như thuận theo ước vọng của những người hiền lương, công chính, thì những kẻ gian tà sẽ lánh mặt xa.

Theo được đường lối này, phải cho Cương quyết, bền gan, sau sẽ hay, sẽ lợi, vì có thể cảm hóa được những bọn tiểu nhân, tà ngụy.

4. Hào Cửu tứ.

九四.　隨有獲，貞凶。有孚在道，以明，何咎。

象曰：　隨有獲，其義凶也。有孚在道，明功也。

Cửu tứ. **Tùy hữu hoạch. Trinh hung. Hữu phu tại đạo. Dĩ minh. Hà cữu.**

Tượng viết:

Tùy hữu hoạch. Kỳ nghĩa hung dã. Hữu phu tại đạo. Minh công dã.

Dịch.

Chiều dân, dân sẽ theo mình,

Chiều dân thái thậm, âu đành chẳng hay.

Một lòng trung chính, thẳng ngay,

Khôn ngoan, khéo xử, thế này lỗi chi.

Tượng rằng: *Chiều dân, dân sẽ theo mình,*

Chiều dân thái thậm, âu đành chẳng hay,

Một lòng trung chính, thẳng ngay,

Ở ăn phải đạo, thế này là khôn.

Hào tứ cho rằng: cai trị thuận nhân tâm, không phải là cai trị mị dân. Hơn nữa một trọng thần mà được lòng dân, phải biết ăn ở cho phải đạo, để sao cho lòng luôn luôn giữ được sự tín thành, hành động luôn luôn hợp nghĩa lý, ngôi vị tuy cao trọng, mà không mang tiếng lấn vua, quyền thế tuy to tát mà vẫn không đi quá trớn, thế mới là sáng suốt, khéo léo. Đó là trường hợp Đức Trần Hưng Đạo, 3 lần cả phá quân Nguyên, phò vua, cứu nước mà vẫn giữ trọn được niềm thần tử.

5. Hào Cửu ngũ.

九五.　孚于嘉，吉。

象曰：　孚于嘉，吉；位正中也。

Cửu ngũ. **Phu vu gia, cát.**

Tượng viết:

Phu vu gia, cát. Vị chính trung dã.

Dịch.

Cửu ngũ: Khi thịnh đạt, tín thành vẫn giữ,

Giữ tín thành, thế đó mới hay.

Tượng rằng:

Khi hay, mà vẫn tín thành,

Hay là ngôi vị của mình chính trung.

Còn nhà vua, ở ngôi vị cao, mà luôn luôn sống thuận theo đạo lý, bao giờ cũng tín thành, hợp lễ nghĩa, xử sự luôn đúng theo hai chữ chính trung, như vậy còn gì đẹp đẽ hơn.

6. Hào Thượng Lục.

上六.　拘系之，乃從維之。王用亨于西山。

象曰：　拘系之，上窮也。

Thượng Lục. **Câu hệ chi. Nãi tòng duy chi. Vương dụng hanh vu Tây Sơn.**

Tượng viết:

Câu hệ chi. Thượng cùng dã.

Dịch.

Quấn quít, vấn vương, dính líu nhau,

Dường như thắt buộc chẳng rời nhau,

Thái Vương nhờ thế hưng cơ nghiệp,

Đi đến Tây Sơn, dựng nghiệp lâu.

Hào Thượng Lục cho rằng: Nếu vua và bách quan, ai nấy trước sau đều tha thiết một lòng thuận theo đạo lý, thuận theo chính nghĩa, chính đạo, thuận theo ước nguyện của dân, thuận theo nhân tâm mà trị dân, thì dĩ nhiên dân sẽ qui thuận, sẽ một dạ trung thành với vua, với chính quyền. Sự khắng khít, gắn bó ấy, dẫu chư thần cũng phải cảm động, như vậy lo chi giang sơn không bền vững. Đó là phương pháp lập nghiệp của Thái Vương xưa ở đất Kỳ Sơn vậy.

ÁP DỤNG QUẺ TÙY VÀO THỜI ĐẠI

Muốn cho cuộc đời ta thêm ý nghĩa, ta phải phác họa đại khái cho ta những chiều hướng, những bước đường của ta sẽ đi, những giai đoạn mà ta muốn vượt, những công trình mà ta muốn làm từ đầu,

đến cuối cuộc đời. Được như vậy, ta sẽ sống một cuộc đời thoải mái, sung sướng, và

cuộc đời chúng ta sẽ là một mùa Xuân bất diệt, và thời gian sẽ trở nên có ý nghĩa với ta. Ta không còn phải than thở như Lamartine trong bài thơ **Le Lac** của ông ta:

Phiêu dạt mãi tới bến bờ xa lắc,

Trong đêm tăm, trôi dạt biết về đâu.

Lênh đênh sống trên trùng dương thời khắc,

Chẳng buông neo dừng lại được ngày sao?

Nếu ta hãy còn trong **tuổi vị thành niên,** chỉ còn ít tháng nữa là học hết bậc trung học, ta phải phác họa một tương lai cho ta.:

- Nếu dựng sự nghiệp bằng con đường học vấn: Ta phải chọn nghề nào mà năng khiếu ta thích hợp, dân chúng đang cần, và quan trọng nhất là ta có đủ thông minh, kiên nhẫn để theo đuổi nó tới khi đạt được tới mục đích hay không?. Đó là ta phải tùy theo ngoại cảnh và hoàn cảnh của ta vậy.

- Dựng sự nghiệp bằng con đường thương mại: Ta phải biết tự kiểm xem ta có phải là người thành tín, xã giao giỏi, có độ lượng, và nhất là phải có năng khiếu về thương mại không? Nếu có, thì ta chỉ cần biết Tùy thời xuất nhập, thì ta đã có thể thành công được rồi.

Bất kỳ làm chuyện gì đều phải dựa vào chữ Tùy, người biết hành động theo chữ Tùy, sẽ biết tiến, thoái, và như vậy trên bước đường đời sẽ dễ dàng giải quyết những chuyện khó khăn mà ta gặp phải hơn.

Ngày nay, chữ Tùy quả là rất cần thiết, và rất hữu dụng cho chúng ta, những người dân sống nơi đất lạ, quê người. Ta phải tùy theo hoàn cảnh, trình độ hiểu biết, tài năng của mình mà tìm công ăn, việc làm, như vậy sẽ dễ dàng cho ta hơn. Điều quan trọng là ta phải luôn luôn kiên nhẫn và tự tin, đừng bao giờ nản lòng trước một hoàn cảnh khó khăn nào, thì trước sau gì ta cũng sẽ được toại lòng.

18. 山 風 蠱　SƠN PHONG CỔ

䷑

蠱序卦
以 喜 隨 人 者 必 有 事
故 受 之 以 蠱
蠱者事也

Cổ Tự Quái
Dĩ hỷ tùy nhân giả tất hữu sự.
Cố thụ chi dĩ Cổ.
Cổ giả sự dã.

Cổ Tự Quái

...Vui theo người, ắt có nhiều sự sinh,

Cho nên quẻ Cổ tiếp thành,

Cổ là công chuyện thi hành trước sau.

Cổ là **thối nát**. Chữ Cổ gồm chữ Mãnh là đĩa, trên có 3 chữ Trùng là sâu, gợi lên ý nghĩa, thức ăn để lâu đã bị hư hại, dòi bọ.

-Cổ có nghĩa là **lầm lạc,** quẻ Cổ trên có quẻ Cấn là con trai nhỏ, dưới có quẻ Tốn là con gái lớn: con gái lớn dùng nữ sắc làm mê hoặc người con trai nhỏ.

-Cổ là **đình đốn, hoại loạn.** Quẻ Cổ, trên là Cấn là đình chỉ, đình đốn, dưới là Tốn= Nhu thuận. Trên ù lì, đình đốn, dưới nhắm mắt thuận theo, sẽ sinh ra hoại loạn

Hơn nữa, ở nơi quẻ Cổ, Âm Dương bất tương giao, tôn ti bất tương tiếp. Quẻ Cấn là Dương ở trên quẻ Đoài là Âm, nên Âm Dương bất giao; ở nơi quẻ Cấn và quẻ Đoài, hào Dương ở trên, hào Âm ở dưới, thế lại là Âm Dương bất giao, nên sinh cổ hoại.

Tự Quái nói vui theo người sẽ có chuyện. Mới hay, mỗi khi ta để cho người lôi kéo ta, mê hoặc ta mà không chịu suy nghĩ, không

chịu tự lo, tự liệu cho mình, âu sẽ có lắm chuyện lôi thôi

I. Thoán.

Thoán Từ.

蠱：元亨，利涉大川。先甲三日，后甲三日。

Cổ. Nguyên hanh. Lợi thiệp đại xuyên.

Tiên Giáp tam nhật. Hậu Giáp tam nhật.

Dịch.

Cổ đổ nát, nay ta dựng lại,

Thế mới hay, mới lợi làm sao,

Qua sông, nào quản chi nào?

Ba ngày trước Giáp, lại sau ba ngày.

Thoán Truyện. Thoán viết.

彖曰. 蠱，剛上而柔下，巽而止，蠱。蠱，元亨，而天下治也。利涉大川，往有事也。先甲三日，后甲三日，終則有始，天行也。

Cổ. Cương thượng nhi Nhu hạ. Tốn nhi chỉ. Cổ. Cổ nguyên hanh. Nhi thiên hạ trị dã. Lợi thiệp đại xuyên. Vãng hữu sự dã. Tiên Giáp tam nhật. Hậu Giáp tam nhật. Chung tắc hữu thủy. Thiên hành dã.

Dịch. *Thoán rằng:*

Cổ, cứng trên mà mềm ở dưới,

Dưới vâng theo, trên lại ù lì.

Cơ đồ đổ nát, còn chi.

Nay gây dựng lại, còn gì hay hơn.

Rồi lại thấy giang sơn bình trị,

Dẫu vượt sông, quyết chí ra tay,

Ra công sau trước ba ngày,

Trước lo, sau liệu cho hay, mới hào.

Đầu với cuối, việc nào chẳng có,

Rõ luật trời, đâu khó thành công.

Cổ cũng có nghĩa là **gây dựng lại đổ nát,** người xưa gọi thế là Trì cổ. Cho nên, khi gặp hoại loạn phải ra tay chấn chỉnh cơ đồ, phải sửa sang lại mọi chếch mác, dở dang, chấn hưng lại mọi câu chuyện đình đốn, như vậy sẽ đi đến hanh thông. Muốn ra tay sang sửa mối giường, phải biết lướt thắng gian truân, xông pha nguy hiểm. Hơn nữa, phải nghiên cứu hiện tình cho kỹ lưỡng, để tìm cho ra duyên do đổ nát. Đó là ý nghĩa câu **Tiên Giáp tam nhật = phải biết nhìn về quá vãng (**Ba ngày trước ngày Giáp, là ngày Tân, ý nói muốn canh tân, phải thấu triệt duyên do sự hủ bại). Đàng khác phải tìm, phải hoạch định cho rõ ràng kế hoạch chấn hưng; lại phải đinh ninh, gắn bó, lo lường để tránh mọi sơ hở. Đó là ý nghĩa câu **Hậu Giáp tam nhật = phải biết nhìn về tương lai để xếp đặt kế hoạch.** (Ba ngày sau Giáp tức là ngày Đinh, ý nói phải đinh ninh, cẩn trọng). Hoàn cảnh đổ nát, nhưng nếu gặp người tài đức ra tay gây dựng lại cơ đồ, thì chẳng có gì mà phải lo, thế nào cũng đi tới hanh thông.

II. Đại Tượng Truyện.

Tượng viết.

象 曰. 山 下 有 風 , 蠱; 君 子 以 振 民 育 德。

Sơn hạ hữu phong. Cổ. Quân tử dĩ chấn dân dục đức.

Dịch.

Cổ là gió thổi ven non,

Hiền nhân cổ xúy, dân con hào hùng.

Gió thổi gặp núi, nên quẩn lại làm hại cây cối. Ở đời tính quẩn sẽ sinh đổ nát. Muốn chấn hưng cơ đồ, trước hết phải cổ súy nhân tâm, chấn hưng đạo đức. Nếu toàn dân đã thức tỉnh, đã trở nên hăng say, tha thiết, đã thực tâm muốn quật khởi xây dựng, thì làm việc gì mà chẳng nên công.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào mượn gia sự, mà nói đến sự gây dựng lại cơ đồ đã đổ nát. Khưu Kiến An cho rằng : sáu Hào đều nói đến gia sự. Hào thượng là cha, Hào ngũ là mẹ, bốn Hào dưới đều là con. Còn như lấy quốc sự mà nói, thì hào ngũ là quân vương, hào thượng là bất sự chi thần, bốn Hào dưới là dụng sự chi thần.

1. Hào Sơ lục.

初六.　幹父之蠱，有子，考無咎，厲終吉。

象曰：　幹父之蠱，意承考也。

Sơ Lục.

Cán phụ chi cổ. Hữu tử khảo. Vô cữu. Lệ. Chung cát.

Tượng viết.

Cán phụ chi cổ. Ý thừa khảo dã.

Dịch.

Ra tay dựng lại cơ đồ,

Cha làm đổ nát, con lo gây dừng.

Nhờ con, cha khỏi lỗi lầm,

Biết lo, biết liệu, cuối cùng sẽ hay.

Tượng rằng:

Cha phá hỏng, con xây dựng lại,

Thế chính là con nối chí cha.

Hào Sơ đại khái nói rằng: nếu cha làm lỗi, làm hỏng, mà con gây dựng lại cơ đồ, thế là người cha chẳng có lỗi, vì đã có con nối được chí cha.

2. Hào Cửu nhị.

九二.　幹母之蠱，不可貞。

象曰：　幹母之蠱，得中道也。

Cửu nhị. **Cán mẫu chi cổ. Bất khả trinh.**

Tượng viết.

Cán mẫu chi cổ. Đắc trung đạo dã.

Dịch. Cửu nhị,

Mẹ làm nát, con gây dựng lại,

Đừng phũ phàng, vừa phải mới hay.

Hào Hai đề cập đến một quan điểm cho rằng sửa sai, nhưng cũng có khi phải mềm dẻo, khéo léo, tùy thời, tùy cơ, tùy nhân, tùy sự, mà xử trí mới hoàn toàn tốt đẹp. Ví dụ: mẹ đã làm hư cơ đồ, con cũng đừng cứng rắn quá, làm đau lòng mẹ. Chữ **Bất khả trinh** nơi đây, phải hiểu là đừng nên cố chấp quá, hoặc cứng rắn quá.

3. Hào Cửu tam.

九三.　幹父之蠱，小有悔，無大咎。

象曰：　幹父之蠱，終無咎也。

Cửu tam. Cán phụ chi cổ. Tiểu hữu hối. Vô đại cữu.

Tượng viết.

Cán phụ chi cổ. Chung vô cữu dã.

Dịch.

Hào Cửu tam, vì cha sửa tệ,

Tránh sao điều nhỏ bé lầm sai,

Ăn năn vặt vãnh thế thôi,

Nhưng mà lỗi lớn, có đời nào đâu.

Tượng rằng: *Sửa tệ cho cha,*

Cuối cùng chẳng đến nỗi ra lỗi lầm.

Hào Cửu tam đề cập đến một người con gây dựng lại cơ đồ, mà người cha đã làm hư hại, hay một người muốn gây dựng lại cơ đồ, mà người đi trước đã làm hư hại. Hào Cửu tam ở đây, vì quá Cương, nên đã tỏ ra quá cứng rắn, nên đã gây ra những bất hòa, những phiền toái nhỏ. Nhưng dầu đã có một vài sự đáng tiếc nhỏ xẩy ra, đương sự cũng không bị những điều chê trách lớn. Vì thế nói: **Tiểu hữu hối. Vô đại cữu.**

4. Hào Lục tứ.

六四.　裕父之蠱，往見吝。

象曰：　裕父之蠱，往未得也

Lục tứ. Dụ phụ chi cổ. Vãng kiến lận.

Tượng viết:

Dụ phụ chi cổ. Vãng vị đắc dã.

Dịch.

Sửa tệ cha, nếu mà do dự,

Thời làm gì, cũng cứ bị chê.

Tượng rằng:

Sửa tệ cha, nếu mà do dự,

Dẫu làm gì, cũng cứ dở dang.

Hào Lục tứ ám chỉ một người Nhu nhược, do dự không dám sửa những lỗi lầm của người xưa để lại; nếu cứ chần chừ, để mặc cho dòng đời trôi chẩy như vậy, sẽ chuốc lấy sự xấu (**Dụ = chần chờ, do dự).**

5. Hào Lục ngũ.

六五.　幹父之蠱，用譽。

象曰：　幹父之蠱，承以德也。

Lục ngũ. Cán phụ chi cổ. Dụng dự.

Tượng viết.

Cán phụ dụng dự. Thừa dĩ đức dã.

Dịch.

Lục ngũ: Nếu vì cha sửa tệ,

Biết dùng người, âu sẽ nổi danh.

*T*ượng rằng: *Sửa tệ cho cha,*

Dùng người khéo léo, gần xa khen mình,

Dùng người phụ bật cho minh,

Ta hay, người sẽ tâm thành giúp ta.

Hào Lục ngũ tuy là Âm Nhu chi tài, một mình không đủ sức sửa sai, sửa tệ của người xưa lưu lại, nhưng vì biết dùng hiền tài phụ bật (Hào Cửu nhị), nên cũng chấn chỉnh được cơ đồ, như vậy cũng đáng khen, đáng trọng.

6. Hào Thượng Cửu.

上九.　不事王侯，高尚其事。

象曰：　不事王侯，志可則也。

Thượng Cửu. Bất sự vương hầu. Cao thượng kỳ sự.

Tượng viết.

Bất sự vương hầu. Chí khả tắc dã.

Dịch.

Hết còn thù phụng quân vương,

Việc làm cao thượng, dễ thường mấy ai.

Tượng rằng: *Chẳng giúp quân vương,*

Chí cao cả ấy, treo gương cho đời.

Ở trên đời, có những người không dấn thân vào vòng Cương toả, lợi danh, sống cao khiết bên lề trần tục, một lòng tu đạo lập thân, mong đạt tới tinh hoa nhân loại. Những bậc ẩn giả này, tuy không vương tục lụy, trần cấu đương thời, nhưng thật đã làm gương cho vạn thế.

ÁP DỤNG QUẺ CỔ VÀO THỜI ĐẠI

Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách, đó là điều mà quẻ Cổ này muốn nói. Chúng ta, những người Việt ly hương, tuy nay đời

sống đã ổn định vững vàng, nhưng hỏi có mấy ai là có thể quên Quê hương, Tổ quốc ? Tôi nghĩ chẳng có ai có thể quên được, dù là những người, vừa mới lọt lòng mẹ đã ở nơi đất khách quê người này rồi, tuy lúc còn nhỏ, họ chưa có ý niệm gì về quốc gia dân tộc, nhưng khi đã trưởng thành, thì tự nhiên trong đầu óc họ sẽ có ý niệm về gốc gác của mình, và lòng yêu quê hương sẽ nẩy nở trong lòng họ, vì quê hương là đất mẹ, là cha mẹ họ. Nếu có kẻ nào quên được quê hương, thì kẻ đó thuộc về loại vong bản, ta không cần nói đến họ làm chi.

Bà mẹ đang sống cảnh khó khăn, lo lắng, bệnh hoạn, thì đứa con yêu mẹ, tuy sống xa mẹ nó, nhưng nó có yên tâm được không? Chắc chắn là không rồi.

Vậy chúng ta, những người dân của một nước, mà nước đó hiện nay đang vùng vẫy để ra khỏi những gì gọi là hủ hóa, tệ đoan của xã hội, để vươn lên cho kịp đà tiến hoá của nhân loại. Chúng ta hãy gạt bỏ những gì gọi là thành kiến, là thù oán cá nhân, hãy thành khẩn bắt tay với chính quyền trong nước, hãy mang những ý kiến xây dựng của mình, những tài năng của mình- nếu có- để chung lo vá lại mảnh dư đồ đã rách.

Đọc tới đây, chắc nhiều vị đã nghĩ rằng tôi đã nói chuyện viển vông, nói chung lo, nhưng chung lo bằng cách nào? Chưa ngồi gần đã vạch lỗi nhau, để bôi nhọ nhau, để chửi bới nhau, như vậy hỏi sao mà hợp tác được với nhau?

Nhưng theo tôi, mọi sự trên đời không có gì là khó đến nỗi không giải quyết nổi, những khó khăn như những nút thắt, nếu ta từ từ gỡ, thì chặt cách mấy cũng gỡ được.

Chúng ta đừng quá bi quan, cũng đừng quá tự phụ, hãy xét mình trước, rồi hãy bắt lỗi người sau. Nếu chúng ta có lòng thành khẩn muốn góp ý kiến, góp tài năng, góp tâm tư một cách vô vị lợi, một cách xây dựng, chúng ta cứ thành khẩn trình bầy ý kiến của chúng ta, sau khi đã suy nghĩ kỹ càng đó là những ý kiến đứng đắn, vô tư, những ý kiến xây dựng, nó có thể mang lại nhiều lợi ích cho quốc gia, dân tộc, mà người góp ý kiến này, chỉ vì lòng yêu nước chứ không cầu mong công danh, lợi lộc gì hết. Nhưng muốn đi tới giai đoạn trên, trước hết chúng ta phải có khối óc vô tư, không tư vị bên nào, để lối nhìn của mình không bị lệch lạc, tôi nghĩ rằng

chúng ta sẽ thành công. Và đây là bài thơ, lấy ý của Hào Thượng Cửu quẻ Cổ này, nói lên kết quả đời sống của người có lòng yêu quê hương một cách thành khẩn, vô vị lợi trên.

Chẳng cần thù phụng đấng quân vương,

Vượt trổi chúng nhân, sống phi thường,

Đời sống thanh cao, tâm linh sảng,

Lưu lại muôn đời, một tấm gương.

Còn chính quyền nơi đất mẹ, muốn chấn chỉnh lại cơ đồ, trước hết phải cổ súy nhân tâm, chấn hưng đạo đức, thu nạp nhân tài, nghiên cứu và ứng dụng những ý kiến hay, hai bên kết hợp thật lòng với nhau, làm sao không đi tới đích được. Ta mượn bài thơ sau để vẽ lên sự thành công đó:

Ra tay gây dựng lại cơ đồ.

Khéo dụng nhân tài mới khỏi hư.

Nếu biết dụng người, sang sửa tệ,

Rồi ra tăm tiếng sẽ lan xa.

19. 地 澤 臨 ĐỊA TRẠCH LÂM

臨序卦 Quái
蠱者事也.
有事而後可大.
故受之以臨.
臨者大也.

Lâm Tự Quái

Cổ là công chuyện thi hành trước sau,

Công nhiều, sau sẽ lớn cao.

Cho nên quẻ nối tiếp vào là Lâm.

Lâm là cao đại vượt tầm.

Quẻ Lâm có 2 Hào Dương ở dưới, bốn Hào Âm ở trên, nói lên cái thế đương lên của Dương khí, cũng như của người quân tử. Vì thế Lâm báo trước một thời kỳ thịnh đạt.

Lâm trên là Khôn = Đất, dưới là Đoài = Hồ. Bờ hồ và hồ nước tiếp cận mật thiết với nhau. Cho nên quẻ Lâm mượn tượng này mà đề cập đến sự thân yêu, thành khẩn tiếp súc với dân của những người cầm quyền.

Lâm dưới có quẻ Đoài là hòa duyệt, trên có Khôn là Nhu thuận, ý nói người quân tử lúc gặp thời thế hãy hòa duyệt mà tiến lên, đừng có kiêu sa, hung bạo. Làm sao cho vạn dân phục tùng mình mới hay.

Lâm có 2 Hào Dương ở dưới, 4 Hào Âm ở trên, nói lên quan điểm rằng tuy mình mạnh thế, nhưng phải luôn theo chính lý, chính

nghĩa mà tác tạo cho dân, phải luôn luôn cảm thông với dân, mới được dân thương, dân phục.

Lâm là cách đối xử của người trên đối với người dưới. Phàm người trên khi tiếp xúc với dân phải uy nghi, trang kính, phải thành khẩn, cẩn trọng.

I. Thoán.

Thoán Từ.

元，亨，利，貞。至于八月有凶。

Lâm. Nguyên hanh lợi trinh. Chí vu bát nguyệt hữu hung.

Dịch.

Lâm là tiến bước dần dà.

Thật là cao đại, thật là hanh thông.

Lợi vì minh chính, một lòng.

Tới hồi tháng tám, họa hung có ngày.

Thoán Truyện.

彖曰：臨，剛浸而長。說而順，剛中而應，大亨以正，天之道也。至于八月有凶，消不久也。

Thoán viết.

Lâm. Cương tẩm nhi trưởng. Duyệt nhi thuận. Cương trung nhi ứng. Đại hanh dĩ chính. Thiên chi đạo dã. Chí vu bát nguyệt hữu hung. Tiêu bất cửu dã.

Dịch.

Lâm là tiến bước dần dà,

Cương cường, hùng dũng, được đà triển dương.

Vui hòa, thuận thảo, mọi đường,

Kiên trinh, chính đáng, huy quang với đời,

Chính minh, cao đại, rạng ngời,

Chính minh, cao đại, ắt rồi hanh thông.

Cứ theo đường cũ ruổi rong,

Trời kia âu cũng một giòng thế thôi.

Họa hung tháng tám trông vời.

Sớm chầy cũng sẽ gặp hồi suy vi.

Thoán Từ, Thoán Truyện đại khái nói rằng: Gặp thời Dương thịnh, gặp thời quân tử đương lên, là một điều đáng mừng cho nhân loại, có thể mở một kỷ nguyên thái thịnh, an bình **(Nguyên hanh).** Nhưng người quân tử đừng thấy mình đắc thế mà quên đi mất chính nghĩa. Phải luôn luôn xử sự theo đường minh chính, mới hay, mới lợi. **(Lợi trinh).** Cai trị sao, mình được thư thái, hòa duyệt, mà dân thì thuận phục **(Duyệt nhi thuận).** Đừng có ỷ vào sức mạnh, mà phải luôn cảm thông với người **(Cương trung nhi ứng).** Gặp thời cơ thái thịnh, hanh thông, mà mình vẫn giữ được chính nghĩa **(Đại hanh dĩ chính),** mới là đi đúng đường lối của Trời Đất **(Thiên chi đạo dã).** Vả nay mình thịnh, nên nghĩ tới một ngày kia mình suy. Nay mình còn tại chức, nên nghĩ tới một ngày kia mình phải lui chân. Mà cái ngày ấy chẳng có xa, như quẻ Lâm sau 8 tháng lại đến quẻ Bĩ vậy **(Chí vu bát nguyệt hữu hung. Tiêu bất cửu dã).** Có nghĩ được như vậy, mới tiếp nhân sử kỷ cho trọn vẹn được.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰: 澤 上 有 地 , 臨 ; 君 子 以 教 思 無 窮 , 容 保 民 無 疆。

Tượng viết.

Trạch thượng hữu địa. Lâm. Quân tử dĩ giáo tư vô cùng.

Dung bảo dân vô Cương.

Dịch.

Hồ trên có đất là Lâm,

Hiền nhân giáo dưỡng chúng nhân chẳng rời.

Hồ với đất ven hồ luôn tiếp cận mật thiết với nhau. Đó là bài học dạy người quân tử khi đến với dân, cũng phải thân cận với dân như vậy. Đó là phải lo dạy dỗ dân mãi mãi, và phải lo bao bọc che chở cho dân để họ được có một đời sống sung túc, an lạc. Như vậy mới là trị dân.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 : 咸 臨 , 貞 吉。

象 曰 : 咸 臨 貞 吉 , 志 行 正 也。

Sơ Cửu. Hàm Lâm. Trinh cát.

Tượng viết.

Hàm Lâm trinh cát. Chí hành chính dã.

Dịch.

Cùng nhau chung sức giúp đời,

Mở mang chính nghĩa, hay thời đã hay.

Tượng rằng:

Hay vì chung sức giúp đời,

Mở mang chính nghĩa, chẳng lơi tấc lòng.

Hào Sơ dạy rằng: khi người quân tử gặp thời cơ thuận tiện, hãy

kéo nhau ra giúp đời. Nhưng phải theo đúng nghĩa công chính, mới hay, mới tốt. Cho nên chí hướng lúc nào cũng phải gửi gấp theo nhẽ công chính.

2. Hào Cửu nhị.

九 二:　咸 臨 , 吉 無 不 利。

象 曰 :　咸 臨 , 吉 無 不 利 ; 未 順 命 也。

Cửu nhị. Hàm Lâm. Cát. Vô bất lợi.

Tượng viết:

Hàm Lâm cát vô bất lợi. Vị thuận mệnh dã.

Dịch.

Cửu nhị: Cùng nhau chung sức giúp đời,

Xét về lợi ích, thì thôi vẹn toàn.

Tượng rằng:

Cùng nhau chung sức giúp đời,

Làm nên ích lợi, chúa tôi hiệp hòa.

Hào hai dạy thêm: Khi gặp thời cơ thuận tiện, quân tử hãy hợp lực với nhau, đoàn kết với nhau, mà giúp đời. Nếu được như vậy, làm gì cũng hay, cũng lợi **(Hàm Lâm cát vô bất lợi).** Hơn nữa, dẫu gặp thời cơ thuận tiện, đừng bao giờ quên nỗ lực, cố gắng, đừng có ỷ lại nguyên vào Thời Trời, Mệnh Trời **(Vị thuận mệnh dã).**

3. Hào Lục tam.

六 三.　甘 臨 , 無 攸 利。 既 憂 之 , 無 咎。

象 曰： 甘 臨，位 不 當 也。 既 憂 之，咎 不 長 也。

Lục tam. Cam Lâm. Vô du lợi. Ký ưu chi. Vô cữu.

Tượng viết.

Cam Lâm. Vị bất đáng dã. Ký ưu chi. Cữu bất trưởng dã.

Dịch.

Lục tam vồn vã, ngọt ngào.

Mà không tài đức, thời nào ích chi?

Thà lo tu tỉnh hành vi,

Nếu làm được vậy, có gì lỗi đâu.

Tượng rằng: *Vồn vã, ngọt ngào,*

Vị ngôi không đáng, thời nào ích chi.

Thà lo tu tỉnh hành vi,

Lỗi lầm như vậy, nhẽ gì bền lâu?

Hào ba là Hào Lục tam **bất trung, bất chính,** ám chỉ một kẻ tiểu nhân ở địa vị cao, nhưng không có tài đức, chỉ ngọt ngào, ve vãn lấy lòng người. Nhưng sự ngọt ngào ấy là thứ ngọt ngào giả tạo, đáng sợ, đó là **Tiếu lý tàng đao = Trong cái cười có dấu con dao bén.** Tiểu nhân dẫu sao cũng không thể chinh phục quân tử bằng sự ngọt ngào giả tạo ấy được. Nếu họ biết rằng tài đức của họ chưa xứng kỳ vị **(Vị bất đáng dã),** mà biết lo cải hóa, biết lo trau dồi tài đức, thì cái lỗi lầm của họ, một ngày nào đó có thể xóa bỏ được.

4. Hào Lục tứ.

六 四： 至 臨，無 咎。

象 曰： 至 臨 無 咎，位 當 也。

Lục tứ. Chí Lâm. Vô cữu.

Tượng viết:

Chí Lâm vô cữu. Vị đáng dã.

Dịch. Lục tứ:

Hết lòng cộng tác với người hay,

Nếu mình thành khẩn, lỗi chi đây.

Tượng rằng:

Ưa làm việc với người hay,

Vì mình xứng đáng với ngôi vị mình.

Hào Bốn cũng là Hào Âm, nhưng đắc vị, lại ứng với Sơ Cửu là người có tài. Hai bên nếu biết giao thiệp với nhau cho chí tình, chí thiết, thì cũng có thể cùng nhau giúp đời, vì thế mới gọi là **(Chí Lâm vô cữu).**

5. Hào Lục ngũ.

六 五： 知 臨，大 君 之 宜，吉。

象 曰： 大 君 之 宜，行 中 之 謂 也。

Lục ngũ. Tri Lâm. Đại quân chi nghi. Cát.

Tượng viết:

Đại quân chi nghi. Hành trung chi vị dã.

Dịch.

Khôn ngoan, khéo dụng nhân tài,

Đó là hay, khéo của người minh quân.

Tượng rằng:

Minh quân xử sự êm xuôi,

Đó là làm đúng phận người quân vương.

Hào năm đề cập đến cách trị dân của một đấng quân vương. Thiên hạ thì bao la, nên vua không thể nào ôm đồm, không thể nào thấu suốt được mọi công việc. Vì vậy bổn phận nhà vua là phải tìm cho ra hiền tài phụ bật, rồi sau đó phải ủy thác cho họ công cuộc trị dân. Như vậy mới là người minh trí. Cho nên nói **Tri Lâm.** Bất kỳ vị vua danh tiếng nào cũng phải làm như vậy **(Đại quân chi nghi).**

6. Hào Thượng Lục.

上六：　敦臨，吉無咎。

象曰：　敦臨之吉，志在內也。

Thượng Lục. Đôn Lâm. Cát**. Vô cữu.**

Tượng viết:

Đôn Lâm chi cát. Chí tại nội dã.

Dịch. Thượng Lục:

Một lòng nâng đỡ hiền tài,

Là hay, là tốt, ai người kêu ca.

Tượng rằng:

Hiền tài nâng đỡ mới hay,

Ấy vì quí chuộng người tài, chẳng quên.

Hào Sáu, tiếp tục chủ trương: Khi ở ngôi cao trị dân, mà không dồi dào tài đức, thì lại càng phải thành khẩn mà tiếp đãi các bậc hiền tài. Hoặc là đã trị dân, thời trước cũng như sau, phải một lòng thành khẩn vì dân, vì nước mới là hay.

ÁP DỤNG QUẺ LÂM VÀO THỜI ĐẠI

Ngày nay, dần dà thế giới đi vào chế độ dân chủ, mà điển hình là chế độ Tổng thống & Lưỡng viện. Tổng Thống có quyền chọn lựa một vị Phó Tổng Thống để điều hành việc nước chung với mình. Còn Lưỡng Viện là Thượng nghị viện & Hạ nghị viện, đều không thuộc quyền Tổng Thống. Thượng, Hạ 2 viện là cơ quan Lập pháp, còn Tổng Thống là cơ quan hành pháp

Xưa, nếu người dân bị nghi là có tội, là bị giam giữ, tù tội, có khi còn bị chém đầu, tịch thu tài sản, nếu nặng còn có thể bị chu di 3 họ. Ngày nay, bất cứ tội gì cũng phải có bằng chứng thì mới có thể bắt bớ, giam giữ người ta được.

Xưa, bất cứ có công chuyện gì mà đến chính quyền là phải hối lộ, đút lót. Nay, người làm công chức phải có lễ độ, nếu người trong chính quyền làm bậy, hoặc hống hách, đã có cơ quan ngôn luận là báo chí lên tiếng tố cáo công khai, hơn nữa công danh của họ là do dân bầu lên, do đó họ đâu dám đè đầu cưỡi cổ dân công khai, hoặc quá đáng.

Tóm lại cách cai trị dân của thời nay, làm cho dân cảm thấy mình sống được tự do thoải mái hơn xưa nhiều, thêm vào đấy, sự tiến triển của Khoa Học càng ngày càng cao, khiến con người nói chung, dân chúng nói riêng, cảm thấy đời sống bớt nặng nề, nhọc nhằn, cơ cực. Ước mong Đạo Đức cũng tiến, thì chúng ta sẽ sống trong hoan lạc thật sự vậy. Và như vậy là đúng theo ý muốn của quẻ Lâm.

20. 風 地 觀 PHONG ĐỊA QUÁN ䷓

觀 序 卦
Quán Tự Quái
臨 者 大 也
Lâm giả đại dã.
物 大 然 後 可 觀
Vật đại nhiên hậu khả quan.
故 受 之 以 觀
Cố thụ chi dĩ Quán.

Quán Tự Quái

Lâm là cao đại vượt tầm,

Lớn rồi sẽ được xa gần ngắm trông.

Cho nên Quán mới lâm vòng.

Quẻ Quán có 2 cách đọc. Nơi quẻ thì đọc là Quán, nơi Hào thì đọc là Quan. Quẻ Quán có 2 Hào Dương ở trên, 4 Hào Âm ở dưới, chẳng khác gì Cao đăng viễn chiếu = đèn cao chiếu xa, lại có **Hào Cửu ngũ** đắc trung, đắc chính làm chủ Hào, nên Thoán Từ toàn đem ý ở ngôi trời trị dân, phải treo cao gương đức cả, cho chúng dân nhìn vào, nên lúc ấy đọc là Quán.

Còn trong Tượng Truyện & các Hào, Quan có nghĩa là nhìn, là trông, vì Dịch kinh chủ trương rằng: người quân tử hay bậc quân vương phải có cái nhìn cho sâu rộng, cho tinh tế.

*Trước là phải Quan Thiên chi đạo để Pháp Thiên chi hành = quan sát Đạo Trời để thi hành Luật Trời.

*Sau là phải quan sát dân tình, để tùy nghi thiết giáo.

*Cuối cùng, là phải quan sát tâm tư, tài đức của mình, tức là phải biết nội quan quán chiếu.

I. Thoán.

Thoán Từ.

觀：盥而不荐，有孚顒若。

Quán. Quán nhi bất tiến. Hữu phu ngung nhược.

Dịch. Thoán Từ.

Trang trọng như rửa tay hành lễ.

Lòng tinh thành xá kể của dâng,

Thấy ta thành tín, thủy chung,

Hạ dân âu cũng sinh lòng kính tin.

Thoán nhấn mạnh rằng: bậc nhân quân ở ngôi cao, vạn dân trông vào, ngưỡng mộ, phải ăn ở sao cho tâm tư thuận với thiên lý (**Khôn = thuận),** hành vi phù hợp với Thiên đạo **(Tốn = thuận tốn),** chí trung, chí chính **(**Hào Cửu ngũ đắc trung, đắc chính).

Vị Thánh quân xưa ở chốn triều ca, tức là ở ngôi Trung cung = Hoàng cực, phải lo sao đức hạnh tuyệt vời, vì ở ngôi Hoàng cực, nhà vua sẽ là môi giới giữa Trời và Dân, sẽ thay dân tế Trời, thay Trời trị dân, giáo hóa dân, chỉ đường trung chính cho dân theo.

Thoán Truyện.

彖曰:　大觀在上，順而巽，中正以觀天下。觀，盥而不荐，有孚顒若，下觀而化也。觀天之神道，而四時不忒，聖人以神道設教，而天下服矣。

Thoán viết.

Đại Quán tại thượng. Thuận nhi tốn. Trung chính dĩ quán thiên hạ. Quán quán nhi bất tiến. Hữu phu ngung nhược. Hạ quan nhi hóa dã. Quan thiên nhi thần đạo nhi tứ thời bất thắc. Thánh nhân dĩ thần đạo thiết giáo. Nhi thiên hạ phục hĩ.

Dịch. Thoán Truyện.

Gương cao treo ở trên đời,

Thuận Thiên, Tồn lý, *rạng ngời chính trung,*

Chiếu soi thiên hạ khắp cùng,

Trang nghiêm như lúc khởi công tế thần,

Rửa tay, mà hết tinh thành,

Chưa cần dâng lễ, thần minh chứng rồi.

Uy nghi, tin kính rạng ngời.

Dân xem cảm động, cảm rồi noi gương.

Kìa Trời thần diệu khôn lường,

Bốn mùa theo đúng phép thường chuyển luân.

Thánh nhân ảo diệu như thần,

Âm thầm dạy dỗ, chúng dân phục tùng.

Thoán Truyện cho rằng: Dạy dân có nhiều cách:

1) Bằng Thần đạo = đường lối Trời. Theo cách này, nhà vua chỉ cần chí thành, chí thiện, trang nghiêm, kính cẩn, tập trung tinh thần, không để cho tinh thần phôi pha, phá tán, sẽ âm thầm ảnh hưởng đến muôn dân, sẽ âm thầm cảm hóa được muôn dân. Thế là bắt chước được đường lối Trời, vì Trời âm thầm, lặng lẽ, mà bốn mùa vẫn vần xoay, không hề đơn sai. Đó là lối cảm hóa cao siêu nhất, vì thế nên gọi Thần đạo thiết giáo.

2) Dạy dân bằng những lời giáo hoá, bằng mệnh lệnh.

3) Dạy dân bằng hành vi, cử chỉ, tiếp nhân, xử thế của mình.

Dĩ nhiên, hai lề lối sau, vì còn có hình thức, ngôn từ nên kém lối thứ nhất xa. Đức Khổng nói: Dùng miệng lưỡi hay kiểu cách bên ngoài, cảm hóa dân lối ấy rất nên thô thiển. Ngoài ra, Thoán cũng

nhắc nhở rằng sự tế tự thần minh, là cốt ở lòng thành kính, chứ không cốt ở lễ dâng.

Lòng thành tín mạnh mẽ nhất, sự tập trung tinh thần mạnh mẽ nhất là từ lúc vị chủ tế rửa tay, cho đến lúc đổ rượu xuống đất cầu xin Thượng đế giáng lâm, còn sự dâng của lể xin ơn chỉ là tùy thuộc. Vì thế mà Đức Khổng mới nói: Trong tế lễ Thượng đế, khi đã đổ rượu xuống đất, xin Thượng đế giáng lâm rồi, thì ta chẳng muốn xem nữa (**Tử viết: Đế, Tự quán nhi vãng giả, ngô bất dục quan chi hỹ) (**LN III, 10).

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰: 風 行 地 上 , 觀; 先 王 以 省 方 , 觀 民 設 教 .

Tượng viết: **Phong hành địa thượng. Quán. Tiên vương dĩ tỉnh phương quan dân thiết giáo.**

Dịch. Tượng rằng:

Gió bay trên đất là Quan,

Tiên vương thăm thú dân gian xa gần,

Thăm dân, để hiểu biết dân,

Tùy nghi giáo hóa, mười phân vẹn mười.

Tượng và Hào đều bàn đến nghĩa **Quan = Quan sát.** Vì thế Tượng Truyện mới khuyên nhà vua, phải đi quan sát dân tình, để biết đời ra sao, như vậy mới giáo hóa được dân.

Xưa kia vua đi tuần thú thường quan sát:

1) Ruộng đất có được trồng trọt phải phép hay không?

2) Người già cả có được chăm sóc không?

3) Cân lường, đấu hộc có được chính xác không?

4) Sự buôn bán có được phồn thịnh không?

5) Đời sống dân ra sao, sung túc hay nghèo khó; khỏe mạnh hay yếu đuối; đứng đắn hay dâm ô; cần kiệm hay hoang phí. Nhân đó sẽ tùy cơ dạy dỗ dân.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện.

1. Hào Sơ Lục.

初六： 童觀，小人無咎，君子吝。

象曰： 初六童觀，小人道也。

Sơ Lục. Đồng Quan. Tiểu nhân vô cữu. Quân tử lận.

Tượng viết:

Sơ Lục đồng quan. Tiểu nhân đạo dã.

Dịch.

Nhìn đời mờ mịt như con trẻ,

Ấy lối nhìn của kẻ tiểu nhân,

Chẳng ai trách kẻ ngu đần,

Trách người quân tử biện phân chẳng rành.

Tượng rằng:

Nhìn đời như thể trẻ thơ,

Ấy là cung cách mù mờ, tiểu nhân.

Hào Sơ dạy chúng ta phải mở mắt mà nhìn đời cho tinh tế, cho thấu triệt, chớ đừng bắt chước trẻ con hay kẻ tiểu nhân, có mắt mà chẳng nhìn thấy gì. Uổng thay cho những ai có mắt mà chẳng biết nhìn đời, cứ ỷ lại vào kẻ khác trông hộ, cắt nghĩa đời hộ cho mình.

Quân tử mà như vậy, chẳng đáng trách lắm sao?

2. Hào Lục nhị.

六二：　窺觀，利女貞。

象曰：　窺觀女貞，亦可丑也。

Lục nhị. Khuy quan. Lợi nữ trinh.

Tượng viết:

Khuy quan nữ trinh. Diệc khả xử dã.

Dịch.

Nhìn đời như thể đàn bà,

Nhìn qua khe cửa, ngỡ là đã hay.

Tượng rằng:

Như nhi nữ dòm qua khe cửa,

Người đường hoàng như thế hổ thay.

Hào Hai dạy chúng ta phải nhìn thẳng vào cuộc đời, đừng sợ sệt tránh né như thói nữ nhi. Nhìn đời mà nhìn qua lỗ khoá, thì làm sao thấy nhiều, thấy rộng được. Y thức như ế**ch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung.** Ta hãy có cái nhìn bao quát vũ trụ, bao quát lịch sử, bao quát năm châu, như vậy mới khỏi thẹn cho thân quân tử.

3. Hào Lục tam.

六三：　觀我生，進退。

象曰：　觀我生，進退；未失道也。

Lục tam. Quan ngã sinh tiến thoái.

Tượng viết:

Quan ngã sinh tiến thoái. Vị thất đạo dã.

Dịch.

Một mình ngẫm nghĩ phân minh,

Dở hay, tiến thoái, âu đành tùy ta.

Tượng rằng:

Xét mình tài đức ra sao,

Rồi ra tiến thoái nhẽ nào sai ngoa.

Hào ba cho rằng: muốn biết phải tiến hay phải thoái, hãy xét mình là người đã có đủ tài đức hay chưa? Có đủ tài đức, đó là tiêu chuẩn chính xác nhất.

Đức Khổng khuyên môn đệ là Tất điêu Khai ra làm quan. Tất Điêu Khai từ tạ mà rằng: Tôi chưa tự tin ở tài đức mình. Đức Khổng lấy thế làm vui dạ (LN V, 5).

4. Hào Lục tứ.

六四： 觀國之光，利用賓于王。

象曰： 觀國之光，尚賓也。

Lục tứ. Quan quốc chi quang. Lợi dụng tân vu vương.

Tượng viết:

Quan quốc chi quang. Thượng tân dã.

Dịch.

Nhìn thấy nước huy hoàng rực rỡ,

Phải làm sao gặp gỡ quân vương.

Tượng rằng: *Thấy nước huy hoàng,*

Mong sao gặp được quân vương mà phò.

Hào tứ khuyên rằng: Khi trong nước mà có minh quân, tài đức chiếu rạng non sông, thời mình nên tìm cách triều bái mà phục vụ. Xưa kia, một vị chư hầu lai triều, hay một hiền sĩ tới yết kiến vua, đều được đãi theo hàng tân khách, chờ ngày bổ nhiệm. Vì thế trong Hào Bốn, mới nói đến **lợi dụng tân vu vương.**

5. Hào Cửu ngũ.

九五： 觀我生，君子無咎。

象曰： 觀我生，觀民也。

Cửu ngũ. Quan ngã sinh. Quân tử vô cữu.

Tượng viết:

Quan ngã sinh. Quan dân dã.

Dịch.

Nếu ta tự xét lấy ta,

Mới là quân tử, mới là tao nhân.

Tượng rằng: *Ta tự xét ta*

Xem ta hay dở, cùng là xem dân.

Nhà vua ở ngôi cao, phải xét mình xem mình đã đi theo đúng đường lối **trung chính, chí thiện**chưa. Rồi lại phải xem dân tình nhờ mình mà đã cải tiến được là bao. Nếu xét mình, xét dân mà hay cả, mới là không đáng trách. Người xưa có câu:

Con người chẳng những soi bóng nước,

Còn phải ngắm mình trước gương dân.

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 : 觀 其 生 , 君 子 無 咎。

象 曰 : 觀 其 生 , 志 未 平 也。

Thượng Cửu. Quan kỳ sinh. Quân tử vô cữu.

Tượng viết:

Quan kỳ sinh. Chí vị bình dã.

Dịch.

Hiền nhân biết xét nét mình.

Mới hay, mới được thế tình kính tin.

Tượng rằng:

Hiền nhân biết xét nét mình,

Vì không tọa hưởng kỳ thành cầu an.

Hào sáu nói rằng: người quân tử tuy không trực tiếp trị dân, nhưng cũng phải luôn luôn giữ mình cho hẳn hoi, xét mình cho cẩn thận, chớ khinh xuất, vì ảnh hưởng của người quân tử đối vói chúng dân cũng rất là sâu rộng.

ÁP DỤNG QUẺ QUAN VÀO THỜI ĐẠI

Khi xưa, quẻ Quan muốn người trên làm vua, thay Trời trị dân, phải treo cao gương đức cả cho chúng dân nhìn vào.

N**gày nay**, áp dụng quẻ Quan này vào Thời đại, cha mẹ hãy thay Trời mà dạy dỗ, đào tạo con cái mình, cho chúng trở thành người hữu dụng cho xã hội, nhân quần sau này. Hiện nay, ngoài học

đường, giáo sư đã không còn có trách nhiệm giáo dục về đạo đức cho học trò mình như xưa nữa, mà các bậc phụ huynh thì lại quá bận rộn với cuộc sống hiện tại, nên sự giáo dục con cái có phần chểnh mảng, thiếu xót. Do đó con em như cây mọc giữa rừng hoang, may mắn thì được xử dụng đúng cách, chẳng may thì làm củi, hoặc đứng giữa rừng già, năm này qua năm khác chẳng ai biết tới.

Tôi, áp dụng quẻ Quan này vào sự giáo dục con em, mục đích muốn tiếp tay cùng với các bậc phụ huynh, ngõ hầu có thể mang lại phần nào hữu ích cho các em sau này. Theo thiển ý của tôi, nếu ta muốn có một đứa con khỏe mạnh, khi trưởng thành con ta sẽ là người tốt, và hữu dụng cho gia đình, xã hội, thì cũng chẳng có gì là quá khó khăn, nhưng người mẹ phải chịu hy sinh, chú ý **Quan sát và Thực hành** qua nhiều giai đoạn. Như vậy tôi nghĩ chỉ thích hợp cho quí vị nào muốn có ít con mà thôi. Tôi đã sưu tầm, đọc sách, học hỏi qua kinh nghiệm của người đi trước, nay mượn trang giấy này gởi đến quí vị, mong rằng nó làm nhẹ lòng cho những vị nào, vì quá lo sợ con mình mai sau sẽ hoang đàng, nên không dám nghĩ tới sinh con. Thật ra, có một người con hiếu thảo, tư cách đàng hoàng, siêng năng học hành, thì thật không có gì làm cho bậc làm cha mẹ sung sướng hơn. Sau đây, là những hiểu biết đơn sơ của tôi:

1) **Thai giáo:** Khi bắt đầu biết mình có mang, người mẹ không nên ăn những đồ nóng như ớt, tỏi, riềng v. v... , vì nó sẽ làm cho cơ thể đứa trẻ dễ sinh mụn nhọt, và tâm tính dễ nóng nẩy, mai sau. Chớ ăn đồ biển độc như bạch tuộc, mực, nghêu, sò v.v... sẽ làm cho đứa trẻ có chứng phong thấp. Hơn nữa, người mẹ chớ nên xem truyện, hay phim ảnh loại kích thích. Chớ nên uống rượu, sẽ dễ tạo cho đứa trẻ trở nên ngang bướng, nóng nẩy, đôi khi hung bạo, nếu người cha đã nóng nẩy, dữ dằn. Người mẹ phải luôn vui vẻ, do đó người chồng, khi vợ mang thai, phải chiều và nhường nhịn vợ, chớ để vợ mình luôn khóc lóc, vì đứa trẻ có thể sẽ trở nên thiếu nghị lực, ý chí sau này. Nên bố thí và làm việc thiện, nghĩ điều lành, lánh sự dữ, để tạo cho mình một sự thoải mái, và sự khỏe mạnh cho thai nhi.

2) Khi sinh ra, nếu đứa con được nuôi bằng sữa mẹ, thì tốt nhất, vì nó sẽ tạo tình thương giữa mẹ và con một cách đậm đà hơn.

3) Khi đứa trẻ bắt đầu hiểu biết, là ta phải quan sát nó kỹ càng, vì lúc này nó bắt đầu học theo cách ăn ở của những người xung quanh nó, do đó bậc cha mẹ phải làm gương cho con. Khi xưa, bà mẹ ông Mạnh Tử, góa chồng, chỉ có một mình ông Mạnh Tử là con. Ban đầu, bà thuê nhà ở cạnh một người đồ tể, chuyên giết heo, bà nhận thấy con bà bắt chước mổ heo. Lúc đó ông Mạnh Tử mới độ 4, 5 tuổi, bà thấy vậy liền dọn nhà, và đến ở cạnh một nghĩa địa. Bà nhận thấy con bà bắt chước người đi đưa đám mà khóc lóc, đắp mồ; bà liền dọn nhà đến cạnh một trường học, và bà thấy con bà cũng bắt chước học trò, cầm sách để đọc (Tích Mạnh mẫu trạch lân xử). Như vậy ta thấy cổ nhân có câu: Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng là chí lý vậy.

Khi con cái bắt đầu khôn lớn, ta phải luôn luôn để ý đến nó, quan sát nó, xem nó có : Dễ dạy không? Thông minh không? Có đường hoàng, thẳng thắn không, hay thường nói dối, gian trá. Nếu nó có những khuyết điểm trên, thì ta phải truy ra ngọn ngành, tại sao nó có những thói xấu đó. Rồi ta sẽ tìm cách sửa chữa cho nó bằng nhiều cách: Răn dậy một cách nghiêm khắc hoặc dùng hành vi, cử chỉ, tư cách của mình để nó bắt chước. Chớ nên nuông chiều con một cách thái quá, hoặc lộ liễu, để trẻ nó nhờn, sẽ khó dạy.

Trẻ học hành kém cỏi, ta phải xem cơ thể nó có yếu đuối không? tinh thần nó ra sao, và phải bồi bổ cho nó được đầy đủ sức khỏe.

Muốn cho con ham thích học hành, điều cần thiết nhất là phải lưu ý đến sự học của con, dù là nó luôn đứng đầu lớp, để nó vui thích vì thấy bố mẹ luôn chú ý đến nó. Nếu nó yếu về môn gì, thì phải tìm thầy dạy bổ túc, kèm thêm cho nó đừng để nó bị thầy và bạn trong lớp chê bai, như vậy mỗi khi đến lớp học nó sẽ có cái mặc cảm tự ti, và do đó nó sẽ hay trốn học, và sự sa ngã sẽ đến với nó một cách dễ dàng

Nếu trường hợp đứa con không thể học chữ được, thì nên tìm nghề cho nó học, và phải cho nó học đến nơi, đến chốn. **Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh,** ta nên luôn nhớ câu này. Trên đời chỉ có người dở, chứ không có nghề dở, nên con cái mà nghề nghiệp không ra gì, hoặc hoang đàng, thì chúng ta, những bậc cha mẹ cũng chịu một phần trách nhiệm vì đã thiếu sót trong sự dạy dỗ và quan sát con cái vậy.

21. 火雷噬嗑 HỎA LÔI PHỆ HẠP

噬嗑序卦
可觀而后有所合
故受之以噬嗑
嗑者合也

Phệ Hạp Tự Quái
Khả quan nhi hậu hữu sở hợp.
Cố thụ chi dĩ Phệ Hạp.
Hạp giả hợp dã.

Phệ Hạp Tự Quái

Ngắm trông sẽ hợp, sẽ thân,

Cho nên Phệ Hạp theo chân hình thành.

Phệ Hạp là hợp đã đành.

Phệ Hạp là nghiền nát để hợp. Nghiền nát đây là trừng trị những kẻ bất lương, những người ngang ngược, làm mất trật tự xã hội, làm cho dân tình ly tán, không hợp nhất được với nhau.

Phệ Hạp xét về tượng hình, y như cái mồm mắc vật cứng ở giữa, làm cho 2 hàm trên dưới không thể hợp nhau. Phải nghiền nát vật cứng nhiên hậu mới hợp nhau được.

Trong xã hội cũng vậy, cần phải diệt trừ nguyên do chia rẽ, nhân tình mới hòa hợp được. Vì thế cần phải dùng hình phạt. Hình phạt mà áp dụng cho trúng, đó là thương dân, vì nhờ vậy dân mới được yên ổn. **(Ái bách tính, cố hình phạt trúng. Hình phạt trúng, cố thứ dân an.)**

Trời dùng Sấm = Chấn = Lôi; Chớp = Ly = Hỏa, để đánh tan sự oi ả. Thánh nhân dùng hình phạt để dẹp tan mầm mống chia rẽ. Thế chính là **Pháp Thiên,** bắt chước Trời mà hành sự.

Phệ Hạp trên có Ly = Hỏa chỉ sự sáng suốt, dưới có Chấn = Sấm chỉ sự uy nghiêm. Sáng suốt nên không ai dấu được sự tình; uy nghiêm nên mọi người đều kiêng sợ. Đó chính là những đức tính của vị phán quan.

Quẻ Phệ Hạp tóm tắt lại cơ chế hình pháp đời xưa. Đời xưa, **Lễ, Nhạc, Hình, Chính (chính trị),** là 4 cách trị dân. Hình pháp cốt để giữ gìn trật tự, trừng trị những kẻ gây rối.

I. Thoán.

Thoán Từ.

噬 嗑：亨。 利 用 獄。

Phệ Hạp. Hanh. Lợi dụng ngục.

Dịch.

Cản trước, rồi ra mới hợp sau,

Ngục hình dùng đúng, lợi biết bao.

Thoán Từ trước hết giải hai chữ Phệ Hạp, là nghiền nát để hợp. Ý muốn nói nghiền nát hay trừng trị kẻ ngoan ngạnh trong xã hội, để xã hội được hoà hợp. Vì thế, Thoán Từ nói **Phệ Hạp hanh.**

Thoán Truyện.

彖 曰: 頤 中 有 物，曰 噬 嗑，噬 嗑 而 亨。剛 柔 分，動 而 明，雷 電 合 而 章。柔 得 中 而 上 行，雖 不 當 位，利 用 獄 也。

Thoán viết:

Di trung hữu vật. Viết Phệ Hạp. Phệ Hạp nhi hanh. Cương Nhu phân.

Động nhi minh. Lôi điện hợp nhi chương. Nhu đắc trung nhi thượng hành.

Tuy bất đáng vị. Lợi dụng ngục dã.

Dịch.

Vật cứng ngáng mồm là Phệ Hạp,

Cắn nghiền ra, rồi hợp mới hay.

Cứng, mềm, minh biện, phơi bầy,

Uy nghi, sáng suốt, ai tày phong quang.

Như sấm chớp rỡ ràng, lẫm liệt.

Tuy khoan Nhu, siêu việt ngôi trên.

Vị ngôi tuy chẳng ấm êm,

Nhưng khi gia phạt, cũng nên Nhu hòa.

Thoán Truyện nói: **Phệ Hạp nhi hanh.** Có trừng trị kẻ gây rối rồi, thì xã hội mới được hanh thông, an lạc.

Phệ Hạp có Ly = Nhu ở trên, Chấn = Cương ở dưới. Cương, Nhu lưỡng dụng đều đặn, phân minh. Ý nói khi áp dụng hình phạt, cũng như khi xử tội, phải áp dụng cả Cương lẫn Nhu (Cương Nhu phân).

Phệ Hạp có Chấn là Động, Ly là Minh, ý nói khi xử đoán tội tình cũng như thi hành hình phạt vừa minh, vừa uy (**Động nhi minh).** Minh, Uy phối hợp với nhau, sẽ như sấm chớp dẹp tan mọi chếch mác, đem hòa hợp và trị bình lại cho đất nước, vì thế nói: **Lôi điện hợp nhi chương.** Thoán Truyện viết tiếp: **Âm Nhu đắc trung nhi thượng hành.** Âm mà ở ngũ, thời đâu có đáng ngôi vị, nhưng mà đối với các công cuộc hình án, thời nó là **Nhu mà cư Cương.** Lòng vốn tốt, nhưng nghiêm, Cương để bảo trì luật pháp cũng là hay rồi. Thoán Truyện, vì thế viết tiếp: **Tuy bất đáng vị. Lợi dụng ngục dã.**

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰: 雷 電 噬 嗑 ; 先 王 以 明 罰 敕 法。

Tượng viết:

Lôi điện Phệ Hạp. Tiên vương dĩ minh phạt sắc pháp.

Dịch. Tượng rằng:

Phệ Hạp chớp lóe, sấm vang,

Tiên vương, hình phạt quyết mang răn đời,

Có răn, có phạt, hẳn hoi,

Dân gian sẽ sống theo đòi phép khuôn.

Tượng Truyện lại nhắc lại: **Lôi điện là Phệ Hạp.** Đó tức là uy minh lưỡng dụng. Các bậc Thánh Vương xưa thấy vậy, xác định lại hình phạt, chỉnh đốn lại luật pháp, để cho dân biết tôn trọng luật pháp.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào nói về cách áp dụng về hình phạt. Hào 1 và 6 vì vô vị nên tượng trưng cho người thụ hình, và cho tội nhân. Các Hào 2, 3, 4, 5 là những người có chức vị, có bổn phận phải thi hành hình phạt.

1. Hào Sơ Cửu.

初九：　履校滅趾，無咎。

象曰：　履校滅趾，不行也。

Sơ Cửu. Lý giáo diệt chỉ. Vô cữu.

Tượng viết:

Lý giáo diệt chỉ. Bất hành dã.

Dịch.

Tra cùm, làm mất ngón chân,

Gia hình thế ấy, có lầm lỗi chi.

Tượng rằng:

Tra cùm, làm mất ngón chân,

Hết đi, hết dám sa vòng tội khiên.

Hào Sơ tượng trưng cho người mắc khinh tội, bị phạt nhẹ, bị cùm chân, bị mất ngón chân. Thế là phạt nhẹ, để ngăn tiểu nhân đi vào con đường gian ác.

2. Hào Lục nhị.

六二:　　噬膚滅鼻，無咎。

象曰：　　噬膚滅鼻，乘剛也。

Lục nhị. Phệ phu diệt tị. Vô cữu.

Tượng viết:

Phệ phu diệt tị. Thừa Cương dã.

Dịch.

Nghiến da, nghiến mất mũi đi,

Gia hình thế ấy, chẳng chi lỗi lầm.

Tượng rằng:

Nghiến da, nghiến mũi, mất trơn,

Gặp người quá bướng, nghiêm hơn đã đành.

Hào hai tượng trưng cho một quan chức ngôi vị xứng kỳ đức, thi hành hình phạt theo đúng lẽ phải, cho nên dễ làm cho người phục; y như cắn vào da mềm vậy. Tuy nhiên, đôi khi cũng gặp phải những kẻ ương ngạnh, ngang ngược (**Thừa Cương),** nên phải dùng hình phạt nặng hơn **(diệt tị =cắt mũi),** mới trị được họ.

3. Hào Lục tam.

六三： 噬臘肉，遇毒；小吝，無咎。

象曰： 遇毒，位不當也。

Lục tam. Phệ tích nhục ngộ độc. Tiểu lận. Vô cữu.

Tượng viết:

Ngộ độc. Vị bất đáng dã.

Dịch.

Phường gian ngoan khi cần sửa phạt,

Khó như là day nát thịt khô.

Thịt khô dai ngoách, cứng đơ.

Phạt người chẳng nổi, hóa ra hại mình.

Trường hợp ấy, âu đành rắc rối,

Nhưng riêng mình, nào lỗi chi đâu.

Tượng rằng:

Phạt người mà hóa hại mình,

Là vì ngôi vị, quyền hành dở dang.

Hào Lục tam đề cập đến một vị phán quan chưa đủ uy tín, mà đã xử tội một kẻ gian ngoan, có quyền thế. Gặp trường hợp này có khác nào nhai phải miếng thịt khô, lại còn cả xương; nên nhai đã chẳng được, nhiều khi còn nhiễm độc, nhiễm hại.

4. Hào Cửu tứ.

九四： 噬乾胏，得金矢，利艱貞，吉。

象 曰：　利 艱 貞 吉，未 光 也。

Cửu tứ. Phệ can chĩ. Đắc kim thỉ. Lợi gian trinh. Cát.

Tượng viết:

Lợi gian trinh cát. Vị quang dã.

Dịch.

Thịt khô cắn nát như thường,

Thịt khô còn dính cả xương cũng nghiền.

Bắt người nộp cả vàng, tên.

Khó khăn mấy, cũng chu tuyền công phu.

Tượng rằng:

Gian nan, vất vả mới xong,

Uy danh chiếu rạng chưa cùng khắp nơi.

Cửu tứ trái lại là một vị phán quan Cương nghị. Tội nhân ngang ngạch bất trị như miếng thịt khô dính xương, cũng nghiền nát được. Chẳng những vậy, còn bắt phải nộp đủ lệ bộ án phí. Xưa nộp án phí bằng vòng vàng (kim câu), và tên bắn (Thúc thỉ = 1 bó 50 cái).

5. Hào Lục ngũ.

六 五:　噬 乾 肉，得 黃 金，貞 厲，無 咎。

象 曰：　貞 厲 無 咎，得 當 也。

Lục ngũ. Phệ can nhục. Đắc hoàng kim. Trinh lệ. Vô cữu.

Tượng viết:

Trinh lệ vô cữu. Đắc đáng dã.

Dịch.

Thịt khô nào khó cắn nghiền,

Lại còn được cả hoàng kim của người.

Tuy nhiên, chớ có dể ngươi,

Đề cao cảnh giác, vậy thời mới hay.

Tượng rằng: *Chẳng có dể ngươi,*

Vì ta chính vị, chính ngôi đã đành.

Hào Lục ngũ vì đắc trung nên có đủ quyền uy để xét xử, trừng phạt những vụ hình án lớn. Nói là hình án lớn, vì đây tội nhân phải xuất kim (nộp vàng, nộp kim câu làm án phí).

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 :　何 校 滅 耳 , 凶。

象 曰 :　何 校 滅 耳 , 聰 不 明 也。

Thượng Cửu. Hà giáo diệt nhĩ. Hung.

Tượng viết:

Hà giáo diệt nhĩ. Thông bất minh dã.

Dịch.

Mang gông mà mất cả tai,

Sự tình như thế, hung tai còn gì.

Tượng rằng:

Mang gông, đến mất cả tai,

Khôn thời đã vậy, ngoan thời chẳng ngoan.

Hào Thượng Cửu ám chỉ một tội nhân, vì đã đi quá trớn, đã làm điều xằng bậy quá lớn, nên bị trọng hình, mang gông mà mất cả tai.

ÁP DỤNG QUẺ PHỆ HẠP VÀO THỜI ĐẠI

Như trên ta đã biết, quẻ Phệ Hạp nói về luật pháp đời xưa. Vậy trước khi so sánh luật pháp xưa và nay, ta hãy tìm hiểu chúng. Trước tiên ta phải hiểu rõ, là bất kỳ ở Thời đại nào cũng vậy, hình pháp đặt ra cốt để giữ gìn trật tự, trừng trị những kẻ gây rối. Lễ Ký viết: **Những người dũng cảm, sức lực, thay vì dùng sức lực mình để thi hành lễ nghĩa, hoặc chiến thắng ngoại thù, mà lại dùng nó vào việc tranh dành ẩu tả, thời gọi là những kẻ gây rối. Khi hình phạt được thi hành trong nước, những kẻ gây rối sẽ bị trừng trị trước tiên. Như vậy dân mới phục lệnh, mới sống hẳn hoi, và nước nhà mới yên.**

Đối với hình án, người xưa rất nghiêm minh và thận trọng. Ví dụ: Vua Đại Võ và Cao Dao đã đặt mấy nguyên tắc cho nền hình pháp như sau:

1) Phán quan phải khoan hậu.

2) Không được phạt tới con cháu.

3) Tha các tội phạm vì vô tình.

4) Nhân nhượng đối với nghi tội.

4) Lỗi án lệ, còn hơn giết oan người.

5) Phán quan phải tỏ cho dân biết đức hiếu sinh của nhà vua (*Kinh thư, Đại Vũ Mô tiếp 12*).

Người xưa coi 5 hình phạt sau đây là nặng nhất gọi là ngũ hình:

1) **Mặc** = Thích chữ vào trán hay vào mặt.

2) **Tị** = Sẻo mũi.

3) **Ngoạt** = Cắt chân.

4) **Cung** = Hoạn đối với con trai dâm loạn, cấm cố đối với con gái dâm loạn.

5) **Đại tịch** = Chém đầu.

Theo Lễ ký, mỗi khi phải áp dụng ngũ hình, vị phán quan hết sức cẩn trọng:

- Phải để ý tình cha con, nghĩa vua tôi.

- Phải cân nhắc tội trạng cho hẳn hoi.

- Xét tâm tư tội nhân cho tinh tế.

- Phải dùng hết tài trí thông minh, và lòng trung ái của mình khi xét xử.

- Phải lưu ý đến mọi trường hợp.

- Khi nghi ngờ, phải hỏi ý dân. Dân mà nghi không chắc, mình sẽ tha.

- Phải khảo lại các án lệ trước. (*Lễ ký, Vương chế , IV, tiết 13*).

Mỗi khi gặp hình án quan trọng, Lục sự phải trình hồ sơ lên phủ đường. Phủ đường xét hồ sơ rồi đệ lên Đại Tư Khấu (Tổng Trưởng Tư Pháp). Đại Tư Khấu xét hồ sơ xong, đệ lên nhà vua. Nhà vua giao cho Tam Công xét lại. Tam công xét xong, đệ lên lại cho nhà vua, bấy giờ mới quyết định hình phạt.

Ngày nay, ở các nước văn minh, những người bị tội nhẹ như ẩu đả, trôm cắp v v ... thì bị xét xử nơi Tòa Tiểu hình, tội nhân sẽ bị phạt tiền, hoặc bị giam giữ ngắn hạn. Còn những tội như cướp của, giết người, gây rối trị an, lường gạt, bội tín sẽ bị coi là những trọng tội, và sẽ bị xét xử nơi Tòa Đại Hình, tùy theo tội nặng nhẹ mà bị giam giữ lâu, hay chóng, còn như giết người, tối đa sẽ có thể bị tử hình, chứ không có những hình phạt dã man như ngày xưa.

Tóm lại, ở Thời đại nào, chính quyền đặt ra luật pháp cũng chỉ cốt là bảo vệ dân. Vậy làm dân, chúng ta tốt nhất là phải tôn trọng luật pháp, và bảo vệ luật pháp.

22. 山 火 賁 SƠN HỎA BÍ

賁 序卦
賁者飾也
物不可以苟合而已
故受之以賁
賁者飾也

Bí Tự Quái

Phệ Hạp là hợp đã đành,

Hợp, đâu là phải mặc tình nhố nhăng,

Cho nên quẻ Bí theo chân.

Bí là trang sức, vẻ văn rỡ ràng.

Quẻ Bí bàn về văn vẻ của Bản thể, bàn về Thiên văn và Nhân văn. Ta sẽ đem Dịch mà giải Thiên văn, Nhân văn một cách đại cương, vắn tắt.

Thiên văn Trung Hoa (khái niệm). Trên Trời thì Thái Cực, hay Tuyệt Đối Thể trở thành Thiên Hoàng = Thượng đế, ngự ở toà Bắc Thần, làm khu nữu (tâm điểm của vòng tròn) cho muôn vì tinh tú, còn Vòng Dịch, có thể tượng trưng được bằng vòng Nhị Thập Bát tú bên ngoài.

Như vậy chỉ có Bắc Thần là trục, còn cả bầu trời và muôn vì tinh tú đều xoay tròn xung quanh.

Sau khi nói đại khái về Thiên văn, ta quay về quẻ Bí.

Bí là văn vẻ bên ngoài, tinh quang trời (Ly), lẩn sau lớp màn vạn hữu (Cấn), làm cho vạn hữu bừng sáng lên. Có chất tức là có văn, chất càng chói lọi tinh ròng, văn càng sáng sủa đẹp đẽ. Cái vẻ đẹp

của Trời Đất, Nhân quần, Vạn Hữu, được phát sinh là do sự giao thoa của đủ mọi hạng, mọi loài:

-Quang/Tiềm.
-Chính/Tùy
-Khang/Tiến

I. Thoán.

Thoán Từ.

 賁：亨。 小 利 有 所 往。

 Bí. Hanh. Tiểu lợi hữu du vãng.

 Dịch. Thoán Từ:

Có văn, có vẻ cũng hay.

Cũng đôi chút lợi, cũng dầy công lao.

Ở trên trời, Văn sinh ra do sự giao thoa giữa các vì tinh thể. Giao thoa đúng cách, đúng điệu thì hay. Giao thoa lỗi phách, lạc cung thì dở.

Ở **trong Nhân quần**, nhân văn sinh ra là do sự giao thoa, sự hỗ tương ảnh hưởng giữa các tầng lớp con người. Sự giao thoa đúng cách, đúng điệu sẽ sinh ra mọi sự cát tường, sự giao thoa sai hướng, ngược chiều, sẽ sinh ra loạn ly, phân cách. Vì thế Thoán Từ cho rằng: **Trông xem Thiên Văn sẽ biết chiều trời, biết trời biến hóa. Nhìn xem nhân văn, sẽ biết liệu chiều điểm xuyết cho Nhân quần ngày một thêm đẹp, thêm tươi.** Tuy nhiên, luôn nhớ rằng: cái văn sức bên ngoài chỉ là tùy thuộc **(Bí. Hanh. Tiểu lợi hữu du vãng).**

Thoán Truyện.

彖 曰: 賁，亨; 柔 來 而 文 剛，故 亨。分 剛 上 而 文 柔，故 小 利 有 攸 往。天 文 也; 文 明 以 止，人 文 也。觀 乎 天 文，以 察 時 變; 觀 乎 人 文，以 化 成 天 下。

Thoán viết:

Bí hanh. Nhu lai nhi văn Cương. Cố hanh. Phân Cương thượng nhi văn Nhu. Cố tiểu lợi hữu du vãng. Thiên văn dã. Văn minh dĩ chỉ. Nhân văn dã. Quan hồ thiên văn. Dĩ sát thời biến. Quan hồ nhân văn. Dĩ hóa thành thiên hạ.

Dịch. *Thoán viết:*

Có văn vẻ cũng hay, cũng lợi,

Nhu đến thêm phong thái cho Cương.

Cương lên tăng vẻ huy hoàng,

Cho Nhu thêm vẻ rỡ ràng, đẹp tươi,

Âu cũng được thêm đôi chút lợi,

Công trình âu thêm nổi, thêm hay.

Cương, Nhu đắp đổi vần xoay,

Vẻ Trời nhờ đó, đổi thay lần hồi.

Kìa, nền nếp vị ngôi đạo nghĩa,

Ấy chính là văn vẻ con người.

Thiên Văn để biết thời Trời

Nhân Văn để khiến cho đời thêm hay.

Nhân quần chỉ đẹp tươi, khi mà xã hội có trật tự, tôn ti, tùy theo tài đức; khi mà mọi người, trên, dưới hòa hợp theo đúng lý tưởng, nhân nghĩa; khi mà mọi người thỏa thuê vì số phận, vì địa vị của mình

Vạn hữu chỉ thực sự đẹp tươi, khi mà vật chất trở nên công cụ trang điểm cho tinh thần, khi mà vật chất là trang sức bên ngoài, mà tinh thần là thực chất bên trong

Ngược lại, Vạn hữu chỉ đẹp tươi, khi mà tinh thần làm cho vật chất trở nên rạng rỡ. Đã ở trong thế giới tương đối hữu hình, dĩ nhiên Tinh thần và Vật chất, Âm và Dương hỗ tương ảnh hưởng

để sinh ra biến thái, cho nên nguyên có Chất cũng không được, mà nguyên có Văn cũng không xong. Cái khéo là đào luyện sao cho trong thì tinh ròng, ngoài thì văn vẻ, trang nhã mới là hoàn hảo. Luận Ngữ nói: Chất thắng văn thời quê mùa, Văn thắng chất thời xã giao bôi bác. Văn chất tương xứng mới là quân tử. (L. N.VI, 11)

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰: 山 下 有 火，賁；君 子 以 明 庶 政，無 敢 折 獄。

Tượng viết. **Sơn hạ hữu hỏa. Bí. Quân tử dĩ minh thứ chính. Vô cảm chiết ngục.**

Dịch. Tượng rằng:

Bí *là lửa rực ven non,*

Hiền nhân trang nhã, nhu khoan với người.

Việc thường nhã nhặn, xong xuôi.

Đến như hình án, âu thời uy nghiêm.

Tượng áp dụng cái văn vẻ, duyên dáng của Trời Đất ấy vào công việc thường xuyên của công bộc quốc gia, và cho rằng trong khi giải quyết các công việc thường nhật, cần phải vui tươi, hòa nhã với người. Khi nào phải xử những hình án nghiêm trọng, mới nên phô trương cái uy thế nghiêm ngặt.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện.

Hào đề cập đến cái văn vẻ, đẹp đẽ thực sự của con người:

1. Hào Sơ Cửu.

初 九： 賁 其 趾，舍 車 而 徒。

象 曰： 舍 車 而 徒，義 弗 乘 也。

Sơ Cửu. Bí kỳ chỉ. Xả xa nhi đồ.

Tượng viết:

Xả xa nhi đồ. Nghĩa phất thừa dã.

Dịch.

An phận dưới, lập thân tu đức.

Chẳng đi xe, đi đất cũng xong.

Tượng rằng:

Bỏ xe, đi đất vậy thôi,

Xe vô nhân nghĩa, ta thời chẳng đi.

Hào Sơ cho rằng: Cái văn vẻ, đẹp đẽ nhất của con người là theo được nghĩa lý. Cho nên làm trái mà được đi xe, không bằng làm phải mà đi bộ.

2. Hào Lục nhị.

六二：　賁其須。

象曰：　賁其須，與上興也。

Lục nhị. Bí kỳ tu.

Tượng viết:

Bí kỳ tu. Dữ thượng hưng dã.

Dịch.

Hào hai, râu đẹp vì cằm.

Tượng rằng: *râu đẹp vì cằm.*

Cố sao theo đúng tinh thần cấp trên.

Hào nhị cho rằng: Cái văn vẻ, đẹp đẽ chân thực của con người,

phải phát xuất từ nội tâm, từ thực chất bên trong, từ sự thượng hạ hòa mục, chứ chẳng phải là do những sự giả tạo, phù phiếm bên ngoài. Ví như râu đẹp, nhưng đẹp chính là do khí huyết phương cương bên trong, và do bộ cằm, bộ mặt đẹp đẽ.

3. Hào Cửu tam.

九三： 賁如濡如，永貞吉。

象曰： 永貞之吉，終莫之陵也。

Cửu tam. Bí như nhu như. Vĩnh trinh cát.

Tượng viết:

Vĩnh trinh chi cát. Chung mạc chi lăng dã.

Dịch.

Cửu tam văn vẻ, rỡ ràng.

Mà lòng giữ trọn cương thường, mới hay.

Tượng rằng:

Cương thường trọn vẹn, mới hay.

Cuối cùng, sẽ chẳng bị ai khinh nhờn.

Cái văn vẻ thuần nhã, thanh lịch bên ngoài, luôn luôn phải được bảo đảm bằng sự minh chính bên trong mới tốt.

4. Hào Lục tứ.

六四： 賁如皤如，白馬翰如，匪寇婚媾。

象曰： 六四，當位疑也。匪寇婚媾，終無尤也。

Lục tứ. Bí như ba như. Bạch mã hàn như. Phỉ khấu hôn cấu.

Tượng viết:

Lục tứ đáng vị. Nghi dã. Phỉ khấu hôn cấu. Chung vô vưu dã.

Dịch. Hào Lục tứ.

Ngoài văn vẻ, mà trong thuần phác,

Văn vẻ ưa, đạo đức cũng ưa.

Khát khao đức hạnh sớm trưa,

Bạch câu nếu có, băng qua mấy hồi,

Nếu không bị chia phôi, gàng quải,

Đạo và ta sẽ mãi tất giao.

Tượng rằng: *Lục tứ đáng ngôi,*

Tuy còn nghi hoặc, tới lui chưa dành,

Nếu không gàng quải, yến oanh.

Đạo Trời phối hợp, tốt lành mấy mươi.

Hào tư mô tả nỗi niềm một người có văn vẻ bên ngoài, nhưng không ham chuộng cái văn vẻ ấy, mà lòng chỉ luôn ước mơ về với cái bản thể thuần phác bên trong, muốn lâng lâng thoát được vòng cương toả của ngoại cảnh, cưỡi thần mã về cùng Chí đạo.

5. Hào Lục ngũ.

六五：　賁于丘園，束帛戔戔，吝，終吉。

象曰：　六五之吉，有喜也。

Lục ngũ. Bí vu khâu viên. Thúc bạch tiên tiên. Lận. Chung cát.

Tượng viết:

Lục ngũ chi cát. Hữu hỷ dã,

Dịch.

Hiền nhân trang nhã điền viên,

Vài ba tấm lụa, nhỏ nhen xá nào.

Thật là tiết kiệm, đến điều.

Đơn thuần, rút cuộc có nhiều cát hanh.

Tượng rằng: *Kiệm, phúc mới hay,*

Là vui cho nước, là may cho đời.

Hào ngũ cho rằng: Càng ở ngôi vị cao quí, lại càng phải tìm lấy cái vẻ đẹp đẽ cao quí của một đời sống thuần phác, giản dị, ưa thực chất, không ưa phù phiếm, cần kiệm chẳng chuộng xa hoa.

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 :　白 賁 , 無 咎。

象 曰 :　白 賁 無 咎 , 上 得 志 也。

Thượng cửu. Bạch bí. Vô cữu.

Tượng viết:

Bạch bí vô cữu. Thượng đắc chí dã.

Dịch.

Rồi ra ngọc trắng, gương trong,

Trắng trong, thấu suốt, mới mong tinh tuyền.

Tượng rằng:

Trắng trong, thấu suốt tinh tuyền,

Người trên vậy đã phỉ nguyền ước mong.

Hào Thượng cửu cho rằng: Cái đẹp đẽ nhất, cái văn vẻ nhất, chính là sự thuần phác của bản thể. Con người mà hiểu được như vậy, mà quay về được với gốc, với nguồn như vậy thực là không ai có thể chê trách được.

ÁP DỤNG QUẺ BÍ VÀO THỜI ĐẠI

Khi tôi soạn tới phần Áp dụng của quẻ Bí, là một quẻ liên quan nhiều ít đến Thiên Văn, thì nước Hoa Kỳ bị sôi động bởi 1 vấn đề Thiên Văn nóng hổi**:** Đó là: **Các Hành Tinh có người hay không?** Báo Time ra ngày 19 tháng 8 năm 1996, đã đăng tải rằng, cách đó một tuần, cơ quan Hàng Không **NASA,** trong một cuộc họp báo truyền thanh tại Washington, đã đem trình bày một cục vẫn thạch, tức là một cục đá rơi từ Hỏa Tinh xuống đất, (cách đây khoảng 13,000 năm), xuống vùng Allan Hills ở Nam Cực. Cục đá này gọi là ALH84001, nặng 4,2 pounds, tức là to bằng 1 củ khoai tây. Các nhà Khoa Học nhìn vào trong đó, thấy có những dấu vết vật lý, hoá học của sự sống. Nghĩa là thấy dấu vết của những con vi trùng tí hon, sống cách đây khoảng 4 tỉ năm**. Báo Science trong tuần này,** cũng đứng ra đăng những hình chụp chứng minh rằng những hình như con sâu nhìn thấy trong mảnh đá đó, có thể là những sinh vật xưa. Tổng Thống Hoa Kỳ Clinton tuyên bố**:** Ngày nay hòn đá 84001 nói với chúng ta, qua nhiều tỉ năm, và nhiều triệu dặm. Nó còn cho biết có thể có sự sống. Nếu sự khám phá trên mà đúng, thì thật là một cái nhìn ngỡ ngàng vào Vũ Trụ, mà Khoa Học đã đem lại cho chúng ta. Nói thế, có nghĩa là cách đây 3,6 tỉ năm, Hỏa tinh đã từng có nước, có vi trùng sống trong những kẹt nhỏ của Hỏa Tinh. Nhưng sau đó, thì biển và không khí đã biến mất trên Hỏa Tinh. Đã có một vẫn thạch rớt xuống từ Hỏa Tinh, và bắn xuống trái đất.

Ông DANIEL GOLDIN, người điều hành NASA cho biết cuộc họp báo đã làm ông hết sức xúc động, như muốn nín thở. Ông DAVID MCKAY, trưởng phái đoàn NASA cho biết còn thấy dấu vết của chất hóa học hữu cơ gọi là PAHS. Và nhóm ông đã mất 2 năm rưỡi trời mới đi đến kết luận là xưa đã có sự sống trên Hỏa Tinh.

Các nhà Thần Học cũng bị xúc động không kém. Chúng ta nên nhớ các đạo Giáo lớn Âu Châu xưa nay tin rằng chỉ có Trái Đất mới có

Sinh Vật. **Báo LOS ANGELES TIMES ngày 17 tháng 8 năm 1996,** đã đăng bài nói rằng: Các nhà Thần học sợ hãi, khi thấy có thể có người trên Hỏa Tinh. tuy nhiên, họ nói ngày nay không còn là thế kỷ 16, khi Giáo Hội cấm đoán Copernicus và Galileo không được giảng dạy là Trái Đất không phải là trung tâm vũ trụ.

Nếu chúng ta nhìn vấn đề bao quát hơn, ta thấy dân Mỹ từ năm 1947, đã có luận điệu khác. Trong một cuộc thăm dò dư luận của báo Newsweek hồi đầu tháng 7 vừa qua, thì có 48% dân Mỹ tin rằng người Hành Tinh & Đĩa Bay là có thật, và có 29% tin rằng đã có nhiều người tiếp xúc được với người Hành Tinh; 48% dân Mỹ cho rằng: chính phủ đã bưng bít vấn đề.

Nhiều người Mỹ tin rằng: đĩa bay còn có cứ địa 51, nằm trên một khoảng xa lộ 375 ở Tiểu Bang NEVADA.

Năm 1947, báo chí loan tin có một đĩa bay rớt xuống nước Mỹ, và đã được chính phủ Mỹ đem về cất dấu ở cứ địa đó. Hồi tháng 4 năm 1966, thống đốc Tiểu Bang NEVADA đã chính thức đổi tên Xa Lộ 375 thành Xa Lộ EXTRATERRESTRIAL (Xa lộ Hành tinh), và nay thành phố Rachel ở Nevada đã trở thành thánh địa của Giáo phái ĐĨA BAY. Chúng ta nên biết rằng sự sống chỉ có thể có được trên các Hành Tinh mà thôi.

Và chúng ta cũng biết Thái Dương Hệ, trừ Trái Đất mà chúng ta đang sống, còn có 8 hành tinh. Đó là **Kim (Venus), Mộc (Jupiter), Thủy (Mercure), Hỏa (Mars), Thổ (Saturne), Uranus, Neptune, Pluto.** Ngày nay, người ta tìm được 3 Hành Tinh khác: một ở ngôi sao 47 trong chòm sao Ursa Major = Đại Hùng Tinh; hành tinh 2 là ở ngôi sao 70 trong chòm sao Virgo = Xử Nữ; hành tinh 3 ở ngôi sao 52 trong chòm sao Pegasus = Thiên Mã.

Tóm lại, chuyện người Hành Tinh xuống là chuyện xa vời. Nên ta hãy yên trí, đừng bận tâm đến nó.

23. 山 地 剝 SƠN ĐỊA BÁC

剝 序 卦 Quái
賁 者 飾 也 dã.
致 飾 然 后 Chí sức nhiên hậu
亨 則 盡 矣 Hanh tắc tận hỹ.
故 受 之 以 剝 Cố thụ chi dĩ Bác.
剝 者 剝 也 Bác giả bác dã.

Bác Tự Quái

Khi mà văn vẻ đàng hoàng,

Quá hay, rồi cũng sẽ tàn, sẽ suy.

Cho nên Bác tiếp chu kỳ.

Bác là bác lạc, suy vi, điêu tàn.

Quẻ Bác là một trong 12 quẻ dùng để chỉ sự vận chuyển tuần hoàn của guồng máy Âm Dương, của tiết khí, cũng như dùng để mô tả sự doanh hư, tiêu tức, sự thịnh suy, thăng trầm, tụ tán của vũ trụ và vạn vật.

Mười hai quẻ ấy là:

- Cấu, Độn, Bĩ, Quan, Bác, Khôn,

- Phục, Lâm, Thái, Đại Tráng, Quải, Kiền.

Ta nhận thấy:

Nơi **6 quẻ trên (Cấu… Khôn),** Âm là chủ, và Dương biến dần thành Âm.

Nơi **6 quẻ dưới (Phục ... Kiền),** Dương là chủ, và Âm biến dần thành Dương.

Đó là sự biến hoá hai chiều, hai mặt của một thực thể là Thái Cực.

Quan

Âm trưởng, Dương tiêu

Đ.Tráng

Dương trưởng, Âm tiêu

Mười hai quẻ Dịch **tiêu tức** của đồ hình trên:

Vòng Âm trưởng, Dương tiêu:

Cấu (tháng 5), Độn (tháng 6), Bĩ (tháng 7)

Quan (tháng 8), Bác (tháng 9), Khôn (tháng 10).

Vòng Dương trưởng, Âm tiêu:

Phục (tháng 11), Lâm (tháng12), Thái (tháng 1)

Đ.Tráng (tháng 2), Quải (tháng 3), Kiền (tháng 4)

Thấu triệt đồ hình của 12 quẻ trên, ta sẽ hiểu lẽ biến dịch, tiết tấu của vũ trụ, của lịch sử nhân quần, và của vạn vật.

A. Về vũ trụ: Ta thấy rằng vũ trụ có tụ, có tán. Vũ trụ của chúng ta còn đang ở trong thời kỳ tán, và ngày nay đang tiến về phía biên. Nhờ phương pháp thâu quang phổ (Spectroscopy), và dựa vào định luật Dopper-Fizeau, các nhà Thiên văn học khám phá ra rằng các giải ngân hà đang đua nhau tiến về miền biên viễn, và vũ trụ y như là cái bọt xà phòng của trẻ con chơi đang được thổi phồng lên, theo lý thuyết của Georges Lemaître, đã được Hubble và Eddington xác nhận (Pierre Rousseau, Histoire de la Science, page.769).

B. Mười hai quẻ **Dịch tiêu tức, (từ quẻ Cấu = tháng 5 ta, tới quẻ Khôn là tháng 10 ta, tức là** Âm trưởng, Dương tiêu. **Từ quẻ Phục = tháng 11 ta, tới quẻ Kiền là tháng 4, tức là** Dương trưởng Âm tiêu**)** nói trên, còn được dùng để phác họa lại bộ mặt biến thiên của tiết khí, của bốn mùa. Quẻ Bác là quang cảnh từ tháng 9 ta trở đi, lúc mà Trời đem sương pha, tuyết phủ lên cỏ cây, làm cho cây trơ trụi lá, cành xơ xác cành. Lúc ấy, may mắn lắm, mới còn được một vài quả lủng lẳng trên những cành cao, còn lại được là vì người muốn ăn, mà ngại hái.

C. Xét về trào lưu Lịch sử: Bác là lúc mà vật đạo thịnh, thiên đạo suy; bao nhiêu cái hay, cái đẹp đều chạy ra ngoài bì phu, đều dồn cả vào vật chất. Đó là thời kỳ mà nhân loại chạy theo dục vọng, tiền tài, bỏ cái gốc là đức hạnh, mà chạy theo cái ngọn là danh lợi.

Xét về phương diện vật chất, thì đó là thời kỳ huy hoàng nhất, nhưng xét về phương diện tinh thần, thì đó là thời kỳ sa đọa nhất. Đó là thời kỳ tiểu nhân đánh trống, phất cờ, còn quân tử thì lao đao, lận đận, chạy được miếng ăn đã khó, giữ được thân là may.

Bác là bác lạc, suy tàn, Âm khí tăng, Dương khí giảm, tà thuyết thịnh, chính đạo suy. Đó là thời kỳ mà nơi kinh thành, thì thiếu lãnh tụ anh minh, ngoài đồng nội vắng hiền nhân, quân tử.

I. Thoán.

Thoán Từ.

剝：不 利 有 攸 往。

Bác. Bất lợi hữu du vãng.

Dịch. Thoán Từ.

Bác là rạn nứt, suy vi.

Làm gì, cũng chẳng ra chi nữa rồi.

Thoán Truyện. Thoán viết.

彖曰: 剝，剝也，柔變剛也。不利有攸往，小人長也。順而止之，觀象也。君子尚消息盈虛，天行也。

Bác. Bác dã. Nhu biến cương dã. Bất lợi hữu du vãng. Tiểu nhân trưởng dã. Thuận nhi chỉ chi. Quan tượng dã. Quân tử thượng tiêu tức doanh hư. Thiên hành dã.

Dịch.

Bác là rạn nứt, suy vi.

Nhu toan thay đổi trọn bề Dương cương.

Làm gì cũng sẽ dở dang.

Tiểu nhân đang lúc nghênh ngang gặp thời.

Theo thời, dừng lại đi thôi,

Nhìn vào Tượng quẻ, cũng ngơi, cũng ngừng.

Hiền nhân, xin chớ băn khoăn,

Doanh hư, tiêu tức lẽ hằng xưa nay.

Lẽ trời có lúc vơi đầy,

Cũng khi tăng giảm, cũng ngày thịnh suy.

Thoán cho rằng: đó là thời kỳ tiểu nhân hoành hành, còn quân tử thì chẳng làm ăn dở dói gì được. Dịch kinh an ủi người quân tử hãy nên nhẫn nhục, hãy nên biết cơ trời, thời Trời vì: Sông có khúc, người có lúc.

II. Đại Tượng Truyện.

象曰: 山附地上，剝; 上以厚下，安宅。

Tượng viết: **Sơn phụ ư địa. Bác. Thượng dĩ hậu hạ an trạch.**

Dịch. Tượng rằng:

Bác là núi tựa đất dày,

Người trên hãy xử đặn đầy với dân.

Với dân đầy đặn ở ăn,

Rồi ra địa vị tư thân vững vàng.

Tượng từ tạm quên những chuyện phôi pha, bác lạc mà dạy ngược lại rằng: Khi người quân tử ở trên mà cầm quyền trị dân, phải biết chăm sóc cho dân, vì dân là nền tảng cho quốc gia. Dân có mạnh, thì nước mới bền; dân có hay thì mình mới vững. Mình mà mất dân thì cũng như là núi mất đất, sẽ không còn có nơi nương tựa, và cảnh suy vong, bác lạc sẽ đến.

Xét về Tượng quẻ: Quẻ Bác trên là 1 hào Dương liền, dưới là 5 Hào Âm, trông giống như cái giường có chân, có mặt; hay cái nhà có mái, có vách. Vì thế, Hào Sơ, Hào nhị, Hào tứ vẽ ra một cảnh phá giường. Trước tiên chặt chân giường (hào1), rồi phá khung giường (hào 2), Kế đến thang giường, rồi lại xoay tới cả đến người nằm ngủ trên giường (hào 4).

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Lục.

初六:　剝床以足，蔑貞凶。

象曰：　剝床以足，以滅下也。

Sơ lục. Bác sàng dĩ túc. Miệt trinh hung.

Tượng viết.

Bác sàng dĩ túc. Dĩ diệt hạ dã.

Dịch

Sơ lục. Chân giường phá hủy,

Phá Cương thường, đạo lý xấu thay.

Tượng rằng:

Phá hủy chân giường,

Tiêu hao gốc rễ, Cương thường, mới nghe.

2. Hào Lục nhị.

六二：　剝床以辨，蔑貞凶。

象曰：　剝床以辨，未有與也。

Lục nhị. Bác sàng dĩ biện. Miệt trinh hung.

Tượng viết:

Bác sàng dĩ biện. Vị hữu dữ dã.

Dịch.

Hào Lục nhị: Thang giường bị phá,

Phá cương thường thêm nữa, xấu thay.

Tượng rằng:

Bác mà không bị chê bai,

Là vì đã biết xa rời dưới trên.

Hào Sơ & Hào Nhị có ý nói: Tiểu nhân có nhiều thủ đoạn để hãm hại người quân tử. Khi họ đắc thế, có bày có bọn, mà quân tử thời lẻ bạn, lẻ bày, cô thân, cô thế, họ sẽ tìm cách hãm hại người quân tử. Họ làm cho người quân tử mất công, mất việc, mất cơ sở sinh nhai, mất cả môi trường hoạt động, mất sự an lạc tĩnh lãng, hồn nhiên. Ví như người quân tử có cái giường, mà tiểu nhân đến chặt chân cho khập khiễng, đến phá thang, cho hư, cho gẫy (hào 1 & 2).

3. Hào Lục tam.

六三：剝之，無咎。

象曰：剝之無咎，失上下也。

Lục tam. Bác chi vô cữu.

Tượng viết:

Bác chi vô cữu. Thất thượng hạ dã.

Dịch

Không xu phụ với tiểu nhân,

Thế nên tránh được mọi phần chê bai.

Tượng rằng:

Bác mà không bị chê bai,

Là vì đã biết xa rời dưới trên.

Tuy nhiên, không phải là ai cũng xấu. Có những người tuy bề ngoài về phe phái với tiểu nhân, nhưng trong lòng vẫn hướng về người quân tử, vẫn muốn ám trợ người quân tử. Đó là như Trần Bình không nỡ chuốc rượu cho Bái Công nơi Hồng Môn hội yến, để Bái Công khỏi bị say sưa mà thất thế; sau lại còn giúp cho Bái Công đào tẩu (*Tây Hán Chí, Thanh Phong dịch, trang 131*).

4. Hào Lục tứ.

六四：　剝床以膚，凶。

象曰：　剝床以膚，切近災也。

Lục tứ. Bác sàng dĩ phu. Hung.

Tượng viết:

Bác sàng dĩ phu. Thiết cận tai dã.

Dịch.

Đẽo giường, đẽo cả đến da,

Đã đành rằng xấu, biết là mấy mươi.

Tượng rằng:

Đẽo giường, đẽo cả đến da,

Thế là tai họa, nguy cơ gần kề.

Chẳng những hại cho mất công ăn việc làm không thôi, kẻ tiểu nhân còn muốn vạc da, đẽo thịt người quân tử, làm cho lầm than, điêu đứng, mới vui, mới thỏa.

5. Hào Lục ngũ.

六五：　貫魚，以宮人寵，無不利。

象曰：　以宮人寵，終無尤也。

Lục ngũ. **Quán ngư. Dĩ cung nhân sủng. Vô bất lợi.**

Tượng viết:

Dĩ cung nhân sủng. Chung vô cữu dã.

Dịch.

Thống lĩnh quần Âm, thuận phục Dương,

Y như Vương Hậu dẫn cung nương,

Lũ là, lũ lượt, in sâu cá,

Được chuộng, lại không lỗi đạo thường.

Tượng rằng:

Hướng dẫn cung phi được sủng ân.

Cơ sự rồi ra chẳng lỗi lầm.

Hơn thế nữa, có những người đã lên tới bậc lãnh tụ quần Âm, đã thống xuất cả bầy, cả đảng tiểu nhân, mà có khi còn biết xướng xuất giắt nhau trở về cùng chính nghĩa. Đó là trường hợp vua A-Dục đem dân trở về cùng Phật giáo, vua Constantin, vua Clovis đem dân trở về cùng Công Giáo...

6. Hào Thượng Cửu.

上九： 碩果不食，君子得輿，小人剝廬。

象曰： 君子得輿，民所載也。小人剝廬，終不可用也。

Thượng Cửu. Thạc quả bất thực. Quân tử đắc dư. Tiểu nhân bác lư.

Tượng viết:

Quân tử đắc dư. Dân sở tải dã. Tiểu nhân bác lư. Chung bất khả dụng dã.

Dịch:

Chưa ăn, quả lớn vẫn treo cây.

Quân tử được xe, thế mới hay,

Tiểu nhân ví thử manh tâm hại,

Mái nhà giật sập, ở đâu đây?

Tượng rằng: *Quân tử được xe,*

Vì dân mến chuộng, chẳng hề đổi thay,

Mái nhà giật đổ nào hay,

Cuối cùng tay trắng, trắng tay, bẽ bàng.

Gặp thời Bác, tức thời đảo điên, ly loạn, thì số người quân tử còn lại rất là thưa thớt, y như vài quả may ra còn sót lại đầu cành. Tuy ít, nhưng đó chính là hứa hẹn cho sự phục sinh tinh thần sau này, và chính cũng là bằng chứng chính nghĩa, chẳng bao giờ có sức gì làm suy vong, tiêu diệt được. Mà lạ hơn nữa, người quân tử khi ấy vẫn được dân kính, dân tôn, vẫn có thể còn được lên xe, xuống ngựa. Kẻ tiểu nhân nếu cố tâm hủy diệt cho tận tuyệt quân tử, cho tận tuyệt chính nghĩa và đạo lý. thì có khác chi con người ngu dại, tự nhiên đem kéo sập nhà mình đang ở, rồi ra sẽ lấy gì che nắng, che mưa, Thế chính là **Hàm huyết phún nhân, tiên ô tự khẩu (Ngậm máu phun người, trước bẩn miệng mình).**

ÁP DỤNG QUẺ BÁC VÀO THỜI ĐẠI

Trời đất, quốc gia, cũng như con người chúng ta luôn tuần hoàn, đầy rồi lại vơi, vơi rồi lại đầy, thịnh rồi lại suy, suy rồi lại thịnh, nhưng đến thời kỳ Bác là thời kỳ suy tàn nhất.

- **Về Trời đất, Bác thuộc tháng 9,** lúc đó Âm khí tăng, Dương khí giảm, thời tiết bắt đầu sang mùa đông, cây cỏ bắt đầu Cây trơ trụi lá, cành sơ xác cành. Nơi miền Cực Bắc, thì sương tuyết đầy đường, năng lực Trời Đất tiêu hao, vạn vật như không còn sức để triển dương.

- **Đối với Quốc Gia,** thì thiếu người tài giỏi chỉ huy, mọi người trở nên cao ngạo, nhố nhăng, sống gặp hay chăng chớ. Đó là thời kỳ nhiễu nhương, ly loạn, sẻ nghé, tan đàn. Đó là thời kỳ:

Trời làm một trận lăng nhăng,

Ông lại xuống thằng, thằng lại lên ông.

- Đối với cá nhân con người , thời **quẻ Bác** là thời khốn khổ, suy vi nhất. Trong cảnh tha hương này, số người gặp phải thời **quẻ Bác** không phải là ít. Thất nghiệp, không nhà ở, không thân thích, không tiền bạc, nếu lại gặp cảnh yếu đau nữa, thì sự khổ sở không sao tả xiết. Gặp hoàn cảnh này, họ rất dễ bị xa ngã, nếu họ chẳng may gặp phải kẻ chẳng ra gì, lợi dụng sự khốn khó của họ để đưa họ vào con đường bất chính. Những người không may này, nếu sớm biết hồi tỉnh, trở về chánh nghĩa, thì chẳng đáng bị chê trách. Còn những người, sống được sự giúp đỡ của bố mẹ, của

chính quyền để ăn học, nhưng đã chơi bời phóng túng, bỏ bê học hành, **lười biếng** không chịu làm ăn, để đến nỗi thân tàn, ma dại; hoặc những người đã có gia đình, đã có công ăn, việc làm hẳn hoi, nhưng vì **quá tự mãn**, coi mình là nhất thiên hạ, không còn lo lắng gì về tương lai, sẵn có uy tín nên vay mượn dễ dàng, đâm ra bài bạc, lâu dần công nợ chồng chất, thậm chí còn đánh đập vợ để lấy tiền cờ bạc. Rốt cuộc, cửa nhà tan nát, vợ con ly tan. **Đó thật là thời Bác không tới mình, mà mình tự đi tìm thời Bác vậy.** Những loại người kể trên này, nếu không kịp thời tỉnh ngộ, ăn năn, hối cải thì sớm muộn gì cũng sẽ đi đến tình cảnh tang thương, không gì cứu vãn nổi.

Đời sống của chúng ta, **nếu** TRỜI HẠI TA, thì ta còn cứu ta được, bằng sự cố gắng, cầu tiến, tiết kiệm, chịu khó. Nhưng nếu TA TỰ HẠI TA, thì không ai cứu nổi. **Ta luôn luôn phải ghi nhớ câu này.**

24. 地 雷 復 ĐỊA LÔI PHỤC

復 序 卦 Quái
剝 者 剝 也 dã.
物 不 可 以 終 盡 chung tận.
剝 窮 上 反 下, Thượng phản hạ.
故 受 之 以 復. Phục.

Phục Tự Quái

Sự đời đâu mãi tan hoang,

Bác cùng trên dưới, đôi đàng trở trăn.

Cho nên Phục đã theo chân...

Quẻ Phục là một trong những quẻ quan trọng của Dịch kinh; nói lên được lẽ Âm Dương tiêu trưởng, lẽ phản phục của Trời Đất và của tâm lý con người. Từ xưa tới nay, các nhà bình giải cũng đã nhận định được rằng: Quẻ Phục đề cập đến 2 vấn đề:

- Sự hồi phục của khí Dương.

- Sự hồi phục của nhân tâm về cùng đạo lý.

Ngày nay, với sự **tiến triển của Khoa Học,** với sự phổ biến của các **Triết thuyết Âu. Á,** ta có thể bàn rộng hơn về lẽ **phản phục** của Đất, Trời, cũng như của Lịch sử.

A. Phục đánh dấu 1 thời kỳ mà vũ trụ sẽ bắt đầu co lại. Vì nếu vũ trụ khuếch tán được, triển dương được, thì cũng có thể co lại được, phản phục được. (M. Sénard , Le Zodiaque, Le Capricorne, p. 376).

Cũng một nhẽ, thời gian cũng có thể phản phục được, vì thời gian gắn liền với không gian. Cho tới ngày nay, ít ai nghĩ được rằng **thời gian cũng có hai chiều, hai hướng, cũng có thể vãng phục như không gian.**

B. Phục đứng về phương diện tiết khí, là lúc mà sinh khí phục hồi. Trong ngày Đông Chí, khi mà vạn vật trên mặt đất như đang muốn chết cóng vì gió sương, băng tuyết, thì ở dưới lòng đất, Dương khí phục sinh, để chuẩn bị cho gian trần một mùa Xuân mới, để đem lại cho muôn loài một luồng sinh khí mới.

C. Phục cũng vẽ lại con đường phiêu lãng của vừng Dương. Phục xét về phương diện Lịch số là ngày Đông Chí, là ngày mà vừng Dương như dừng gót lại, để trở về sống gần gũi với Trái Đất & Vạn vật hơn.

Các dân tộc xưa thường ăn mừng ngày Đông chí, để đáng dấu sự phục sinh của Mặt Trời, của thần Mithra.

Từ thế kỷ thứ Tư, Giáo Hội La Mã cũng theo tục lệ của dân gian, mà ăn mừng Lễ Sinh Nhật vào ngày 25 tháng chạp, tức là vài ngày sau tiết Đông Chí.

D. Xét về phương diện Lịch sử, thì khi tới quẻ Phục, nhân loại đã đạt tới một mức độ văn minh vật chất tuyệt đích.

E. Đối với con người. Quẻ Phục là lúc con người trở nên minh giác, giác ngộ, biết được Thiên Mệnh, biết được rằng trong lòng mình vốn có sẵn Lòng Trời:

Phục kỳ kiến Thiên địa chi tâm hồ?

Theo Toán Học cổ truyền, con người có thể giác ngộ năm 42, 43 tuổi.

G. Về Triết Lý & Đạo Giáo. Quẻ Phục nêu lên mấy vấn đề:

1) Con người khi nào sẽ kiến Thiên địa chi tâm?

2)Và làm sao biết mình đã kiến Thiên địa chi tâm?

Các nhà bình giải thường cho rằng: chỉ khi nào tâm hồn con người

chí hư, chí tĩnh, mới thấy được Thiên địa chi tâm.

Thiên tâm, đạo tâm là nguồn năng lực, là nguồn sinh hóa, cho nên khi đã kiến Thiên Địa chi tâm, ta sẽ thấy tâm hồn chuyển động, nguồn sống trở nên dạt dào, cảm hứng trở nên sôi động, trí tuệ trở nên mẫn tiệp. Nói tóm lại, ta đã trở thành con người mới.

Phục chính là bước đầu của con đường trở lại. Dịch Kinh đề cập quẻ Phục một cách đơn giản.

*Nơi Thoán thì dùng cho sự hồi phục của Dương khí.

* Nơi Tượng thì nói đến tục lệ đời xưa đã theo trong ngày Đông chí.

* Nơi các Hào thì bình luận cung cách con người trở về cùng Đạo Lý.

I. Thoán.

Thoán Từ.

復：亨。出入無疾，朋來無咎。反復其道，七日來復，利有攸往。

Phục. Hanh. Xuất nhập vô tật. Bằng lai vô cữu. Phản phục kỳ đạo. Thất nhật lai phục. Lợi hữu du vãng.

Dịch.

Dương về, vận đã hanh thông,

Cho nên xuất nhập thong dong, nhẹ nhàng.

Có thêm bè bạn lo toan,

Rồi ra sẽ hết vấn vương, lỗi lầm.

Đạo Trời phản phục, cùng thông,

Đường đi bảy độ, lại vòng về ngay.

Đường về, vận đã hoá hay.

Làm đi, rồi sẽ có ngày thành công.

Phục là Dương khí mới trở về **(Phục),** và sẽ hứa hẹn một vận hội hanh thông mới **(Hanh)**. Người quân tử tuy biết rằng: Cơ phục hồi đạo lý đã trở lại, nhưng chớ nên vội vàng, chớ nên hấp tấp mà hại cho đạo lý, cho lý tưởng **(Xuất nhập vô tật).** Hãy ráng chờ cho thêm đồng tâm, đồng chí **(Bằng lai)**, rồi mới tránh khỏi được những chuyện lỗi lầm **(Vô cữu).**

Cơ Trời muốn phục hồi, phải qua hết 6 giai đoạn biến hóa, đó là: **Cấu (tháng 5), Độn (tháng 6), Bĩ (tháng 7), Quan (tháng 8), Bác (tháng 9), Khôn (tháng 10).** Thiên vận, thế vận, phải đi cho cùng đường biến hoá, từ tinh thần ra đến vật chất, rồi mới có thể quay ngược trở lại được. Trở về đến quẻ Phục, tức là giai đoạn thứ bảy. Lúc ấy người quân tử mới có cơ hội hoạt động **(Phản phục kỳ đạo thất nhật lai phục. Lợi hữu du vãng).**

Thoán truyện.

彖曰：復亨；剛反，動而以順行，是以出入無疾，朋來無咎。反復其道，七日來復，天行也。利有攸往，剛長也。復其見天地之心乎？

Thoán viết:

Phục hanh. Cương phản. Động nhi dĩ thuận hành. Thị dĩ xuất nhập vô tật.

Bằng lai vô cữu. Phản phục kỳ đạo. Thất nhật lai phục. Thiên hành dã.

Lợi hữu du vãng. Cương trưởng dã. Phục kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ.

Dịch.

Thoán rằng: *Vận Phục mà hay,*

Là vì Dương cứng tới nay phục hồi,

Động mà vẫn thuận cơ Trời,

Cho nên lui tới thảnh thơi, nhẹ nhàng.

Có thêm bè bạn lo toan,

Xây nền đạo lý, ai than, ai cười.

Vãng lai, phản phục đạo Trời,

Đi đà bảy độ, lại hồi, lại quay.

Làm gì cũng sẽ mắn may,

Là vì Dương vận tới ngày hanh thông,

Phục rồi, được thấy Thiên tâm,

(Vì lòng Trời đất cũng trong lòng người.)

Thoán Truyện đã đưa ra 2 nhận định:

1.) Người quân tử tuy nay gặp hoàn cảnh thuận tiện hơn để hoạt động, nhưng phải hành động cho khéo léo, cho hợp với đạo lý, như vậy mới không chiêu hại cho mình **(Động nhi dĩ thuận thị dĩ xuất nhập vô tật.)**

2.) Lúc này là lúc con người trở về để tìm cho ra được Thiên địa chi tâm. Tìm ra được Thiên địa chi tâm, chẳng qua là tìm ra được Đạo tâm vi tế trong lòng mình, và nói lên được như Thánh Phao Lồ rằng: Tôi nghĩ tôi có Thần Chúa trong tôi (I Cor. J. 39)

II. Đại Tượng Truyện.

象曰:雷在地中,復;先王以至日閉關,商旅不行,后不省方。

Tượng viết:

Lôi tại địa trung. Phục. Tiên vương dĩ chí nhật bế quan.

Thương lữ bất hành. Hậu bất tỉnh phương.

Dịch. Tượng rằng:

Phục là lòng đất sấm ran,

Tiên vương Đông chí, cửa quan bế tàng.

Ngược xuôi, vắng bóng khách thương.

Nhà vua tránh chẳng lên đường tuần du.

Tượng Truyện nhắc lại hành động của những vị quân vương xưa trong ngày Đông Chí: **Đông chí là ngày Nhất Dương sơ động,** chính là lúc ứng vào Hào Sơ quẻ Kiền: **Tiềm long vật dụng = Rồng ẩn chớ dùng.** Cho nên ngày ấy, đóng cửa quan ải, ngăn cấm khách thương đi lại, và nhà vua cũng không đi tuần thú. Nguyên tắc của các vị quân vương xưa là : **Theo Trời mà hành sự,** cho nên ngày Thu phân thì truyền cho sửa sang lại cân lạng,(vì là ngày tượng trưng cho sự quân bằng mọi sự = ngày, đêm dài bằng nhau), ngày Đông chí là ngày hàm dưỡng, nghỉ ngơi.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Các Hào bàn về sự trở về cùng đạo lý. Nguyên tắc tu thân xưa là: **Tu thân dĩ đạo. Tu đạo dĩ nhân = Dùng đạo để tu thân. Lấy sự hoàn thiện để tu đạo.**

Tu thân là đi vào con đường hoàn thiện, là để trở nên hoàn thiện, là để tìm cho ra được **Thiên địa chi tâm = tìm cho ra được đạo tâm.**

1. Hào Sơ Cửu.

初九. 不復遠，無只悔，元吉。

象曰： 不遠之復，以修身也。

Sơ Cửu: **Bất viễn phục. Vô kỳ hối. Nguyên cát.**

Tượng viết:

Bất viễn chi phục. Dĩ tu thân dã.

Dịch.

Chưa xa đã biết phục hồi,

Thế thời khỏi hối, thế thời rất may.

Tượng rằng:

Chưa xa đã biết phục hồi,

Tu thân ấy chính cơ ngơi mối giường.

Hào Sơ là nhất Dương sơ động**,** ám chỉ những hạng người như Nhan Hồi, hăng hái theo đường đạo lý. Tuy chưa phải là Thánh Hiền, tuy hãy còn có những điều lầm lỗi, nhưng lỗi thời biết, biết thời không tái phạm nữa.

Tóm lại, Hào Sơ là những người đã sống gần tới mức lý tưởng, dầu chưa được **mười phân vẹn mười,** thì cũng đã gần Trời, gần Đạo. Mỗi khi có một tà niệm, một mầm mống bất thiện nào vừa muốn nhô lên trong tâm hồn họ, là họ cố tiêu diệt ngay, vì vậy tâm hồn họ thời thường là như ngọc trắng, gương trong chẳng bợn trần ai, tục lụy. Vì vậy, Hào Sơ này nói lên hai chữ **tu thân,** tức là đặt căn bản cho công cuộc tu thân vậy.

2. Hào Lục Nhị.

六二： 休復，吉。

象曰： 休復之吉，以下仁也。

Lục nhị. **Hưu phục. Cát.**

Tượng viết:

Hưu phục chi cát. Dĩ hạ nhân dã.

Dịch.

Phục hồi đẹp đẽ biết bao!

Tượng rằng:

Phục hồi đẹp đẽ biết bao.

Là vì đã biết nương vào đức nhân.

Hào Lục nhị là hạng người trung chính, lại có cái may mắn ở gần những người hiền đức. Họ là những người thành khẩn, muốn khắc kỷ, phục lễ, lấy sự hoàn thiện làm tiêu chuẩn cho đời mình, và công cuộc tu thân đối với họ cũng chẳng mấy khó khăn. Vì thế, dùng chữ **Hưu phục.**

Hào hai chỉ nói đến tu thân, đến sự hoàn thiện để làm tiêu chuẩn cho cuộc đời, nên đặc biệt có chữ **Nhân.**

3. Hào Lục tam.

六三： 頻復，厲無咎。

象曰： 頻復之厲，義無咎也。

Lục tam. **Tần phục. Lệ. Vô cữu.**

Tượng viết:

Tần phục chi lệ. Nghĩa vô cữu dã.

Dịch.

Trở đi, trở lại nhiều lần,

Tuy rằng nguy hiểm, lỗi lầm chi đâu.

Tượng rằng:

Trở đi, trở lại nhiều lần.

Xét theo nghĩa lý, thì lầm lỗi chi?

Hào Lục tam chỉ những hạng người thiếu nghị lực, nên tuy muốn bỏ điều xấu, mà vẫn không thể dứt bỏ, vẫn sa đi, ngã lại nhiều lần. Mặc dầu vậy, mỗi lần họ sa ngã, là một lần họ ăn năn, họ chỗi dậy. Nếu đã thực tâm hối quá, thì cũng không đáng chê bai.

4. Hào Lục tứ.

六四： 中行獨復。

象曰： 中行獨復，以從道也。

Lục tứ. **Trung hành độc phục.**

Tượng viết:

Trung hành độc phục. Dĩ tòng đạo dã.

Dịch.

Một mình giữa bọn tiểu nhân,

Thế mà đơn độc hồi tâm, hồi đầu.

Tượng rằng:

Một mình giữa bọn tiểu nhân,

Một mình trở lại theo chân đạo Trời.

Hào Lục tứ Độc Phục chính là những cánh sen trong bùn, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Tuy sống trong hoàn cảnh ngang trái, mà lòng vẫn hướng về lý tưởng, đạo lý. Sống giữa bầy tiểu nhân, mà lòng vẫn hướng về phía chính nhân, quân tử.

5. Hào Lục ngũ.

六五： 敦復，無悔。

象 曰： 敦 復 無 悔，中 以 自 考 也。

Lục ngũ. Đôn Phục. Vô hối.

Tượng viết:

Đôn Phục vô hối. Trung dĩ tự khảo dã.

Dịch. Lục ngũ:

Đạo Trời thành khẩn phục luôn.

Hết còn hối hận, tâm xoang an bình.

Tượng rằng:

Đạo Trời thành khẩn phục luôn.

Một mình nghiền ngẫm sớm hôm đạo Trời.

Hào Lục ngũ là hạng người không có cái duyên may mắn gần được người Hiền Thánh, nhưng đã **một mình** tìm được ra Chân Lý (vì thế gọi là **tự khảo),** mà khi đã tìm ra được đạo lý rồi, thì nhất tâm giữ vẹn Đạo Trời.

6. Hào Thượng Lục.

上 六： 爻 辭：迷 復，凶，有 災 眚。用 行 師，終 有 大 敗，

以 其 國 君，凶；至 于 十 年，不 克 征。

象 曰： 迷 復 之 凶，反 君 道 也。

Thượng Lục. **Mê Phục. Hung. Hữu tai sảnh. Dụng hành sư.**

Chung hữu đại bại. Dĩ kỳ quốc quân hung. Chí vu thập niên bất khắc chinh.

Tượng viết:

Mê phục chi hung. Phản quân đạo dã.

Dịch. Thượng Lục:

Nếu mà mê mẩn, chẳng hồi tâm,

Thời thôi họa hại, thật vô ngần.

Điều động binh đao, âu cũng hỏng,

Dẫu làm vua chúa, vẫn gian truân.

Mê chi, mê mẩn tâm thần.

Suốt đời vẫn chẳng qui tâm, hồi đầu.

Tượng rằng: *Mê chẳng phục hồi.*

Ấy là phản lại đạo Trời trước sau.

Hào Thượng Cửu: Tuy là ở trong hồi Phục Hưng đạo lý, hồi mà nhân tâm qui thuận thiên lý, cũng vẫn có những người mê lú, không chịu trở lại đường ngay. Họ không chịu phục thiện được vì nhiều lẽ:

1) Vì địa vị họ quá cao, nên họ không thể nhận chân lý, nhận đạo lý nơi người khác.

2) Họ xa những người hay, nên không có dịp trở về cùng đạo lý.

3) Bản chất họ tối tăm, dày đặc, nên họ không thể khai ngộ được.

4) Họ không đủ nghị lực để cải tà, qui chánh.

Khi mà họ đã một mực theo đường tà, mặc cho dục tình lôi cuốn, không đếm xỉa gì đến đạo lý nữa, thì dĩ nhiên họ sẽ lâm vào cảnh quốc phá, gia vong. Dẫu họ có làm vua, làm tướng chi nữa, nếu không theo chính nghĩa, thì cũng chỉ là hôn quân, bại tướng.

ÁP DỤNG QUẺ PHỤC VÀO THỜI ĐẠI

Có nhiều người, sau khi đã đi một quãng đường dài trong cuộc đời, đã từng thành công cũng như thất bại, đã sống trên nhung lụa, kẻ hầu người hạ, nhưng cũng có khi ăn tháng này, đã phải lo tháng sau liệu có đủ hay không? Chợt một lúc nào đó, họ cảm thấy đời

sống thật là vô vị, không lẽ sinh ra đời chỉ là để lo làm sao cuộc sống được đầy đủ hay sao? Hay sinh ra đời chỉ để làm phân bón nuôi vợ con? Sáng sớm thức dậy đã phải lo đi làm việc, có nhiều người làm việc vất vả hơn trâu. Nhất là ở xứ Mỹ này, đàn ông cũng như đàn bà có người ngày làm hai, ba nơi. Làm mệt quên nghỉ, làm cốt chỉ để kiếm tiền cho thật nhiều, mặc dù họ không cần thiết phải vất vả như vậy họ vẫn đủ sống. Họ làm việc mà không có mục đích, không có lý tưởng, họ làm cho có nhiều tiền, để ăn tiêu huy hoàng hơn người khác, và để tỏ cho người ngoài thấy họ là người tài giỏi, thế thôi.

Nhưng có ai chịu hiểu sâu sa hơn, là Thượng đế sinh ra loài người đâu phải chỉ để nguyên có **sống để mà hưởng thụ**, như các loài động vật khác, mà Ngài sinh ra loài người là muốn họ phải tiến hóa về mọi mặt, tiến lên để giống Ngài.

Về mặt Vật chất, họ phải tiến cao để tạo cho thế giới ngày thêm tươi đẹp, đầy đủ tiện nghi, cho con người được thoải mái phần nào sau nhiều giờ làm việc trong ngày.

Về mặt Tinh thần, họ phải suy tư, tìm hiểu đâu là bản thể của mình, vì Thần của họ là gốc gác Thần minh, họ phải biết đường để quay về với Thần minh, nếu không sẽ có lúc họ cảm thấy đời vô ý nghĩa, và họ sẽ chán nản vô cùng, vì thế có nhiều người chẳng hiểu vì lý do gì mà lại tự tử.

Thật vậy, nếu chúng ta sinh ra đời, mà suốt cuộc đời sống không mục đích, không lý tưởng, thì quả thật cuộc sống thật là vô vị, và lúc lâm chung chẳng hiểu mình sẽ đi về đâu?

Theo thiển ý của tôi, khi còn nhỏ sống trong gia đình, ta hãy ăn ở sao cho cha mẹ, và thày giáo vui lòng. Khi khôn lớn, giữ sao cho hạnh kiểm đường hoàng, cho minh chính để mọi người nể trọng mình. Ta cứ lập gia đình, tạo sự nghiệp, để góp mặt với xã hội nhân quần. Nhưng khi tóc đã hoa râm, đã qua được quá nửa đời người (quãng 42- 43 tuổi), thì ta phải biết suy tư, học đạo để quay về với nguồn gốc của mình, nếu cứ mê đắm trong hoan lạc, e cuối đời ăn năn không kịp, như Hào Thượng Lục của quẻ Phục răn ta:

Chấp nê, một dạ sống trong mê,

Nghĩa lý, lìa xa chẳng chịu về.

Vương, tướng nghênh ngang, phường múa rối,

Đạo Trời chẳng biết, sống ra chi !

Quẻ Phục này đáng cho ta suy nghĩ vậy!

25. 天 雷 無 妄 THIÊN LÔI VÔ VỌNG

無妄序卦
Vô Vọng Tự Quái
復則不妄矣
Phục tắc bất vọng hỹ.
故受之以無妄
Cố thụ chi dĩ Vô Vọng

Vô Vọng Tự Quái

Phục rồi sẽ hết lỗi lầm đơn sai.

Rồi ra Vô Vọng tiếp ngôi.

Quẻ Vô Vọng, về phương diện Đạo Học, là một quẻ rất quan trọng trong Kinh Dịch. Thực vậy, quẻ Vô Vọng dạy về đời sống của các bậc Thánh Nhân, sống kết hợp với Trời, theo con đường chí công, chí chính của Tạo Hóa, chứ không theo con đường tà ngụy của tâm tư.

Trình tử giải Vô Vọng là: **Hành động theo Thiên lý,** là **Chí Thành,** là **Thiên đạo.** Trình tử còn nói thêm: **Thánh nhân hoạt động theo Trời, Hiền nhân hoạt động theo người.**

Lý Long Sơ nói: Con người do tinh hoa Trời Đất mà sinh, nên có Thần Trời, sự quang minh của Trời, vốn là Chân Thiện Vô Vọng. Nhưng sau khi sinh ra đời, bị dẫn dụ bởi những điều ngụy tạo của người khác, nên vọng niệm mới sinh ra. Vì vậy cho nên quẻ Vô Vọng tiếp theo sau quẻ Phục: **Phục là trở về với đạo lý,** nhìn thấy Thiên tâm, Thiên tính trong lòng mình. **Vô Vọng là sống hồn nhiên theo đúng Thiên tính, Thiên lý, Thiên đạo**. Quẻ Vô Vọng đề cập đến một trạng thái tâm thần cao siêu nhất của con người, nên những lời lẽ cũng trở nên khó hiểu.

Đọc Hào 2, 3, 5, y như thấy bàn đến:

- Phúc bất kỳ (Hào 2).

- Họa bất kỳ (Hào 3).

- Bệnh bất kỳ (Hào 5).

Nên nhiều nhà Bình Giải cho rằng: ngoài nghĩa chính yếu trên, Vô Vọng còn có nghĩa thứ hai là: Không cầu mà được, không ước mà nên, không muốn mà bị.

I. Thoán.

Thoán Từ.

無妄：元，亨，利，貞。其匪正有眚，不利有攸往。

Vô vọng. Nguyên, Hanh. Lợi, Trinh. Kỳ phỉ chính hữu sảnh.

Bất lợi hữu du vãng.

Dịch.

Vô Vọng là nguyên tuyền, đẹp đẽ,

Tốt lành thay, hợp lẽ chính trung.

Chính rồi, mới được hanh thông.

Nếu không chính đáng, lâm vòng tội khiên.

Tội tình vọng động triền miên,

Làm gì cũng sẽ chẳng nên việc gì.

Thoán Từ đại khái nói rằng: Con người mà đã đạt tới tình trạng Toàn chân, Toàn thiện, chí thành, chí mỹ rồi thì thực là một điều đại hạnh vậy. **(Vô vọng nguyên hanh).** Con đường đưa tới chí thành, chí thiện, tức là con đường công chính, nếu theo được mới hay, mới lợi **(Lợi trinh).** Hễ đã đi sai con đường công chính, tức đã đi vào con đường tà ngụy, như vậy tránh sao khỏi lỗi lầm **(Kỳ phỉ chính hữu sảnh),** như vậy thời làm sao mà hay, mà lợi được **(Bất lợi hữu du vãng).**

Thoán Truyện.

彖曰：無妄，剛自外來，而為主於內。動而健，剛中而應，大亨以正，天之命也。其匪正有眚，不利有攸往。無妄之往，何之矣？天命不佑，行矣哉？

Thoán viết:

Vô Vọng. Cương tự ngoại lai nhi vi chủ ư nội. Động nhi kiện.

Cương trung nhi ứng. Đại hanh dĩ chính. Thiên chi mệnh dã.

Kỳ phỉ chính hữu sảnh. Bất lợi hữu du vãng. Vô Vọng chi vãng.

Hà chi hĩ. Thiên mệnh bất hựu. Hành hĩ tai.

Dịch.

Vô Vọng là Cương *từ ngoài đến,*

Tinh hoa Trời đã hiện bên trong,

Hiện ra, làm chủ cõi lòng,

Hành vi ám hợp Hóa Công từ rày,

Lòng ta, với lòng Trời ứng hợp,

Chính đáng thay, mà đẹp đẽ thay.

Thế là Thiện Mỹ từ nay.

Thế là ý muốn của Trời bấy lâu,

Chẳng chính đáng, thời âu tội lỗi.

Vọng động rồi, khỏi nói nên công.

Trời kia đã ngự cõi lòng.

Ích gì tìm kiếm lung tung tơi bời.

Làm như vậy e Trời chẳng giúp,

Không ơn Trời đi được đến đâu.

Bây giờ cái Tinh Hoa của Trời Đất đã hiện bên trong, đã làm chủ chốt cho mọi hoạt động(Cương = Dương = Tinh hoa), (**Cương tự ngoại lai nhi chủ ư nội**). Mình làm gì cũng thuận theo ý Trời, **(Động nhi kiện).** Luôn luôn đem một tấm lòng tinh thành mà đối đãi với người **(Cương trung nhi ứng).** Luôn luôn theo đàng công chính, đó là đã thực hiện được một công chuyện tốt đẹp nhất, đó là đã theo đúng Thiên Mệnh **(Đại hanh dĩ chính. Thiên chi mệnh dã).**

Nếu không công chính thời có lỗi, sao hay, sao lợi được **(Kỳ phỉ chính hữu sảnh. bất lợi hữu du vãng).** Đã được Chân Thiện Mỹ, là đã được Trời rồi, mà còn ước muốn nữa, còn muốn đi nữa, thì đi đâu? **(Vô vọng chi vãng. Hà chi hĩ).** Như vậy sao mong được Trời giúp đỡ, phù trì. Mà Trời đã không giúp, thời đi được đến đâu? **(Thiên mệnh bất hựu. Hành hĩ tai).**

II. Đại Tượng Truyện.

象曰：天下雷行，物與無妄；先王以茂對時，育萬物。

Tượng viết.

Thiên hạ lôi hành. Vật dữ Vô Vọng. Tiên vương dĩ mậu đối thời dục vạn vật.

Dịch.

Tượng rằng: Sấm động dưới Trời,

Bao nhiêu ngang trái, lôi thôi, tiêu trừ.

Muôn loài vui sống, nhởn nhơ,

Hồn nhiên, vạn hảo, đúng như ý Trời,

Thánh nhân cũng biết tùy thời,

Giúp cho muôn vật, sống đời đẹp tươi.

Đại Tượng bình: Trời dùng **Sấm** động dưới Trời để tiêu trừ ngang trái, cho muôn vật được sống thảnh thơi. Cho nên, Tiên vương xưa cũng cố tùy thời, làm cho muôn vật được nuôi dưỡng, được sống an vui. Trời dùng biến hóa để dần dà thực hiện toàn mỹ cho vạn vật; để dần dà phát huy tiềm năng, tiềm lực của muôn vật. Thánh nhân cũng bắt chước Trời, mà tùy thời dưỡng dục vạn vật.

III. Hào từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初九：　無妄，往吉。

象曰：　無妄之往，得志也。

Sơ Cửu. **Vô vọng vãng cát.**

Tượng viết:

Vô vọng chi vãng. Đắc chí dã.

Dịch.

Hồn nhiên, Thiên đạo mới hay,

Sống đời hoàn thiện, thời may đã đành.

Tượng rằng:

Hành vi theo đúng luật Trời,

Lúc nào cũng sẽ thảnh thơi, phỉ nguyền.

Hào Sơ khuyến cáo con người luôn đi vào con đường thánh thiện, như thế sẽ luôn được thảnh thơi, phỉ chí.

2. Hào Lục nhị.

六二：　不耕獲，不菑畬，則利有攸往。

象曰：　不耕獲，未富也。

Lục nhị. **Bất canh hoạch. Bất chi dư. Tắc lợi hữu du vãng.**

Tượng viết:

Bất canh hoạch. Vị phú dã.

Dịch.

Chẳng cày, vẫn gặt, mới hay.

Chẳng cần ngả ruộng, mà nay ngấu thành.

Việc gì cũng sẽ lợi danh.

Tượng rằng:

Chẳng cày, vẫn có mùa màng.

Là Tâm chẳng có vấn vương tiền tài.

Hào Lục nhị có ý nói: Mình hãy cứ làm các công việc tốt, nhưng không có lòng mong cầu lợi lãi. Những Thánh nhân các đạo giáo cũng nói như trên. **Phúc âm Mathieu viết:** Hãy xem các loài chim trời, chẳng có gieo gặt, cũng chẳng thâu trữ vào kho tàng, mà **Cha** các ngươi nuôi nó. Các ngươi há chẳng trọng hơn loài chim sao?... Vậy các ngươi chớ lo lắng mà rằng: Chúng ta sẽ ăn gì? Uống gì? Mặc gì? Vì mọi điều đó, các dân ngoại thường tìm và cha các ngươi ở trên Trời vốn biết các ngươi cần dùng những điều đó rồi. Nhưng trước hết, hãy tìm kiếm nước Chúa và sự công chính của Ngài; thời Ngài sẽ trả cho các ngươi những điều ấy sau. (Matt. 6, 26 -33).

Đạo Đức Kinh viết:

Vô vi huyền diệu khôn bì,

Không làm, mà chẳng việc chi không làm.

Vô vi mà được thế gian,

Càng xoay sở lắm, đời càng rối beng. (XLVIII)

3. Hào Lục tam.

六三：　無妄之災，或系之牛，行人之得，邑人之災。

象曰：　行人得牛，邑人災也。

Lục tam. Vô vọng chi tai. Hoặc hệ chi ngưu.

Hành nhân chi đắc. Ấp nhân chi tai.

Tượng viết:

Hành nhân đắc ngưu. Ấp nhân tai dã.

Dịch.

Chuyện đâu tai họa bất ngờ,

Trâu kia ai buộc vẩn vơ bên đường,

Bộ hành trông thấy dắt càn,

Người làng, bỗng bị họa mang vào người.

Tượng rằng:

Người đi đường bắt được trâu,

Người trong làng ấp, họa đâu mang vào.

Đa số các nhà bình giải, giải **Hào Ba** này như sau: Ở đời lắm tai vạ bất ngờ. Người đi đường dắt trâu mang đi, người trong ấp lại bị bắt bớ tra hỏi. (Chu Hi)

Duy Trình tử đại khái giải rằng: Đi ra **Vọng,** là đi theo mê lạc, đi theo Nhân dục, là điều tai hại dưới nhãn quan của các nhà Huyền học. Tam là Âm Nhu, tượng trưng cho bất trung, bất chính, nên là Vọng. Tam là ứng với Thượng Cửu, đó là tượng trưng cho dục tình, vì ứng là để tâm, để trí tới. Đã Vọng động như vậy, mà đắc âu là sẽ mất lại. Ta sẽ giải lời này rõ hơn bằng lời Thánh Kinh: **Các ngươi chớ chứa của cải ở dưới đất là nơi mối, mọt nhấm nát được, nơi trộm cắp đào, khoét lấy mất được. Nhưng phải chứa của cải trên Trời, là nơi mối, mọt không nhấm nát,**

nơi trộm cắp không đào, khoét lấy mất được; vì của cải ngươi ở đâu, thì lòng ngươi ở đó. (Matt, 6 , 19 - 21).

4. Hào Cửu tứ.

九 四 : 可 貞 , 無 咎。

象 曰 : 可 貞 無 咎 , 固 有 之 也。

Cửu tứ. Khả trinh. Vô cữu.

Tượng viết:

Khả trinh vô cữu. Cố hữu chi dã.

Dịch.

Nếu mà theo được đường ngay,

Theo đường đạo lý, thế này lỗi chi !

Tượng rằng:

Hay là theo được đường ngay,

Bền tâm, vững chí, chẳng thay đổi lòng.

Hào bốn khuyên 2 điều:

1) Hãy theo con đường công chính.

2) Hãy bền lòng, vững chí đến cùng.

5. Hào Cửu ngũ.

九 五 : 無 妄 之 疾 , 勿 藥 有 喜。

象 曰 : 無 妄 之 藥 , 不 可 試 也。

Cửu ngũ. Vô vọng chi tật. Vật dược hữu hỷ.

Tượng viết:

Vô vọng chi dược. Bất khả thí dã.

Dịch.

Xá chi bệnh tật bất kỳ,

Chẳng cần thang thuốc; vui đi, lành rồi !

Tượng rằng:

Chưa thang thuốc, bệnh đã lui,

Chớ nên thử thách, lôi thôi làm gì.

Hào năm tiếp tục chủ trương, đã đi đúng đường Trời, đừng có sợ những bệnh tật, những biến cố ngoại lai. Cũng vì vậy, khi đức Khổng bị vây ở đất Khuông, đã nói: **Nếu Trời chẳng muốn mất vẻ sáng, thì người đất Khuông làm gì nổi ta.** Như vậy, nếu ta vững niềm tin, tật bệnh, tai ách bất kỳ đều qua khỏi hết, không việc gì phải sợ hãi, cầu cạnh.

6. Hào Thượng Cửu.

上九：　無妄，行有眚，無攸利。

象曰：　無妄之行，窮之災也。

Thượng Cửu. **Vô vọng hành hữu sảnh. Vô du lợi.**

Tượng viết:

Vô vọng chi hành. Cùng chi tai dã.

Dịch.

Tinh thành còn muốn đi nao?

Vấn vương tội lỗi, tốn hao công trình.

Hào sáu kết luận rất khéo léo: đã được **Trời** còn muốn gì nữa. Đã được **Tinh thành**, còn muốn gì nữa?

ÁP DỤNG QUẺ VÔ VỌNG VÀO THỜI ĐẠI

Ngày xưa, các cụ thường răn con cháu: Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ. Ý muốn nói, chúng ta ở trên đời phải làm việc thì mới có ăn, nếu lười biếng thì đói. Ngược lại quẻ Vô Vọng lại nói, xem chừng như là nghịch lý.

Không cầy, vẫn gặt mới hay.

Chẳng cần ngả ruộng, mà nay ngấu thành.

Theo tôi, thì chẳng có gì nghịch lý, mà ý quẻ chỉ muốn nói: chớ quá tham lam, đèo bòng. Ở đời có làm thì mới có ăn, nhưng không phải làm quá đáng, hoặc vơ vét quá nhiều, tích tụ của cải cho lắm, mà không còn nghĩ gì đến Đạo lý Thánh Hiền. Ta hãy nhìn xem các Chủng Viện Công Giáo, các Chùa Phật giáo, các nhà tu hành, nơi nơi, nhà nhà, họ chỉ miệt mài Đạo lý, nào đâu thấy ai suốt ngày lo làm việc để kiếm tiền. Nhưng ta có thấy ai trong đám người tu hành mà nghèo khổ? Trái lại, họ còn thừa thãi của cải, đi đến đâu cũng được mọi người sùng kính hơn người thế gian. Sự thật, các Thánh nhân chỉ muốn khuyên ta chớ đắm chìm trong việc kiếm tiền, vì nó chỉ làm cho ta khổ sở, lao đao, càng kiếm lắm, càng mất nhiều, càng khổ sở. Thiên hạ chỉ vì danh, lợi, tiền tài mà sa vào vực thẳm, không lối thoát, chi bằng cứ vừa đủ ăn, mặc, nhưng lòng thênh thang lo đạo lý tốt hơn.

Đạo Đức Kinh chương LXIV viết:

Càng làm, càng lắm tan tành.

Càng ôm, càng mất, càng dành, càng vương,

Mới hay, đường lối Thánh nhân,

Chẳng làm, nên chẳng lo lường bại vong.

Thênh thang, dạ chẳng đèo bòng,

Khỏi điều mất mát, đỡ công tần phiền.

Ngày nay, con người sống chạy theo đà văn minh vật chất, nên có nhiều nhu cầu đòi hỏi; do đó chúng ta phải vất vả, bon chen với cuộc sống hàng ngày. Vì công việc làm, vì sinh kế, vì lo lắng giải quyết những công chuyện đã hoặc sắp xẩy ra, nên đầu óc chúng ta luôn mệt mỏi, có nhiều người trọn ngày không có lấy 1 giờ là của riêng mình, để mà sống cho yên tĩnh. Chúng ta sẽ như những chiếc lá vàng bị cơn lốc đời lôi cuốn, không biết sẽ đi đến đâu, nếu chúng ta không chịu bình tâm suy nghĩ để thay đổi cách sống, cách suy tư.

Giàu nghèo Trời đã định, hoạn nạn có số phần. Thánh nhân cũng không tránh được những biến cố bất kỳ.

Ví dụ: Văn Vương bị nạn ở Dũ Lý, Khổng tử bị Thúc Tôn, Võ Thúc chê bai (LN, XIX, 24).

Cho nên, tốt hơn hết chúng ta nên sống cho thoải mái, đừng quá tham mà làm khổ xác thân, đừng quá say mê chạy theo vật chất, mà quên mất sự bồi bổ tinh thần.

Nếu, khi đã tới tuổi 60, mà ta vẫn ham danh, lợi, tiền tài, vật dục, là ta đã đi nhầm đường rồi, phải kíp thời dừng bước, mà ngả theo Chính đạo, nếu không sẽ quá muộn, lúc trăm tuổi không biết sẽ về đâu, và rất lo sợ khi Tử thần tới rước.

Theo tôi, thể xác con người chỉ là 1 thứ người **máy,** hoạt động, suy tư được là nhờ có **Thần**nhập. Vậy tại sao ta không bồi bổ cho **Thần của ta** bằng cách suy tư, thánh thiện, mà lại chạy theo đường vật dục, để bồi bổ cho người máy của ta vậy?

26. 山 天 大 畜 SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

大畜序卦 Đại Súc Tự Quái
有無妄 Hữu Vô Vọng
然後可畜 Nhiên hậu khả Súc.
故受之以大畜 Cố thụ chi dĩ Đại Súc.

Đại Súc Tự quái

Hết lầm, nhân đức theo thời chứa chan,

Cho nên Đại Súc tiếp hàng.

Quẻ Đại Súc đề cập đến 4 vấn đề:

1) Phải lo sao để trở nên một người uẩn súc về mọi phương diện: đạo đức, tài trí (Thoán & Tượng) (Uẩn súc).

2) Phải trọng hiền tài. Nuôi dưỡng hiền tài. (Súc = Súc dưỡng) (Thoán)

3) Người quân tử khi bị ngăn chặn, đừng vội tiến. (Súc = Súc chỉ) (Hào 1, 2, 3).

4) Phương pháp ngăn chặn tội ác (Hào 4, 5)(Súc chỉ).

Đại Súc gồm 3 nghĩa:

1) Súc tích, Uẩn súc. 2) Súc dưỡng. 3) Súc chỉ.

Thoán, Tượng bàn về Súc tích, Hào bàn về Súc chỉ.

I. Thoán.

Thoán Từ.

大 畜 . 利 貞 . 不 家 食 . 吉 . 利 涉 大 川 .

Đại súc. Lợi trinh. Bất gia thực. Cát. Lợi thiệp đại xuyên.

Dịch. Thoán Từ.

Đại Súc: Hàm súc rồi rào,

Lại còn chính đáng, thanh cao mới là.

Nếu đem thân giúp quốc gia,

Dẫu qua sông lớn, vẫn là điều hay.

Thoán Từ đại khái nói: Người quân tử muốn ra giúp đời, phải hàm tàng, uẩn súc đạo đức, học thức, tài trí, cho nhiều, cho hay mới là Đại Súc. Nói là uẩn súc, nhưng phải uẩn súc chính lý, chính đạo mới hay (**Lợi trinh),** chứ không phải uẩn súc dị đoan, tà thuyết.

Nhưng người đã súc tích, hàm tàng kinh luân, sử sách, có tài, có đức cao siêu, thời nên được dùng vào đại công, đại sự, giúp ích cho nước, cho dân, hưởng lộc thiên hạ mới hay. Vì thế mới nói: **Bất gia thực cát.** Những người đó sẽ là những người cứu nguy, cứu nạn cho thiên hạ mỗi khi cần đến **(Lợi thiệp đại xuyên).**

Thoán Truyện.

彖曰： 大 畜 . 剛 健 . 篤 實 輝 光 .日 新 其 德. 剛上 而 尚 賢 . 能 止 健 . 大 正 也. 不家 食 吉 . 養 賢 也. 利 涉 大 川 . 應 乎 天 也.

Thoán viết:

Đại Súc. Cương kiện. Đốc thực huy quang. Nhật tân kỳ đức. Cương thượng nhi thượng hiền. Năng chỉ kiện. Đại chính dã. Bất gia thực cát. Dưỡng hiền dã. Lợi thiệp đại xuyên. Ứng hồ Thiên dã.

Dịch. Thoán Truyện.

Thoán rằng: Dũng mãnh, cương kiên,

Trong thời hàm súc, ngoài thêm huy hoàng.

Đức hành, ngày một sửa sang,

Hiền lương một dạ nể nang, tôn vì.

Dừng nơi hoàn thiện, siêu vi,

Sắt son ngay chính, muôn bề thanh cao.

Tài đem giúp nước, mới hào,

Ơn vua, lộc nước, rồi rào lo chi.

Thành công, cứu nạn, phò nguy,

Như băng sông lớn, đúng y Mệnh Trời.

Thoán Truyện bình thêm rằng: những người hàm súc tài đức tới mức cao độ, như vậy ắt có một tâm thần cương kiên, thiết thạch, ắt có thực tài, thực đức, dến nỗi quang huy phát lộ cả ra ngoài **(Cương kiện. Đốc thực huy quang),** mỗi ngày lại thấy hiển lộ thêm đường nhân, nẻo đức **(Nhật tân kỳ đức).** Thoán còn dạy, phải tôn hiền, thượng hiền, cấp dưỡng cho những bậc hiền tài, vì họ là những bậc chính nhân, quân tử, đại minh, đại chính, hành động ứng hợp với Trời, sẽ ngăn chặn được những kẻ cường mãnh, sẽ giải nguy, cứu khốn được cho đất nước sau này **(Cương thượng nhi thượng hiền. Năng chỉ kiện. Đại chính dã. Lợi thiệp đại xuyên.** Ứng hồ **Thiên dã).**

II. Đại TượngTruyện.

象曰：天在山中.大畜.君子以多識前言往行.以畜其德.

Tượng viết: **Thiên tại sơn trung. Đại Súc. Quân tử dĩ đa chí tiền ngôn vãng hạnh.**

Dĩ súc kỳ đức.

Dịch. Tượng rằng:

Đại Súc, núi có Trời trong,

Lời xưa, tích cũ, ghi lòng mới hay.

Việc xưa chất chứa dạ này,

Hiền nhân cố gắng chứa đầy đức nhân.

Đại Tượng khuyên người quân tử phải bắt chước núi, có ngọc ẩn, châu tàng, mà lo uẩn súc ngôn hạnh của Thánh Hiền, để mình trở nên một bậc đại trí, đại giác, đại đức, đại tài, làm vẻ vang cho đất nước.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Ba Hào dưới thuộc Kiền (Cương kiện). bàn về thái độ của quân tử khi gặp ngăn trở, ngăn chặn.

Ba Hào trên thuộc Cấn (Chỉ). Ba Hào trên bàn ngược lại về cách ngăn chặn tội khiên.

1. Hào Sơ Cửu.

初九： 有厲利已.

象曰. 有厲利已.不犯災也.

Sơ Cửu. Hữu lệ. Lợi dĩ.

Tượng viết:

Hữu lệ lợi dĩ. Bất phạm tai dã.

Dịch.

Hào Sơ: Phía trước hiểm nguy,

Dừng chân đứng lại, có bề lợi hơn.

Tượng rằng:

Thấy nguy, dừng lại lợi hơn,

Ấy là chẳng chuốc nguy nan cho mình.

Người quân tử ở **Hào S**ơ là Dương cương đắc chính, thể Kiền nên muốn tiến lên, nhưng bị Lục tứ ngăn chặn. Nếu Sơ cố tiến lên sẽ gặp nguy **(Hữu lệ),** nên dừng lại mới hay **(Lợi dĩ).** Khi cần dừng lại để khỏi mang tai, mắc họa, thời nên dừng lại **(**Tượng viết: **Hữu lệ lợi dĩ. Bất phạm tai dã).**

2. Hào Cửu nhị.

九 二 ： 輿 說 輻 .

象 曰 ： 輿 說輻 . 中 無 尤 也 .

Cửu nhị. **Dư thoát phúc.**

Tượng viết:

Dư thoát phúc. Trung vô cữu dã.

Dịch.

Cửu nhị: Xe trút nhíp xe.

Tượng rằng: *Xe trút nhíp xe.*

Mình dừng đúng lúc, ai chê được nào.

Cửu nhị Dương cương đắc trung, tuy có thể tiến được, nhưng bị Cửu ngũ ngăn chặn. Cửu nhị biết thời cơ chưa thể tiến, nên tự ý rút nhíp bánh xe, dừng lại không đi lên vội, **tri thời thức thế (Cửu nhị. Dư thoát phúc.) (**Tượng viết: **Dư thoát phúc. Trung vô cữu dã.)**

3. Hào Cửu tam.

九 三 . 良 馬 逐 . 利 艱 貞 .曰 閑 輿 衛 . 利 有 攸 往 .

象 曰 . 利 有 攸 往 . 上 合 志 也 .

Cửu tam. Lương mã trục. Lợi gian trinh. Nhật nhàn dư vệ. Lợi hữu

du vãng.

Tượng viết:

Lợi hữu du vãng. Thượng hợp chí dã.

Dịch.

Cửu tam: Thỏa chí tang bồng,

Như đôi lương mã, vó tung dậm trường.

Nên phòng nguy hiểm, nhiễu nhương,

Rong xe cho khéo, đề phòng cho hay.

Ruổi rong như vậy, lợi thay.

Tượng rằng:

Ruổi rong mà lợi, mà hay,

Là vì trên muốn in tày như ta.

Hào Ba là Hào trên hết Nội quái, lại ứng với trên là Thượng Cửu, cũng là Dương Cương, đồng tâm, đồng đức với mình. Hào Ba ngụ ý rằng: Người quân tử tài đức song toàn, mà lại không bị ngăn chặn, lại gặp người trên đồng tâm, đồng chí, thời sẽ như tuấn mã ruổi rong dậm trường **(Cửu tam. Lương mã trục).** Tuy nhiên, đường đời gian nan, cần phải xử sự cho minh chính mới hay **(Lợi gian trinh),** lại phải gia ý đề phòng, chuẩn bị đối phó luôn với mọi hoàn cảnh, y như người rong xe đường trường, dự bị đủ đồ đi đường, khí giới phòng thân (**Nhật nhàn du vệ. Lợi hữu du vãng).** Sở dĩ mình hành động mà hay, mà lợi, chính là vì đã gặp người đồng tâm, đồng chí với mình. **(**Tượng viết: **Lợi hữu du vãng. Thượng hợp chí dã).**

4. Hào Lục tứ.

六四. 童豕之牿. 元吉.

象 曰 .　　六 四 元 吉 . 有 喜 也 .

Lục tứ. Đồng ngưu chi cốc. Nguyên cát.

Tượng viết:

Lục tứ nguyên cát. Hữu hĩ dã.

Dịch.

Trâu non đã đóng gông sừng.

Đóng gông sừng sớm, đè chừng mới hay.

Tượng rằng:

Lục ngũ mà hay,

Thực là hạnh phúc, mắn may cho đời.

Hào Bốn bàn về phương pháp ngăn chặn tà ngụy, ngăn chặn ác nhân. Lục tứ tượng trưng cho một đại thần, trên thì phải ngăn tà tâm của vua, dưới phải ngăn ác nhân trong thiên hạ. Phàm muốn ngăn ác, phải ngăn ngay khi chúng chưa phát, cũng như muốn cho trâu khỏi húc, phải đóng gông sừng từ khi chúng còn non **(Đồng ngưu chi cốc).** Thế là phép trừng ác hiệu quả nhất **(Nguyên cát).** Như vậy người trên không hao tốn sức lực, người dưới không bị tổn thương. cả hai bên cùng vui vẻ cả **(**Tượng viết: **Lục tứ nguyên cát. Hữu hỉ dã).**

5. Hào Lục ngũ.

六 五 :　　豶 豕 之 牙 . 吉 .

象 曰 :　　六 五 之 吉 . 有 慶 也 .

Lục ngũ. Phần thỉ chi nha. Cát.

Tượng viết:

Lục ngũ chi cát. Hữu khánh dã.

Dịch.

Răng nanh lợn hoạn vẫn hay,

Hoạn rồi, lợn hết hăng say, cắn người.

Tượng rằng: *Lục ngũ mà hay,*

Thực là hạnh phúc, mắn may cho đời.

Chẳng những cấm ác, phải cấm từ khi chúng chưa phát, mà lại phải trừ đến nguyên nhân. Ví như con lợn có nanh, húc càn, cắn bậy. Ta làm hàng rào vây nó, hoặc trói nó, bẻ răng nó, thì tính hung hăng nó vẫn còn; nhưng nếu cứ để răng cho nó, nhưng đem hoạn nó đi, nó sẽ trở nên hiền lành. Vì thế nói: **Phần thỉ chi nha. Cát.**

Đối với con người cũng vậy, ngăn ngừa ác độc của họ, không phải bằng hình phạt, ngục tù, mà phải bằng giáo hóa. Phải cải cái tâm của họ, thay vì gông cùm, trăng trói họ. Tâm con người đã hoán cải, họ sẽ hết làm bậy. Mới hay trị ác có phương pháp, ác mới hết được, và như vậy dân mới được cải hóa, mới được phúc khánh. (Tượng viết: **Lục ngũ chi cát. Hữu khánh dã).**

6. Hào Thượng Cửu.

上九： 何天之衢.亨.

象曰： 何天之衢.道大行也.

Thượng Cửu. **Hà Thiên chi cù. Hanh.**

Tượng viết:

Hà Thiên chi cù. Đạo đại hành dã.

Dịch.

Đường Trời rộng rãi là đây,

Đường Trời thảng đãng, mắn may quá chừng.

Tượng rằng:

Đường Trời rộng mở từ đây.

Là vì Thiên Đạo, tới ngày phổ thông.

Khi mọi người đã cải hóa rồi, khi đại đạo đã được thi hành rồi, thì cần chi phải ngăn chặn, chèn ép ai làm chi nữa. Hãy để cho mọi người mặc tình rong ruổi đường Trời **(Hà Thiên chi cù. Hanh.** Tượng viết: **Hà Thiên chi cù hanh dã)**

ÁP DỤNG QUẺ ĐẠI SÚC VÀO THỜI ĐẠI

Xưa, con đường duy nhất để góp mặt với đời là ta phải lầu thông kinh sử, đạo lý Thánh hiền. Mười năm đèn sách, nếu đường công danh mà hanh thông, thì sau khi đậu sẽ được bổ nhiệm làm quan, cai trị dân. Trong dân gian có 4 giai cấp: **Sĩ, Nông, Công, Thương.**

- Sĩ: là giai cấp cao nhất, là những người đức hạnh, học vấn, tài trí hơn người, khi đỗ ra nhà vua sẽ tùy theo sức học, thi đậu cao thấp, mà bổ nhiệm làm quan, cai trị dân.

- Nông: Thứ nhì là giai cấp làm ruộng. Giai cấp này là nòng cốt kinh tế cho quốc gia.

- Công: Kế đến là giai cấp thợ thuyền. Họ chỉ có những sáng kiến thô sơ, mục đích là tạo ra những sản phẩm, đáp ứng với nhu cầu của quần chúng.

-Thương: Giai cấp thương mại là giai cấp thấp nhất, họ chỉ buôn bán, trao đổi với nhau trong nước, ít người làm ăn có tính cách rộng lớn ra đến nước lân cận. Dù họ giầu có chăng nữa, họ cũng không được dân trọng như giai cấp sĩ phu. Do đó, những bậc cha mẹ luôn luôn lo đào tạo con mình, không những về học vấn, tài trí, mà còn về đạo đức nữa, để mai sau xứng đáng là bậc Cha mẹ dân.

Nay, con đường học vấn tung ra muôn ngả, giai cấp **Sĩ phu** không còn được quí trọng như xưa, **Nông nghiệp** không còn là nền kinh tế độc quyền**.** Giai cấp **Thương Mại,** vì có khi buôn bán với người ngoại quốc, nên cũng cần phải có đôi chút học thức, do đó giai cấp này được nâng cao hơn. Thêm vào, giai cấp **Công nghệ,** theo đà văn minh, khoa học ngày một tiến, các sinh viên phải đi du học, để

thu thập tài năng, kinh nghiệm nơi nước người, những người này phải có học lực tương đương với ngành sĩ phu, thì mới mong thâu thái được nền học vấn xứ người. Ngày nay, hầu như không còn phân chia giai cấp như trước nữa, và các bậc cha mẹ đã bớt khắt khe với vấn đề dạy dỗ con cái, do đó **đạo đức thụt lùi,** đồng thời **văn minh vật chất** tiến lên vùn vụt. Các cử nhân, tiến sĩ, thạc sĩ của tất cả các ngành ra đời, nhưng những mảnh bằng đó chỉ có giá trị nghề nghiệp, lương bổng, mà không có giá trị về tinh thần đạo đức như xưa, do đó họ không được dân kính trọng như các bậc sĩ phu khi xưa.

Cũng có nhiều người trong số **Khoa bảng ngày nay,** họ cũng nhận thấy sự thiếu sót của mình, nên cũng cố gắng để thì giờ nghiên cứu, học hỏi thêm những cái hay, cái đẹp của người xưa, nhưng rất ít người theo kịp được đạo đức của người xưa, vì đà cám dỗ của văn minh vật chất quá mạnh.

Với sự phân tích trên, cho ta thấy nếu **ngành giáo dục** không mau mau cải tiến từ lớp mẫu giáo cho đến đại học, thì mai sau lớp trẻ sẽ khó răn dạy đến đâu, và sự thiếu căn bản đạo đức sẽ đưa nhân loại đến hậu quả như thế nào, khó ai đoán biết, đó là lý do về phương diện gia đình, nhiều cặp vợ chồng trẻ ngày nay không muốn sinh con.

Về phương diện Xã Hội, nếu nhà cầm quyền chuyên dùng hình phạt mà trị dân, thì dân sợ mà bớt phạm pháp, nhưng chẳng biết xấu hổ. Vậy muốn dẫn dắt dân, nhà cầm quyền phải dùng đức hạnh, lễ nghĩa, thì dân vừa biết xấu hổ, vừa được cảm hóa. Tóm lại, dân theo lễ nghĩa, thời nước sẽ thanh bình.

27. 山 雷 頤 SƠN LÔI DI

頤 序卦
物畜然後可養
故受之以頤
頤者養也

頤 Tự Quái
Vật sức nhiên hậu khả dưỡng.
Cố thụ chi dĩ Di.
Di giả dưỡng dã.

Di Tự Quái

Một khi súc tụ, lo đàng dưỡng nuôi.

Cho nên Di mới nối đuôi.

Di là di dưỡng, *muôn loài trước sau.*

Di trên dưới có 2 Hào Dương, giữa 4 Hào Âm, trên là Cấn = Núi, là đứng yên. Dưới là Chấn = Sấm = là cử động, tượng trưng cho cái mồm, trên dưới có 2 hàm răng cứng, giữa là miệng, lưỡi trống hoặc mềm; lại có 2 hàm: hàm trên không cử động, hàm dưới cử động.

Trong quẻ Di có Tượng mồm miệng, Thánh nhân mới nghĩ đến vấn đề di dưỡng, chứ không nói rằng ăn uống, vì chữ di dưỡng bao quát hơn vấn đề ăn uống. Ta có thể nói: Di dưỡng tinh thần, đức hạnh, thân xác, tha nhân.

I. Thoán.

Thoán Từ.

頤 : 貞 吉 . 觀 頤 . 自 求 口 實 .

Di: Trinh cát. Quan Di. Tự cầu khẩu thật.

Dịch.

Hay thay công cuộc dưỡng nuôi.

Hãy xem lề lối người đời kiếm ăn.

Di là dưỡng: dưỡng kỷ, dưỡng nhân, nhưng phải cho hợp lý, hợp nghĩa mới hay. Vì thế mới nói **Di. Trinh cát.** Di có 2 phương diện. Trình tử cho đó là: Dưỡng kỷ và Dưỡng thân. Chu Hi cho là Dưỡng đức và Dưỡng thân.

Chu Hi giải 2 chữ: **Quan Di** là xem mình chú ý di dưỡng cái gì nơi con người, **Tự cầu khẩu thực** = Cách thế sinh nhai.

Thoán Truyện.

彖曰：頤. 貞吉. 養正則吉也. 觀頤. 觀其所養也. 自求口實. 觀其自酈也. 天地養萬物. 聖人養賢. 以及萬民. 頤之時義大矣哉.

Thoán viết:

Di. Trinh cát. Dưỡng chính tắc cát dã. Quan Di. Quan kỳ sở dưỡng dã. Tự cầu khẩu thực. Quan kỳ tự dưỡng dã. Thiên địa dưỡng vạn vật. Thánh nhân dưỡng hiền. Dĩ cập vạn dân. Di chi thời đại hỹ tai.

Dịch.

Dưỡng sinh, mà tốt, mà hay.

Tốt, vì hợp lẽ chính ngay đất Trời,

Xem nuôi, xem dưỡng những ai.

Lại xem cung cách sinh nhai mỗi người.

Đất trời nuôi dưỡng muôn loài

Thánh nhân dưỡng dục hiền tài, vì dân.

Dưỡng sinh, nghĩa rất cao thâm,

Tùy thời dưỡng dục, mười phân vẹn mười.

Trời đất sinh vạn vật, tức phải lo nuôi dưỡng vạn vật. Thảo mộc, cỏ hoa, ngũ cốc, nước nôi, không khí tràn đầy mặt đất, chẳng phải để dưỡng nuôi vạn vật là gì?

Thánh nhân cai trị thiên hạ, cũng phải lo nuôi dưỡng thiên hạ. Trị dân mà để dân đói, dân khổ, thời trị dân làm gì? Tuy nhiên, thiên hạ thời bao la, sức một người không sao gánh vác xuể, vì vậy Thánh nhân có bổn phận chiêu hiền, đãi sĩ, tìm những người hay, người giỏi về cộng tác với mình, cho họ bổng lộc, để họ cùng mình thi ân trạch xuống bá tánh, nuôi dưỡng bá tánh, như vậy mới là biết trị dân **(Thiên địa dưỡng vạn vật. Thánh nhân dưỡng hiền dĩ cập vạn dân).** Hiểu nghĩa chữ Di, biết tùy thời dưỡng kỷ, dưỡng nhân, thật là cao đẹp vậy. **(Di chi thời đại hĩ tai).**

II. Đại Tượng Truyện.

象曰:山下有雷.頤.君子以慎言語.節飲食.

Tượng viết:

Sơn hạ hữu lôi. Di. Quân tử dĩ thận ngôn ngữ. Tiết ẩm thực.

Dịch. Tượng rằng:

Ven non Sấm động là Di,

Hiền nhân ăn nói, hai bề vẹn hai,

Nói thời cẩn thận từng lời.

Ăn thời chừng mực, hẳn hoi, đường hoàng.

Đại Tượng nhân Tượng quẻ Di là mồm mép, khuyên ta nên: 1)- Thận trọng trong khi ăn nói. 2)- Tiết độ trong khi ăn uống. Đó là 2 bài học rất chí lý.

Thơ Bạch Khuê, trong Đại Nhã kinh Thi có 4 câu được Tạ Quang Phát dịch như sau:

Ngọc Bạch Khuê bị chầy, bị mẻ,

Mài láng trơn, có thể thành công.

Lời sai lầm, chót nói xong,

Chẳng làm gì được, răn lòng khắc ghi.

Ông Nam Dung thích đọc thơ này, và cố theo đó giữ gìn lời ăn, tiếng nói, nên Đức Khổng đã đem cháu gái gả cho (LN, XI, 5). Khi Đức Khổng vào thăm miếu của tổ tiên nhà Châu là Hậu Tắc, ngài thấy trước thềm bên phải, có một người vàng, miệng niêm phong 3 đợt, sau lưng có khắc những lời đại loại như sau:

Đây là Tượng một người xưa.

Lời ăn, tiếng nói, đắn đo giữ gìn.

Gương xưa, ta cũng nên xem,

Nói năng cẩn trọng, hãy nên lo lường.

(Khổng tử gia ngữ, chương Tắc miếu)

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初九： 舍爾靈龜.觀我朵頤.凶.

象曰： 觀我朵頤.亦不足貴也.

Sơ Cửu. **Xả nhĩ linh qui. Quan ngã đóa Di. Hung.**

Tượng viết:

Quan ngã đóa Di. Diệc bất túc quí dã.

Dịch.

Xấu thay người bỏ rùa linh (thần trong ta).

Trề môi, há miệng, mà rình xem ta.

Tượng rằng: *Trề miệng nhìn ta (thèm ăn),*

Thời đâu còn đáng gọi là thanh tao.

Hào Sơ có thể giải 3 cách:

1) Đường đường tu mi, nam tử mà không tin vào tài trí mình, có thể tự lực, cánh sinh mà phải bám vào người để cầu thực, thì chẳng ra gì (Hào tứ). Vì thế Tứ mới chê Sơ: Người có rùa linh = Có trí huệ, mà trề môi, há miệng, thèm thuồng đứng nhìn ta, thời đâu có hay.

2) Mê dục tình, mà táng khí tiết, thời đâu có hay.

3) Mình có nguồn đạo đức, có tàn lửa Thiên Chân bên mình, tại

sao cứ chạy đi tìm những điều giả tạo bên ngoài, thế là đóng cửa đi ăn mày, thế là Thần lửa mà phải đi xin lửa. Những người như vậy, làm sao mà đáng quí được.

2. Hào Lục nhị.

六二： 顛頤.拂經.于丘頤.征凶.

象曰： 六二征凶.行失類也.

Lục nhị. **Điên Di. Phất kinh vu khưu Di. Chinh hung.**

Tượng viết:

Lục nhị chinh hung. Hành thất loại dã.

Dịch.

Trên quay xuống dưới xin ăn,

Thế là trái với lẽ hằng thế gian,

Nhược bằng cầu cạnh người sang,

Người trên xa lạ, bắc quàng hay chi.

Tượng rằng: *Cố vươn, cố với, hay gì,*

Đôi bên đâu có tông chi, họ hàng.

Hào hai đề cập đến một hạng người không có óc tự tin, óc độc lập, không biết tự lực cánh sinh, mà những mong dựa vào người dưới, hoặc người trên để kiếm ăn.

Đáng lý mình nuôi người dưới mới phải, nay lại cầu người dưới nuôi mình (Cầu Sơ Hào), thế là đảo lộn nghĩa lý **(Điên Di),** thế là nghịch với lẽ thường **(Phất kinh).** Ngoài ra trông vào những người trên không có liên lạc gì với mình **(Thượng lục)** để cầu thực, thì làm sao mà hay, mà toại nguyện được **(Vu khưu Di. Vãng hung).** Cái không hay là đã dựa vào những người không đồng chí hướng với mình **(Thất loại dã). (**Hào Lục nhị Âm; Hào Sơ, Hào

Thượng đều Dương, thế là thất loại).

3. Hào Lục tam.

六三： 拂頤.貞凶.十年勿用.無攸利.

象曰： 十年勿用.道大悖也.

Lục tam. **Phất Di. Trinh hung. Thập niên vật dụng. Vô du lợi.**

Tượng viết:

Thập niên vật dụng. Đạo đại bội dã.

Dịch.

Mưu sinh trái với đạo thường,

Mưu sinh mà đến bất lương, hay gì.

Cuối cùng sẽ chẳng ra chi,

Mưu toan dẫu lắm, chung kỳ cũng toi.

Tượngrằng: *Chung cuộc cũng toi,*

Là vì trái với đạo Trời quá đa.

Hào Ba đề cập đến một hạng người đi sai đường lối của Di. Phàm con người ta, phải lo di dưỡng tinh thần hơn là thể chất. Phải có những phương thế mưu sinh chính đáng, hẳn hoi, mới là đúng đạo lý của Di. Nếu phóng túng dục tình, chỉ lo thỏa mãn khẩu phúc, chỉ chìm đắm trong thanh sắc, lại có những đường lối sinh nhai bất chính, thì làm sao mà có một chung cuộc hay ho được **(Lục tam. Phất Di. Trinh hung. Thập niên vật dụng. Vô du lợi).**

4. Hào Lục tứ.

六四. 顛頤吉.虎視眈眈.其欲逐逐.無咎.

象 曰 .　顛 頤 之 吉 . 上 施 光 也 .

Lục tứ. Điên Di cát. Hổ thị đam đam. Kỳ dục trục trục. Vô cữu.

Tượng viết:

Điên Di chi cát. Thượng thi quang dã.

Dịch.

Hạ mình cầu cạnh với người,

Cầu hiền chỉ giáo, hay thời đã hay,

Đăm đăm, chăm chú bấy chầy,

Như hùm rình rập, khôn khuây tấc lòng.

Luôn luôn, những ngóng, cùng trông,

Trông người phụ bật, ai hòng cười chê.

Tượng rằng:

Hạ mình cầu cạnh, là hay,

Vì mình muốn sáng soi người gần xa.

Lục tứ là người có trách nhiệm dưỡng nuôi dân chúng, tuy mình vô tài (**Âm nhu),** nhưng biết khuất kỷ, cầu hiền **(Hào Sơ Cửu);** lòng lại đăm đăm, bo thiết, **(Hổ thị đăm đăm),** lòng bao giờ cũng canh cánh **(Kỳ dục trục trục),** muốn dụng hiền cho hay, dưỡng dân cho phải, thì dẫu mình làm một điều ngược với lẽ Trời, là nương vào tài đức của người hơn là trông vào thực lực của mình, cũng chẳng có lỗi gì **(Điên Di chi cát).** Hơn thế nữa, đó là cách trị dân quang minh vậy **(Thượng thi quang dã).**

5. Hào Lục ngũ.

六 五 .　拂 經 . 居 貞吉 . 不 可 涉 大 川 .

象 曰 .　居 貞 之 吉 . 順 以 從 上 也 .

Lục ngũ. Phất kinh. Cư trinh cát. Bất khả thiệp đại xuyên.

Tượng viết:

Cư trinh chi cát. Thuận dĩ tòng thượng dã.

Dịch.

Hạ mình, chịu nhún nhờ người,

Thế là trái với lẽ đời xưa nay.

Bền lòng, vững chí, thì hay,

Nhưng tài sức ấy, khó ngày băng sông.

Tượng rằng:

Bền lòng, vững chí, hay thay,

Là vì theo được người hay trên mình.

Ở vào bậc quốc quân, mà cảm thấy mình còn tài thô, trí thiển, lại biết hạ mình để nhờ hiền tài **(Thượng Cửu),** chỉ vẽ cho mình biết cách trị dân cho hay, cho khéo, tuy là trái với thông lệ **(Phất kinh),** tuy là không mấy sĩ diện cho mình, nhưng thật ra là điều rất tốt cho thiên hạ, nhất là khi mình lại thật tâm dùng người hiền đức, nghe lời người hiền đức **(Thuận dĩ tòng thượng dã).**

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 :　由 頤 . 厲 吉 . 利 涉 大 川 .

象 曰 :　由 頤 厲 吉 . 大 有 慶 也 .

Thượng Cửu. Do Di. Lệ cát. Lợi thiệp đại xuyên.

Tượng viết:

Do Di lệ cát. Đại hữu khánh dã.

Dịch.

Đứng ra dưỡng dục muôn người,

Những lo, cùng lắng, hay thời đành hay.

Dẫu băng sông lớn, băng ngay.

Khó khăn dẫu mấy, có ngày thành công.

Tượng rằng:

Đứng ra dưỡng dục mọi người,

Những lo, cùng lắng, hay thời đành hay.

Thấm nhuần ân trạch, đó đây,

Xa gần, chung hưởng những ngày hân hoan.

Hào Thượng Cửu ám chỉ một bậc hiền tài như: Y Doãn, Phó Duyệt, Chu Công, Tử Nha, Khổng Minh đã vì Quân Vương mà gánh vác việc nước, tận tụy một lòng vì nước, vì dân. lo cho dân no ấm **(Do Di),** thì phúc khánh cho quốc gia biết là mấy mươi **(Cát đại hữu khánh dã).**

ÁP DỤNG QUẺ DI VÀO THỜI ĐẠI

Trong Kinh Dịch, Di là cái mồm, nên bàn về Quẻ Di là bàn về di dưỡng. Di dưỡng là một định luật phổ quát:

*Trời đất di dưỡng vạn vật.

*Thánh nhân dưỡng hiền, và qua trung gian các hiền tài, dưỡng vạn dân.

*Con người sinh ra đời chẳng những phải biết lo cho thể xác mình, mà còn phải biết lo cho tinh thần mình nữa:

I. Lo cho thể xác.

1. Dưỡng sinh = động tác, nghỉ ngơi đúng chừng mực. Thật vậy, sống ở thời đại văn minh vật chất này, con người sống như một cái máy. Để kiếm cho được thật nhiều tiền, họ làm việc bất kể thời gian, giờ giấc. Có người vì phải làm công việc quá độ, cơ thể không chịu đựng được, nên sinh ra đủ mọi thứ bệnh.

2. Dưỡng hình: Ăn uống, phải thời, đúng lúc. Cũng như trên, vì mải lo kiếm tiền, nên sự ăn uống thì bạ đâu ăn đó, không có điều độ, không hợp vệ sinh, nên lúc chưa già mà cơ thể đã nhiễm đủ mọi thứ bệnh, mọi thứ ung thư.

3. Dưỡng đức: Thứ nhất là ta phải kiểm soát lời ăn, tiếng nói. Các cụ xưa dạy con cháu thường nói: Bệnh tòng khẩu nhập. Họa tòng khẩu xuất nghĩa là **bệnh** từ mồm vào, **họa** từ mồm ra. Bệnh tật phần lớn là do ăn uống, tai ương là do mồm sinh. Ta vì ăn nói xô bồ, chê bai, khinh khi mọi người, nên bị mọi người thù oán. Nên ta cần phải biết giữ mồm, giữ miệng. Cho nên, Esope xưa mới nói: Xấu nhất là cái lưỡi, tốt nhất cũng là cái lưỡi.

II. Di dưỡng Tinh thần:

Nếu xác ta cần được nuôi, thì tinh thần ta cũng cần được dưỡng như vậy. Ta sống không phải nguyên vì cơm, gạo, bánh mì. Mà ta cần phải đọc thêm nhiều sách vở. Có như vậy ta mới là con người toàn diện. Ngày nay, nước Hoa Kỳ cho ta nhiều cơ hội được đọc sách của bất kỳ Đạo Giáo nào, và cũng không ai bắt ta phải tin gì, hoặc theo đạo nào. Đọc sách không cần đọc nhiều. Cần nghiền ngẫm quyển sách nào mà ta cho rằng đắc ý nhất. Và ta nên nhớ, Thánh Hiền sau trước, không phân Đạo Giáo, đều nói một thứ Chân Lý, đều bàn về Bản thể con người, về Đạo thể vô biên tế mà thôi.

III. Dưỡng nhân: Lo lắng, nuôi dưỡng muôn dân.

Người làm Chính trị tuy không trực tiếp nuôi dân, nhưng thật ra vẫn gián tiếp nuôi dân. Thực vậy, họ đã lập ra pháp luật để mang an bình, trật tự lại cho mọi người. Nếu không có an bình, trật tự thì làm sao ta giữ nổi miếng ăn.

Hiện nay, ở Mỹ chính phủ đã lo thực phẩm cho dân quá đầy đủ, chẳng những thực phẩm do trong nước sản xuất, mà còn nhập

cảng đủ thứ, từ nơi xứ người, nên người dân không bị thiếu thốn về thực phẩm, hay thua sút dân tộc khác. Nhưng nếu con người sinh ra mà chỉ để ý đến thân xác, hoặc ăn uống mà thôi, thì thật quá tầm thường.

Theo thiển ý của tôi, Vấn đề di dưỡng phải dung hòa đủ mọi mặt như trên đã nói, thì mới là quân bằng sự đòi hỏi về đời sống của con người. Tức là: **Di dưỡng là: Dưỡng sinh, dưỡng đức, dưỡng hình, dưỡng nhân.**

28. 澤 風 大 過 TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ ䷛

大過序卦
頤者養也
不養則不可動
故受之以大過

Đại Quá Tự Quái
Di giả dưỡng dã.
Bất dưỡng tắc bất khả động.
Cố thụ chi dĩ Đại Quá.

Đại Quá Tự Quái

Di là di dưỡng muôn loài trước sau,

Có nuôi, chuyển động mới mầu.

Cho nên Đại Quá, lẽ âu tiếp vào.

Đại Quá là quẻ có 4 Hào Dương bên trong, còn Sơ và Thượng là Âm. Dương quá nhiều hơn Âm, mà Dương là Đại, nên gọi Đại Quá.

Vì vậy, Đại Quá là thời kỳ Quân tử mạnh hơn Tiểu nhân. Nhưng Đại Quá, vì trên dưới là hào Âm cả, nên ví như cái cột mà trên, dưới 2 đầu đã yếu, đã oẻ, khó lòng đứng vững, hay như một cái cây đã khô, vì sinh lực không còn ở gốc, hay ở ngọn nữa. Như vậy Đại Quá chính là một trường hợp khẩn trương phi thường, cần phải có người tài đức phi thường, làm những công chuyện phi thường mới cứu vãn nổi.

Vì thế Đại Quá vừa là phi thường chi thế, vừa là phi thường chi nhân, chi sự. **Đại Quá là quá cương,** nên trong quẻ bàn rằng: muốn làm nên đại công, đại nghiệp, thời cương là hay, nhưng quá cương đến mức quá tự tín, quá khinh thường, khinh thị là dở, phải cẩn trọng mới nên công.

Cương quá mức, làm vượt quá thời, hoạt động mà đến phải rơi xuống hồ (Đại Quá, trên có Đoài là Hồ, dưới có Tốn = Nhập = rơi vào). Tuy là những người phi phàm, có tư cách xuất chúng, nhưng đời thường chẳng dung! Cho nên phải biết cẩn thận, lo lắng, đề phòng, xét mình sửa sai, thì mới có thể đáp ứng được Thiên Mệnh.

Hào Âm mà ở vị âm là quá Nhu.

Hào Dương mà ở vị Dương, là quá Cương, không hay. (Âm hào ở Dương vị, Dương hào ở Âm vị mới tốt.) Thế là dạy con người phải biết lúc Cương, lúc Nhu, lúc Tiến, lúc Thoái, chứ đừng khăng khăng một mực.

I. Thoán.

Thoán Từ.

大 過 . 棟 橈 . 利 有 攸 往 . 亨 .

Đại Quá. Đống nạo. Lợi hữu du vãng. Hanh.

Dịch.

Đại Quá là cột yếu chân.

Hiền nhân thịnh đạt, tiểu nhân suy tàn.

Công trình hãy liệu tính toan,

Mưu cầu, rồi sẽ đường hoàng, hanh thông.

Đại Quá là thời quân tử thịnh, tiểu nhân suy, vì vậy đó chính là lúc để làm những đại công, đại nghiệp **(Lợi hữu du vãng. Hanh).**

Thoán Truyện.

彖 曰 : 大 過 . 大 者 過 也 . 棟 橈 . 本 末 弱 也 . 剛 過 而 中 . 巽 而 說 行 . 利 有 攸 往 . 乃 亨 . 大 過 之 時 大 矣 哉.

Thoán viết.

Đại Quá. Đại giả quá dã. Đống nạo. Bản mạt nhược dã. Cương quá nhi trung. Tốn nhi duyệt hành. Lợi hữu du vãng. Nãi hanh. Đại quá chi thời đại hĩ tai.

Dịch.

Đại Quá, ấy là to lớn quá,

Cột đã cong, thượng hạ yếu mềm.

Cương cường, nhưng vẫn chính chuyên.

Dịu dàng, vui vẻ, hóa nên công trình,

Cứ hăng hái, tiến hành công tác.

Sẽ có ngày hoan lạc, hanh thông,

Muốn làm đại sự, đại công,

Gặp thời, gặp vận, mới mong như nguyền.

Đại Quá vì Sơ, Thượng là Âm, mà bốn hào giữa là Dương, tượng như cây cột mà trên, dưới yếu, ở giữa lại cứng, nên không thể đứng thẳng, mà sẽ oẻ, sẽ cong, vì thế nói: **Đống nạo. Bản mạt nhược dã.** Tuy Dương cương quá thịnh, nhưng Nhị, Ngũ đều đắc trung **(Cương quá nhi trung).** Đại Quá có Tốn ở dưới là Tốn thuận **(Tốn nhi duyệt hành),** trên có Đoài là hòa duyệt, thời làm công chuyện sẽ đi đến hanh thông **(Lợi hữu du vãng. Nãi hanh).**

Nói cách khác, phàm làm đại công, đại sự, tuy phải cương quyết, nhưng cũng phải hết sức khéo léo, xử sao cho vừa ý, đẹp lòng mọi người, mới dễ nên công. Thời Đại Quá thật là một thời buổi phi thường, nó đòi hỏi những nhân vật phi thường lỗi lạc, những công chuyện phi thường **(Đại Quá chi thời đại hĩ tai).** Xưa, nay đã có bao chuyện phi thường:

* Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn, thay vì cho con là phi thường

* Đức Trần Hưng Đạo đã 3 lần diệt quân Nguyên là một nhân vật phi thường, đã làm nên công chuyện phi thường.

* Thám hiểm trên **Cung trăng** là công chuyện phi thường của ngày nay vậy.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 : 澤 滅 木 . 大 過 . 君 子 以 獨 立 不 懼 . 遯 世 無 悶 .

Tượng viết: **Trạch diệt mộc. Đại Quá. Quân tử dĩ độc lập bất cụ.**

Độn thế vô muộn.

Dịch.

Tượng rằng: *Hồ ngập lút cây,*

Ấy là câu chuyện xưa nay phi thường.

Nên người quân tử xem gương,

Hiên ngang, độc lập, đường đường, sợ chi.

Dẫu rằng chẳng tiếng tăm gì,

Sống đời ẩn dật, chẳng khi phiền sầu.

Tượng Truyện bình luận thẳng về những bậc hiền tài, phi phàm, thoát tục, và cho rằng những bậc phi phàm, phải sống cuộc đời phi phàm, phải vượt trổi chúng nhân, đừng có lo âu, sợ hãi, buồn phiền. Vì những người tầm thường, làm sao hiểu được những bậc phi thường trong trần thế.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. 初六：藉用白茅，無咎。

象曰：藉用白茅，柔在下也。

Hào Sơ Lục.

Sơ Lục. Tạ dụng bạch mao. Vô cữu.

Tượng viết: **Tạ dụng bạch mao. Nhu tại hạ dã.**

Dịch. Sơ Lục.

Cỏ tranh dùng để lót đồ,

Một niềm thận trọng, khỏi lo lỗi lầm.

Tượng rằng:

Cỏ tranh dùng để lót đồ,

Vì còn thấp kém, nên lo lỗi lầm.

Hào Sơ dạy bài học cẩn trọng, cỏ gianh tuy hèn, nếu biết dùng để lót, để trải dưới đất, cho đồ quí khỏi hư, thì lỗi chi đâu.

2. 九 二 : 枯 楊 生梯 . 老 夫 得 其女 妻 . 無 不 利 .

象 曰 : 老 夫 女 妻 . 過 以 相 與 也 .

Hào Lục nhị.

Lục nhị. Khô dương sinh đề. Lão phu đắc kỳ nữ thê. Vô bất lợi.

Tượng viết: **Lão phu nữ thê. Quá dĩ tương dự dã.**

Dịch. Cửu nhị.

Dương khô, mà rễ lại sinh,

Ông già, mà lại được tình gái tơ.

Âm Dương, tương tế, tương phò.

Làm gì mà chẳng hay ho, chu toàn.

Tượng rằng:

Ông già, mà lấy gái tơ,

Thế thời khắng khít quá đa còn gì.

Hào hai là Dương cư Âm vị, thế tức là Cương, Nhu tương tế, là đắc trung, dụng nhu. Hào 2 là Dương, mà kế với Hào Sơ là Nhu, y như ông già mà lấy được bà vợ trẻ, có khác nào cây Dương đương khô, mà tự nhiên lại sinh rễ, lại sống động lại. Ý muốn nói: Phàm làm đại công, đại sự, mà biết Cương, biết Nhu, biết tiến, biết thoái, cho khéo léo, lại biết dùng những người dưới, thì có thể canh tân được thế cuộc.

3. 九 三 : 棟 橈 . 凶 .

象 曰 : 棟 橈 之 凶 . 不 可 以 有 輔 也 .

Hào Cửu tam.

Cửu tam. Đống nạo. Hung.

Tượng viết: **Đống nạo chi hung. Bất khả dĩ hữu phụ dã.**

Dịch.

Cột nhà mà oẻ cái chân.

Oẻ chân thì chắc nhiều phần chẳng hay.

Tượng rằng:

Cột nhà chân chẳng ra chi,

Làm sao có kẻ hộ trì giúp công.

Hào tam đã Cương mà lại ở vị Dương, thế là quá Cương. Hào này là hào cuối của quẻ Tốn, mà Tốn có hào Sơ là Âm, y như cây cột bị ỏe chân **(Đống nạo. Hung).**

Quá Cương, quá tự phụ, không coi ai ra gì, thì làm sao mà có người cộng tác, như vậy sẽ như cây cột bị oẻ chân, sẽ làm cho cả tòa nhà bị sụp đổ, đại cuộc sụp đổ **(Đống nạo chi hung. Bất khả dĩ hữu phụ dã).**

4. 九 四 . 棟 隆 . 吉 . 有 它 吝 .

象曰 . 棟 隆 之 吉 . 不 橈 乎 下 也 .

Hào Cửu tứ.

Cửu tứ. Đống long. Cát. Hữu tha lận.

Tượng viết: **Đống long chi cát. Bất nạo hồ hạ dã.**

Dịch.

Cột cao thời tốt, thời hay,

Sinh lòng kia khác, tiếc thay sự tình.

Tượng viết:

Cột cao mà tốt, mà hay.

Là vì chân chẳng lung lay, oẻ mềm.

Cửu tứ là Dương Cương, mà lại cư Âm, thế nên không quá Cương, lại là Hào dưới cùng của quẻ Đoài. Mà Đoài có 2 hào dưới Dương, hào trên Âm, tức là dưới thực, trên hư, dưới chắc, trên yếu. Vì thế, Cửu tứ gợi lên một cây cột vững vàng **(Đống long cát).** Mình đã vững, đã có thanh thế, đã khéo xử sự, thì đừng có hệ lụy tiểu nhân nữa, kẻo sẽ bị chê cười. Hào tứ nói: **Hữu tha lận,** là chớ nên bịn rịn với Sơ, mà sinh lòng kia khác, ví dụ như để củng cố địa vị, mưu cầu tư lợi, như thế sẽ bị chê cười.

5. 九 五 . 枯 楊 生 華 . 老 婦 得 士 夫 . 無 咎 無 譽 .

象 曰 . 枯 楊 生 華 . 何 可 久 也 . 老 婦 士 夫 . 亦 可 丑 也 .

Hào Cửu ngũ.

Cửu ngũ. Khô Dương sinh hoa. Lão phụ đắc kỳ sĩ phu. Vô cữu vô dự.

Tượng viết: **Khô Dương sinh hoa. Hà kh**ả **cửu dã. Lão ph**ụ **sĩ phu. Diệc kh**ả **xú dã.**

Dịch Cửu ngũ.

Dương khô mà lại trổ hoa,

Bà già mà lại được chồng là con trai.

Chê bai, ai nỡ chê bai,

Nhưng mà danh giá, có đời nào đâu.

Tượng rằng:

Dương khô, mà lại trổ hoa,

Hoa kia hỏi được sẽ là bao lâu.

Vợ già, chồng trẻ hay đâu,

Chẳng qua, để hổ cho nhau bấy chầy.

Cửu ngũ là người có tài, có đức, muốn làm nên đại công, đại nghiệp, nhưng thay vì đi sát với quần chúng, lại lo cộng tác với những kẻ tiểu nhân, tuy có địa vị (thượng lục), nhưng không có thực tài, chỉ có hư danh. Như vậy có khác nào một cây Dương đã khô héo, lại còn trổ thêm một vài bông hoa **(Khô Dương sinh hoa),** hoa nở sẽ tàn đi, và lôi cuốn theo cả tàn lực của cây; cũng như chồng trẻ mà lấy phải vợ già, làm sao mà sinh con cái **(Lão phụ đắc kỳ sĩ phu).**

Họ không đáng chê, vì làm chính trị phải tìm vây cánh; nhưng cũng không đáng khen, vì cộng tác với những kẻ tiểu nhân hữu danh, vô thực, thời làm sao nên công **(Vô cữu vô dự),** nhưng chắc họ sẽ lấy làm tự hổ **(Diệc khả xú dã).**

6. 上 六 . 過 涉 滅 頂 . 凶 . 無 咎 .

象 曰 . 過 涉 之 凶 . 不 可 咎 也 .

Hào Thượng Lục.

Thượng Lục. Quá thiệp diệt đỉnh. Hung. Vô cữu.

Tượng viết: **Quá thiệp chi hung. Bất khả cữu dã.**

Dịch. Thượng Lục:

Quá sâu lội ngập cả đầu,

Việc đành rằng xấu, đừng sầu oán ai.

Tượng rằng:

Lội sâu, chìm nghỉm là hung,

Thôi đừng oán trách lung tung làm gì.

Hào Thượng Lục đã Nhu, mà lại ở Âm vị, là quá Nhu. Ở cuối quẻ Đại Quá là lúc khó khăn nhất, đòi hỏi một nhân tài phi thường.

Nếu không tự lượng, mà cũng cứ ra tay gánh vác bừa, thì có khác nào lội nước quá sâu, ngập lút cả đầu đâu. Xưa nay, biết bao người có lòng tha thiết cứu đời, đã thật sự xả thân cứu đời, nhưng vì tài thô, trí thiển, không đủ kiến thức, mưu lược, kinh luân, nên đã bị ngọn trào lịch sử nhận chìm. Xét việc thành bại thật đáng buồn cho họ, nhưng xét về khí tiết của họ, thì nào có gì đáng chê trách họ đâu.

ÁP DỤNG QUẺ ĐẠI QUÁ VÀO THỜI ĐẠI

Thời đại nào cũng có những người phi phàm, có tài năng, tư cách xuất chúng, nhưng lại chỉ có một số rất ít (phải nói là quá ít), là thành công mà thôi. Tại sao vậy?

Tôi xin mạo muội mượn lời dạy của quẻ Đại Quá trên, mà phân tách: Yếu tố nào đã khiến những người có tài năng hơn người đó lại thất bại. Tôi xin đưa ra 2 trường hợp:

A) Người làm chính trị: Họ thất baị là vì có nhiều nguyên do:

1) Vì không có mục đích, môi trường, chủ trương chính đáng.

2) Vì yếu ớt, thiếu lực lượng thì chỉ có 2/10, mà thất bại vì nóng nảy, ương ngạnh, thì có đến 8/10. Những người này thường cho mình là chính nhân, quân tử, mà mọi người khác là Tiểu nhân, chỉ mình là hay, còn người khác là dở.

3) Làm gì cũng muốn thành công mau, kết quả vội. Vì thế bọn tiểu nhân dễ xu phụ, du nịnh, làm ra vẻ mặt phục tùng, theo ý thích của họ, làm cho họ trở nên cao ngạo. Họ làm công việc không suy tính, không dựa vào chúng dân, mà lại dựa vào những người hữu danh, vô thực, thì nếu may mắn mà được một chút như ý, thì thử hỏi**: Hoa nở cành khô sống mấy mươi.**

B. Người có tài năng thật sự: Như những nhà Bác Học, Khoa Học gia, Kỹ sư phát minh, hoặc những người không có bằng cấp ngoài đời, nhưng họ có tài năng, sáng kiến vượt bực.

1) Những nhà Bác Học, Khoa Học gia: những người này phần lớn được Chính Phủ giúp đỡ về mọi phương diện, nên khi tìm được cái gì, là được công bố kết quả, nên do đó danh vọng dễ lên, vì được

nhiều người biết tiếng, tiền tài tương đối cũng khả quan

2) Những người giỏi, có tài năng, nhưng không có bằng cấp ngoài đời: *Họ biết là họ không có bằng cấp, học lực bằng ai, vì thế họ không kiêu ngạo.* Lúc đầu, họ mang hết tài năng, sáng kiến ra để làm những cái nho nhỏ, vừa đủ tài sức họ, sau khi đã thành công, họ mới phát triển lớn ra, và họ dùng tiền mướn những người kỹ sư giỏi về cộng tác, để kiếm tiền cho họ. Do đó số người này, về mặt kiếm tiền khá thành công, vì họ biết cách dùng người.

3) Những người có tài năng, bằng cấp, óc phát minh: Những người này là những người chịu thiệt thòi nhất, bị lớp người trên lợi dụng tài năng mình để kiếm tiền cho họ, và còn bị họ che dấu tài năng mình, và chỉ trả mình số lương tối thiểu, so với số lợi tức mà mình đã kiếm ra cho họ.

Tại sao, những người có tài năng lại bị bóc lột như vậy mà không biết giải quyết . Làm sao có thể giải quyết?

Theo thiển ý của tôi: Những người có thực tài, phải có quyết tâm phát triển tài mình một cách độc lập, nếu có thể nên có những ý kiến sau:

* Những người có tài, phải cộng tác với nhau thành một khối. Khối này sẽ do một vị anh minh, sáng suốt, có lòng vị tha, không cao ngạo đứng đầu, cùng với một bộ phận gồm nhiều người tài giỏi khác (được bầu) lãnh đạo. Những vị này, trừ vị chỉ huy lúc đầu là chủ tịch, còn chỉ được giữ chức vụ, lương bổng, trong nhiệm kỳ có giới hạn.

* Chính phủ phải nâng đỡ họ về mặt tài chính lúc đầu để họ và gia đình có đủ phương tiện sống, mà tiến hành công cuộc phát minh. Khi đã thành nếp, thì lương hướng của họ nhiều, ít sẽ tùy theo sự thành công của họ.

Thành công của họ phải được công bố trên báo chí, để khuyến khích họ và những người theo sau họ. Như vậy mới công bằng, và như vậy mới có sự cố gắng để tiến lên, và nhân tài mới có cơ phát triển.

Ước mong bài **Áp dụng** nhỏ bé này đến tay những ai có tài năng,

óc độc lập, lòng cầu tiến, mà chưa đủ hùng tâm, can đảm tiến lên, thì hãy kêu gọi những người tài giỏi, đồng chí với mình đứng lên, mà thực hiện hoài bão, để tránh khỏi cảnh Người bóc lột người, và để người có tài năng có dịp thi thố đúng với khả năng của họ, thời kẻ viết bài này cũng đã mãn nguyện rồi.

29. 坎 為 水 KHẢM VI THỦY

BÁT THUẦN KHẢM

坎 序 卦
陷 必 有 所 麗
故 受 之 以 離
離 者 麗 也

Khảm Tự Quái
Vật bất khả dĩ chung Quá.
Cố thụ chi dĩ Khảm.
Khảm giả hãm dã.

Khảm Tự Quái

Sự đời tiến mãi được sao,

Cho nên quẻ Khảm đón, rào, vây, ngăn.

Khảm là gặp bước gian truân...

Khảm là hãm, là mắc kẹt y như quẻ: một Hào Dương kẹt giữa hai Hào Âm. Vì thế Khảm cũng có nghĩa là nguy hiểm. Khảm là nước. Nước giữa giòng thời trong y như một Hào Dương tinh toàn, thanh khiết ở giữa hai hào Âm hai bên.

Khảm là do Hào giữa của Kiền mà thành. Như vậy Khảm là tinh hoa của Trời = Thần = Đạo tâm. Còn Ly là tinh hoa của Đất = Tâm = Hồn = Nhân tâm.

Con người sinh ra, ai cũng có tinh hoa của Trời tàng ẩn trong xác thân, y như một Hào Dương quẻ Khảm kẹt giữa hai hào Âm. Dầu sao Khảm, Ly cũng là trọng tâm của Trời Đất, cũng như Thần và Hồn là trọng tâm của vũ trụ.

I. Thoán.

Thoán Từ.

習 坎 . 有 孚 . 維 心 亨 . 行 有 尚 .

Tập Khảm. Hữu phu. Duy tâm hanh. Hành hữu thượng.

Dịch.

Hiểm nguy, sau, trước, chập chùng,

Nếu ta thành khẩn, mới mong thoát nàn,

Chân thành, nên thoát nguy nan.

Việc làm như vậy, biết làm sao khen?

Thoán Truyện.

彖 曰 : 習 坎 . 重 險 也 . 水 流 而 不 盈 . 行 險 而 不 失 其 信 . 維 心 亨 . 乃 以 剛 中 也 . 行 有 尚 . 往 有 功 也 . 天 險 不 可 升 也 . 地 險 山 川 丘 陵 也 . 王 公 設 險 以 守 其 國 . 坎 之 時 用 大 矣 哉 .

Thoán viết.

Tập Khảm. Trùng hiểm dã. Thủy lưu nhi bất doanh. Hành hiểm nhi bất thất kỳ tín. Duy tâm hanh. Nãi dĩ cương trung dã. Hành hữu thượng. Vãng hữu công dã. Thiên hiểm bất khả thăng dã. Địa hiểm sơn xuyên khưu lăng dã. Vương công thiết hiểm dĩ thủ kỳ quốc. Hiểm chi thời dụng đại hĩ tai.

Dịch.

Thoán rằng: *Nguy hiểm trập trùng* ,

Nước vì trôi chảy, nên không tràn đầy.

Trong nguy, lòng vẫn thẳng ngay,

Thẳng ngay, may sẽ có ngày thoát nguy.

Gắng công, đáng được nể vì,

Gắng công, rồi sẽ thoát kỳ vận đen.

Trời cao, hiểm trở, khó lên,

Đất kia hiểm trở, sơn xuyên trập trùng.

Vương công dụng hiểm, bố phòng,

Giữ gìn bờ cõi, núi sông an bình.

Biết dùng hiểm, cũng lợi hanh,

Công trình dụng hiểm, âu đành lớn lao.

Trong **Thoán** quẻ Khảm, Thánh nhân dạy:

1) - Phương pháp xử trí khi lâm hiểm.

2) - Phương pháp lợi dụng sự hiểm trở.

1) Phương pháp xử trí khi lâm hiểm:

Ở đời, hiểm nguy ai cũng thường gặp, nhưng khi gặp nguy hiểm phải xử trí ra sao? Thưa: ta phải thành khẩn, phải bình tĩnh. Gặp nguy mà giữ được lòng thanh thản, không rối rít, sẽ thoát hiểm. Vì thế Thoán nói: Dẫu gặp nguy hiểm trập trùng **(Tập hiểm),** mà thành khẩn **(Hữu phu),** mà tâm hồn thanh thản **(Duy tâm hanh),** thì hành động sẽ có kết quả

(Hành hữu thượng). Như nước chẩy, sẽ thoát qua mọi ngóc ngách, con người mà thành khẩn sẽ thoát qua mọi gian nguy **(Thủy lưu nhi bất doanh. Hành hiểm nhi bất thất kỳ tín).** Khi gặp hiểm nguy, hãy giữ cho lòng thanh thản, sắt son. **(Duy tâm hanh. Nãi dĩ cương trung dã.)** Thế tức là:

Sơn hà gặp buổi lao lung,

Càng cao tiết ngọc, càng bừng vẻ son.

Đã sắt son, đã thành khẩn, thì hiểm nguy gì mà không vượt **(Hành hữu thượng. Vãng hữu công dã).**

2) Phương pháp dụng hiểm để bảo vệ mình, bảo vệ quốc gia.

* **Nơi cá nhân:** Trung tín chính là giáp trụ, lễ nghĩa chính là can

qua, để bảo vệ nhân cách con người.

* **Trong xã hội:** Chính, Hình, Uy, Thưởng là

những hiểm trở để bảo vệ xã hội.

* **Trong Quốc gia: (trong nước)** thì lũy cao, hào sâu, núi cao, sông rộng, chính là những hiểm trở để bảo toàn bờ cõi, bảo vệ thành trì. Nhìn vào bản đồ Trung Quốc, ta thấy giới hạn của 3 nước được định bằng những hiểm trở thiên nhiên.

- Nước Ngụy ở phía Bắc, được giới hạn bằng dẫy núi Tần Lĩnh, và sông Dương, sông Hoài.

- Nước Ngô ở phía Đông Nam, giới hạn cũng bằng sông Dương, sông Hoài, ngăn Ngô và Ngụy. Và dẫy núi phía Tây ngăn Ngô và Thục.

- Nước Thục ở phía Tây đã có tiếng là hiểm trở, trập trùng.

- Các Kinh đô xưa, như Kiểu Kinh, Hàm Dương, Lạc Dương cũng thường ở vào những chổ nhiều sông, lắm núi để làm thế ỷ dốc, bên ngoài muốn tiến đánh rất là khó khăn.

DÙNG HIỂM CÓ 2 CÁCH:

1) Lợi dụng mọi hiểm trở thiên nhiên, để bảo vệ mình **(Hiểm chi dụng).**

2) Lúc gặp ngoại xâm, lại phải tạo thêm hiểm trở **(Hiểm chi thời).**

Nước nào càng lắm hiểm trở thiên nhiên, càng ít bị ngoại xâm. Nước nào có nhiều đường lối xâm nhập, càng dễ bị chinh phục, **(**đó là **Hiểm chi dụng).**

Chiêm Thành xưa đã triệt để xử dụng Đèo Ngang, đèo Hải Vân, đèo Cả để bảo vệ đất nước.

Cho nên **Dịch** mới nói: **Hiểm chi thời dụng đại hĩ tai.** Biết dùng hiểm trở, lại biết khi nào phải dùng hiểm trở, để bảo vệ cho dân, cho nước, thì cao siêu biết chừng nào.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 : 水 洊 至 . 習 坎 . 君 子 以 常 德 行 . 習 教 事 .

Tượng viết:

Thủy tấn chí. Tập Khảm. Quân tử dĩ thường đức hạnh. Tập giáo sự.

Dịch.

Tượng rằng: *Nước chẩy liên hồi,*

Đợt này, đợt khác, chẳng ngơi, chẳng ngừng.

Nên người quân tử soi gương,

Đường nhân, nẻo đức, thời thường chẳng sai.

Dạy người liên tục, không ngơi.

Thường xuyên nhắc nhở, chẳng rời phép khuôn.

Dòng nước chẩy liên tục, cho ta một bài học khác. Nước chẩy không ngừng, vì thế soi mòn được núi non, soi mòn được vàng đá. Vậy nếu con người cũng cố gắng học hỏi, tu thân, tiến đức, dạy dỗ người không ngừng, thì con đường tiến hóa làm gì có hạn định. Thế tức là: Nước chẩy lâu, đá cũng phải mòn, hay Có công mài sắt, có ngày nên kim.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

Sáu Hào toàn bàn về cách xử hiểm.

1. Hào Sơ Lục.

初 六 . 習 坎 . 入 于 坎 窞 . 凶 .

象 曰 . 習 坎 入 坎 . 失 道 凶 也 .

Sơ Lục. Tập Khảm. Nhập vu Khảm lãm. Hung.

Tượng viết:

Tập Khảm. Nhập Khảm. Thất đạo hung dã.

Dịch. Sơ Lục:

Ỷ mình quen với gian nguy,

Sa hầm, sụp hố, hèn gì chẳng hung.

Tượng rằng:

Ưa nguy, thời sẽ gặp nguy,

Không theo chính đạo, hèn gì chẳng hung.

Hào Sơ dạy không nên đùa rỡn với hiểm nguy. Nếu mình cứ xông liều vào nguy hiểm **(Tập Khảm),** ắt sẽ sa vào những hiểm nạn ghê gớm **(Nhập vu khảm hạm).** Như vậy là dở hết sức **(Hung).** Thế tức là: Chơi dao có ngày đứt tay.

Tiểu Tượng bình thêm: đùa rỡn với hiểm nguy là đi sai đường lối của Trời Đất, vì vậy nên hung **(Thất đạo hung dã).**

2. Hào Cửu nhị.

九 二 . 坎 有 險 . 求 小 得 .

象 曰 . 求 小 得 . 未 出 中 也 .

Cửu nhị. Khảm hữu hiểm. Cầu tiểu đắc.

Tượng viết:

Cầu tiểu đắc. Vị xuất trung dã.

Dịch.

Anh hùng gặp bước gian nan,

Dần dà, từ tốn, tính toan, gỡ lần.

Tượng rằng:

Tính toan nho nhỏ được rồi,

Giữa cơn hoạn nạn, đừng đòi hỏi hơn.

Hào hai Cương mà lại đắc trung, tức người quân tử biết xử hiểm, biết bảo vệ được mình. Khi gặp gian nguy, đừng vội liều lĩnh để thoát hiểm. Trong giữa cơn biến, mà thâu nhập được thắng lợi, dù nhỏ cũng đã quí, đừng nên quá nóng, quá hấp tấp, quá tham lam. Cũng như nước suối vừa tuôn, tuy còn ít oi, nhưng rồi ra sẽ lan tràn khắp nơi.

3. Hào Lục tam.

六三. 來之坎坎.險且枕.入于坎窞.勿用.

象曰. 來之坎坎.終無功也.

Lục tam. **Lai chi Khảm Khảm. Hiểm thả chẩm. Nhập vu Khảm lạm. Vật dụng.**

Tượng viết:

Lai chi Khảm Khảm. Chung vô công dã.

Dịch.

Tiểu nhân mà gặp gian nan,

Tiến lui cũng dở, ở càng nguy tai,

Nguy nan chồng chất bên ngoài,

Dẫu rằng vùng vẫy, cũng hoài công toi.

Tượng rằng: *Lên xuống, đều nguy,*

Cố công, rút cuộc ích gì cho cam.

Khi gặp gian nguy trập trùng, tiến lên cũng nguy, lui bước cũng

nguy, thời đừng nên rối rít, đừng nên vọng động, kẻo sẽ nguy khốn thêm.

4. Hào Lục tứ.

六四. 樽酒簋貳.用缶.納約自牖.終無咎.

象曰. 樽酒簋貳.剛柔際也.

Lục tứ. **Tôn tửu quĩ nhị dụng phẫu. Nạp ước tự dũ. Chung vô cữu.**

Tượng viết:

Tôn tửu quĩ nhị. Cương nhu tế dã.

Dịch.

Lòng thành, chén rượu, giỏ cơm.

Đồ sành lại lấy mà đơm, mà mời.

Chuyền qua lỗ cửa dâng người,

Chân thành, đạm bạc, ai cười, ai chê.

Tượng rằng: *Chén rượu, giỏ cơm,*

Cứng mềm, trên dưới, đôi đường giúp nhau.

Đại khái, Hào này nói: lúc hoạn nạn, lúc nguy nan, vua tôi giao tiếp nhau, nên tỉnh giảm lễ nghi hình thức bên ngoài, nên lấy lòng thành khẩn, chân thực, đối đãi với nhau. Lúc hiểm nàn, thời tặng nhau một bầu rượu, vài giỏ cơm, dùng bát đĩa sành, lại đưa qua cửa sổ, cũng vẫn được, miễn là thành khẩn cùng nhau.

5. Hào Cửu ngũ.

九五: 坎不盈.只既平.無咎.

象 曰： 坎 不 盈 . 中 未 大 也 .

Cửu ngũ. Khảm bất doanh. Kỳ ký bình. Vô cữu.

Tượng viết:

Khảm bất doanh. Trung vị đại dã.

Dịch.

Công trình trị hiểm còn vơi,

Nhưng mà hiểm sắp thoát rồi, lỗi chi?

Tượng rằng: *Trị hiểm chưa xong,*

Là vì tài đức chưa trung, chưa tuyền.

Tuy chưa thoát hiểm, nhưng tình thế đã bớt căng thẳng, y như sông Hoàng Hà, ở Long Môn thì nước còn chảy ào ào, nhưng đến bến Mạnh Tân, thì nước đã phẳng lặng hơn, thuyền bè đã có thể qua lại được.

Hào Năm, sở dĩ chưa thoát hiểm, là vì tuy đương sự có tài đức, có ngôi tôn, nhưng vì thiếu hiền thần phụ lực, phò nguy (*Hào nhị cũng là Dương nên không ứng).* Chưa thoát được hiểm, nghĩa là vẫn còn có khuyết điểm, hoặc về chính sách, hoặc về nhân sự, hoặc chưa gặp cơ hội **(Khảm bất doanh. Trung vị đại dã).**

6. Hào Thượng Lục.

上 六： 係 用 徽 . 置 于 叢 棘 . 三 歲 不 得 . 凶

象 曰： 上 六 失 道 . 凶 三 歲 也 .

Thượng Lục. Hệ dụng huy mặc. Trí vu tùng cức. Tam tuế bất đắc. Hung.

Tượng viết:

Thượng Lục thất đạo. Hung tam tuế dã.

Dịch.

Đã thừng, đã chão trói trăng,

Trói rồi, còn đặt giữa vùng góc gai.

Hung mà đến thế, thời thôi.

Ba năm hồ dễ có mòi thoát nguy.

Tượng rằng: *Thượng Lục lầm đường,*

Không theo chính đạo, tai ương bấy chầy.

Ba năm âu cũng đáng đời . . .

Hào 6. Gặp hiểm nguy cùng cực, mà không biết khéo xử, không biết hối quá lỗi lầm, thì làm sao thoát hung họa. Lưới tội khiên lúc ấy như thừng, như chão, trăng trói mình, như gai góc vương mắc mình, nếu không biết tìm đường rũ bỏ, thì làm sao mà chẳng gặp họa hung.

ÁP DỤNG QUẺ KHẢM VÀO THỜI ĐẠI

Quẻ Khảm trước hết có nghĩa là Nước, thứ đến Khảm có nghĩa là nguy hiểm.

1. Khảm có nghĩa là Nước. Dịch dạy ta tiến đức tu thân, bắt chước nước soi mòn vàng đá, và không bao giờ ngưng nghỉ.

2. Khảm có nghĩa là Nguy hiểm. Nói đến nguy hiểm, Dịch dạy ta phải biết dùng mọi nguy hiểm của cuộc đời để bảo vệ mình, bảo vệ Quốc Gia.

Khi có chiến tranh, người ta đào đường, đắp ụ, tiêu thổ kháng chiến, đó là gây khó khăn cho bên địch. Ta thấy trong chiến tranh Trung Nhật, thì chính phủ Tưởng Giới Thạch đã bỏ Nam Kinh, Bắc Kinh, là những nơi gần biển dễ chiếm, mà rút về Trùng Khánh (Vân Nam), là nơi khó khăn, hiểm trở hơn. Còn khi Quốc Cộng Trung Hoa giao chiến, thì Mao Trạch Đông đã chọn vùng Thiểm Tây hiểm trở ở phía Bắc, để làm Thủ Đô.

Ta cũng thấy, trước kia Liên Sô đã biết dùng thời tiết băng giá để chống với đại quân của Napoléon, và Hitler, và đã toàn thắng.

Ở Việt Nam, thời Đệ Nhị Cộng Hòa, chỉ cách Saigon vài chục cây số, tại Củ Chi, Việt Cộng đã đào nhiều đường hầm, nằm ngay dưới các cơ sở Quân đội Cộng hòa và Mỹ. Tuy biết là có, nhưng Việt Nam và Mỹ, không làm sao mà tìm ra cách phá được. Vì thế Việt Cộng gọi Củ Chi là Tường Đồng, Vách Sắt. Mới hay, cái nhìn của người xưa thật là sâu sắc. Người xưa còn dạy ta: Khi gặp nguy cơ, phải bình tĩnh giải quyết thời sẽ thoát hiểm.

Những bài học thực tế trên, có giá trị muôn đời, và bao giờ đem áp dụng cũng thấy hợp thời, hợp thế.

30. 離 為 火 LY VI HỎA

BÁT THUẦN LY

離 原 於 Quái
離 必 有 所 麗 sở lệ.
故 受 之 以 離 Ly.
離 者 麗 也 ã.

Ly Tự Quái

Gian truân nên mới lo phần dựa nương.

Cho nên Ly mới tiếp luôn.

Ly là nương tựa, rõ ràng đâu chơi.

Ly ở nơi quẻ Đơn, có nghĩa là lửa. Nơi quẻ Kép có nghĩa là dựa nương. Ly là dựa nương. Mà điểm tựa của con người là sự trung chính.

Ly trong hư, ngoài cương; trong nhu thuận (Âm), ngoài văn minh, sáng láng. Nếu tâm hồn con người luôn luôn thuận phục luật Trời, luôn luôn dựa nương vào sự công chính, thì sẽ một ngày một trở nên sáng láng. Nếu xét về căn cơ nội tại thì:

*Ly trong có 1 hào Âm, nên chính là Chân Âm, Tượng trưng cho Hồn, cho Tâm (cho lòng người).

*Khảm trong có 1 hào Dương, nên chính là Chân Dương, tượng trưng cho Đạo Tâm, cho Thần (lòng Trời).

(Quẻ Ly đơn, hào giữa là Âm. **Tu luyện là biến Ly thành Kiền = thành Trời,** tức là phải lấy hào Dương của quẻ Khảm đơn, mà

thay thế vào Hào Âm của quẻ Ly, vì Hào Dương của Khảm tượng trưng cho Đạo tâm. Phương pháp này gọi là Dĩ Khảm điền Ly.)

I. Thoán.

離 : 利 貞 . 亨 . 畜 牝 牛 . 吉 .

Thoán Từ.

Ly. Lợi trinh. Hanh. Súc tẫn ngưu. Cát.

Dịch. Thoán Từ.

Nương tựa chính trung, lợi lại hay,

Nhu thuận một lòng sẽ mắn may.

Ví như nuôi được con trâu cái,

Vừa khỏe, vừa ngoan, thật tốt thay.

Ly là dựa nương. Phải dựa nương vào sự **công chính**, mới hay, mới lợi **(Ly. Lợi trinh. Hanh).** Phải thuận phục lẽ Trời, mới tốt đẹp. Giữ tròn được tấm lòng nhu thuận, tuân phục lẽ công chính, cũng ví như nuôi được con trâu cái hiền lành, dễ bảo, như vậy là tốt, là hay. **(Súc tẫn ngưu. Cát).**

Thoán Truyện.

彖 曰 : 離 . 麗 也 . 日 月 麗 乎 天 . 百 谷草 木 麗 乎 土 . 重 明 以 麗 乎 正 . 乃 化 成 天 下. 柔 麗 乎 中 正 . 故 亨 . 是 以 畜 牝 牛. 吉 也 .

Thoán viết.

Ly. Lệ dã. Nhật nguyệt lệ hồ thiên. Bách cốc thảo mộc lệ hồ thổ. Trùng minh dĩ lệ hồ chính. Nãi hóa thành thiên hạ. Nhu lệ hồ trung chính. Cố hanh. Thị dĩ súc tẫn ngưu. Cát dã.

Dịch. Thoán rằng:

Ly là bám víu dựa nương,

Dựa nương, bám víu, lẽ thường đôi nơi.

Kim ô, ngọc thỏ, nương Trời,

Muôn loài thảo mộc, chẳng rời đất đai.

Quân thần,trung chính chẳng ngơi.

Thuần phong, mỹ tục khắp nơi thịnh hành.

Thuận theo trung chính, thời hanh,

Như nuôi trâu cái, tốt lành mấy mươi.

Ly là dựa nương. Đó là định luật của Trời đất.**(Ly lệ dã).** Nhật Nguyệt tinh cầu dựa vào Trời. Cỏ cây dựa vào Đất **(Nhật Nguyệt lệ hồ Thiên. Bách cốc thảo mộc lệ hồ thổ).** Vậy trong một xã hội, mà vua tôi, trên dưới đều dựa nương vào sự công chính, thì sẽ cải hóa được thiên hạ, sẽ đem được vạn dân tới chỗ tinh thành **(Trùng minh dĩ lệ hồ chính. Nãi hóa thành thiên hạ).** Nếu lòng con người, mà luôn luôn thuận phục Thiên lý, luôn luôn bám víu, luôn luôn dựa nương vào sự công chính, thì hay biết bao nhiêu **(Nhu lệ hồ trung chính. Cố hanh. Thị dĩ súc tẫn ngưu cát dã).**

Như vậy, **Thoán** đã dạy con người phải bám víu vào sự công chính mới là quý; chớ đừng nên bám vào tiền tài, chức vị, tha nhân, vì tất cả những thứ đó đều là phù du, ảo ảnh.

II. Đại Tượng Truyện.

象 曰 : 明 兩 作 離 . 大 人 以 繼 明 照 于 四 方.

Tượng viết. **Minh lưỡng tác Ly. Đại nhân dĩ kế minh chiếu vu tứ phương.**

Dịch. Tượng rằng:

Ly là sáng láng liên canh,

Đại nhân cố giữ lòng mình sáng trong.

Sáng soi cùng khắp non sông,

Sáng soi rạng rỡ, khắp cùng bốn phương.

Ly, trên dưới đều là minh, trước sau đều là minh. Người quân tử thấy vậy, nên chau chuốt cho tâm hồn mình, ngày một thêm rạng sáng; để ánh sáng của mình có thể chiếu soi khắp bốn phương. **Kế minh**, chỉ về thời gian, ý nói trước cũng như sau, con người đừng bao giờ quên làm bừng sáng ngọn đuốc thiên chân tiềm ẩn đáy lòng.

III. Hào Từ & Tiểu Tượng Truyện

1. Hào Sơ Cửu.

初 九 . 履 錯 然 . 敬 之 無 咎 .

象 曰 . 履 錯 之 敬 . 以 辟 咎 也 .

Sơ Cửu. Lý thác nhiên. Kính chi. Vô cữu.

Tượng viết:

Lý thác chi kính. Dĩ tỵ cữu dã.

Dịch. Sơ Cửu.

Bỡ ngỡ đưa chân bước vào đời,

Phải nên cẩn trọng, khỏi lầm sai.

Tượng rằng: *Cẩn thận bước đi,*

Cho nên mới tránh được nguy, được lầm.

Hào Sơ bình rằng, tuy Ly là sáng láng, nhưng lúc con người thoạt mới bước chân vào đường đời, thời thiện ác còn hỗn tạp khó phân, cho nên bước đi còn dễ lầm lỗi **(Sơ Cửu. Lý thác nhiên).** Vậy phải biết trang trọng, kính úy, mới tránh được những điều lầm lỗi **(Kính chi vô cữu).**

2. Hào Lục nhị.

六二. 黃離. 元吉.

象曰. 黃離元吉. 得中道也.

Lục nhị. Hoàng Ly. Nguyên cát.

Tượng viết:

Hoàng Ly nguyên cát. Đắc trung đạo dã.

Dịch. Lục nhị.

Văn minh rực rỡ, huy hoàng,

Mà mình trung chính, đàng hoàng tốt thay.

Tượng rằng:

Huy hoàng, rực rỡ mà hay.

Là vì trung chính, thẳng ngay đạo Trời.

Hào hai tiếp tục dạy thêm: Nếu con người biết dựa nương vào sự công chính, tức là điều hay nhất, quí nhất.

Công chính là Thiên lý. Tư tà là nhân dục.

Vậy con người phải sống trong Thiên lý, mới là lý tưởng của cuộc đời. Con người chỉ đạt lý tưởng, khi đắc Trung đạo, tức là khi vào được tâm điểm vũ trụ và tâm hồn mình, thực hiện được Thiên đức, về được chính vị, về được tâm điểm bất dịch của vũ trụ, tức là hòa đồng được với Bản Thể của vũ trụ.

3. Hào Cửu tam.

九三: 日昃之離. 不鼓缶而歌. 則大耋之嗟. 凶.

象曰: 日昃之離. 何可久也.

Cửu tam. **Nhật trắc chi Ly. Bất cổ phẫu nhi ca. Tắc đại điệt chi ta. Hung.**

Tượng viết.

Nhật trắc chi Ly. Hà khả cửu dã.

Dịch.

Mặt trời đã xế ngang đầu.

Sao không gõ chậu, ca âu thanh nhàn.

Đời người còn được mấy gang,

Cái già xộc đến, phàn nàn nỗi chi.

Hào Ba chủ trương, khi đã già, khi mặt trời đã xế bóng, con người nên quẳng bớt gánh lo, thoát ly mọi tần phiền của thế sự, mà sống hồn nhiên trong cái vui Trời. Nếu lúc già cả, mà lòng chưa được an vui, còn xót xa, ta thán, thời khổ biết mấy mươi.

4. Hào Cửu tứ.

九四： 突如其來如.焚如.死如.棄如.

象曰： 突如其來如.無所容也.

Cửu tứ. Đột như kỳ lai như. Phần như. Tử như. Khí như.

Tượng viết:

Đột như. Kỳ lai như. Vô sở dung dã.

Dịch. Cửu tứ.

Từ đâu vụt đến, lố lăng.

Phừng phừng như muốn đốt phăng ngôi rồng,

Hung hăng sẽ bị tử vong.

Mọi người ruồng rẫy, ai dung cho nào.

Tượng rằng:

Từ đâu vụt đến lố lăng,

Mọi người ruồng rẫy, ai dung cho nào.

Ba Hào trước, đều dạy phải bám víu vào sự công chính, không được quá bám vào cuộc đời nhất là khi đã trở về già. Ba Hào sau, ý muốn thiên về nghĩa nóng nẩy hay sáng láng của quẻ Ly.

Hào Bốn là Dương cương, nên nóng nẩy, muốn tiến lên một cách ào ạt **(Đột như kỳ lai như),** phừng phừng như muốn thiêu hủy cả đấng quân vương trên mình **(Phần như).** Làm như vậy, là trái với sự sáng suốt, cho nên sẽ đi đến sự tử vong **(Tử như),** vì mọi người sẽ ruồng bỏ mình **(Khí như).**

Như vậy có **minh triết,** mới bảo thân (Trung Dung XXVII). Còn những người **bạo hổ bằng hà,** thường bất đắc kỳ tử (LN VII , 10; LN XI, 12).

5. Hào Lục ngũ.

六五： 出涕沱若.戚嗟若.吉.

象曰： 六五之吉.離王公也.

Lục ngũ. Xuất thế đà nhược. Thích ta nhược. Cát.

Tượng viết:

Lục ngũ chi cát. Ly vương công dã.

Dịch.

Đầm đìa nước mắt nhỏ sa,

U buồn than thở, rồi ra gặp lành.

Tượng rằng: *Lục ngũ gặp lành,*

Là vì ngôi vị của mình Vương công.

Hào Năm Âm nhu mà cư Dương vị, thế là thất vị, tuy vẫn đắc trung. Đã thất vị, mà dưới lại **không ứng, không có phù ủng** (Hào nhị là Hào ứ**ng** nhưng là Âm nên không ứng), nay lại ở gần kề Cửu tứ là Dương cương, như ngọn lửa phừng phừng bốc cháy lên để thiêu rụi mình, thời có khác nào một vị quân vương, tuy là hiền đức, nhưng đang bị bạo thần lăng bức đâu. Trong trường hợp ấy, nếu biết lo âu **(Xuất thế đà nhược thích ta nhược),** thời cũng là may, bởi vì biết lo họa hung, sẽ tiêu trừ được hung họa **(cát).** Lục ngũ sở dĩ cát, là vì đã được ngôi vị Vương công vậy **(Lục ngũ chi cát. Ly Vương Công dã).**

6. Hào Thượng Cửu.

上 九 :　王 用 出 征 . 有 嘉 折 首 . 獲 其 匪 丑 . 無 咎 .

象 曰 :　王 用 出 征 . 以 正 邦 也 .

Thượng Cửu. **Vương dụng xuất chinh. Hữu gia. Triết thủ. Hoạch phỉ kỳ xú. Vô cữu.**

Tượng viết:

Vương dụng xuất chinh. Dĩ chính bang dã.

Dịch.

Vua dùng chinh thảo cũng hay,

Giết người đầu đảng, tha bầy côn quăng.

Giết, tha, minh bạch đàng hoàng,

Việc mình, ai dám phàn nàn, chê bai.

Tượng rằng: *Vua dụng xuất chinh.*

Cốt là dẹp loạn, trị bình, giang san.

Hào Sáu nói lên sự chinh phạt để đem trị bình lại cho đất nước.

Chu Hi cho rằng Hào Thượng Cửu của quẻ Ly tức là sự cương cường quang minh đã lan tới xa, quyền uy đã chấn động, nhưng hình phạt vẫn không bị lạm dụng, là vì chỉ trừng trị kẻ cầm đầu phản loạn **(Triết thủ)**, còn thì tha cho bọn dư đảng **(Hoạch phỉ kỳ xú).**

ÁP DỤNG QUẺ LY VÀO THỜI ĐẠI

Xưa hay **Nay**, bất cứ ở thời đại nào cũng vậy, loài người khi mới bắt đầu hiểu biết, đã nhận biết được cái gì là đúng, là sai, là hay, là dở. Nhưng dần dần con người va chạm nhiều với xã hội, rồi bị ô nhiễm, bị tư dục làm mờ mắt, nên sự phán đoán, suy xét dần dần lầm lạc, nên con người cứ từ từ bị sa đọa. Nhất là, đà văn minh vùn vụt tiến, con người bị quá nhiều nhu cầu vật chất đòi hỏi, và phải cố đáp ứng nhu cầu cho đầy đủ như: xe hơi, tủ lạnh, bếp ga, máy lạnh v.v... Những thứ này lại còn biết bao thứ bên cạnh nó như: có xe hơi, phải mua bảo hiểm, mua xăng chạy xe, có tủ lạnh thì phải lo tiền điện hàng tháng v.v..., đó là chưa kể thời gian càng văn minh, thì con người làm việc càng như cái máy, do đó cũng cần phải nghỉ ngơi, tẩm bổ cho cơ thể lại sức, nên con người lại cần phải lo kiếm tiền cho nhiều, rồi từ cái này dần đến cái khác, con người bị sa đọa lúc nào không hay, có nhiều lúc bừng tỉnh lại, thấy mình cũng quá đáng, nhưng vì bản năng quá yếu hèn, hoặc nhu cầu vật chất đòi hỏi quá mạnh, nên lương tri chỉ vụt qua, mà không ở lại được.

Nên nếu ta ở vào thời buổi văn minh này, mà ta thắng được vật dục cám dỗ, không để con người ta bị sa đoạ, lỗi lầm, như vậy là ta luôn theo được đường công chính, ngay thẳng. Ngay thẳng từ suy nghĩ tới việc làm, đó là ta đã đi được quá nửa đường của Thánh nhân vậy.

Đến tuổi xế chiều, ta từ từ bỏ bớt công việc ngoài đời, lo việc tu thân, và nên luôn tự hỏi: **Ta là ai? Từ đâu tới?** Và cố gắng trở về nơi cội nguồn của mình một cách tự hào, thanh thản, lo việc giúp người, giúp đời một cách vô tư như mình thở khí Trời vậy, và với nụ cười luôn nở trên môi. Nếu là người có kiến thức sâu rộng, hiểu biết hơn người, nên lo viết sách dạy dân, truyền lại sự hiểu biết cho người đời sau. Đó là ta đã biết đi đúng đường Trời, đó là ta đã có vẻ sáng chung quanh như quẻ Ly đơn vậy.

Còn nếu như ta dùng cái thông minh, tài giỏi của ta, để mưu cầu tư lợi, cưỡng đoạt của người, hoặc hãm hại người để tranh quyền, đoạt vị, thì ta đã đi lầm đường, trước sau gì ta cũng bị suy vong, nếu không thì sẽ bị miệng thế cười chê. Thật không đáng vậy!

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

DỊCH KINH GIẢN LƯỢC

VÀI LỜI NÓI VỀ HAI QUẺ KIỀN KHÔN

1. 乾 為 天 KIỀN VI THIÊN

2. 坤 為 地 KHÔN VI ĐỊA

3. 水 雷 屯 THỦY LÔI TRUÂN

4. 山 水 蒙 SƠN THỦY MÔNG

5. 水 天 需 THỦY THIÊN NHU

6. 天 水 訟 THIÊN THỦY TỤNG

7. 地 水 師 ĐỊA THỦY SƯ

8. 水 地 比 THỦY ĐỊA TỈ

9. 風天小畜 PHONG THIÊN TIỂU SÚC

10. 天 澤 履 THIÊN TRẠCH LÝ

11. 地 天 泰 ĐỊA THIÊN THÁI

12. 天 地 否 THIÊN ĐỊA BĨ

13. 天 火 同 人 THIÊN HỎA ĐỒNG NHÂN

14. 火 天 大 有 HỎA THIÊN ĐẠI HỮU

15. 地 山 謙 ĐỊA SƠN KHIÊM

16. 雷 地 豫 LÔI ĐỊA DỰ

17. 澤 雷 隨 TRẠCH LÔI TÙY

18. 山 風 蠱 SƠN PHONG CỔ

19. 地 澤 臨 ĐỊA TRẠCH LÂM

20. 風 地 觀 PHONG ĐỊA QUÁN

21. 火雷噬嗑 HỎA LÔI PHỆ HẠP

22. 山 火 賁 SƠN HỎA BÍ

23. 山 地 剝 SƠN ĐỊA BÁC

24. 地 雷 復 ĐỊA LÔI PHỤC

25. 天 雷 無 妄 THIÊN LÔI VÔ VỌNG

26. 山 天 大 畜 SƠN THIÊN ĐẠI SÚC

27. 山 雷 頤 SƠN LÔI DI

28. 澤 風 大 過 TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

29. 坎 為 水 KHẢM VI THỦY

30. 離 為 火 LY VI HỎA